VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

nhân quyền và ngoại giao
tuần báo economist
đặc điểm truyện cực ngắn
tạ quốc tuấn
trao đổi thêm cùng ông nguyễn q. tuân
trần văn tích
đêm tưởng là ngày
triệu châu
mùa tang tóc
nguyễn quí đức

truyện
ngô nguyên dũng ● miêng ● võ đình
hoàng bích đào ● ngụ thuyết ● điệp mỹ linh

thơ
nguyễn xuân thiệp ● nguyễn đức thanh ● lâm chương
khoa hữu ● nghiêm xuân hồng ● đặng hiền
vạn giả ● ngu yên ● hồ minh dũng

SỐ 135 ● THÁNG 7 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 135 ● tháng 7, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TUẦN BÁO ECONOMIST	3	nhân quyền và ngoại giao
NGUYỄN XUÂN THIỆP	12	*thảo nguyên*
TẠ QUỐC TUẤN	16	các đặc điểm truyện cực ngắn
NGUYỄN ĐỨC THANH	31	*sông núi*
HOÀNG NGUYÊN NHUẬN	32	một góc trần hồng châu
TRẦN VĂN TÍCH	40	trao đổi cùng ông n. q. tuân
LÂM CHƯƠNG	46	*người di cư...*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	48	điểm tâm ở new york
NGHIÊM XUÂN HỒNG	56	*luân vũ xoay vòng*
VÕ ĐÌNH	57	ôi paris!
MIÊNG	64	hải nữ
ĐẶNG HIỂN	68	*ở đó*
HOÀNG BÍCH ĐÀO	69	lá thư tình không gửi
VẠN GIÃ	73	*tiếng đêm*
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	74	mùa tang tóc
NGU YÊN	89	*kinh nghiệm sau khi sém chết*
VĂN HỌC	90	phỏng vấn điệp mỹ linh
ĐIỆP MỸ LINH	95	dưới bóng cổ thụ
NGỤ THUYẾT	107	đào thoát (tiếp)
KHOA HỮU	122	*thơ gửi người tù t.đ.u.*
TRIỆU CHÂU	123	đêm tưởng là ngày
HỒ MINH DŨNG	129	*uống rượu một mình, và...*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	130	tạp ghi
VĂN HỌC	146	ý kiến bạn đọc
VĂN HỌC	149	hộp thư
VĂN HỌC	150	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư Tòa soạn

Văn Học

Văn Học số tháng này mở đầu bằng bản dịch một bài xã luận quan trọng đăng trên tuần báo Economist ở Anh quốc.

Sự lựa chọn hơi khác thường, nhưng không phải là ngẫu nhiên. Vì lý tưởng nhân quyền, trước khi là chiêu bài chính trị, luôn luôn là mục tiêu hướng tới của mọi sáng tạo nghệ thuật. Sự khác biệt ấy đưa tới sự khác biệt giữ chính trị và văn nghệ trong cái nhìn về con người. Tờ Economist bàn về óc thực tiễn của giới ngoại giao và lý tưởng lãng mạn của giới văn nghệ, sau bao nhiêu dẫn chứng lịch sử, cuối cùng vẫn tin tưởng các cuộc đấu tranh cho nhân quyền sẽ thắng. Văn Học chia sẻ niềm hy vọng ấy với tờ Economist, nên dịch bài báo gửi tới bạn đọc.

Ngoài phần xã luận mở đầu, các tiểu luận kỳ này đều xoay quanh những chủ đề văn chương: Tạ Quốc Tuấn lại bàn về thể loại truyện cực ngắn; Trần văn Tích bàn thêm với nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Quảng Tuân về thời điểm sáng tác Truyện Kiều; Hoàng Nguyên Nhuận viết về nhà thơ Trần Hồng Châu; Triệu Châu điểm cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên.

Phần văn xuôi, trong các đóng góp của Ngô Nguyên Dũng, Võ Đình, Miêng, Hoàng Bích Đào, Điệp Mỹ Linh, Ngự Thuyết, Nguyễn Quí Đức, Văn Học mời bạn đọc lưu ý tới truyện ngắn mới nhất của Nguyễn Quí Đức (Mùa tang tóc).

Phần thơ, ngoài Nguyễn Đức Thanh, Lâm Chương, Nghiêm Xuân Hồng, Đặng Hiền, Vạn Giả, Ngu Yên, Khoa Hữu, Hồ Minh Dũng, có Nguyễn Xuân Thiệp với bài thơ dài mới nhất của anh dành cho Văn Học.

Phần Tạp Ghi của Nguyễn Quốc Trụ, như các số trước, là ghi nhận và suy tưởng của anh về vấn đề thiết thân với văn chương đã được Economist nêu ra bàn: vấn đề nhân quyền.

Xin gửi những đóng góp quí giá của văn hữu bốn phương tới bạn đọc thân yêu!

Nhân Quyền và Ngoại Giao

Đẩy mạnh nhân quyền phải chăng là một mục tiêu chính đáng của chính sách ngoại giao? Lịch sử không đưa lại một câu trả lời nào rõ ràng, nhưng lịch sử quả có ghi dăm bài học cho biết nhiều điều.

"Thật tôi cũng muốn xỉu luôn vì cái Bộ Ngoại Giao hiện nay. Mới hôm nay đây, cái anh chàng nhân viên thật khó chịu "đặc trách" (trời đất ơi) tổ Nam Mỹ của Bộ đến đây để chỉ dẫn tình hình cho tôi trước khi tôi qua Chile. Toàn nói nhảm nhí về Nhân Quyền. Không hề nghe đả động gì đến quyền lợi của Anh quốc, về quan điểm của nước Anh đứng trước thế quân bình ở Tây Bán Cầu, cũng như những triển vọng, những khó khăn bất ngờ, những cơ hội bên ấy."

Một chính trị gia mà lại ăn nói kiểu toạc móng heo như vậy kể cũng ít thấy. Nhưng câu trên đây trích trong nhật ký của Alan Clark, khi ông còn giữ một ghế bộ trưởng trong chính phủ Anh hồi thập niên 80. Ngược lại, có một số người cho rằng đặt vấn đề nhân quyền, có hay ho cho lắm, cũng chỉ là một trò giải trí, ấy là chưa kể đến cái nguy hại là nhân quyền có thể là một trở ngại cho các nhà ngoại giao, xưa nay vốn có nhiệm vụ đẩy mạnh quyền lợi và bảo vệ an ninh của nước mình.

Có một số người đòi các nước Tây phương phải đẩy mạnh vấn đề nhân quyền ở nước ngoài khi trù thảo sách lược ngoại giao. Ai phản đối quan điểm này thường cho rằng hiện nay nhân quyền là một sự ám ảnh - thậm chí, một sự lầm lẫn - chỉ mới xuất hiện từ thời tổng thống Carter. Thật ra, chủ trương đem vấn đề nhân quyền vào chính sách ngoại giao bắt nguồn từ những tư tưởng cổ về quyền của con người và những tư tưởng đó lại được phục sinh hồi thế kỷ thứ 18, trong thời kỳ mệnh danh là Ánh Sáng và trong cuộc Cách Mạng 1789 ở nước Pháp.

Trong quyển *Diplomacy* (Ngoại Giao), ông Henry Kissinger viết: "Chính lòng nhiệt thành với ý thức hệ đã xua quân đội Pháp tràn khắp Âu

Châu dưới lá cờ Tự Do, Bình Đẳng và Bác Ái. Cho nên trong thời hậu chiến lúc đó, các chính khách bảo thủ như bọn ông Castleragh bên Anh, Metternich bên Áo, quyết tâm vãn hồi hòa bình và trật tự. Họ cho rằng hễ khi nào có người tìm cách "xuất cảng nhân quyền" là y như rằng sẽ có một tình trạng khủng khiếp thuộc vào loại chiến cuộc dưới thời Napoléon. Họ lập luận rằng phải duy trì trật tự bằng một thế quân bình thế lực trong đó không một nước nào thách thức tính cách hợp pháp của một nước khác.

Vậy là đến đầu thế kỷ thứ 19, trong vấn đề nhân quyền, có hai phe vụt xuất hiện. Một phe quan niệm rằng khi trù thảo chính sách ngoại giao cần phải đặt nặng vấn đề quyền của con người ở khắp nơi. Phe kia chú trọng việc duy trì trật tự. Và mãi cho đến nay, cả hai vẫn tồn tại. Tạm gọi là phe Tự Do và phe Thực Tế.

Về chính sách ngoại giao phe Tự Do tin rằng cứ mạnh dạn tranh đấu cho nhân quyền dù có phải xía vào nội bộ nước khác, vì họ lạc quan tin tưởng rằng lịch sử đứng về phía " nhân quyền". Họ nghĩ rằng những nước như Anh và Mỹ cần phải mạnh tay mà đẩy lịch sử tới. Một nét đặc thù của phe này là họ không vạch một lằn ranh giới rõ ràng giữa đạo đức cá nhân và đạo đức công cộng. Một điều đã bị xem là trái, thì cả cá nhân lẫn nhà nước đều trái, nếu cả hai đều làm điều đó.

Ở nước Anh hồi thế kỷ thứ 19 người cực lực cổ súy cho quan điểm này là William Ewart Gladstone, lãnh tụ đảng Tự Do. Còn ở Mỹ thì lại có Woodrow Wilson, làm tổng thống từ năm 1912 đến năm 1920. Còn hai ông Jimmy Carter và Ronald Reagan tuy khác nhau về nhiều mặt, nhưng đều cùng thừa kế di sản trí tuệ của tổng thống Wilson. Mà ông Wilson lại vốn tha thiết với đạo đức và nhiệt thành tin tưởng ở vai trò của Mỹ trong việc giám hộ và tranh đấu cho tự do.

Ngược lại, phe Thực Tế lại tỏ ra bi quan về tiến bộ của nhân quyền và họ cho rằng cá nhân có đạo đức của cá nhân, còn quốc gia có luân lý đạo đức của quốc gia. Theo họ, trong bang giao quốc tế, động lực thúc đẩy việc thi hành một chính sách nào đó là quyền lực chứ không phải là một nguyên tắc. Một trong những mục tiêu hàng đầu của các nước là phải cố tránh những cuộc xung đột không cần thiết. Mà chỉ trích nhân quyền tại bất luận một nước nào cũng có thể đưa đến một cuộc xung đột không cần thiết. Vào thế kỷ thứ 19, thủ tướng Bismarck ở Đức và Disraeli (đối thủ thượng thặng của Gladstone), là những người đứng hẳn về phe Thực Tế. Qua đến thế kỷ này ở Mỹ, hai ông Teddy Roosevelt và Richard Nixon là hai tổng thống ngả hẳn về quan điểm Thực Tế. Và có lẽ hiện nay ông Henry Kissinger là người lỗi lạc nhất trong việc áp dụng chủ thuyết Thực

Tế trên chính trường quốc tế.

Hai phe Thực Tế và Tự Do cứ tranh luận mãi về nhiều vấn đề trong số có ba câu hỏi thường vẫn được nhắc đi nhắc lại: Thế nào là đạo đức trong chính sách ngoại giao? Vấn đề nhân quyền phù hợp như thế nào với những mục tiêu khác trong chính sách ngoại giao của một nước? Lịch sử đứng về phía nào : Thực Tế hay Tự Do?

Nếu bạn không đồng ý với một ai về nguyên tắc sản xuất, phân phối hàng hóa sản xuất và tiêu thụ vân vân..., tóm lại, về kinh tế, thì thật ra bạn chỉ mới ngờ vực khả năng suy xét của người đó thôi. Nhưng nếu bạn tranh luận với ai về nhân quyền thì thường tất thế nào bạn cũng đi đến chỗ chất vấn đạo đức của người đó. Ở bên Anh, dưới thời nữ hoàng Victoria, Gladstone là người tiêu biểu cho lòng phẫn nộ đứng trước những điều phi đạo đức trong bang giao quốc tế. Năm 1876, khi xảy ra vụ quân đội Thổ Nhĩ kỳ tàn sát người Thiên Chúa giáo ở Bun-ga-ri, ông đã giận dữ cầm đầu một phong trào kêu gọi các nước châu Âu liên kết để cùng chung hành động ở vùng Balkan. Ông gào lớn: " Không một ai, dù là một kẻ ăn thịt người ở quần đảo Nam Hải, lại không căm phẫn, không sôi gan khi nghe thuật lại những gì đang xảy ra ở Bun-Ga-Ri." Đối với Disraeli, lúc bấy giờ đang lãnh đạo đảng Bảo Thủ ở ghế thủ tướng, thì lập trường của Gladstone là một điều không ai "chịu đựng nổi." Khi nói chuyện riêng, Disraeli gọi Gladstone là một "kẻ khùng vô nguyên tắc." Còn trước công chúng, ông nói rằng theo chỗ ông biết, hành động độc ác nhất ở Bun-Ga-Ri là quyển giác thư của ông Gladstone về tình hình tại đó. Sở dĩ Gladstone có thể khích động công luận như vậy là vì cử tri nước Anh luôn ngại rằng vì chính sách ngoại giao của Anh Quốc mà họ có thể bị xem như đồng lõa với một hành động xấu xa của nước ngoài. Hiện nay, người dân Anh chỉ trích việc Anh Quốc bán vũ khí cho In-Đô-Nê-Xi-A như thế nào (ai lại không biết việc In-Đô-Nê-Xi-A thẳng tay dàn áp dân Timor) thì dưới triều nữ hoàng Victoria họ cũng đặt vấn đề với chính phủ như vậy, đứng trước hành động tàn bạo của Thổ Nhĩ Kỳ.

Giới ngoại giao thời bấy giờ cũng như hiện nay luôn nói rằng họ đặt quyền lợi quốc gia lên trên. Ông Disraeli chủ trương thân Thổ Nhĩ Kỳ cốt là để giảm thế lực của Nga và để bảo vệ quyền lợi của đế quốc Anh. Giữa lúc ấy lại xảy ra một vụ "bật mí" chẳng khác gì những vụ tương tự hiện nay: một bức mật điện của sứ quán Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ bị...xì, khiến dư luận trở nên vô cùng sôi nổi. Nguyên vì trong bức mật điện đó, đại sứ Anh lập luận rằng giữ cho Thổ Nhĩ Kỳ được hùng mạnh là phù hợp với quyền lợi của Anh quốc " còn 10.000 hay 20.000 người có chết đi cũng không có ảnh hưởng chi đến đường lối này cả."

Khi bị chỉ trích, phe Thực tế vẫn phàn nàn rằng áp lực của công luận là một hiện tượng mới. Thật ra, dư luận có công phẫn lúc xảy ra vụ thảm sát ở Bun-Ga-Ri, thì đó cũng không phải là lần đầu mà lòng công phẫn được biểu lộ. Bởi vì trước đó nữa thủ tướng Castleragh đã từng bi phe cấp tiến ghét cay ghét đắng. Hồi đó, thi sĩ Shelley đã viết:

Dọc đường, tôi gặp Sự Tàn Sát
Tàn Sát đeo mặt nạ giống như mặt Castleragh
Ngọt xớt, nhưng mà lại hằm hằm,
Theo sau Tàn Sát là bảy con chó săn mập ú
Có vẻ như đói nhưng mà lại sắp được bữa
Là vì từ trong áo choàng rộng khoác trên người,
Tàn Sát đã móc ra những quả tim người,
Lúc thì một quả, lúc thì hai quả
Mà ném cho bầy chó ấy nghiến ngấu.

Lăng mạ mà độc địa như thế, đời nay vẫn còn kém .

Nhiều người trong phe Tự Do cho rằng Henry Kissinger là hiện thân của chính sách ngoại giao phi đạo đức, cũng như Castleragh đã từng chịu cái tiếng ấy. Dẫu sao thì Kissinger cũng là một trong số rất ít các nhà ngoại giao cố tìm một căn bản đạo đức để giải thích chính sách thực tế. Trong tác phẩm đầu tay, với nhãn quan của một học giả, ông đã tỏ ra thông cảm với chính sách của Metternich và Castleragh trong cố gắng tái lập trật tự ở châu Âu sau triều đại Napoléon. Khi tham chính dưới thời tổng thống Nixon, Kissinger đã lạnh lùng cam kết là sẽ "tẩy sạch mọi tình cảm ướt át ra khỏi chính sách ngoại giao."

Theo Kissinger, hồi thế kỷ thứ 19, để tái lập hòa bình ở châu Âu, Metternich đã căn cứ vào một thế quân bình thế lực và một thỏa hiệp quốc tế trong đó mọi quốc gia đều chấp nhận tính chất hợp pháp của nhau. Kissinger cũng chủ trương tương tự như vậy khi ông tìm cách đấu dịu với Liên Xô mà giảm bớt tình hình căng thẳng của chiến tranh lạnh và nối lại các quan hệ với Trung Quốc. Theo Kissinger thì mối đe dọa quân sự từ phía Liên Xô là chính đáng. Còn Liên Xô đối xử với những phần tử chống đối trong nước họ ra sao thì cũng đáng quan tâm đấy, nhưng thứ yếu. Chính ông là người đã khuyên tổng thống Ford đừng tiếp văn hào Alexander Solzhenitzyn tại Bạch ốc, vì làm vậy có thể khiến cho Liên Xô trở nên thù nghịch.

Kissinger không bao giờ chịu chấp nhận quan điểm cho rằng chính

sách của ông là phi đạo đức, bất luận hiểu theo cách nào. Là vì ông lập luận rằng hòa bình và trật tự là hai điều kiện tiên quyết để thực hiện các mục tiêu đạo đức "bởi vì lý tưởng không thể nẩy nở được nếu cứ luôn có chiến tranh và hỗn loạn." Trong các bài diễn văn cũng như các bài viết, Kissinger thường nhấn mạnh rằng khi trù thảo chính sách ngoại giao của Mỹ, cần phải lưu tâm đến vấn đề nhân quyền, "NHƯNG...".Walter Isaacson, tác giả của một quyển tiểu sử Kissinger, nêu rõ rằng khi mạnh dạn đề cao tầm quan trọng của nhân quyền, thường Kissinger vẫn thòong thêm một câu bắt đầu bằng chữ "NHƯNG."

Dĩ nhiên, trong một nước thấm nhuần những lý tưởng của tổng thống Wilson, thì chả mấy chốc mà bản thân ông Kissinger trở thành một đề tài tranh luận sôi nổi. Khuynh hướng bảo thủ ở Mỹ thì khoái việc ông sẵn sàng dùng sức mạnh để bảo vệ quyền lợi của Mỹ, nhưng lại bực mình khi thấy ông hòa hoãn với Liên Xô. Ngược lại, phe Tự Do lấy làm hài lòng khi ông chủ trương cải thiện các quan hệ với Liên Xô, nhưng lại phản đối việc ông sẵn sàng hậu thuẫn cho một vài chế độ làm họ kinh tởm như chế độ của Quốc Vương Ba Tư, của Augusto Pinochet ở Chile.

Qua đến cái thế lưỡng nan trong chính sách ngoại giao Mỹ hiện nay - chính sách đối với Trung Hoa -Kissinger một lần nữa lại là một khuôn mặt quan trọng (lần này ông đứng trong hậu trường), và một lần nữa, ông chủ trương rằng tạo dựng một loại quan hệ trong đó Mỹ và Trung Quốc có thể ngồi lại với nhau để duy trì một thế quân bình thế lực, quan trọng hơn là đòi Trung Quốc phải cải thiện chính sách nhân quyền. Trước đây, Kissinger từng chủ trương rằng cứ đòi Liên Xô phải cải thiện nhân quyền, nhưng không nên vì vậy mà để cho đối phương bắt bí mà buộc mình nhượng bộ trong chủ trương làm dịu tình hình căng thẳng. Lập trường của Kissinger đối với Trung Quốc cũng tương tự như vậy.

Hiện nay, chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc có vẻ như thiên về chủ trương của Kissinger. Khi mới đắc cử, tổng thống Clinton đã từng cam kết là sẽ cứng rắn với những kẻ độc tài từ "Bagdad đến Bắc Kinh", nhưng nay ông thấy rằng cứng rắn với Trung Quốc về vấn đề nhân quyền khó hơn là ông tưởng. Trước đây, ông đã từng chủ trương dùng vấn đề nhân quyền làm điều kiện mà cò kè với Bắc Kinh về những quyền đặc miễn thương mại dành cho Trung Quốc, nhưng nay trước áp lực của các thương gia Mỹ, ông đã bỏ đường lối đó. Thật ra chính phủ của tổng thống Clinton không muốn nhắc nhở nhiều đến vấn đề nhân quyền cũng không hẳn chỉ vì những suy hơn tính thiệt vặt vãnh. Nhưng chính mối hiểm họa của một cuộc xung đột quân sự, bắt nguồn từ vấn đề Đài Loan, đã khiến cho người Mỹ nghĩ đến cái giá khá đắt mà họ có thể phải trả, và vì vậy mà

họ càng đẩy mạnh những cố gắng thân thiện với Trung Quốc.

Với cái nhìn của phe thực tế thì cái thế lưỡng nan của ông Clinton là một tình trạng không chóng thì chầy cũng xảy ra, vì họ cho rằng kêu gọi tranh đấu cho nhân quyền thì dễ, nhưng có làm được gì không lại khó hơn nhiều. Việc ông Gladstone lớn tiếng kêu gọi Âu châu nhảy vào vùng Balkan vào năm 1876, và những lời hô hào theo kiểu đó trong thập niên 90, thật ra cũng không có hiệu quả mấy. Tình trạng đó dẫn chúng ta đến câu hỏi thứ hai, vốn hằng năm vẫn được hâm nóng: ngoài những mối quan tâm khác của chính sách ngoại giao thì vai trò của nhân quyền như thế nào?

Lịch sử cho thấy rằng những cố gắng nhằm xem nhân quyền như là trọng tâm của chính sách ngoại giao đều thất bại. Có hai tổng thống Mỹ đã từng thiết tha với vấn đề nhân quyền, đó là hai ông Woodrow Wilson và Jimmy Carter. Khi mãn nhiệm, cả hai ông đều thất vọng.

Khi ông Wilson kêu gọi sức hậu thuẫn của nhân dân Mỹ trong quyết định nhảy vào thế chiến thứ nhất, ông cho rằng chiến đấu vì quyền lợi của Mỹ vẫn chưa đủ. Ông còn tin rằng phải chiến đấu để chuyển thế giới thành một chốn an toàn cho dân chủ. Khi thế chiến thứ nhất chấm dứt, ông chủ trương phải xây dựng một trật tự mới trên thế giới, một nền trật tự được đặt lên trên cái lối chia khu vực ảnh hưởng xưa nay của các cường quốc, đồng thời phải xem trọng hơn nữa những điều như an ninh tập thể, dân chủ và quyền tự quyết. Vậy mà ngay cả Arthur Link, một tác giả viết tiểu sử ông Wilson và vốn sẵn thiện cảm với ông, cũng phải viết rằng vì quá tin tưởng vào sức mạnh kỳ diệu của dân chủ mà đôi khi ông Wilson có một lối thẩm định tình hình đầy ảo tưởng để rồi đi đến những giải pháp không thực tế.

Rốt cuộc rồi hồi đó Mỹ không gia nhập hội Quốc Liên, là tổ chức mà ông Wilson cho là then chốt của một trật tự quốc tế mới. Thượng nghị sĩ Henry Lodge, vốn phản đối hội Quốc Liên, đã từng bình luận rằng bản tính con người ra sao thì chính sách của Mỹ phải như vậy, chứ đừng nghĩ rằng con người phải như thế này thế nọ rồi theo đó mà uốn nắn chính sách của Mỹ. Tuy ông Wilson thua cuộc, nhưng chủ trương của ông về việc đẩy mạnh tự do, dân chủ vàu quyền tự quyết cho đến nay vẫn là nét chính trong lối biện thuyết của Mỹ và vẫn còn là một phần - một phần lớn nữa là khác - của chính sách ngoại giao Mỹ.

Kể cũng hiếm thấy những thời kỳ mà vấn đề nhân quyền lại được xem trọng như thời tổng thống Carter. Khi đắc cử vào năm 1976, ông cam kết sẽ đặt nhân quyền lên hàng đầu của chính sách ngoại giao Mỹ (sau thời kỳ toàn thịnh của chủ trương thực tế của Kissinger). Sau đó, ông

Carter đã lạnh nhạt hẳn với các đồng minh có một chế độ độc đoán khá tàn ác, và kết quả là những chính thể độc đoán đó liền được thay thế bằng những chính phủ chống Mỹ một cách điên cuồng ở Iran, ở Nicaragua. Phe Carter đã có thể tự biện minh một phần nào mà nói rằng sở dĩ có những phong trào chống Mỹ là vì trước đó Mỹ sẵn sàng về hùa với những chính thể độc đoán ấy. Nhưng vì nước Mỹ bị làm nhục trong vụ con tin ở Iran và vì sự bành trướng của chính sách phiêu lưu của Liên Xô trong thế giới thứ ba nên dư luận ngày càng tin rằng đem vấn đề nhân quyền làm trung tâm cho chính sách Mỹ chỉ tổ làm cho Mỹ núng thế. Rồi sau đó vào năm 1980 việc ông Ronald Reagan được bầu làm tổng thống có vẻ như là một dấu hiệu cho thấy chính sách thực tế được phục hồi.

Thật ra, đường lối ngoại giao Mỹ dưới thời tổng thống Reagan cho thấy hai điều: thứ nhất, tranh đấu cho nhân quyền ở ngoại quốc không phải là công dã tràng; thứ hai, vẫn có thể đẩy mạnh thế lực, quyền lợi Mỹ mà vẫn không bỏ rơi nhân quyền. Ông Reagan không phải là một người thực tế theo kiểu Kissinger. Tổng thống Reagan đã từng phản đối chính sách giảm căng thẳng (với Liên Xô). Khác với những người thực tế theo kiểu Kissinger, - vốn phân biệt rõ ràng chính sách đối nội và đối ngoại của Liên Xô- ông Reagan chủ trương rằng cả hai điều đó có liên hệ mật thiết với nhau. Chủ trương đạo đức của Reagan đã rõ rệt khi ông gọi Liên Xô là Đế Quốc Ác. Rồi ông quyết tâm dùng các chiến sĩ tự do để dẹp những chính phủ được Liên Xô hậu thuẫn.

Liệu rằng những phần tử được Mỹ ủng hộ hồi đó như nhóm Contras ở Nicaragua, hoặc phe kháng chiến Mujahedeen ở A Phú Hãn có quả là những nhóm thực sự tranh đấu cho dân chủ hay không? Cũng không hẳn. Vì vậy mà có người cho rằng chủ nghĩa Reagan chẳng qua chỉ là lối chính trị phân chia ảnh hưởng, thế lực xưa nay giữa các cường quốc mà ông Reagan đã khéo chuyển nó thành một cuộc thánh chiến. Nhưng vào khoảng cuối nhiệm kỳ tổng thống ông Reagan đã có dịp chứng tỏ rằng Mỹ sẵn sàng tranh đấu cho nhân quyền ngay tại những quốc gia đồng minh hữu khuynh. Năm 1987, áp lực của Mỹ đã góp một phần lớn vào công cuộc dân chủ hóa tại Nam Hàn, một chính thể độc tài và thân Mỹ. Ở Phi Luật Tân cũng vậy, chính phủ Mỹ đã làm cho Ferdinand Marcos hỏng chân hỏng cẳng, dù ai cũng biết là ông chống cộng triệt để.

Chính phủ Reagan nêu rõ rằng tranh đấu cho tự do, mà tranh đấu có kết quả, có thể xem như là nguyên lý cơ bản của chính sách ngoại giao và Mỹ có đủ phương tiện để thực hiện mục tiêu đó. Theo chủ trương Reagan, phương tiện đó là sức hậu thuẫn mà Mỹ dành cho phe chống Liên Xô trong những cuộc xung đột mà Mỹ không trực tiếp tham gia. Trong trường

hợp Nam Phi, những biện pháp kinh tế dùng để trừng phạt chính sách kỳ thị của quốc gia này - chính phủ Mỹ lúc đầu phản đối những biện pháp đó dù tổng thống Reagan có ký tên - cho thấy rằng không cứ phải dùng đến quân lực mới có thể đẩy mạnh nhân quyền ở ngoại quốc.

Khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ tại châu Âu vào năm 1989, chiến tranh lạnh với Liên Xô cũng kết thúc thành thử trên trường ngoại giao, Mỹ tránh hẳn được những tình thế trong đó vai trò đạo đức của mình có vẻ mập mờ. Nói cách khác, nay không còn phải đương đầu với Liên Xô trong một cuộc đấu tranh toàn cầu, Mỹ có thể mạnh dạn hơn khi hậu thuẫn cho nhân quyền ở khắp nơi. Chẳng hạn nay Mỹ không cần phải biện minh khi hậu thuẫn cho một tay độc tài hữu khuynh bằng cách nói rằng: "Hắn có thể là một tên chó đẻ, nhưng mà một tên chó đẻ của phe ta."

Francis Fukuyama, một viên chức trong chính phủ tổng thống Bush được nhiều người biết đến khi ông tiên liệu "tình trạng cáo chung của lịch sử" vì, với sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, các nước được rảnh tay mà chú tâm vào công cuộc xây dựng dân chủ tự do. Cả hai tổng thống George Bush và Bill Clinton cũng đều tuyên bố rằng bành trướng dân chủ là mục tiêu chính của chính sách ngoại giao Mỹ.

Nhưng Tây Phương hiện nay có vẻ như không đạt được mấy tiến bộ trong việc đẩy mạnh nhân quyền ở Trung Quốc, và tình trạng này khiến cho lòng tin tưởng ở chủ trương bành trướng dân chủ đã có phần nhụt. Để tránh bị chỉ trích, các viên chức trong chính phủ Clinton nay nói rằng với sự bành trướng của tự do kinh tế thì rồi ra sẽ có tự do chính trị ở Trung Quốc. Trên một vài khía cạnh, thì đây là một lối biện minh cho việc án binh bất động trên mặt trận nhân quyền. Nhưng nó cũng phù hợp với lối suy nghĩ của phe Tự Do - mà lâu nay phe Thực Tế vẫn phản đối - và đó là: lịch sử đứng về phía nhân quyền.

Phe Thực Tế thì cho rằng phe Tự Do hơi ngớ ngẩn. Gần đây ông Kissinger viết:" Sự phát triển của dân chủ sẽ luôn luôn là ước vọng chính của nước Mỹ, nhưng cần phải nhận chân những chướng ngại mà Mỹ đang gặp trong giai đoạn hiện nay - có thể xem như giai đoạn của chiến thắng ý thức hệ." Theo ông, đứng trước những khác biệt văn hóa trên toàn cầu, cùng với những cạnh tranh tất phải có tại những trung tâm quyền lực trên thế giới mà lại cứ tin tưởng ở sự phát triển của dân chủ là một ảo tưởng nguy hiểm.

Suốt một khoảng thời gian dài của hai thế kỷ qua, phe Tự Do vẫn tin tưởng ở sự bành trướng tất nhiên của nhân quyền và dân chủ, mà lại có vẻ như chỉ tin tưởng suông vậy thôi, không suy xét kỹ. Nhưng hiện nay, có cái lạ là dường như chính phe Thực Tế lại không chịu nhìn nhận một sự

kiện hiển nhiên : đó là, trong 25 năm qua, dân chủ đã thực hiện được những tiến bộ rộng lớn, gây phấn khởi. Ở châu Âu, các chính thể độc tài đã sụp đổ bên Hy Lạp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong thập niên 70. Đa số các chính thể độc tài ở châu Mỹ La Tinh cũng bay luôn trong thập niên 80. Chủ nghĩa cộng sản hết thời vào năm 1989, chính sách kỳ thị chủng tộc cáo chung ở Nam Phi, tại châu Á chế độ chuyên quyền ở Đài Loan, Nam Hàn nay cũng đã được dân chủ hóa khá nhiều. Thành thử, bất chấp những điều xác nhận của phe Thực Tế, ở đây chúng ta thấy dường như có một chiều hướng.

Thật ra, một trong những bài học của lịch sử cận đại có thể là điều sau đây: vì quá quan tâm đến kiểu chính trị chuyên giữ thế quân bình thế lực mà phe Thực Tế lâm vào cơ nguy xem thường những động lực căn bản trong tiến trình của lịch sử. Xét lại, nhiều quyết định của Kissinger nay dường như bị xem là thiếu khôn ngoan (như việc lạnh nhạt với Solzhenitzyn). Cho nên những ai cho rằng vận động đòi tự do cho tù chính trị là ngớ ngẩn có lẽ nên nghĩ rằng bây giờ là tù chính trị mà có thể sau này là tổng thống: không tin cứ xem trường hợp Nelson Mandela ở Nam Phi và Vaclav Havel ở Tiệp Khắc. Trong một không khí như vậy, tin tưởng ở sự bành trướng của nhân quyền và sẵn sàng tiếp tay cho nhân quyền không hẳn đã là một ảo tưởng của phe Tự Do - mà trái lại, có thể là một điều thực tế lắm chứ.❐

(Tuần báo The Economist, số ra ngày 12 tháng 4 năm 1997)
Nguyễn Phúc chuyển ngữ

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã.

Thảo nguyên

NGUYỄN XUÂN THIỆP

mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
gió thổi chiều xanh trôi với nắng
khoảnh khắc vầng trăng bạc nhú lên
cánh chim theo trăng vào trời rộng
nhà ai đèn lồng soi trước hiên
nhủ thầm nhà ta sau hàng phượng
ta đi năm năm qua thảo nguyên
cảm ơn phút giây đời giao hưởng

mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
bước nhẹ thênh quên thời khổ hạnh
mê con chuồn chuồn đỏ bay ngang
thương bầy dê con trên đồi vắng
gặp trẻ chăn bò đi hát rong
gọi ấu thơ ta mùa hạ sáng
đời trôi đi tưởng đời lặng câm
bỗng tiếng đàn ai trong gió thoảng

hỡi bé lang thang vùng thảo nguyên
như ta ngày xưa thời thơ dại
áo vắt vai đi qua rừng sim
lội trong cỏ may ngập dầu gối
biển cỏ mênh mông sóng dập dờn
hò ơi đong thuyền về bến đợi
cho ta theo nhé về đêm nay
đêm trong nhà xua đêm mát rợi
xin bát canh rau ăn rất hiền
chong ngọn đèn dầu mẹ dệt cửi
đọc chuyện thạch sanh lòng hân hoan
có khi mong được làm thằng cuội

trong giấc ngủ mơ không thấy tiên
chỉ thấy vườn xưa cây chĩu trái
tan mơ mở cửa ra nhìn sao
muôn ánh sao mờ dòng lệ chảy
đêm khuya rì rào trong cây xanh
nghe bên láng giềng gà tre gáy
sáng mai ta bước ra ngoài sân
nhìn quanh hiên rụng dầy hoa bưởi

năm năm ta qua vùng thảo nguyên
đến nay vang vang mùa hạ gọi

mùa hạ cùng ta phơi áo biếc
bên hàng dâu rũ lá mong manh
mùa hạ cùng ta đi hài đỏ
qua cầu tơ liễu nắng vàng trong
mùa hạ cùng ta che nón rộng
xuống đầm nước lục bơi thuyền sen
mùa hạ cùng ta thổi sáo trúc
điều ai lơ lửng mấy tuần trăng
mùa hạ theo ta vào nương bãi
chặt cụm mây vàng hái mật ong
mùa hạ theo ta ra đầu núi
nhìn quanh từng vạt khói bềnh bồng

năm năm ta qua vùng thảo nguyên
nghe mơ hồ ngôi sao biếc gọi

cha đã đi qua vùng thảo nguyên
gió mùa xưa chuyển cơn giông lớn
vang thiên thu chớp bể mưa nguồn
nước vượt bờ trùng khơi nước rộng
hồn cựu kinh thấp thoáng ngọn rừng

dám lưu dân qua miền châu thổ
không tìm đâu thấy một mái làng
thảo nguyên tàn khuya không ánh lửa
rừng mịt mùng muông thú kêu hoang
cha đã đi qua vùng thảo nguyên
những năm ấy trời làm đói khổ
kẻ sống người chết đều trơ xương
lại thêm khắp bốn bề giặc giã
muôn oan hồn không chốn nương thân
phất phơ nơi đầu sông cuối bến
ngày gầy xơ lất phất mưa phùn
đường bạch đương chiều không quán trọ
hành nhân. hành nhân. đêm thu phân
cha trở về trong căn nhà gỗ
trao cho ta chiếc gậy tìm đường
đêm uống trà khan đọc thơ cổ
xót đời qua một tiếng độc huyền

ta đi năm năm qua thảo nguyên
gậy trúc mòn khua kêu đá sỏi
nắng vẫn xanh trên ngọn bạch đàn
mùa hạ đi nhưng thu chưa vội
ta con chim hạc trong thời gian
một đêm cánh sa trên đồng nội
từ đó chung quanh đời bặt tin
kinh chùa Tây phương không vọng lại

mai mốt mẹ qua vùng thảo nguyên
mẹ ánh trăng vàng trong chuyện cổ
lặng soi bên mặt nước hồ gương
đi lang thang qua hàng bia mộ
khi cúi nhìn một cụm hoa lan
thương ơi mắt nhung xưa còn mở

mai mốt chị qua vùng thảo nguyên
như xưa một lần về quê ngoại
ngày reo vui vườn chim bay chim
lòng reo vui reo tà áo lụa
chị gội đầu bằng nước hoa chanh
hương tóc bay sang chiều vời vợi
chị ơi mai qua vùng thảo nguyên
mang cho em một chùm nhãn chín
ôi tình xưa như nhãn và sen
dẫu tình phai khi chưa kịp hẹn
thì khuya sau xin trăng hạ huyền
tiếp truyền đi những lời non biển

mai mốt em qua vùng thảo nguyên
tìm nhau trăng đã về động cổ
tìm nhau tìm nhặt chiếc khăn rơi
tìm nhau khi qua đình ngả nón
tìm nhau khi qua cầu áo bay
tìm nhau đến phai hương tàn lửa
vị quế nồng nghĩa nặng tình sâu
thì em nhé vào ngàn thăm hỏi
lão tiều phu đốt bãi cháy bờ
gã chăn ngan kêu ngoài lau sậy
hỏi thăm từ con hươu con nai
hỏi thăm giọt mưa và ngọn lá
bởi có ta trong mỗi hạt sương
có ta trong từng tia nắng đọi
lời ta trong câu hát nhân gian
kể lể chuyện buồn vui sớm tối
em gom về trao lại cho con
mai sau sông nối xa đời suối
chuyện của người là chuyện dòng sông
bình minh đến mở tung cửa biển

ta đi năm năm qua thảo nguyên

Các đặc điểm của truyện cực ngắn

Tạ-quốc-Tuấn

Trong bài "Thế nào là truyện cực ngắn" (Văn Học, số 126, th. 10/1996), chúng tôi đã trình bày một thể loại truyện rất đặc biệt gần đây được nhiều nhà văn, ngoại quốc cũng như Việt-nam, sử dụng: đó là truyện hết sức ngắn hay cực kỳ ngắn. Tuy nhiên, dù cực ngắn, các truyện thuộc thể loại này không vì thế mà mất đi các yếu tố của thể loại truyện hay tiểu thuyết. Nói cách khác, nó vẫn có đủ bốn yếu tố: khung cảnh, nhân vật, tình tiết, và kết thúc (còn gọi là giải pháp). Chỉ có điều là mỗi yếu tố này lại có một vài đặc điểm khiến cho truyện cực ngắn khác với truyện dài, truyện vừa, hay truyện ngắn. Đó là truyện cực ngắn (a) được đặt vào trong một khung cảnh thôi, trong đó ngoại cảnh được chú trọng nhiều hơn là nội tâm; (b) đưa ra rất ít nhân vật; (c) chứa đựng rất ít tình tiết; và (d) kết thúc rất đơn giản. Ngoài ra, để có thể dùng rất ít lời, ít chữ, truyện cực ngắn phải được viết rất gọn gàng, với những câu văn cô đọng, xúc tích. Trước khi đi xa hơn, chúng tôi xin thưa ngay là vì khuôn khổ của bài báo, đối với các thí dụ đã được đăng trong tạp chí Văn Học chúng tôi chỉ nhắc qua chứ không chép lại nguyên văn, hoặc giả, nếu cần, chúng tôi sẽ chỉ trích dẫn một vài giòng thôi. Đó là các truyện: Chúc Tết của Nguyễn-mộng-Giác; ba truyện của Nguyễn-trung-Hối là Năm Tháng Dài, Theo Ngọn Mây Tần, và Vết Thương; ba truyện của Kinh Dương Vương là Một Người Tuyệt Vọng, Mất Ngủ, và Ngày Trọng Đại; và hai truyện dịch của Võ-đình-Mai là Lỗ Tai Của Người Tình và Vụ Nổ Trong Phòng Khách. Đối với các truyện khác viết bằng Anh ngữ, chúng tôi dẫn toàn văn các truyện in trong tập The World's Shortest Stories (viết tắt là WSS) do Steve Moss biên tập (New Times Press & John Daniel, 1995), vì tất cả các truyện đều rất ngắn (từ 48 đến 56 chữ); còn đối với các truyện khác, vì rất dài (tuy là truyện cực ngắn), chúng tôi chỉ kể tên truyện, tên tác giả, tên tuyển tập và số trang, và chỉ dịch nguyên văn khi thấy rất cần thiết.

I. Truyện Được Đặt Vào Trong Một Khung Cảnh Thôi, Trong Đó Ngoại Cảnh Được Chú Trọng Nhiều Hơn Là Nội Tâm

Tất cả các câu chuyện trong tiểu thuyết dài, vừa hay ngắn đều xảy ra trong một hay nhiều khung cảnh nào đó. Khung cảnh này có thể là ngoại giới mà cũng có thể là nội tâm hay trong trí tưởng. Trái lại, truyện cực ngắn chỉ được dựng trong một khung cảnh thôi, trong đó ngoại cảnh được chú trọng nhiều hơn là nội tâm. Điều này cũng dễ hiểu. Khuôn khổ giới hạn của truyện cực ngắn không phải là hình thức thích hợp cho sự phân tích nội tâm hay trình bày tư tưởng của nhân vật. Vì thế trong truyện cực ngắn, tác giả phải chú trọng nhiều đến việc miêu tả hành động của nhân vật hay bối cảnh đưa đến hành động đó.

Chẳng hạn trong truyện Chúc Tết, Nguyễn-mộng-Giác chỉ miêu tả một người đàn ông gọi điện thoại cho người bạn gái và mượn cớ chúc Tết để ôn lại một kỷ niệm xưa đã làm ông ta đau buồn. Tuy nhiên, dù là nhắc lại cái đau buồn đó, tác giả cũng không hề phân tích tâm trạng của ông ta. Nếu không có câu "mỗi lần làm điều gì khuất lấp, ngực anh bỗng đau nhói" thì chúng ta không rõ tâm trạng của ông như thế nào đối với chuyện đau buồn khi xưa. Rồi đối với việc người con gái cô bạn ông ta để lộ cho thấy ông đang nói chuyện lầm đối tượng, cùng việc chồng của cô bạn cần nhằn nghe thấy trong điện thoại, tác giả cũng không cần trình bày tâm trạng của ông lúc bấy giờ, mà chỉ kết luận là *"Người đàn ông vội vã giấu mảnh giấy ghi mấy con số điện thoại vào túi quần, tim ông đập mạnh, nhưng ông không cảm thấy nhói đau!"*

Truyện Năm Tháng Dài của Nguyễn-trung-Hối chính ra là một môi trường thích hợp để tác giả phân tích nội tâm của kẻ tha hương, nhưng trái lại tác giả từ đầu đến cuối chỉ toàn dùng các hình ảnh bề ngoài để diễn tả cái nội tâm đó. Thực vậy, hình các ngoại vật như rau đay, cà pháo, mồng tơi, giàn bầu nậm, dậu mồng tơi đã biểu hiện tấm lòng hoài hương của cụ Tú, chủ nhân một căn nhà mặc dù tọa lạc ở Hoa-thịnh-đốn, thủ đô của Hoa-kỳ, nhưng lại mang các hình ảnh và màu sắc quê hương Việt-nam. Tuy nhiên, nếu chỉ có thế thôi thì chúng ta chưa thấy được tâm trạng hoài hương lớn mạnh của cụ Tú. Các thứ bề ngoài đó chúng ta có thể thấy ở bất cứ ngôi nhà của người Việt-nam nào tại Hoa-kỳ. Chúng ta phải đợi đến hình ảnh bức chữ lồng kính khung vàng bài Tư Quy của Vương Bột (647-675), một thi sĩ đời Đường bên Trung-quốc, hay những câu như *"Điều đặc biệt nhất, cái điều đã khiến cho không biết bao nhiêu khách tha hương phải rơm rớm nước mắt thương nhớ, là khi họ sửng sốt, rồi mải mê nhìn ngắm cái giàn bầu nậm của cụ Tú,"* hay như *"Có trà lá của cô cháu*

dâu vừa gửi biếu, nước xanh mà đậm đà lắm. Vừa thưởng thức trà, ta vừa ôn chuyện quê hương,"

và nhất là đoạn kết:

"Không thưa thì quý vị cũng đã hiểu tâm trạng của chủ nhân rồi. Đây cũng là tâm trạng chung của những người tha hương chúng ta. Ai cũng đang nghĩ đến một ngày về. Tôi xin đọc bản dịch, rồi xin quý vị nhuận sắc cho." Và cụ Tú đọc, tự nhiên không cần phải hắng giọng. Tiếng bình thường, nhưng nghe như có vị nước mắt:

... Nghĩ muốn về quê, vạn dặm trường!
Huống nữa, gió chiều lồng lộng thổi,
Lá vàng núi núi cánh bay vương.

Hoặc giả như truyện Cô Đơn (Solitaire, WSS, tr. 229) của Marilee Swirczsek sau đây:

"Giam mình trong bốn bức tường nhà giặt, bà ta tống hết lớp quần áo này đến lớp quần áo kia vào chiếc máy giặt không bao giờ biết no cả, và cằn nhằn mỗi phút mất đi. Những chiếc tã sũng nước tiểu, những đôi giày len trẻ con không đi đôi với nhau, những bộ đồ ngủ in hình Người Dơi, những chiếc áo khoác màu hồng, những chiếc áo đá bóng dính đầy cỏ, những đôi bít tất dài đến tận đầu gối, những chiếc khăn choàng mặc làm bếp, những chiếc quần jeans, những chiếc áo len, váy, quần dài.

Cuối cùng gần đây bà ta chỉ phải giặt mỗi tuần một đống ít quần áo thôi. Bà tự hỏi không rõ tại sao ngày tháng lại dài thế."

Tuy muốn nói lên sự cô đơn của một người trước kia phải liên miên làm một việc vất vả và buồn tẻ mà nay vì việc làm ít đi nên cảm thấy ngày tháng quá dài, tác giả không phân tích tâm trạng cô đơn của người đó mà chỉ chú trọng đến ngoại vật thôi cũng đủ diễn tả cái tâm trạng ấy rồi.

Một thí dụ khác là truyện Cách Đây Một Năm (It Was A Year Ago, WSS, tr. 125) của Grace Caguimbaga.

"Một làn gió hiu hiu thổi trong khi Doug đứng nhìn xuống Joey.

"Chào em, Joey," Doug cất tiếng nói.

Cảnh tịch mịch bao phủ lấy hai người.

"Joey, anh xin lỗi em. Anh không có ý muốn như vậy. Anh thực không có ý đâu. À này, Joey, chúc em một mùa Giáng sinh vui vẻ."

Doug đặt một bông hoa hồng lên ngôi mộ Joey rồi cất bước đi.

Chàng hỏi, "Em không bao giờ có thể tha thứ cho anh vì tội lái xe về nhà trong lúc say rượu được hay sao?"

Trong cả bốn câu chuyện này chúng ta không hề thấy các tác giả phân tích nội tâm hay trình bày tư tưởng của các nhân vật mà chỉ chú trọng đến ngoại cảnh của câu chuyện. Tuy nhiên, chúng ta có thể đoán

biết được nội tâm hay tư tưởng của họ qua những ngoại cảnh, những ngoại vật diễn tả trong truyện, hoặc qua hành động của họ.

II. Truyện Đưa Ra Rất ít Nhân Vật

Nhân vật trong một câu chuyện thuộc đủ mọi loại. Đó có thể là một người, một đồ vật, một con vật; nói cách khác, bất cứ một sinh vật hay một bất động vật nào cũng có thể là nhân vật trong một câu chuyện. Tới đây chúng tôi xin mở một dấu ngoặc: danh từ Việt ngữ Nhân Vật dễ gây ra hiểu lầm là chỉ có người mới có thể là nhân vật trong chuyện, tuy rằng trong từ kép Nhân Vật từ tố Vật có thể làm giảm bớt sự hiểu lầm. Ngược lại, từ Anh ngữ *Character* diễn tả chính xác hơn vì nó dùng cho cả sinh vật và bất động vật. Mặt khác, trong Hoa ngữ có hai từ dùng để chỉ nhân vật của một câu chuyện: đó là từ Nhân Vật (giống như từ Việt ngữ) và từ Giác Sắc. Từ Giác Sắc dùng rộng hơn từ Nhân Vật, vì ngoài trường hợp chỉ các nhân vật trong một câu chuyện, một tiểu thuyết ra, nó còn dùng để chỉ các nhân vật trong một vở kịch (trong trường hợp sau này từ Cước Sắc được dùng thay từ Giác Sắc).

Trong khi số nhân vật trong một truyện dài, truyện vừa, hay truyện ngắn không có giới hạn thì truyện cực ngắn lại có rất ít nhân vật, thường chỉ có 1 hoặc nhiều lắm là 2 thôi. Thí dụ: người đàn ông gọi điện thoại trong Chúc Tết, cụ Tú trong Năm Tháng Dài, Trường trong Theo Ngọn Mây Tản, Giang và Sherrie trong Vết Thương, người hốt rác trong Một Người Tuyệt Vọng, chàng và nàng trong Lỗ Tai Của Người Tình, hai cha con trong Vụ Nổ Trong Phòng Khách, hai vợ chồng trong Mất Ngủ, người đàn bà giặt quần áo trong Cô Đơn, Doug trong Cách Đây Một Năm.

Thỉnh thoảng đôi khi có một vài nhân vật khác nhưng họ chỉ là những nhân vật phụ. Chẳng hạn trong Chúc Tết, cô con gái người bạn của người đàn ông nói điện thoại rất lâu với ông ta và ngay cả hai vợ chồng cô bạn nữa, tuy chúng ta biết sự tồn tại của họ qua những mẩu đối thoại nghe thấy trong điện thoại, nhưng vì họ không xuất hiện nên không thể coi là các nhân vật của câu chuyện được. Hoặc giả như người khách và chú bé tiểu đồng trong Năm Tháng Dài, tuy có xuất hiện thực đấy nhưng không thể coi là các nhân vật của câu chuyện được vì họ không thực sự làm một hành động chính nào cả, mà chỉ là những người thụ nhận ý nghĩ (người khách) hay thi hành lệnh (tiểu đồng) của cụ Tú thôi. Cũng thuộc loại này là bà bán trái cây trong Một Người Tuyệt Vọng; là cậu Hoàng, chú Thắng và cô gái điếm trong Mất Ngủ; là hai người đàn bà trong Lỗ Tai Của Người Tình; là chủ nhân trong Vụ Nổ Trong Phòng Khách. Họ hiện diện

để làm bối cảnh hay làm nổi bật sự tồn tại của các nhân vật chính: người hốt rác (trong Một Ngày Tuyệt Vọng), hai vợ chồng (trong Mất Ngủ), chàng và nàng (trong Lỗ Tai Của Người Tình), hai cha con người khách (trong Vụ Nổ Trong Phòng Khách).

Ngoài ra, cũng có truyện tạo cho người đọc cảm tưởng là câu chuyện còn có liên quan tới một số người khác. Tuy nhiên những người đó thực ra chỉ là những cái bóng tượng trưng thôi, chứ không tồn tại, hoặc bởi vì họ không hề xuất đầu lộ diện hoặc bởi vì họ chẳng có một lời nói, một ý nghĩ, hay một hành động trực tiếp nào cả. Đó là trường hợp Thơ, người yêu của Trường, trong Theo Ngọn Mây Tần; Thanh, vợ cậu Hoàng, trong Mất Ngủ, hay Joey trong Cách Đây Một Năm.

Mặt khác, trong truyện dài, truyện vừa, và truyện ngắn, tác giả có thể khai triển các nhân vật qua những chuỗi hành động hay chiều sâu tâm lý, qua những thay đổi theo chiều hướng lên hay xuống xảy ra cho các nhân vật trong khung thời gian hoặc không gian. Trái lại, trong truyện cực ngắn, như đã nói ở đoạn về yếu tố khung cảnh của câu chuyện bên trên, diễn biến nội tâm hay tình trạng tư tưởng, ý nghĩ của nhân vật không có. Ý niệm về nhân vật dường như đã mất hết ý nghĩa, và trong thực tế đã khuất mắt. Hoàn cảnh nhiều khi làm lu mờ nhân vật, điều kiện tiêu biểu thay thế cá tính, đám đông loại trừ cá nhân, v.v.

Trong Chúc Tết, Nguyễn-mộng-Giác không hề nói gì về quá khứ của người đàn ông gọi điện thoại và hầu như cũng không nói gì về ước vọng tương lai của ông ta. Tác giả chỉ nói đến cái liến thoắng của ông và sự bẽn lẽn khi biết người nghe không phải là cô bạn gái mà ông ta chủ tâm nói chuyện với.

Viên Quỳnh-quỳnh trong Lỗ Tai Của Người Tình cũng vậy, chỉ nói đến sự đằm thắm của cặp tình nhân trong hiện tại, mà chẳng hề nói đến quá khứ mối tình của họ cũng như những nguyên nhân làm đổ vỡ mối tình đó trong tương lai kế cận, khiến cho người đọc phải đặt câu hỏi là tác giả chỉ muốn nói đến hiện tại của tình yêu không thôi hay là muốn diễn tả chiều hướng đi tới cuộc tình tan vỡ.

Hơn nữa, trong cả hai truyện này chúng ta thấy các tác giả không hề có đoạn nào phân tích tình trạng tư tưởng hay diễn biến nội tâm của các nhân vật cả. Các nhân vật vì thế dường như chỉ tồn tại để làm ra hành động của câu chuyện thôi, chứ không vì mục đích gì khác.

III. Truyện Chứa Đựng Rất ít Tình Tiết

Tình tiết của một câu chuyện có nghĩa là một việc gì xảy ra, một biến

cố làm nền tảng cho câu chuyện. Chẳng hạn việc một người gọi điện thoại chúc Tết cô bạn gái (trong Chúc Tết), việc người con gái ngoáy tai cho người yêu (trong Lỗ Tai Của Người Tình), việc uống cà phê nhớ lại quê hương và người tình cũ (trong Theo Ngọn Mây Tần), v.v. Tình tiết phần nhiều được diễn tả như là đã hay đang xảy ra, chứ ít khi được diễn tả như sẽ xảy ra, có lẽ vì tương lai bất chắc rất ít ai có thể biết trước sự việc sẽ biến chuyển như thế nào, mặc dù người ta có thể dự tưởng nó được. Hơn nữa, tình tiết có thể biến chuyển nhưng nhân vật thì không nhất thiết phải hành động theo.

Mặt khác, trái với các thể loại truyện khác trong đó tình tiết có thể có rất nhiều và rất phức tạp, trong truyện cực ngắn, tình tiết có rất ít và rất đơn giản, chỉ có một vài, và đôi khi chỉ có một, thôi. Tình tiết trong truyện cực ngắn thường dựa trên một sự kiện, một biến cố, một giai thoại, v.v., vốn là khung của câu chuyện.

Truyện Vết Thương dựa trên một biến cố là khi Giang trở lại thăm ngôi trường cũ đã bắt gặp một khu vườn hồng trong đó các hàng lớp hoa vàng và hoa đỏ mọc xen kẽ nhau như màu quốc kỳ của Việt-nam Cộng hòa. Hình ảnh này gợi nhớ tới quê hương mà Giang xa cách đã 20 năm. Sự nhớ nhung đó gia tăng khi Giang được biết chủ nhân của vườn hồng này có người thương yêu đã tử trận tại Việt-nam và đã trồng hoa như vậy để tỏ lòng quan tâm đến Việt-nam, hơn cả chàng nữa. Từ đó, chàng liên tưởng đến việc 20 năm sau khi bại trận Nhật và Đức đã trở thành hai cường quốc kinh tế thế mà Việt-nam 20 năm sau chiến thắng đã chẳng làm được gì. Như vậy tình tiết câu chuyện chỉ có một nhưng đã diễn biến nhanh một lượt khiến người ta có cảm tưởng là chuyện có nhiều tình tiết.

Cũng theo phương thức này là truyện Năm Tháng Dài. Truyện dựa trên sự kiện ngôi nhà của một người Việt-nam tỵ nạn ở Hoa-kỳ mang rất nhiều hình ảnh biểu hiệu tâm trạng hoài hương của chủ nhân. Sự kiện đó trải ra trước mắt chúng ta theo nhịp độ liên tục và gia tăng, đi từ các tĩnh vật nho nhỏ (rau đay, cà pháo) và tăng dần tới những vật to tát (giàn bầu nậm, dậu mồng tơi), nhưng tất cả chỉ là tĩnh vật chưa tạo cho người ta nhiều cảm xúc mạnh, mà phải chờ tới sự xuất hiện của bức chữ Tư Quy mới thực sự đánh động, khêu gợi tâm tình hoài hương của chủ nhà và người khách, và lẫn cả độc giả nữa.

Một điểm khác đáng nói là tình tiết trong truyện cực ngắn thường không được mô tả tỉ mỉ. Nó có thể chỉ là một ý nghĩ thoảng qua như trong truyện Khu Rừng (The Forest, WSS, tr. 196) của Merrylyn Reynolds-Archambo:

Tận sâu trong rừng, cây cối cao vút trời. Khi tới một con đường dốc

tôi quay người lại nhìn một con hoẵng đuôi trắng uyển chuyển nhảy về phía đỉnh đồi. Bà nội đã có lần gọi đây là Mùa Hươu Cọ. Nhìn thấy một con đi qua người ta biết mình sắp đến lúc đi du lịch.

Tôi ra đi vào một buổi sáng đầy sương, giữa tiếng súng săn. Mùa săn hươu đã bắt đầu.

Nó cũng có thể là một mẩu đối thoại, như truyện Ở Bệnh Viện (At the Hospital, WSS, tr. 194) của Emily Tilton:

"Bà ta cần giải phẫu. Đó là một loại bướu ít thấy."

"Đã có ai cho bà ta hay chưa?"

"Chưa. Chúng ta phải chờ gia đình bà ta tới."

"Không có gia đình đâu."

"Ai cũng phải có gia đình chứ."

"Bà ta không có ... Cơ hội như thế nào?"

"Không khá. 50-50 thôi."

"Đối với bà ta thế là khá rồi."

"Thế hả?"

"Đúng vậy."

"Sao thế?"

"Bà ta tới đây trong một vụ toan tự tử."

Hoặc giả tình tiết của một truyện cực ngắn chỉ là một dòng ký ức, như thấy trong truyện Cho Anh Ta Và Trời Tối Lúc 3 Giờ Sáng (For Him and the 3 A.M. Darkness, WSS, tr. 101) của Kimberley A. Hannah:

"Em đang chìm đây."

"Không đâu. Em đang an toàn mà."

"Em đang rơi."

"Không."

Rồi chúng tôi nằm trong im lặng, tiếng nói của chàng như đang rơi vào vùng âm u vây quanh, vài dặm xa xa, cho đến khi tôi ngủ thiếp đi một lần nữa. Sáng dậy tôi thấy chỉ có mình tôi thôi. Tôi kẹp ống điện thoại trong tay cố tìm lại chàng.

Vì truyện cực ngắn rất ít tình tiết nên nó bao giờ cũng có tính cách khái quát, ít chi tiết. Toàn truyện chỉ như một bức ảnh chụp vội, một cái khung độc nhất, không có việc mô tả tỉ mỉ các chi tiết.

Truyện Chết Vào Buổi Chiều (Death in the Afternoon, WSS, tr. 23) của Priscilla Mintling sau đây là một thí dụ:

"Louie, mày hãy bước ra khỏi đằng sau cái cây đó để tao có thể bắn nát óc mày."

"Anh không có đủ can đảm bóp cò đâu."

"Tao có nhiều can đảm hơn mày có nhiều óc."

"Anh Tony ạ, óc anh có nhiều đậu lạc."
Pằng!
"... và một cái nữa!"
Pằng!
"Louis! Tony! Về ăn cơm."
"Chúng con về đây mẹ."

Câu chuyện này chỉ có 4 chi tiết là: thằng anh bảo thằng em bước ra khỏi đằng sau cây để cho nó bắn (chi tiết 1); thằng em bảo thằng anh không có can đảm bóp cò (chi tiết 2); rồi hai đứa cãi nhau quanh điểm này (chi tiết 3); sau cùng là bà mẹ gọi hai dứa về ăn cơm (chi tiết 4).

Hoặc như là truyện Giấc Mơ (The Dream, WSS, tr. 61) của Sheree Pelleneier:

Khi còn nhỏ cô ta thường mơ thấy chó sói. Trong suốt một năm, đêm nào cũng vậy, lũ chó sói rượt đuổi cô ta. Cô chạy trốn được, không lần nào bị bắt cả. Sau cô gặp một người đàn ông thích đùa rỡn và ưa che trở người. Ông ta có răng bén, lông mượt.

Cô ta vẫn mơ thấy chó sói.

Tuy nhiên giờ đây khi chúng rượt đuổi cô trong giấc mơ thì cô lại chạy với chúng.

Chúng ta thấy có ba chi tiết trong chuyện này: một người thiếu nữ cả năm chỉ toàn nằm mơ thấy bị chó sói rượt đuổi, phải chạy trốn (chi tiết 1); sau cô ta gặp một người đàn ông tuy có răng bén và lông mượt nhưng vui tính và thích che chở người khác (chi tiết 2); từ đó mỗi lần nằm mơ thấy chó sói cô ta lại chạy theo chúng (chi tiết 3).

Rất ít khi chúng ta gặp truyện nào có quá 5 chi tiết. Đó là một trong những lý do làm cho truyện cực ngắn thành công. Hơn nữa, vì số chi tiết rất ít nên độc giả phải tự cung cấp thêm những gì truyện không nêu ra.

IV. Truyện Kết Thúc Rất Đơn Giản

Kết thúc của câu chuyện có nhiều loại. Hơn nữa, nó không nhất thiết phải là một một giải pháp luân lý đạo đức (công lý toàn thắng, tà không thắng chính, hai người yêu nhau nhưng bị hoàn cảnh hay người chia rẽ cuối cùng được đoàn tụ, v.v.). Kết thúc cũng không nhất thiết phải là kết quả của một sự việc hay một biến cố, hoặc là phương thức giải quyết vấn đề trong câu chuyện.

Kết thúc của một truyện cực ngắn có thể là cuối cùng nhân vật chính đã biết được một điều gì, tìm thấy một cái gì, hay đạt được hoặc thất bại không đạt được điều gì, cái gì.

Chẳng hạn trong chuyện Chúc Tết, kết thúc là khi người đàn ông gọi điện thoại chợt nhận thấy mình nói chuyện và thố lộ tâm tình lầm với người con gái cô bạn chứ không phải là với chính cô ta. Hoặc như Viên Quỳnh-quỳnh đã kết thúc truyện Lỗ Tai Của Người Tình bằng việc mối tình của cặp tình nhân đã tan vỡ khiến cho người con gái thù ghét đàn ông và đi đến độ dửng dưng khi hay tin chàng trai đi lấy vợ, mặc dù ý nghĩ chàng từ nay có người vợ phục vụ (ở đây là ngoáy tai) làm cho nàng buồn tái tê. Cũng có thể như truyện Vụ Nổ Trong Phòng Khách kết thúc là việc cô con gái học được một bài học xử thế ở đời là "có những chuyện mình càng biện bác, mình càng giải thích này nọ, người ta càng khó chấp nhận. Mình nói thật chừng nào, nghe càng không thật chừng ấy," chứ không còn cách nào khác.

Một thí dụ khác là truyện Ngửi Thấy Hoa Hồng (Smell the Roses, WSS, tr. 96) của Mary Zender dưới đây đã kết thúc bằng việc người con gái khám phá lý do người con trai hủy bỏ đám cưới.

Vụ cưới xin đã đến giai đoạn cuối. Các thiếp mời đã được gửi đi. Tuy nhiên anh chàng lại có hành động kỳ lạ. Tiếp theo là một vụ cãi nhau. Đoạn anh ta nói là không còn có việc cưới xin nữa và bảo cô nàng hãy đi chỗ khác. Cô viết giấy hủy bỏ lễ cưới mà lệ ướt đầy má.

"Nhưng mà tại sao lại như vậy," cô tự hỏi. "Tại sao?"

Một tuần lễ trôi qua. Rồi một tuần nữa. Cô nhớ anh chàng day dứt, bèn đến gian chung cư nơi anh ta ở và gõ cửa.

Cô nghe thấy tiếng anh chàng nói: "Cưng ơi, cưng ra mở cửa xem ai gọi đó."

Cũng có khi truyện kết thúc mà nhân vật không biết, chẳng tìm thấy hay đạt được cái gì, điều gì cả. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chính độc giả lại là người biết, tìm thấy hay đạt được một cái gì, một điều gì đó. Câu Chuyện Phòng The (Bedtime Story, WSS, tr. 15) của Jeffrey Whitmore sau đây là một thí dụ.

Anh ta vừa bước vào phòng ngủ vừa nói:

"Hãy coi chừng đấy, cưng ạ, súng đã nạp đạn rồi đó."

Lưng cô nàng tựa vào thành giường.

"Súng này để dành cho vợ anh có phải không?"

"Không. Nhiều may rủi lắm. Anh đang thuê một tay sát thủ chuyên nghiệp."

"Thế còn em thì sao?"

Anh chàng cười gượng gạo:

"Dễ thương lắm. Nhưng ai lại ngu đến độ đi thuê một người đàn bà giết đàn ông?"

Cô ta lấy lưỡi liếm môi và nhìn theo nòng súng:
"Vợ anh đó."

Tuy tác giả không nói, qua đoạn cuối cùng truyện này chúng ta cũng có thể biết được rằng vợ người đàn ông đã âm mưu nhờ tay người tình của ông ta giết ông.

V. Truyện Viết Gọn Gàng, Cô Đọng, Xúc Tích

Trong phần giới thiệu tuyển tập *Best Short Shorts*, Eric Berger đặt câu hỏi "What is a short short story?" và tự trả lời là: "Simply, it's a story that comes to the point without wasting words."(1) Lời giải thích này tuy rất giản dị nhưng đã nói lên được một đặc điểm khác của truyện cực ngắn: đó là chuyện đi thẳng vào điểm chính mà không phí lời rào trước đón sau, nghĩa là, như lời Eric Berger, "using little verbal sleights of hand to take us to the end with a hop, skip, and jump."(2) Nói cách khác, truyện cực ngắn được viết rất gọn gàng, cô đọng, xúc tích, dùng ít chữ, ít lời, để diễn tả một ý, một tình trạng, một sự việc, một hành động. Ngoài ra, truyện cực ngắn cũng không cần cả mở đầu và kết luận nữa (đừng lầm với yếu tố kết thúc câu chuyện như nói ở đoạn IV bên trên). Đặc điểm này thấy rõ trong các truyện viết bằng Anh ngữ hay Hoa ngữ hơn là nơi các truyện viết bằng hay dịch sang Việt ngữ, bởi vì, từ pháp, ngữ pháp và cú pháp Việt ngữ nhiều khi làm cho câu văn dài hơn câu văn tương đương viết bằng Anh ngữ hay Hoa ngữ.

Thí dụ truyện viết bằng Hoa ngữ HàiTử Đích La Tập của Lưu Tịnh-quyên (trong tập truyện Tuế Nguyệt Tựu Tượng Nhất Cá Cầu, Nhĩ-nhã, Đài-bắc, in lần thứ 7, 1986, tr. 63-64) gồm 440 chữ. Khi dịch sang Việt ngữ (Lý Luận Của Con Trẻ, Thế Giới Mới, số 194, ng. 11.8.1995, tr. 78) chúng tôi đã cố gắng hết sức không dùng chữ nào thừa, mà vẫn phải dùng tới 468 chữ.

Một thí dụ khác là truyện Bệnh Lịch Gia của Thái Hạo-kỳ (trong nguyệt san Hoàng Quan, số 341, th. 8/1982, tr. 37) gồm tổng cộng 587 chữ. Bản dịch Việt ngữ của chúng tôi (Phiếu Bệnh Lý) phải dùng tới 618 chữ.

Sau đây là vài thí dụ truyện nguyên tác bằng Anh ngữ và bản dịch Việt-ngữ đã dẫn ở những đoạn trên.

Truyện Cho Anh Ta Và Trời Tối Lúc Ba Giờ Sáng, gồm 8 câu. Theo nguyên tác, câu dài nhất có 21 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (1 câu), nhưng khi dịch sang Việt ngữ tuy câu ngắn nhất vẫn có 1 chữ, câu dài nhất có tới 34 chữ.

Tiếp đến là truyện Cô Đơn, gồm có 3 câu, với câu dài nhất có 19 chữ

(2 câu) và câu ngắn nhất 17 chữ (1 câu). Dịch sang tiếng Việt truyện trở thành có 4 câu, với câu dài nhất có 66 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 12 chữ (1 câu).

Truyện Khu Rừng gồm 6 câu, câu dài nhất có 16 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 4 chữ (1 câu). Ngược lại, trong bản dịch Việt ngữ câu dài nhất có tới 23 chữ và câu ngắn nhất 6 chữ.

Trong truyện Chết Vào Buổi Chiều có 11 câu, với câu dài nhất có 15 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (5 câu). Tuy nhiên trong bản Việt dịch mặc dù câu ngắn nhất vẫn có 1 chữ nhưng câu dài nhất có tới 19 chữ.

Truyện Giấc Mơ có 8 câu, câu dài nhất 12 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 3 chữ (1 câu). Trong bản Việt dịch câu dài nhất có 18 chữ và câu ngắn nhất 6 chữ.

Truyện Cách Đây Một Năm gồm 9 câu, câu dài nhất có 11 chữ (2 câu) và câu ngắn nhất 2 chữ (1 câu). Câu dài nhất trong bản dịch Việt ngữ có 25 chữ và câu ngắn nhất 5 chữ.

Toàn truyện Câu Chuyện Phòng The gồm 12 câu, câu dài nhất có 11 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (2 câu). Khi dịch sang tiếng Việt câu dài nhất lại có 15 chữ tuy câu ngắn nhất vẫn có 1 chữ.

Hai truyện có câu ít chữ nhất là truyện Ở Bệnh Viện, gồm 15 câu, trong đó câu dài nhất có 6 chữ (4 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (1 câu) mà bản dịch Việt ngữ trở thành 16 câu, với câu dài nhất 10 chữ và câu ngắn nhất 1 chữ; và truyện Ngửi Thấy Hoa Hồng có 14 câu, với câu dài nhất có 7 chữ (2 câu) và câu ngắn nhất 2 chữ (3 câu), còn trong bản dịch Việt ngữ câu dài nhất có 18 chữ và câu ngắn nhất 2 chữ.

Ngay cả đối với các truyện Việt ngữ mà chúng tôi đã đề cập tới trong bài này, chúng ta cũng thấy có nhiều câu dùng nhiều chữ hơn.

Truyện có câu viết dài nhất là Theo Ngọn Mây Tản của Nguyễn-trung-Hối. Toàn truyện gồm 58 câu, câu dài nhất có 72 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 2 chữ (3 câu).

Tiếp đến là truyện Chúc Tết của Nguyễn-mộng-Giác, gồm 73 câu, với câu dài nhất có 50 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (2 câu).

Truyện Năm Tháng Dài cũng của Nguyễn-trung-Hối gồm 78 câu, trong đó câu dài nhất có 44 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 2 chữ (3 câu).

Tác giả này còn có một truyện cực ngắn nữa là Vết Thương, gồm 76 câu, với câu dài nhất có 43 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (1 câu).

Sau hết, ba truyện cực ngắn của Kinh-Dương-Vương đều có câu tương đối ngắn hơn. Truyện Một Người Tuyệt Vọng, gồm 41 câu, với câu dài nhất có 37 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 2 chữ (3 câu); truyện Mất Ngủ, gồm 88 câu, trong đó câu dài nhất có 30 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1

chữ (12 câu); truyện Ngày Trọng Đại, gồm 63 câu, với câu dài nhất có 29 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (9 câu). Mặt khác, chúng ta thấy là ngay cả những câu đối thoại trong truyện cực ngắn cũng gọn hơn trong các thể loại truyện khác.

Những mẩu đối thoại trong các truyện Ở Bệnh Viện, Cho Anh Ta Và Trời Tối Lúc Ba Giờ Sáng, Chết Vào Buổi Chiều mà chúng tôi đã dẫn trong những đoạn bên trên là những thí dụ điển hình về sự ngắn gọn của những mẩu đối thoại. Sau đây xin kể thêm vài thí dụ khác.

Truyện Giai Đoạn Cuối (The End, WSS, tr. 184) của Charles West chỉ là những mẩu đối thoại hết sức ngắn.

"Anh không có làm mà."
"Có mà."
"Chết rồi hả?"
"Phải."
"Tại sao?"
"Cô ta đã biết."
"Cái gì?"
"Về tôi."
"Nhưng mà cái gì chứ?"
"Việc này."
"Một ngoại kiều hả?"
"Đúng vậy."
"Bây giờ thì sao?"
"Bây giờ đến anh."
"Ồ, không đâu."
"Ồ, có chứ."
"Nhưng mà tại sao?"
"Bởi vì anh biết."
"Nhưng tôi sẽ không ..."
"Muộn rồi."
"...nói..."
"Quá muộn rồi."
"...với ai cả!"
"Đúng vậy."

"... Thưa Đại tá."
"Cái gì?"
"Giai Đoạn Một đã hoàn tất."
"Tuyệt. Tiến hành ngay việc xâm nhập."

"Thưa vâng."

Theo nguyên tác Anh ngữ truyện này gồm có 55 chữ chia ra làm 29 câu, trong đó câu dài nhất có 5 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất chỉ có 1 chữ (13 câu). Trái lại, vì phải giữ đúng cú pháp Việt ngữ nên bản dịch Việt ngữ dẫn trên đã đổi thành 91 chữ trong 30 câu, với câu dài nhất có 6 chữ và câu ngắn nhất vẫn chỉ có 1 chữ thôi.

Một thí dụ khác là truyện Ở Quán Rượu (In The Bar, WSS, tr. 112) của Emily Tilton. Truyện gồm 14 câu, câu dài nhất có 8 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất 1 chữ (4 câu), còn trong bản Việt dịch sau đây chúng ta thấy câu dài nhất có 9 chữ (1 câu) và câu ngắn nhất tuy vẫn chỉ có 1 chữ nhưng số câu loại này lại ít đi, chỉ còn 2 câu thôi.

"Mày hãy chọn con đượi ở đằng cuối đi."
"Không... Tao không muốn nó."
"Sao lại không?"
"Nó trông dần độn thấy mồ."
"Sao mày lại nói vậy?"
"Tao không biết."
"Mày nghĩ là nó phải đáng hơn sao?"
"Phải."
"Thực à?"
"Nhất định rồi."
"Ngoài bốn chục tuổi khó hơn tao tưởng."
"Không, mỗi người có sở hiếu riêng."
"Nếu tao chọn con đó thì sao?"

Muốn viết cho truyện được cực ngắn, tác giả phải lược bỏ chẳng những là những lời dư thừa mà ngay cả chi tiết không thật cần thiết cũng không dùng tới nữa.

Chúng ta hãy lấy truyện Câu Chuyện Phòng The làm thí dụ. Đây là mẩu chuyện đối thoại giữa một cặp tình nhân, tuy nhiên toàn truyện không hề thấy có từ nào chỉ họ là tình nhân cả. Hơn nữa, tuy câu chuyện có dính dáng đến súng nhưng không có từ nào đích thực chỉ súng cả. Độc giả chỉ biết tới nó qua hai từ "loaded" (đã nạp đạn) và "barrel" (nòng súng). Mặt khác, thực ra truyện có liên quan tới hai âm mưu giết người; tuy nhiên chỉ có âm mưu giết vợ là được ám chỉ tới trong những lời đối thoại giữa người chồng và tình nhân của ông ta; trái lại âm mưu thứ hai, giết chồng, độc giả chỉ biết được qua hai chữ cuối cùng là "your wife" (vợ anh) thôi.

Truyện Cách Đây Một Năm không có một chút chi tiết dư thừa nào. Chúng ta biết được là người đàn ông đi thăm mộ người yêu (hay vợ) của mình qua chi tiết ông ta đặt một bông hoa hồng trên mộ người đó, thời

gian thăm mộ qua lời chúc Giáng sinh, và nguyên nhân cái chết của người yêu/vợ qua câu ông ta hỏi tại sao người ấy vẫn chưa tha thứ cho ông.

Tuy nhiên, cũng có một vài trường hợp các câu văn trong một truyện cực ngắn lại rất dài.

Thí dụ chúng ta hãy đọc truyện Vào Đêm Tối (Into the Night, WSS, tr. 31) sau đây của Dick Skeen.

Nhìn, cười, răng, môi, tiếng nói, khiêu gợi, xe hơi, cảm giác, phòng chung cư, tràng kỷ, âm nhạc, khiêu vũ, đèn, uống, ẩm, khô, mềm, chắc, nhanh, chậm, dễ, khó, cẳng, đầu gối, đùi, vai, ngực, ngón tay, mượt, thô, hơi thở, phòng khách, phòng ngủ, buồng tắm, bếp, hầm nhà, giường, gối, khăn giường, vòi hoa sen, thuốc lá, cà phê, bít tất dài, nịt vú, áo đầm, sơ mi, trần truồng, lạch cạch, cửa, chồng, lổm nhổm, giết, quần áo, cửa sổ.

Nếu chúng ta theo lối tính thông thường, một câu chấm dứt bằng dấu chấm (.), thì thấy toàn truyện này chỉ gồm có 1 câu với 54 từ – 35 danh từ, 13 tính từ và 6 động từ –, chứ không có cụm từ hay mệnh đề gì cả, và cũng không có bất cứ một dấu chấm nào hết ngoại trừ dấu phẩy (,), nên nếu không biết chúng ta có thể nghĩ rằng câu này quá dài. Hơn nữa, đây không phải là một khuyết điểm của tác giả, mà chính vì tác giả muốn diễn tả những hành động của một cặp nam nữ (tình nhân? vợ chồng mới cưới?), đêm tối về nhà và vội vã lên giường. Họ đâu có thời giờ nhìn ngắm cảnh vật chung quanh, hay nhận xét, nói chuyện, phân tích tình cảm, v.v., nên không cần đến cụm từ hay mệnh đề. Hơn nữa, các tác động của họ đều rất nhanh và liên tiếp, vì thế chỉ cần một dấu chấm (.) khi hết chuyện là đủ rồi. Tiện đây cũng xin mở một dấu ngoặc: tất cả 54 từ trong nguyên tác đều là từ đơn (simple words), nhưng vì tôn trọng từ pháp Việt ngữ, chúng tôi đã phải dùng tới 28 từ ghép (compound words) – 25 từ ghép gồm hai chữ và 3 gồm ba chữ – và chỉ có 26 từ giữ nguyên là từ đơn thôi.

Một thí dụ khác là truyện Những Điều Ghi Chép Trong Lớp (Class Notes) của Lucas Cooper (Sudden Fiction American, tr. 122-125). Truyện gồm 102 câu, câu ngắn nhất có 1 chữ (2 câu) và câu dài nhất có 31 chữ (1 câu).

Toàn truyện chỉ gồm có một đoạn thôi, không có chỗ nào xuống giòng (xuống hàng) nên trông dài lê thê, khiến cho độc giả phải mệt mắt, nhất là khi truyện được in bằng khổ chữ nhỏ và các giòng sát liền nhau(3). Tuy nhiên, nghĩ lại, chúng ta nhận thấy lối trình bày của tác giả rất hợp lý. Đây không phải là một truyện thông thường, mà là các điều ghi chép của một học sinh hay sinh viên. Các học sinh/sinh viên khi ghi chép lời giáo sư giảng dạy ở trong lớp, họ cứ viết thẳng một mạch những gì nghe được. Cần lắm thì họ chỉ chấm câu thôi, chứ không hề chú ý đến việc xuống

giòng để chia đoạn hay tiểu đoạn cả. Lý do cách viết này cũng rất dễ hiểu. Họ viết cho mình họ đọc hay dùng thôi, chứ không phải để cho người khác đọc hay dùng, nên viết thế nào cũng được. Nếu họ phải chú ý đến việc xuống giòng, phân đoạn, thì sẽ bị mất nhiều thì giờ hơn vì phải tính xem lúc nào cần xuống giòng và chia đoạn hay tiểu đoạn sao cho hợp lý. Khi phải bận tâm như vậy họ sẽ không ghi kịp những lời giáo sư nói ở trong lớp, nhất là đa số giáo sư có thói quen nói rất nhanh.

Hoặc giả như truyện Con Gái (Girl) của Jamaica Kincaid(4). Truyện gồm 52 câu, câu ngắn nhất có 4 chữ (1 câu) và câu dài nhất 32 chữ (1 câu). Chẳng những toàn truyện không hề có chỗ nào xuống giòng mà lại còn giống như truyện Vào Đêm Tối dẫn trên ở điểm không có cả dấu chấm nữa (ngoại trừ khi chấm dứt truyện). Ngoài dấu phẩy ra, chỉ có dấu chấm phẩy để chấm dứt một ý hay một vấn đề hoặc sự việc thôi.

Tuy tác giả không nói, chúng ta cũng có thể hiểu đây là lời một bà mẹ (hay chị) ít học khuyên nhủ, dạy dỗ người con gái (hay em gái) cũng ít học. Điều suy luận này dựa vào một vài từ thô tục của những người vô học hay ít học đã dùng trong truyện và còn dựa cả vào sự kiện là tác giả là một nhà văn nữ xứ Antigua, một quốc gia Nam-Mỹ, chuyên viết về các phụ nữ của quê hương bà. Xứ Antigua không phải là một quốc gia tiến bộ hay phát triển cao và cho tới những năm gần đây đa số người dân Antigua ít học, nhất là phái nữ. Mặt khác, chúng ta biết rằng phụ nữ ít học, nhất lại là phụ nữ Latinas (Ý, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Trung-Mỹ và Nam-Mỹ), khi nói thì nói thẳng một mạch, không có ngừng nghỉ ở chỗ nào, còn nếu viết thì cũng không hề biết chấm câu, xuống giòng, phân đoạn gì cả.

Như vậy, điều chúng ta tưởng là nhược điểm của tác giả lại chính là ưu điểm của bà. Bà đã trình bày đúng lối nói, lối viết của một người đàn bà ít học của quê hương bà. Nếu bà theo các tác giả của các quốc gia tiền tiến Âu-Mỹ mà viết theo đúng ngữ pháp và cú pháp của các ngôn ngữ Âu-Mỹ, điều bà trình bày sẽ không thể phản ảnh trung thực nhân vật được.

Tuy nhiên, các truyện kể trên chỉ là ngoại lệ thôi. Xét một cách tổng quát, đại đa số truyện cực ngắn mà chúng ta đọc được trong các tuyển tập dùng để nghiên cứu vấn đề đều mang đặc điểm là gọn gàng, cô đọng và xúc tích.

Có lẽ cũng vì đặc điểm này của truyện cực ngắn nên nhiều học giả vẫn cho rằng truyện cực ngắn là thể loại truyện rất phổ thông ở Trung-quốc, mặc dù các danh từ Cực Đoản Thiên, Tiểu Tiểu Thuyết, hay Vi Hình Tiểu Thuyết, chỉ mới xuất hiện trong thuật ngữ văn học của Trung-hoa trong một hai thập niên gần đây thôi. Sở dĩ như vậy là vì Hoa ngữ là một ngôn ngữ tự bản thân đã có tính cách gọn gàng, cô đọng, xúc tích hơn đa

Sông núi
NGUYỄN ĐỨC THANH

Chim ngồi nấp dưới cội hoa
Bỗng chiều về tới thối tà nắng bay
Lòng buồn nhu tỉnh nhu say
Quê chù xa lắm, còn dây là nhà

Cột dây núi lại chiều tà
Truọt chân ngã té mất đà nhào lăn
Chiêm bao hồn dụng con trăng
Tỉnh ra sông núi vẫn ngăn đôi bờ

số các ngôn ngữ khác rồi. Tính cách này còn thấy rõ hơn nữa trong Hoa ngữ văn ngôn(5), mà điển hình là các truyện trong tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng-linh.

Nói tóm lại, truyện cực ngắn không hề mất đi một yếu tố cần thiết nào của thể loại truyện hay tiểu thuyết cả. Nó chỉ khác truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn ở chỗ là câu chuyện được dựng trong một khung cảnh thôi, trong đó nội tâm hay tư tưởng không được chú ý cho bằng ngoại cảnh, với số nhân vật xuất hiện rất ít, cũng như tình tiết và chi tiết chi phối câu chuyện được giới hạn đến mức tối đa, và câu chuyện được kết thúc rất đơn giản, đơn giản đến độ thoạt trông người ta có thể nghĩ là câu chuyện không có cả kết thúc. Cũng vì những giới hạn nói trên, truyện cực ngắn bao giờ cũng được viết một cách gọn gàng, cô đọng, xúc tích. ❐

Chú Thích

(1) và (2) Trang đầu sau bìa, không đánh số trang.

(3) ít nhất cũng là theo bản paperback mà chúng tôi mua được.

(4) In trong FLASH FICTION, tr. 123-125 và SUDDEN FICTION INTERNATIONAL, tr 65-66.

(5) Trong bài Bạch Thoại Trong Thơ Mới Trung-Hoa, Văn Học, số 111, th. 7/1995, tr. 3-17, chúng tôi đã so sánh văn ngôn và bạch thoại trong phạm vi thi ca. Đối với văn xuôi, những so sánh này vẫn đúng.

Một góc Trần Hồng Châu

Hoàng Nguyên Nhuận

Vừa viết xong bài Trăm Năm Trường Cũ thì nhận được Văn Học số 128. Đọc bài *Paris Chiều Tái Ngộ* của Trần Hồng Châu tôi phải ngậm ngùi than: "Không lý thầy làm thầy, trò đốt sách!? Chắc phải viết lại cho thầy khỏi buồn với thiên hạ..."

Qua bao thế kỷ, "kinh đô ánh sáng" đã trở thành con tim khối óc của trí thức và văn nghệ sĩ từ nhiều phương trời đến. Không viết bao nhiêu người Việt đã đến đó với thất tình rồi ra đi với khối thất tình lớn hơn. Thế nhưng lớn lên, tôi không nhớ đã được đọc một bài nào về Paris, về Sorbonne làm tôi say mê như khi đọc Quê Hương của Nguyễn Tuân, Bên Hào Vạn Lý của Lê Minh Hoàng Thái Sơn nói về những nơi chốn khác, như Thạch Lam, Nhất Linh hay Hoàng Công Khanh nói về Hà-Nội, như Về Miền Trung của Phạm Duy, Khúc Tình Ca Xứ Huế của Trần Đình Quân. Trừ bài Paris by Night của Jacques Prévert ngày trước. Nhưng Prévert không phải là khách vãng lai của Paris như Nguyên Sa, Cung Trần Tưởng là những kẻ từng có một vài bài thơ về Paris. Và trừ Trần Hồng Châu giờ đây...

Trần Hồng Châu viết đi viết lại bao nhiêu lần về Paris, cái thành phố đồng âm với tên một Hoàng tử trong huyền thoại Hy Lạp đã vì tình ái loạng quạng mà gây ra chinh chiến điêu linh, cái thành phố đã là nơi vang lên những phát súng lệnh long trời lở đất năm 1789, 1794, 1830, 1848 ra hiệu cho Âu Châu và thế giới tiến vào thời hiện đại này. Trần Hồng Châu viết đi viết lại bao nhiêu lần về ngôi trường Sorbonne được Quốc Sư của Louis IX khai sinh như một chủng viện thần học năm 1253 -nghĩa là năm nhà Trần đang chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ, ngôi trường đã trở thành nguồn suối tâm linh của người Pháp và của Trần Hồng Châu- từ bao nhiêu trăm ngàn năm qua nầy... thế mà Paris Chiều

Tái Ngộ sao vẫn mướt, vẫn đậm đà óng chuốt, còn tôi viết về nơi chôn nhau cắt rốn cưu mang tôi từ tấm bé, đã cho tôi một hồn thiêng một ý sống, đã trở thành mật khu tâm tưởng và hoài bão của cả một hai thế hệ chúng tôi thế mà sao vẫn cà rịch cà tang lạt như nước ốc!? Đành phải viết lại thôi, cho khỏi phụ lòng quê hương và chữ nghĩa nhận của thầy. Tâm nguyện như vậy nhưng không biết có làm nổi không...

Trong Thành Phố Trong Hồi Tưởng, Sorbonne chiếm bốn trang rưỡi và Paris cũng chiếm một khoảng không gian tương tự qua bài Tuyết, Giao Hưởng Trắng. Dành trọn chín trang của quyển Atlas tâm tình chỉ dày hơn 170 trang nầy cho Sorbonne và Paris, cũng đủ thấy tâm cảm của Trần Hồng Châu hướng về những nơi nầy nồng ấm đến mức nào. Chưa kể 112 câu của bài Paris Chiều Chia Ly trải đầy chín trang trong tập Nửa Khuya Giấy Trắng. Thế mà bây giờ ông dư sức dành thêm mười chín trang cho Paris Chiều Tái Ngộ mà vẫn làm tôi say mê. Qua cái nhìn viễn tưởng, và vì "kỷ niệm chỉ là hồi quang, là liên tưởng" nên Paris và Sorbonne có thể vẫn luôn luôn mới với Trần Hồng Châu. Nhưng nói được cái cũ một cách mới, lạ lùng hấp dẫn như vậy là điều không phải ai cũng làm được. Đã hẳn, Paris và Sorbonne của Trần Hồng Châu có thể chỉ đánh động mình tôi nên tôi không hề tơ tưởng thiên hạ cũng thích như mình, hoặc tại sao lại không thích như mình!? Cho nên cảm nghĩ của tôi về một đôi điều thầy mình viết ra có thể chỉ là độc thoại...

Từ hồi mới lên trung học, Chu Mạnh Trinh là cơm nguội lúc đói lòng của tôi. Tôi trở về với Chu Mạnh Trinh khi mà chuyện long nhong phá làng phá xóm với mấy thằng bạn cùng lớp bớt quay cuồng thú vị, khi mà Người Nhạn Trắng, Vũng Máu Đào, Thành Sầu Huyết Lệ, Lệ Hằng Phục Thù, Lá Huyết Thư không còn hấp dẫn, khi mà Lê Phong, Dũng và Loan hay Tarzan, Zorro, Roy Roger hay Tin Tin tạm thời không còn quyến rũ. Dù chỉ là bản dịch, bài tựa Truyện Kiều vẫn làm tôi say mê, còn say mê hơn cả những bài thơ đúng nghĩa của ông nữa. Trần Hồng Châu làm tôi liên tưởng đến Chu Mạnh Trinh hay Chu Mạnh Trinh đã mở đường cho tôi yêu thích thơ Trần Hồng Châu sau này?

Trong số sách gối đầu giường của tôi hôm nay có Thành Phố Trong Hồi Tưởng, rồi Nửa Khuya Giấy Trắng, rồi Nhớ Đất Thương Trời. Thành Phố Trong Hồi Tưởng cho tôi biết Trần Hồng Châu là thầy cũ. Cám ơn Châu Văn Thọ đã nối lại duyên văn giữa thầy trò chúng tôi. Dù rằng điều đó không hề ảnh hưởng đến sở thích và bội phục trí thức của tôi hướng về ông từ hồi láng cháng trên ghế nhà trường sau khi xong trung học. Nhân nói về buổi ra mắt tập Nhớ Đất Thương Trời, tờ Người Việt ngày 23-8-1995 bảo ông từng dạy Đại Học Sư Phạm Huế. Không, cả Văn Khoa nữa

chứ! Nhờ vậy mà tôi mới được làm học trò của ông.

Hồi đó, tôi đi học như cóc nằm trong dĩa, giờ nào hấp dẫn, có chuyện đáng học thì đi, không thì vào thư viện hay ôm sách vở tìm nơi am thanh cảnh vắng vừa học vừa mơ mộng. Nhưng giờ "thầy Hoạch" thì không bao giờ chịu bỏ dù đó là giờ dễ bỏ nhất: một hai giờ trưa! Ai đã sống ở Huế thì biết giấc ngủ trưa đối với dân vùng nầy thiêng liêng thúc bách như thế nào.

Tôi quên mất chuyện "thầy luôn luôn đi trễ... tiếng bước chân của thầy lệt xệt như tiếng dép, cà vạt lỏng và lệch..." như Bùi Bích Hà học với thầy bên Sư Phạm nhớ lại. Tôi chỉ nhớ ông có lối dạy chẳng có giấy tờ bài soạn chi cả, và lối nói của ông cũng chẳng trầm bổng mê ly nhưng nếu chịu khó ghi thì sẽ có một bài giảng mạch lạc đầy đủ, đâu vào đấy và rất sâu. Mấy chục năm sau, ông đã tiết lộ đó là cách dạy mà không dạy, vì dạy với ông chỉ là "mời chào viễn du". Sau nầy, tấp tểnh theo dấu chân ông lên bục giảng tôi mới thấy lối mời chào đó đòi hỏi một nội lực trí thức thâm hậu thượng thừa không phải ai cũng có. Và đó là lý do làm tôi phục ông hơn, nhất là khi lũ chúng tôi từng phải xấc bấc xang bang chạy theo các vị thầy dở chứng ngây thơ cả tin về văn và triết cứ nghe thiên hạ nói gì thì cứ lập lại nguyên văn, vào lớp là mở máy như Táo Quân đọc sớ trước Ngọc Hoàng, bất biết học trò mình có ghi có hiểu được gì không, và thảng hoặc dừng lại nghỉ xả hơi để gọi là giảng thêm cho rõ thì lại...lạc đề! Một điều nữa tôi thích là ông không chen điệp khúc "duy linh nhân vị" thời thượng vào bài giảng. Trong chương trình học của chúng tôi, hai thầy khác từ Sài-gòn ra có thái độ tương tự là Lê Tôn Nghiêm và Nguyễn Đăng Thục. Lê Tôn Nghiêm với niềm xao xuyến rất chân thật rất Kierkegaard của một kẻ đang biết mình chọn lầm thiên chức và trong cơn khắc khoải tâm tư đã cho chúng tôi thấy được rất nhiều góc cạnh lý thú của hoàng hôn tư tưởng Tây phương. Nguyễn Đăng Thục như một pháo thủ đứng sau chiến tuyến Tam Giáo - Tam Tài nả đạn thành lũy độc tôn độc thiện để bảo vệ những gia tài tâm linh Đông phương. Nguyễn Khắc Hoạch với cái lãng mạn u hoài rất nghệ sĩ và cái lịch duyệt trí thức của một người đang âm thầm sao xuyến với hiện tại. Đây là bộ ba khoa bảng ít nhiều ảnh hưởng đến con đường dấn thân giải hoặc tôi từng ôm ấp khi bước chân vào ngưỡng cửa đại học.

Tôi thân với thầy Nghiêm, thầy Thục hơn thầy Hoạch một đàng vì giờ ông ít quá, đàng khác vì chưa phát hiện được những tín hiệu đồng thanh đồng tư tưởng khả dĩ triệt được những ngại ngùng phòng vệ nơi tôi... Phải chi tôi biết được thời đó ông đã nhìn chúng tôi như: "Tuổi trẻ Việt Nam, tuổi hai mươi giữa lòng thế kỷ hai mươi! Tội tình gì đâu mà đau

khổ như vậy. Đó là hình ảnh một Jésus trên cây thập tự với sắt máu cùng mình... Tuổi hai mươi trong thập niên sáu mươi..." thì có lẽ tôi đã mạnh dạn gần ông hơn và hưởng dụng được kho tàng trí thức và tâm linh của ông nhiều hơn trong cơn vẫy vùng vươn thoát khỏi những di truyền lịch sử nghiệt ngã đang đè nặng đôi vai, chẹn ngộp trí óc và bóp thắt con tim thế hệ chúng tôi.

Tôi đón nhận Thế Kỷ Hai Mươi của ông như đồ đệ vô danh đón nhận "một lẵng hoa đầu xuân" thầy mình gởi cho. Lẵng hoa đó không tươi mãi được bởi ông không muốn trồng hoa ... nylon hay chơi hoa vải trong khi hoàn cảnh lịch sử quê hương không cho phép những người không chịu sắp hàng được thong dong làm văn học theo sở nguyện. Thế Kỷ Hai Mươi biến mất và những đồ đệ nam nữ của ông lục tục đứa vào quân trường, đứa đi nếm mùi lao lý, đôi đứa phải chạy qua bên kia dù không muốn sắp hàng nhưng chẳng còn cách nào khác hơn vì lũ chúng tôi chỉ có hai đường để lựa chọn hoặc vất vưởng trong đống rác của tư bản rừng rú hoặc chết ngộp trong chiếc lồng đầy hoa vô sản quốc tế... Tôi đã chọn con đường vẫy vùng giải hoặc và lạc mất ông từ dạo đó cho đến khi có duyên may đọc lại văn thơ ông nơi chốn lưu đầy...

Đôi khi tôi tự hỏi vì đâu ngày xưa tôi thích Chu Mạnh Trinh? Câu trả lời lơ mơ là văn thơ của Chu Mạnh Trinh cao sang như một cành lan giữa những luống vạn thọ, như một đoá hải đường trên giàn hoa giấy. Thơ văn của ông quý phái thanh tao chứ không đỏm đang khách sáo; lả lướt sôi nổi nhưng không cợt nhả tầm thường; trang trọng nhưng không đài các; bình dị nhưng không thô tục... Tôi đã tìm gặp Chu Mạnh Trinh nơi Trần Hồng Châu, cũng như nơi Trần Hồng Châu tôi đã tìm gặp một chút Tà Áo Văn Quân của Phạm Duy Nhượng, Nỗi Lòng Ai Có Qua Cầu của Hoài Đồng Vọng, Thần Tháp Rùa của Vũ Khắc Khoan và Bốn Mươi của Mặc Đỗ... Ông không có cái ướt át cách mạng của Màu Tím Hoa Sim hay Tây Tiến, nhưng ông có thừa cái lãng mạn của Đôi Bờ, Màu Thời Gian và Đường Vào Tình Sử, và cái đam mê rất chay tịnh của Ngày Xưa Hoàng Thị. Đọc ông đôi lúc tôi lẩm cẩm tưởng tượng ngòi bút trong tay ông vũ lộng như lưỡi kiếm của D'Artagnan: hào hoa, lả lướt và chính xác. Thơ văn của ông có thể là một chuỗi ngọc quý ỡm ờ trên ngực người đẹp, cũng có thể là những viên bích ngọc hồng ngọc trên vương miện quyền quý. Nguyên Sa bảo ông là loài gấu ngủ trong thạch động chờ mùa đông mới xuất hiện. Tập Nhớ Đất Thương Trời của ông xuất bản năm 1995 cho biết ông không hề có giấc ngủ mùa đông mà là một lãng tử lang thang khắp chốn dùng thơ làm chìa khoá khám phá những thạch động muôn màu của cuộc đời, hoặc một Sisyphus thách thức định mệnh bằng cách chống gậy

dĩ vãng tâm tình tiến tới bằng thơ

Thì ra trọn đời anh vẫn là con tin
Của em
Của thơ
(Ngôn Từ)

Ông tin rằng có thơ là có tất cả, thơ là chiếc đũa thần, là cây đàn lyre trong tay Orpheus. Nhà thơ là kẻ đánh thức Trẻ Tạo khỏi giấc ngủ uyên nguyên và đẩy Trẻ Tạo vào cuộc phong trần vì thoạt kỳ thủy Trẻ Tạo là Ngôi Lời, là Ngôn Từ và nhà thơ là 'người đánh thức ngôn từ'. Trẻ tạo phải chịu ơn nhà thơ vì "Đấng tối cao cũng nhờ lời, trong như suối ngọc, của Bài Thơ, mới thống trị được toàn vẹn'. Đâu đây tôi thoáng thấy cái khí phách của người thơ muốn ngày nào đó sẽ '... đến trước mặt người Thượng Đế' để trả lại cho Thượng Đế viên 'ngọc đau buồn nguyên khối vẫn chưa tan' như Huy Cận có lần phẫn hận mơ ước.

Với Trần Hồng Châu, cuộc đời có lúc như hòn đá triệu triệu tấn trên lưng Sisyphus, nhưng thường thì ông như con chó sói của Vigny dùng thơ tự khóa chặt mồm để có thể cắn răng yên lặng như Phùng Quán

Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.

Thơ với ông là một vũ khí siêu hình, một lối thoát tâm linh như ngôi thạch động của Bồ Đề Đạt Ma. Về điểm này, không biết tinh thần của Xuân Thu Nhã Tập có tơ hào vương vất vào ngòi bút ông không, dù ông chỉ nhắc đến Holderlin, Rilke, dù thi tứ của ông đôi khi làm người ta liên tưởng tới Tagore và T.S. Eliot? Thơ của Trần Hồng Châu có khi là một mật ngữ trên ngưỡng cửa đền Delphi, là bài Hiệp Khách Hành trong truyện Kim Dung, là tiếng 'Mè ơi, Vừng ơi' từ miệng Ali Baba. Ở đây, thơ là bệ phóng huyền nhiệm giúp con người vượt khỏi hấp lực duy lý hay tôn giáo để chứng ngộ hiện hữu như toàn chân toàn thiện toàn mỹ.

Triết lý trong thơ Trần Hồng Châu như chiếc cầu vồng đưa ông vào hội trùng dương của phận người và tâm tư nhân loại, nhưng vẫn không làm ông quên mất ông từ đâu đến và đang đứng ở đâu... Đây là điểm mâu thuẫn rất trữ tình trong thơ văn của ông. Thật vậy, ông thương Paris, mê Sorbonne và làm cho người đọc năm châu lây cái thương mê đó, thế nhưng ông cũng không hề quên rằng ông 'chỉ có một quê hương, một đất mẹ, tâm điểm của mọi tình mến thương, ở mãi tận bên kia đại dương'. Đất mẹ đó biến ông thành kẻ ngoại tình ngay lúc ông đang say đắm nhìn Paris và run run ghì chặt Sorbonne trong vòng tay tái ngộ sau gần nửa thế kỷ nhớ thương xa cách. Paris và Sorbonne chỉ là quê hương thứ hai, quê hương đèn sách không đủ sức hớp hồn ông để ông khỏi phải 'nhớ mặt nước sông

Hương xanh một màu đẹp khó tả, tưởng có lẽ chỉ những người tình học trò mới cảm thông nổi. Tôi nhớ nốt nhạc kỳ diệu là chùa Một Cột, rớt từ trời xanh xuống giữa trái tim Thăng Long. Nở bừng như bông sen ngàn năm. Như một lời nguyện cầu Thiền và Ngộ miên trường. Tôi nhớ dải mây bay, rất hiện hữu mà cũng rất siêu hình, buộc quanh đỉnh Cổ Yếm thuộc dẫy Yên Tử sơn của quê hương tuổi ấu thơ.' Cũng như một tiệm rượu thịt của người Hy-Lạp ở Paris thơm ngon hấp dẫn rệu nước miếng vẫn không làm ông quên 'chả quế của Chợ Hôm Hà-nội hay những hàng giò chả nổi danh ở Đình Bảng, Ước Lễ và Cam Giàng miền đồng bằng sông Hồng'. Cái thế quân bình đậm mầu ngoại tình đó đã cho thấy rõ nội lực tâm linh trí thức của ông, một nội lực ngào ngạt đậm đà như tách trà pha đúng cách, chung rượu cất đúng độ, không tạp nhạp ba rọi như những Lý Toét, Quận Hách, hay những thầy Thông, ông Ký của Tú Mỡ xưa và nay.

Nếu Thành Phố Trong Hồi Tưởng và Nửa Khuya Giấy Trắng là những cành lan, những đoá hải đường ông tặng cho đời như một người dong chơi ta bà trở về thì Nhớ Đất Thương Trời là nơi hong khô một vài chiếc khăn đẫm lệ của một người mà số phận lịch sử bắt phải trở lại trần gian. Bố Nằm Xuống, Saigon : Xe Bus Nội Ngoại Thành, Ngã Ba Sỏi Đá là ví dụ về những dòng thơ vướng bụi trần lụy dày đặc. Nhưng hình như đó cũng chỉ là những lần chớp loáng phẫn hận có đó mất đó vì cuối cùng ông đã tự tìm câu trả lời tại sao có lúc phải khóc hận.

Ngàn năm cho đến bây giờ
Đố ai tính nổi ván cờ tang thương
(Yên Kinh Đạo Trung)

Tâm vóc trí thức và nội lực tâm linh của ông hình như đã không để cho yêu mà thù hận ý thức hệ phù phiếm quấy rầy thương yêu vốn là năng lực huyền nhiệm thường hằng của kẻ có bản lĩnh tràn đầy trong Nửa Khuya Giấy Trắng. Chính trị có thể đàn áp nhà thơ, bỏ tù nhà văn và giết hại nhà triết lý nhưng tiên vàn chính trị vẫn chỉ là tên đầy tớ tư tưởng của thiên hạ và tham lam nông nổi của chính mình. Có lẽ vì vậy mà thơ văn Trần Hông Châu không mất nhiều thì giờ với chính trị dù thời đại của ông là thời đại quay cuồng nghiêng ngửa nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại?!

Chu Mạnh Trinh mê Kiều, Trần Hông Châu mê những người đàn bà xa lạ. Tôi khoái cái cuồng vọng "... Đã toan đúc sẵn lầu vàng chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo hú vía thuyền quyên..." của Chu Mạnh Trinh thế nào thì tôi cũng khoái Trần Hông Châu khi ông hoá thân thành tấm gương cho tôi thấy lại cái tật mê gái vớ vẩn hết thuốc chữa của tôi ngày xưa thế ấy, nhất là khi nghe Trần Hông Châu thú vị kể lể cái

cảnh "chân theo lòng mà người chẳng theo tôi" của ông...

"Trước cửa nhà sách A. Portail, một thiếu phụ tuổi ba mươi trông mòn con mắt của Balzac và Stendhal, tóc xõa ngang vai thành những boucles anglaises xoắn chặt lấy tim người đời, tay trắng muốt, tì mạnh lên bánh lái chiếc Mercedes-Benz đen bóng như chất sơn mài quý báu vừa thành hình trong lòng tay sáng tạo của nghệ nhân... Một thoáng hiện, một lướt nhẹ, nhưng đồng thời cũng là một hiện diện ray rứt, một thôi thúc nồng cháy.

Một làn môi rực thắm san hô... một chiếc áo dài màu lửa đỏ khoan thai bước ra ngoài cánh cửa lớn phòng trà, lầu năm, khách sạn Majestic, trông thẳng ra bờ sông Saigon tàu thuyền ngược xuôi... Chỉ có thế thôi, nhưng qua ánh vàng ly rượu mạch, thơm nức mùi hoa bố tử, khách đã cảm thấy bâng khuâng như nhà thơ tiền chiến:

Người đi môi đỏ như màu áo
Tôi khép lòng trên những cánh thơ.

Có phải đây là hậu thân những nhan sắc thế kỷ trước, những mô hình 'một thương tóc bỏ đuôi gà' với lớp áo xanh đỏ lượt là, 'mớ ba mớ bảy', với sà tích ánh bạc và hộp trầu thơm mùi quế chi của thời oanh liệt những Bình Di đại tướng quân Trương Minh Giảng, những Doãn Uẩn và Thoại Ngọc Hầu? Những người con gái đó, nước non ngàn dặm ra đi, theo chân chồng con vào vùng đất mới, hết đèo Ngang mây phủ, lại cọp Khánh Hoà rồi sấu Đồng Nai..., qua bao thăng trầm, biến đổi, đã thành một nguyên tố của cơ cấu nhân chủng địa phương. Do đó vào đầu thế kỷ, chúng ta mới có con tem, hộp sáp Cô Ba, cô Ba con thầy thông Chánh, đẹp tuyệt vời, với mái tóc búi lật ngược, mượt mà thơm mùi dầu dừa mới thắng. Cộng thêm vào đó là những người con gái chèo xuồng ba lá, mặn mà, sắc sảo của vùng gạo trắng nước trong Vĩnh Long, Sa Đéc, Hậu Giang... Và cuối cùng, lại một lần nữa, lớp lớp 'gái thời loạn' từ miền Bắc, theo sóng biển Đông nườm nượp ra đi trong khước từ, trong nhung nhớ, của thập kỷ 50. Để tất cả những chất tố đó hoà hợp, đan xen nhuần nhuyễn, tạo dựng nên chân dung người phụ nữ Saigon hôm nay..."

Đó là hình bóng giai nhân đã cho Trần Hồng Châu 'một vài phút giây quý báu và hiếm hoi của cõi đời này'. Không biết người Trung Hoa đã phải họa bao nhiêu Mỹ Nữ Đồ mới thu tóm nét đẹp của những tuyệt thế giai nhân? Trần Hồng Châu chỉ cần vẽ hai bức là đủ gom hết cái đẹp của đàn bà Bến Nghé từ xưa đến giờ. Cô đọng đến thế không đẹp sao được, không mê thế nào sao được...!? Dù chỉ là mê hờ như bao người con trai khác ít ra cũng một lần trong đời đã 'ngơ ngẩn trông vời áo tiểu thư' một cách vô duyên ỏm!...

Trần Hồng Châu tỏ ra bản lãnh trong mọi thể thơ từ ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát đến thơ mới, thơ tự do... Ông tỏ ra rất cao tay ấn trong lúc vận dụng ngôn từ, dù cho có lúc muốn trung thành với vần điệu cũng không được vì ý thơ đến nhanh quá, dồn dập quá những khi

Trên màn ảnh ký vãng chập chờn mùa xưa lớp lớp

(Trăng Sao Chuyển Dịch)

Tôi thầm mơ ước một ngày nào đây sẽ được đọc một tác phẩm của Trần Hồng Châu thuần vần điệu như Kiều, như Chinh Phụ Ngâm, hay như Mấy Vần Thơ của Thế Lữ, Động Hoa Vàng của Phạm Thiên Thư, Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên... Nhà thơ sáng giá là kẻ biết nhập thân với vần điệu chứ không phải chà đạp hay lẩn trốn vần điệu.

Đây hình như là thời đại của những người cầm bút mà giá trị thường được đo lường bằng lượng sách in, bằng số bán và những con số trên các giao kèo đặt trước như vẫn thường thấy cho loại văn chương phi cảng, xa cảng, nhà ga, nơi người ta có thể mua đồng thời hoặc chọn giữa một cây cà-rem, một gói kẹo, bao thuốc, một tờ tạp chí lá cải và một quyển sách để làm bạn với mình trên hành trình buồn chán mệt nhọc. Thơ văn Trần Hồng Châu không thuộc loại này và còn lâu mới trở thành loại nầy. Vì thơ văn Trần Hồng Châu là một 'chùm phương thảo' cho người đồng điệu... Đó là điều làm ông luôn luôn vẫn là thầy, và làm những người từng học với ông luôn luôn vẫn thấy ông là thầy..❐

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

*** Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

*** Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

*** Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Trao đổi thêm cùng ông Nguyễn Quảng Tuân

Trần Văn Tích

Đọc *Văn Học* số 131, tôi rất hân hạnh và hân hoan được ông Nguyễn Quảng Tuân trả lời bài viết của tôi trên *Văn Học* số 127. Tôi vốn biết rằng ông Nguyễn Quảng Tuân lớn tuổi hơn mình nên vẫn xem ông là bậc trưởng thượng. Vì thế, đây là một điểm son cho Toà soạn *Văn Học*, tôi rất mừng rỡ thấy đầu đề bài viết của tôi nguyên ở định cảo là *Trao đổi cùng Nguyễn Quảng Tuân* đã được ban Chủ biên tự động sửa lại thành *Trao đổi cùng ông Nguyễn Quảng Tuân*. Sở dĩ tôi không viết chữ *ông* vì nghĩ rằng chúng ta vẫn quen gọi Nguyễn Du, Cao Bá Quát v. v.. Nguyễn Hưng Quốc trên cùng số Văn Học 127 cũng viết *Cái sợ của Võ Phiến* chứ không viết *Cái sợ của ông Võ Phiến*. Nhưng nghĩ lại thấy rằng thêm chữ ông trước tính danh là rất phải và điều nầy chứng tỏ sự tế nhị, tính thận trọng của nhóm phụ trách *Văn Học*.

Trong *Truyện Kiều* do ông khảo đính và chú giải, ông Nguyễn Quảng Tuân viết ở trang 16: *"Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đem chính quyền Truyện Kiều ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về."*

Về phần tôi thì qua bài viết đăng trên *Văn Học* số 127, tôi cũng chỉ muốn trao đổi cùng ông Nguyễn Quảng Tuân là không thể *"đem chính quyền Truyện Kiều ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về."* Có thế thôi. Còn chuyện ông Nguyễn Văn Thắng nói thế này, ông Lê Thước nói thế kia, sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép như vầy như vầy; thì những chuyện đó hoàn toàn không liên hệ gì đến nội dung tôi muốn trao đổi cùng ông Nguyễn Quảng Tuân là, tôi xin nhắc lại một lần nữa, không thể *"đem chính quyền Truyện Kiều ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về."* Cho nên tôi đã tự trách rất nhiều vì mình trình bầy quá vụng về đến nỗi xảy ra chuyện tôi nói gà mà ông Nguyễn lại nói vịt. Bởi vì nếu

trọn bài viết của ông đăng trên *Văn Học* dài chừng ba trang thì ông Nguyễn Quảng Tuân đã dành hơn hai trang để đan cử những cứ liệu sử học và văn học sử liên quan đến thời điểm Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* mà những cứ liệu nầy thì, tôi xin nhắc lại lần thứ ba, không dính dáng gì đến mục đích bài viết của tôi vốn **chỉ** là định thưa với ông Nguyễn Quảng Tuân rằng không thể *"đem chính quyển Truyện Kiều ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về."*

Cũng vì mục đích vừa kể -và chỉ vì mục đích duy nhất ấy mà thôi- tôi đan cử một số câu thơ chữ Hán để nêu ra nhận định rằng Nguyễn Du có thể căn cứ vào các câu thơ chữ Hán đó để viết một số câu thơ chữ Nôm của *Truyện Kiều*, chứ chẳng phải như ông Nguyễn Quảng Tuân nghĩ (tlđd, tr. 23): *"Chính những cảnh thực ấy, ông đã quan sát được lúc đi sứ (...)"*.

Con số *"những cảnh thực"* của *Truyện Kiều* mà ông Nguyễn Quảng Tuân nêu ra trong bài viết của mình và được tôi trích dẫn để trao đổi cùng ông là mười:

- cành lê mùa xuân (câu 41 - 42).
- cây cỏ đổi màu (câu 369 - 370)
- chim cuốc gọi vào hè (câu 1307 - 1308),
- phía thành trên ven núi (không có câu thơ *Truyện Kiều* tương ứng)
- nhớ nhà khi thu về (câu 1119 - 1122)
- cảnh thu (câu 1386),
- lại cảnh thu (câu 1594),
- rừng thu lá đỏ (câu 917),
- rừng phong màu quan san (câu 1520),
- tuyết rơi (câu 1242).

Đối với mười *"cảnh thực"* đó, ông Nguyễn Quảng Tuân qua bài trả lời cho rằng *"Nguyễn Du đã phải trông thấy thực cảnh rồi mới viết ra được"* hai cảnh:

- cảnh thứ nhất ở câu 917,
- cảnh thứ hai ở câu 1520,

Xem ông Nguyễn Quảng Tuân là bậc trên trước và cung kính bất như tuân mệnh nên tôi xin ghi nhận là ông Nguyễn Quảng Tuân nói đúng cho đỡ phải trao đổi thêm, chỉ tổ mất thì giờ và tốn giấy mực. Nhưng đối với tám *"cảnh thực"* còn lại thì xin mạo muội dám thỉnh ý Nguyễn tiên sinh nghĩ sao?

Ông Nguyễn Quảng Tuân lập luận: *"Các câu thơ Kiều mà chúng tôi dẫn ra, ông Trần Văn Tích cho rằng Nguyễn Du đã mượn ý ở các câu thơ chữ Hán của Trung Quốc chứ không phải đã thực sự sáng tác nhân cuộc đi sứ đã mắt thấy tai nghe. Điều nhận xét ấy của ông Trần Văn Tích cũng*

chỉ là suy đoán chứ cũng không thể lấy đâu làm bằng cứ, dù ông có dẫn giải qua cả văn học thế giới ở phần mở đầu."

Đúng là tôi chỉ "suy đoán". Nhưng tôi "suy đoán lý hay vô lý, đó chính là vấn đề và mới là vấn đề. Ông NguyễnQuảngTuân thì cho rằng tôi *"thật là vô lý"*.

Sau đây tôi xin nêu một số điều "suy đoán" trong văn học sử quốc gia và quốc tế và xin bắt đầu bằng vị thạc nho đất Diên hà là người rất ưa "suy đoán", chẳng hạn qua tác phẩm *Kiến văn tiểu lục*.

1) Lê Quí Đôn ở chương *Tùng đàm* "suy đoán" rằng bài văn tế một vị công chúa (hay hậu phi) nhà Nguyên tương truyền do trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đọc trước triều Trung Hoa với câu mở đầu *Thanh thiên nhứt đoá vân* là của Nguyễn Ức đời Tống Chân Tông.

2) Quan bảng nhãn họ Lê ở mục *Thiên chương* còn "suy đoán" rằng hai câu thơ của Vương Duy trong bài *Đằng vương các tự*

Lạc hà dữ cô vụ tề phi
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc
đã có tiền thân là hai câu của Thẩm Ước
Lạc hoa dữ chi cái đồng phi
Dương liễu cộng xuân kỳ nhất sắc.

3) Cũng vẫn ở mục *Thiên chương*, tác giả *Kiến văn tiểu lục* "suy đoán" là chuyện *Việt tỉnh* trong sách *Lĩnh Nam chích quái* vốn được chép trong hai cuốn *Nam Hải cổ tích ký* và *Tài quỉ ký* đời Nguyên đời Tống.

4) Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Văn tịch chí* "suy đoán" rằng khi Đặng Trần Côn viết *Chinh phụ ngâm*, tác giả *đại lược cổ thải Nhạc phủ cập Lý thi dung hội thành thiên* (nói chung lựa những câu Nhạc phủ và thơ Lý Bạch mà hòa hợp thành chương).

5) Nhóm biên soạn *Thơ văn Lý Trần* (Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà nội, tập I, tr. 202) "suy đoán" rằng bài thơ *Vịnh nga* được xem là của sư Đỗ Pháp Thuận *"là phỏng theo bài Vịnh nga của Lạc Tân Vương nhà thơ đời Đường, làm lúc mười tuổi."*

6) Đại đức Tuệ Sĩ "suy đoán" rằng *"trong số bốn mươi bài thơ do Lê Qúi Đôn chép lại trong Kiến văn tiểu lục và nói là của thiền sư Hương Hải thì có đến ba mươi hai bài là của tác giả Trung Quốc đời Tống mà ta có thể tìm lại trong các sách Trung quốc hiện còn."* (1). Riêng đối với bài thơ *Xuân nhật tức sự* thì Đại đức "suy đoán" là không phải của Đại sư Huyền Quang đời nhà Trần mà là của Ảo Đường Trung Nhân, một thiền sư đời Tống. Thật ra nói Đại đức Tuệ Sĩ "suy đoán" là không đúng, ông còn lớn mật hơn, ông dám cả gan viết chắc như đinh đóng cột là bài thơ đó *"rõ ràng"* là của ... Tàu.

7) Nhiều người biết rằng bài ca dao quen thuộc

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

là do một tác giả vô danh Việt Nam dịch từ bài *Mẫn nông* của Lý Thân đời Đường. Tất nhiên đây cũng chỉ là "suy đoán".

8) William D. Borrowes (2) "suy đoán" theo kiểu vơ đũa cả nắm rằng *the greatest of the T'ang poets, such as Li Po, Tu Fu, Kao Shih and Po Chu-I, to shose works allusions are constantly made by our author* (chỉ Đặng Trần Côn, TVT) *never hesitated to take and rework an old theme, and the constant reoccurence of the same ideas and symbols was completely accepted in ancient Chinese poetry, particularly that of the classical period.*

9) Giới nghiên cứu văn học Pháp "suy đoán" rằng ngụ ngôn La Fontaine thường lấy đề tài từ Esope, họ cũng "suy đoán" rằng *Le Cid* của Corneille là hậu thân của truyện kể *El Cid* Tây Ban Nha, *La Chanson de Roland* được "suy đoán" là có những dị bản tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hoà lan, tiếng Cát-ti-dan, tiếng La tinh. Người Đức cũng "suy đoán" rằng *Faust* của Goethe có gốc nguồn từ truyền thuyết dân gian ghi trong *Volksbuch* v.v...

10) Raymond Decesse và Henri Godard trong *XIXe Sciècle, Documents* (Bordas, Paris, 1991, p.261) "suy đoán" rằng hình tượng lưỡi liềm để chỉ mặt trăng trong mấy câu thơ hoa lệ của Victor Hugo ở bài *Booz endormi (Légende des siècles):*

Quel dieu, quel moissonneur de l'éternel été
Avait, en s'en allant, négligemment jeté
Cette faucille d'or dans le champ des étoiles.

là mượn (emprunté) của Louis Bouilhet:

Quand, pareilles aux blés murs,
Des étoiles toutes blondes,
Ont couvert des cieux obscurs
Les solitudes profondes,
La nuit se met en chemin,
Moissonneuse à la peau brune,
Qui, pour faucille, à sa main,
Tient le croissant de la lune.

11) Cá nhân người viết bài này cũng mang cái tật ưa "suy đoán". Chẳng những "suy đoán" về một số câu thơ *Truyện Kiều* để trao đổi với

ông Nguyễn Quảng Tuân, tôi còn "suy đoán" nhiều điều khác và đã cho đăng tải trên báo chí hay in thành sách, ví dụ:

- đôi câu đối liên hệ đến Mạc Đĩnh Chi do Vũ Phương Đề ghi lại trong *Công dư tiệp ký* là của vua tôi nhà Minh và được Kim Dung vận dụng trong *Anh hùng xạ điêu*;

- mười bài thơ cô Kiều làm trong giấc mộng gặp Đạm Tiên chính là những bài *từ* theo mười điệu khác nhau;

- nhân vật được Thái Thuận trân trọng gọi là *ông Trần ở Ngọc Tái* trong *Kim Hoa thi thoại ký* (*Truyền kỳ mạn lục*) có nhiều phần chắc là Trần Huyền (hay Hoành), tiến sĩ khoa Đinh Mùi 1487;

- Lục Vân Tiên là nạn nhân thể loại *psychogenic blindness*, Phan Huy Chú chắc bị *arthrose tibio-tarsienne post-traumatique gauche*, Cao Bá Quát có lẽ bị phì tuyến tiền liệt v.v...

Tất cả những điều vừa nêu, và chắc chắn vẫn còn rất nhiều nhiều điều nữa (vì đương nhiên tôi chẳng thể nào đọc hết các tài liệu nghiên cứu văn học sử trên thế giới và tại nước nhà), đều là "suy đoán". Từ Lê Quí Đôn qua Phan Huy Chú cho đến các tác giả Âu Tây chẳng ai đưa ra được "bằng cứ" theo kiểu thừa phát lại lập vi bằng bắt quả tang mà chỉ biết và chỉ có thể "suy đoán". Vấn đề, như đã nói, chính là "suy đoán" hợp lý hay "thật là vô lý".

Bài viết của tôi chỉ đề cập đến những câu thơ của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* mà ông Nguyễn Quảng Tuân đan cử nhằm "đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về". Và mục đích bài viết của tôi, xin nói lại lần này nữa là lần thứ tư, là muốn trình cùng ông Nguyễn Quảng Tuân là không thể làm như vậy tức là không thể "đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về." Những lý do vì sao không thể làm như vậy thì tôi đã nêu rõ trên *Văn Học* số 127. Thế mà ông Nguyễn Quảng Tuân lại cho rằng tôi chủ trương *"bất cứ câu thơ nào của Nguyễn Du hay của một nhà thơ Việt nam nào khác* (cũng đều) *bắt buộc phải phỏng theo một câu thơ cổ của Trung Quốc"*! Rồi ông trách cứ tôi *"vô tình đã phủ nhận tài năng sáng tác của tổ tiên chúng ta"*.

Tôi không hề nói rằng bao nhiêu văn vần thơ phú của ta bằng chữ Nôm chữ Hán đều hoàn toàn chỉ là kết quả của sự bắt chước người Tầu dẫu rằng bắt chước trong nghệ thuật là chuyện thường tình. Ngay Aristote đã quan niệm nghệ thuật là hình thái hoạt động nhận thức kết quả của sự "bắt chước" thực tại, là *mimésis*, chữ Hy lạp được Aristote sử dụng trong *Thi pháp*. Nhưng các nhà thơ, nhà văn Việt nam, đâu có vay mượn đề tài

hay ý tứ ở văn học Trung hoa khi sáng tác lục bắt hay thơ Đường, thơ cổ phong, khi điển từ thì chư vị vẫn giữ được nhãn hiệu của cá tính và của dân tộc. Vả lại dùng lời thơ, tứ thơ của một người nào đó, theo quan niệm của cổ nhân, là tỏ lòng ngưỡng mộ người đó. Cha ông có bắt chước nhưng không có bắt chước mù quáng, cha ông có vay mượn nhưng luôn luôn có sáng tạo. Đó chẳng qua chỉ là chuyện rất quen thuộc trong văn học. Mấy câu thơ của Victor Hugo chứng tỏ tài năng sáng tạo tuy có mang dáng dấp các câu thơ của Louis Bouilhet. Tất nhiên Nguyễn Du cũng vậy. Valéry từng bảo: *Rien de plus soi que de se nourrir d'autrui. Le lion est fait de mouton assimilé.* Ông Hàn người Pháp thật đáng đánh đòn vì đã "vô tình phủ nhận tài năng sáng tác của tổ tiên" và Académie Francaise thì thật là hồ đồ khi đón nhận Valéry làm thành viên, còn cả chính phủ lẫn dân tộc Pháp thì chẳng biết nghĩ sao mà lại tổ chức quốc táng cho nhà thơ thuở sinh thời từng "vô tình phủ nhận tài năng sáng tác của tổ tiên" Gô-loa.

Tôi hiểu ý ông Nguyễn Quảng Tuân, như ông viết ở đoạn cuối bài trả lời trên *Văn Học* số 131: ông *"chỉ cốt chứng minh là Đại Nam chính biên liệt truyện và Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền đã chép đúng là Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều sau khi đi sứ về, không có sự sai lầm gì cả."* Nhưng ông chứng minh bằng cách gì? Bằng cách "đem chính quyển *Truyện Kiều* ra chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về"; mà việc nầy theo tôi là một *mission impossible.*

Văn Học số 131 đến tôi ngày 10.03.97. Thoạt đầu tôi không định trao đổi thêm cùng ông Nguyễn Quảng Tuân. Vì nếu tôi nói là không thể "đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về" như ông Nguyễn Quảng Tuân muốn thì ông Nguyễn lại nói chuyện khác, ông viện dẫn *Đại Nam chính biên liệt truyện* cùng *Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền* để nói là Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ nhà Thanh về. Thật chẳng thể nào trật đường rầy hơn nữa.

Nhưng tôi vẫn hy vọng, dầu rất mong manh, có thể thuyết phục được ông Nguyễn Quảng Tuân là ông không thể "đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về" như ông nghĩ. Cho nên tôi mới có can đảm viết bài này.❐

(1) Lê Mạnh Thát. Trao đổi ý kiến về tác giả bài thơ *Xuân nhật tức sự. Văn học* số 35, tháng 1.88 đăng lại (tr.55 - 58)

(2) William D. Borrowes. *Chinh Phu Ngam or Lament of a warrior's wife.* Translated from the Annamese of Doan Thi Diem. *Asiatische Studien.* Hamburg. 1955 p.72-94.

Người di cư
mang bốn ngàn năm lịch sử

LÂM CHƯƠNG

phía trước tôi
con đường cứ lớn dần lên
lớn dần lên xa lạ
khi tôi đến
thời gian quá trễ
những con tàu siêu tốc hướng tương lai
đã khởi hành từ bao năm trước

tôi là người khách cô đơn
lạc giữa thành phố lớn
hành trang tôi là tục ngữ ca dao
là tập quán từ ngàn xưa để lại
mang trong lòng hình ảnh cha ông
sống lặng lẽ như nhà hiền triết
đêm chiêm bao
còn thấy ngôi chùa cổ
ông sư già
tiếng chuông khuya gọi hồn tỉnh thức
còn thấy con trâu cái cày thuở trước
cánh đồng mùa khô nứt nẻ
khu rừng chưa kịp hồi sinh
của một thời tàn phá
bàn chân tôi
chưa sạch mùi bùn
của những ao đầm kênh rạch
da tôi vàng sốt rét kinh niên
mang chứng tích một quê nhà thương khó

tôi bỏ lại đằng sau
bóng tối đêm dài trùng tu của mộ
những người chưa kịp sống hôm nay
đã muốn đầu thai kiếp khác

những bức tường mọc lên vội vã
che cái nghèo trong nỗi oan khiên

tôi bỏ lại đằng sau
lối quanh ngõ tắt đường mòn
xẻ dọc núi rừng ám chướng
quỷ thần di bệnh dịch báo điềm
trăm họ kinh mang co mình run sợ
nghe thuyết giảng tín điều dối mới
lấy khẩu hiệu làm kinh nhật tụng
ma đói kêu rên
người nằm trong đất không yên
phá mả tìm vàng
cạy nắp áo quan
huyệt sâu chấn động hồn thiên cổ
gỗ đá còn đau nhức tới xương

tôi bỏ lại đằng sau
biết bao điều chưa nói hết
biết bao điều dân gian truyền khẩu
không sách sử nào ghi

tôi như nước bỏ nguồn tuôn ra biển lớn
không kịp ngoái nhìn
tôi đã mất tăm
giữa dòng cuồng lưu thế kỷ

phía trước tôi
con đường cứ lớn dần lên
lớn dần lên xa lạ
những con tàu vũ trụ hôm nay
không có chỗ dành riêng
cho người khách mang theo bốn ngàn năm lịch sử

về đâu
tôi biết hội nhập về đâu
thế giới kinh mang đầy dị biệt.

Điểm tâm ở Nữu Ước

Ngô Nguyên Dũng

Đông và Thảo vừa bước ra khỏi phòng thì trời rắc mưa nhẹ. Thảo chặc lưỡi:

–Lúc nãy nắng còn le lói.

Đông đùa:

–Thời tiết xứ này không có phái tính, lúc đực lúc cái, khó lường.

Thảo thở ra:

–Trời tháng tư mà anh.

Hai người men theo hành lang hẹp, ra bãi đậu xe. Mưa như rẩy bụi lên những chòm cây, không đủ ướt khoảng sân tráng nhựa. Đông bảo Thảo đứng chờ dưới mái hiên, chàng sẽ lái xe tới. Thảo nép người vào vách tránh mưa. Một cơn gió hắt ngang, mang theo những hạt nước bám lên ống quần nàng. Thảo nhìn xuống. Bàn chân nhú móng hồng ra mũi giày hở. Những ngón chân mà Đông thường khen đáng yêu và ngọt như mật. Thỉnh thoảng chàng lại kề môi lên. Chợt Thảo sững người nhớ tới chiếc dép con đứt quai cầm tay, ngồi khóc lặng lẽ trong góc tối vo ve muỗi. Một con đậu lên lưng bàn chân. Bé Thảo nín thở chờ cho nó hút máu no nê mới nhẹ tay đập. Xác muỗi dập máu loang ra lòng tay, trên mu bàn chân. Thảo ngửi mùi máu tanh lợm, lòng dấy lên cảm giác khó tả. Chiếc dép mẹ mới mua, Thảo không nhớ đã nghịch ngợm thế nào, làm đứt quai, bị phạt quì trong góc nhà.

Đôi dép cao su nhiều màu bỗng nhiên hiện ra trí Thảo trưa này. Chiếc bóng quá khứ còn lẽo đẽo. Méo mó, không toàn vẹn. Nó gợi trong lòng Thảo nét mặt cực kỳ hốt hoảng của người đắm thuyền, ngoi ngóp hai bàn tay chòi vẩy vô vọng trên mặt nước. Thỉnh thoảng, chiếc bóng lại trở về đè nặng giấc mơ nàng.

Đông chở Thảo ra phố dạo ngắm. Thảo không có ý mua sắm gì.

Ngang qua một văn phòng du lịch, Đông níu Thảo dừng lại. Thảo thắc mắc:

–Anh định đi đâu à?

Đông chỉ vào bảng quảng cáo của một hãng hàng không, cười:

–Không, thấy lời quảng cáo hay hay.

Thảo nhẩm đọc: "Điểm tâm ở Nữu Ước, dạo phố ở Paris hay ăn tối ở Hương cảng. Chúng tôi sẽ đưa các bạn tới đó", rồi ngần ngừ:

Lúc này em không muốn đi đâu.

–Em không thấy, "điểm tâm ở Nữu Ước" là chuyện lãng mạn trưởng giả sao?

–Anh làm em nhớ tới cuốn phim "Breakfast at Tiffany".

–Cái đó là lãng mạn tiểu thuyết. Anh không phải là chàng văn sĩ nghèo, còn em không phải gái làng chơi. Chúng mình bình thường và tầm thường như đám đông.

Thảo kéo tay Đông lôi đi. Nàng kêu thầm, không, đời sống em không bình thường, suy nghĩ em không bình thường, trong em có mầm bạo động, quá khứ nổi loạn, tương lai rình rập, còn hiện tại tạm bợ như một chỗ trú mưa.

Giữa trưa, hiệu ăn đông người. Đông và Thảo chờ một lát mới có bàn trống cạnh cửa kính trông ra vuông sân trước thư viện thành phố. Trước cửa chưng hai chậu đất nung trồng cúc trắng. Những bệ tử la lan tím vàng trên các ô kính loang loáng mây trời. Vài con chim câu nhốn nháo bên bể nước phun. Đông ăn xong ổ bánh nướng kẹp thịt, nâng ly hút một ngụm sữa dâu tây, rồi cất tiếng:

–Chỗ anh ở là một chung cư mới xây vùng ngoại ô nhiều thiên nhiên hơn ở đây.

Thảo chớp mắt:

–Bao giờ anh dọn nhà xong?

–Còn bề bộn lắm.

–Để em tới giúp anh một tay.

–Chưa cần.

–Em muốn tới đó một lần cho biết.

–Khi nào nhà cửa tươm tất, anh sẽ mời em tới khánh thành tân gia.

Thảo nói như trách:

–Hình như anh muốn giấu em chuyện gì?

Đông nhón lấy cọng khoai chiên trong bọc giấy của Thảo, hắt giọng cười:

–Con yêu râu xanh và cánh cửa khoá kín.

Thảo chép miệng:

–Lại tưởng tượng. Anh và Max là hai bờ vực.

–Còn em là hố thẳm giết người.

Rồi giọng Đông trở lạnh:

–Mỗi khi nghĩ tới Max, anh lại mang mặc cảm.

Thảo cầm khăn giấy lên chặm môi:

–Người mang mặc cảm phạm tội là em, không phải anh. Hơn nữa, em chưa hề giấu Max chuyện gì. Em đã nói với anh nhiều lần, giữa em và Max chỉ còn cái nghĩa. Max đã lớn tuổi, em coi ông ấy như một người ơn.

Đông quay mặt ra hướng cửa, lẩm bẩm:

–Anh biết, anh biết chứ.

Rời quán, Đông và Thảo bước chậm sang khuôn viên thư viện. Nắng hắt thấp thỏm trên chòm cây rậm lá. Bóng mây lãng đãng trên những khung kính ngăn nắp. Hai người ngồi xuống băng ghế. Vài con chim sẻ líu ríu tranh nhau mẩu bánh mì với lũ bồ câu, buông tiếng lạc lõng trong không gian huyên náo. Đông và Thảo cùng im lặng, mỗi người mỗi ý nghĩ riêng.

Tiếng mưa đêm qua gõ nhịp trầm buồn vào cửa kính còn rõ nét trong trí Đông. Đèn sân ngoài quán trọ hắt vào khe màn hở luồng sáng xanh xao, ẻo lả. Đông úp mặt xuống ngực Thảo. Tay nàng bấu gáy chàng. Cảm xúc bất ngờ như sóng, lúc bập bềnh lúc hung hãn. Hương tóc và thịt da Thảo toả ngọt đằm. Hơi ấm kích thích thân thể Đông. Chàng đã chết ngộp trong cảm xúc ấy nhiều lần. Móng tay Thảo cào rát bỏng đáy lưng chàng. Đông nấc tiếng hoan lạc khó cưỡng. Mồ hôi rịn ra chân tóc. Tinh chất của hai người hoà vào nhau trong rung động tê điếng. Mưa rầm rập xối xả, lửa nham thạch phún sáng, đất oằn oại nứt khe. Đông thấy mình mất biến vào thinh không. Thịt da trống rỗng. Hai lõm mắt toang hoác, thất thần nhìn suốt bản năng cảm xúc. Những đối tính hiện ra trùng trùng. Tuyệt diệu và nhơ nhuốc. Đỉnh nhọn và đáy sâu. Rõ rệt nhất là cảm giác chán chường sau đó. Đông nhấc người nằm sang bên. Nhịp thở còn xúc động. Thảo dịu dàng úp má lên ngực Đông, tay mân mê mấy sợi lông quanh đầu vú chàng. Hai cánh tay Đông gối dưới gáy. Mồ hôi chàng nồng nhẹ, ngòn ngọt. Cái mùi đã làm Thảo ngất ngây, khao khát như người nghiện.

Đông nằm như thế, lắng nghe tiếng mưa lách tách ngoài hiên. Chàng nhớ tới hiên nhà lát gạch tàu miền quê ngoại. Tháng tám, chiều nào cũng mưa. Mưa xối bầm dập lên vườn vú sữa. Mưa tạt nghiêng vào cặp voi sành chưng hai chậu bùm sụm tỉa ngọn. Mưa lào rào xuống mái lá gian bếp sau nhà, lơi lả khói cơm chiều.

Đêm xanh tràn lan. Chất nhờn còn sót rỉ dưới bụng. Đông nghiêng mặt, nghĩ mông lung về một miền đất và những người thân đã xa. Ngẫu nhiên nào xui chàng gặp lại Thảo trên xứ lạ. Nhiều năm rồi...

Thảo đặt tay lên đùi Đông, hỏi:

–Về chưa?

Đông ngơ ngác như được đánh thức từ giấc ngủ trộm:

–Mấy giờ rồi?

–Sắp chiều.

Đông vươn vai:

–Em sắp đặt chương trình gì cho tối nay?

–Tùy anh.

–Đi ăn, xem phim hay đi nhảy?

Thảo nhún vai:

–Em sao cũng được.

–Không có sáng kiến gì à?

Thảo lắc đầu:

–Không. Hay mình ngồi nhà, xem truyền hình cho tới khuya rồi đi ngủ.

–Em sao vậy?

–Hơi mệt. Nhớ nhắc em điện thoại cho Max.

-Tối nào em lại chẳng gọi, cần gì nhắc.

–Max bị chứng mất ngủ. Em nấu nhụy sen cho uống, ông không uống được, bảo đắng. Em nấu ạc-ti-sô làm nước giải khát. Sau vài lần ông ngủ được mỗi đêm đôi ba tiếng, nhưng hay đi tiểu vặt.

–Lúc trước mẹ anh thỉnh thoảng lại mua tổ yến về chưng với đường phèn cho cha anh ăn.

–Cha anh bị bệnh gì?

–Không biết, mẹ nói ăn cho mát.

Thảo đứng lên. Gió hất tóc nàng loà xoà vướng má. Hai người sánh vai chậm giữa đám đông ngược xuôi. Thảo thầm thì vào tai Đông:

–Max có một vài thói quen lạ. Đôi lúc ông thức giấc giữa đêm, qua lại hàng giờ ngoài hành lang. Hỏi để làm gì, ông bảo có chuyện cần suy tính. Lại có những khuya trăng sáng, ông khoác áo ra ngồi ngoài hiên. Người ta phơi nắng, còn ông phơi ánh trăng. Nhưng Max không hề làm phiền em. Thoạt đầu em còn hoang mang, riết rồi quen. Em và Max sống song song bên nhau như hai người bạn cùng phái. Em mang ơn Max, vì ông cho em những tiện nghi vật chất. Max chiều chuộng em, vì em san sẻ cùng ông những ấm lạnh cuối đời. Tội nghiệp Max, từ lâu rồi ông không còn sinh lực đàn ông.

Thảo thuật đi thuật lại điều này cho Đông nghe đã nhiều lần, vậy mà lần nào giọng nàng cũng xúc động đứt quãng. Đông hỏi khẽ:

–Tình cảm của em dành cho Max như thế nào?

Thảo ngước mặt, vén tóc vắt sau vành tai, giọng ráo hoảnh:

–Em yêu Max như thứ dục tính cấm kỵ giữa cha và con.

Đông kêu lên:

–Không, em là thứ đàn-bà-trẻ-con, là cô bé lọ lem tân thời. Em là người làm xiếc, đi trên lưỡi dao sắc.

–Sai, em là đứa con gái vong quốc. Em mang dòng máu nô lệ người ngoài. Em là con điếm có giấy tờ hợp pháp. Nhưng em vẫn còn nặng tình quê hương. Món nợ tổ tiên gia đình, nợ đất, nợ trời, nợ xóm làng, nợ luống rau, cọng cỏ bao giờ em mới trả xong?

Đông cảm động. Chàng luống cuống dừng chân giữa dòng người. Bên hè phố, người nhạc sĩ rong đang thổi điệu kèn blues da đen. Vòng cung người vây quanh. Những khu phố lạ tối tàn chập chờn trong trí Đông. Châu Mỹ La-tinh, New Orleans và Nữu ước. Không phải đại lộ thứ năm có con điếm Golightly dạo ngắm nữ trang mỗi sáng sớm. Cũng không phải những bộ xương người ruồi bu nằm chờ chết ở đâu đó tận Phi châu. Mà là những vùng đất không hiện hữu. Nơi con người không còn những phân biệt. Nơi chàng và Thảo không phải ngày đêm dằn vặt với mặc cảm phạm tội. Đông rợn người nhớ lại tiếng kèn đồng não nuột năm xưa trong một quán nhạc đêm nơi thành phố cũ, khi chàng dừng chân bên hè phố. Màu đèn tái ngọn toả xuống sạp thuốc lá lẻ. Tiếng thuỷ tinh loảng xoảng trên vỉa hè đá xanh. Vòng tay vũ nữ khép lại bên vũng tối hiên nhà. Lần đầu tiên nghe tiếng kèn rã rượi, chàng đã bi quan nghĩ tới cái chết.

Max chậm rãi nhồi thuốc vào ống điếu. Nét mặt ông bình thản, cử chỉ ông điềm đạm. Thảo đi lấy cho ông chiếc gạt tàn. Max ngước mặt. Màu mắt ông trong xanh, lạnh nhưng gợi cảm. Chuôi mắt gấp nếp, chẻ ra hai thái dương. Chân tóc trắng mềm sợi, liền lạc với bộ râu quai hàm. Max bật lửa mồi thuốc. Hương thuốc ống thơm đằm đằm. Thảo dọn bàn ăn, mang ra cho ông một chung rượu táo. Max vuốt nhẹ lưng tay Thảo, mềm giọng:

–Bàn tay em nhỏ nhắn, trắng hồng dễ thương quá.

Thảo cười không nói, vừa dợm chân thì ông đã níu lại:

–Em ngồi xuống, tôi có chuyện bàn.

Thảo ngồi đối diện, nhìn đăm đăm vào mắt chồng. Nàng thấy ra biển và nắng, nhận ra cả hương sắc của lòng nhẫn nại từ ái. Max thong thả:

–Mấy hôm em vắng nhà, có Lisa tới chơi, dẫn theo thằng con trai năm tuổi. Cô ta gửi lời thăm em, rồi lên tiếng bóng gió về tính hiếm muộn của tôi và em. Trong ba anh em, nó là đứa biết rõ hơn ai hết về khả năng sinh lý của tôi. Nó nói thế là nhắm vào phần gia tài sau khi tôi chết.

Thảo siết chặt tay Max. Tay ông lớn, thô tháp, Thảo không thể khép

trọn. Nàng thở dài:

–Đã có lần Lisa tỏ ý cho rằng em nhận lời làm vợ ông chỉ vì mớ sản nghiệp này.

Max đanh mặt:

–Ngôi nhà, miếng đất, đâu có gì nhiều. Thảo...

Max ngập ngừng. Thảo vuốt nhẹ lưng tay ông vàng hoe lông. Max nhỏ nhẹ tiếp lời:

–Em hãy cho tôi một... một đứa con!

Thảo bối rối rút tay về, hai mắt mở lớn. Màu xanh tia nhìn Max tha thiết như đại dương sâu, man rợ, không một hứa hẹn nào sôi nổi. Thảo lúng túng:

–Em chưa hiểu ý ông.

Max điềm tĩnh:

–Em xin Đông một đứa con cho tôi. Tôi muốn sau khi tôi chết, ngôi nhà này sẽ thuộc về em, rồi con em, hiểu không?

Thảo lặng thinh, đứng lên dọn tiếp bàn ăn. Đề nghị của Max như một chấn động phá vỡ mặt nước tâm tư nàng bình thản bấy lâu, dẫu chỉ là thứ tĩnh lắng chờ gió lớn. Max độ lượng chấp thuận chuyện giữa nàng và Đông, không chút phiền hà. Vì lẽ đó, đôi khi Thảo cảm thấy bất an. Nỗi bất an càng lớn khi Thảo trở về từ những buổi hẹn với Đông, thấy ngoài hiên một chậu hoa vỡ, hay chồng ly dĩa không người rửa bày bừa trong bếp. Nàng tưởng tượng ra điều kỳ quái, rằng chính Max đã vung gậy đập vỡ chậu hoa vào một khuya khó ngủ. Ảo tưởng này bám lấy Thảo như đốm sáng lạ lùng đã có lần bốc cháy trong nàng giữa khi tình tự với Đông. Nàng đã kêu lên, Đông, trời ơi, em đang cháy. Đông nghĩ đó là lời thôi thúc, càng gắng sức chiều chuộng. Thảo ứa nước mắt, phân vân đo lường từ tâm của Max với tình yêu của Đông.

Thảo không cho Đông biết ý định của chồng, lẳng lặng ngưng dùng thuốc ngừa thai.

Chỗ trọ của Đông nằm ở tầng bảy một chung cư mới xây, mới lác đác vài gia đình dọn vào. Đông gọi đó là "cõi lưng chừng trời". Nhà hai phòng, có bếp và phòng tắm riêng. Thùng cạc-tông ngổn ngang mọi nơi. Đông dọn tạm một góc làm chỗ ngủ, giường là ba tấm nệm ghép lại. Trên bệ cửa, chậu trúc bonsai vàng lá. Đông bảo, chắc chết. Thảo tỉ mỉ ngắt lá khô, tỉa nhánh, dặn dò Đông chăm tưới nước. Sau vài lần thăm viếng, đã thấy nhú lộc xanh. Đông tủm tỉm, nhờ anh thỉnh thoảng tiểu vào đấy. Thảo trợn mắt, thôi đi, công em ngắt lá tỉa cành... Những khi ngồi ngắm bụi trúc, Thảo thấy ra vài điều ngộ nghĩnh. Trong mầm lá ấy có nắng và mặt trời, có nước và sông, có đất và đại địa, có mạch sống rạo rực, luân

lưu dòng chân lý cuộc đời. Nàng băn khoăn về sự có mặt của mình. Những dun rủi nào khiến nàng không những gặp Max nơi đất lạ, mà còn nối lại tình cũ với Đông? Điều này liên quan gì tới cái sống phục hồi của bụi trúc con? Tình yêu dẫn tới nhục dục hay dục lạc thăng hoa tình yêu? Những thắc mắc rối rắm này và ước muốn táo bạo của Max đã bắt Thảo luôn nghĩ tới Max khi kề cận cùng Đông. Thân thể Đông gọn gàng, săn chắc, hâm hấp sinh lực. Chàng có thể kéo dài để chờ Thảo. Lúc từ tốn dịu dàng, lúc vật vã chiếm đoạt, những động tác của Đông là thời tiết bốn mùa đổ xuống mặt đất da thịt Thảo. Nàng hứng lấy với cảm giác tần ngần giữa này kia, trong ngoài, mê đắm bên Đông mà miên man nghĩ tới vòm ngực và khoảng bụng rậm lông của Max. Những cái hôn nhột râu khi Max cúi mặt xuống thân thể nàng. Ông rên rỉ, tôi yêu làn da trắng ngà, hai gò ngực mum múp, hóp bụng mềm mại và cặp mông vun đầy của em. Thảo nghiến tay vào bờ vai bò mộng của Max. Nàng run rẩy trông mưa xuống, mong nắng lên, chờ bão dậy, nhưng Max chỉ có thể tới đó. Thảo cong người lọt vào lòng Max nằm nghiêng. Một tay ông úp lên bụng nàng. Người Max toả ấm dễ chịu. Thảo soi mắt vào bóng tối. Kỳ lạ thay, khi nằm bên Max, nàng không hề mơ tưởng tới Đông.

Buổi tối, không biết Đông loay hoay thế nào làm cháy cầu chì. Hai người ngồi ăn bánh mì thoa bơ, uống vang đỏ bên ngọn nến con. Đông gợi chuyện:

–Có khi nào em hối hận?

–Chuyện gì?

–Em hay trả lời bằng cách hỏi ngược lại.

Thảo nhướng mắt:

–Không thể gọi là hối hận, mà là hối tiếc. Em có những vay mượn chưa trả.

–Em nợ ai, những gì mà không chịu trả.

Thảo đặt mẩu bánh xuống dĩa, mắt long lanh:

–Đã nói anh nghe nhiều lần rồi, em nợ đủ thứ.

Đông chồm người, vỗ nhẹ vai Thảo:

–Em khùng quá.

Thảo miên man:

–Biết là nợ mà không hiểu phải trả làm sao, bao nhiêu và khi nào thì xong. Không phải chỉ mình em mang nợ, cả anh và mọi người khác. Có điều anh và họ không nhận ra đó thôi.

Đông bỡn cợt:

–Còn anh, em không nợ thứ gì sao?

–Có chứ, một thứ thực tế nhất. Em đang trả đây.

Đông rót rượu ra ly. Hai người cụng ly trước khi uống. Thảo mềm lòng nhớ tới Max. Lúc này, chắc ông đang ngồi ăn tối trong góc bếp. Một mình. Nàng liên tưởng tới những thói quen của Max. Bánh mì nâu, bơ lạt và thịt đồi un khói. Bia hay rượu vang và một chung rượu táo. Thuốc ống vố sau bữa ăn. Dạo bước ngoài vườn đêm trước khi ngủ. Chậm chạp, nương nhẹ như sợ đất đau. Lưng cong như cất nặng những suy tư. Thảo mơ hồ thấy ra trong ông những thịnh suy, mâu thuẫn và hoại diệt của kiếp người.

Đông nắn nót lệ nến nhỏ giọt xuống dĩa con. Màu đỏ khiêu khích. Chàng nói, không nhìn Thảo:

–Hôm nay em làm sao ấy.

Thảo nhỏ nhẹ:

–Em chờ.

–Chờ gì?

–Chờ thay đổi.

–Cái gì mới được?

–Không biết, chỉ cần mọi sự không giống như bây giờ.

–Anh có cảm tưởng, em đang chán.

Thảo cười ra tiếng:

–Đời em ít rủi nhiều may, chán sao được.

Đông nhăn mặt:

–Em khó hiểu và bí ẩn như một pho kinh.

Thảo bước sang ngồi cạnh Đông, tựa đầu vào cánh tay chàng:

–Tắt nến đi để ngắm ánh sáng của đêm!

Đông thổi nến vài lần mới tắt. Ngọn lửa uốn éo như cầu cứu. Làn khói yếu tan loãng vào bóng tối nhàn nhạt. Có những nguồn sáng mỏng, thoi thóp phát ra từ hiên nhà bên cạnh, từ muôn trùng tinh tú trên cao, từ trái tim nô nức của Thảo. Nàng thấy lại chấm sáng huyền diệu đêm nào đậu trên mầm non chậu trúc con. Ánh sáng chứa lân tinh, rực lên như đầu ngọn nhang. Thảo run rẩy nhận ra đó là sức sống, là tinh lực, dẫu mong manh nhưng vẫn tiềm ẩn đó. Của Max.

Thảo trịnh trọng cởi quần áo cho Đông, rồi cho mình, trên nệm chật, giữa đám thùng cạc-tông và chồng sách báo bừa bãi. Nàng cầm tay Đông áp lên ngực. Thịt da nàng hân hoan trổ đoá. Chân nàng mở ra cho Đông luồn vào. Ấm áp bứt rứt. Man dại thú vật. Giác quan nàng trở nên lạ lùng, cảm nhận trong mồ hôi Đông có lẫn mồ hôi Max, trong thân thể Đông có ẩn thân thể Max, trong cường tráng Đông có suy diệt Max. Thảo đón lấy mầm sống của Đông truyền sang, biết rằng đứa con sẽ tượng hình trong bụng mình là kết tinh của tình yêu độ lượng Max.❐

Luân vũ xoay vòng

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Ta tìm ai chiều nay qua mấy kiếp
Trong không hư nhìn lại mảnh hồn đau
Giấc Liêu trai chiều nay ta vẫn thiếp
Cánh song hồ bàng bạc chuyện xưa sau...

Xưa hay sau? Ô hay kỳ lạ nhỉ
Xưa là xưa hay xưa lại là sau?
Thuở xưa ấy quanh co và kỳ ảo
Chìm vào không rồi lại nở ngàn sau

Nên kiếp sống là vòng tròn mộng huyễn
Sanh rồi không rồi lại nở ra hình
Cái không ấy là ông vua chú thuật
Hiện ra hình rồi lại biến vào không

Hình nộm ấy mang theo nhiều hệ lụy
Lụy uống ăn lụy nhớ tưởng lụy tình duyên
Hồn lắm lúc bồng bềnh như gió nhốt
Muốn hư vô mà chẳng có hư vô

Tâm với cảnh thiên thu dìu gót bước
Thấy như hai mà chẳng phải là hai
Nhịp luân vũ chập chùng và bất tuyệt
Ta là ai mà chẳng phải là ai!...

Ôi Paris!

Võ Đình

Đọc bài *"Paris chiều tái ngộ"* (Văn Học, số 128, tháng 12, 1996) thấy ông Trần Hồng Châu hay thật. Tôi không hân hạnh quen biết tác giả; chỉ dựa vào bài viết, đoán rằng ông thuộc vào thế hệ tôi (ngoài sáu mươi), có thể lớn hơn tôi vài tuổi. Thấy ông "hay thật" vì tác giả bài tùy bút từng là *"sinh viên trẻ ở thập niên 50"* và nay *"hân hoan trở lại Paris với lời ước hẹn xưa cùng mái tóc đã điểm sương"* thì bây giờ phải ở vào tuổi 60-70. Ở tuổi này mà còn viết được những câu văn bay bướm, và, như người ta thường nói bây giờ, "đầy ắp chất thơ", quả là hiếm có.

Trong thập niên 50, người viết bài này cũng đã từng sống ở Paris. Mấy năm trời, tôi trú ngụ ngay trong "Xóm La Tinh", tại một khách sạn rẻ tiền cho thuê phòng tháng, đường Victor Cousin, bên hông đại học Sorbonne.

Mấy chục năm qua, tôi đã trở lại Paris và Quartier Latin vài lần. Đã lang thang ở những đại lộ Saint Michel, Saint Germain, Raspail, Montparnasse..., ở những đoạn đường con Monsieur Le Prince, Saint Séverin, Soufflot, Cujas... Đọc bài tùy bút của Trần Hồng Châu, thấy ông là người cực kỳ thơ mộng. Đọc ông, một "cố tri" của Paris như tôi phải giật mình nhận ra rằng mình đã vô tình thiếu sót nhiều thứ quá.

Từng sống bao nhiêu năm trong bóng mát của ngôi trường cổ kính, tôi đã không vào thăm lại *"Sorbonne. Người mẹ, người tình không thể mất"*, *"hải thuyền Trí thức và Tình cảm bấp bênh giữa biển đời dung tục, duy vật, và tương đối vô cảm này"*. Tôi đã không vào thăm lại *"ngôi trường mẹ. Alma mater. Mẫu hiệu"*, *"Cung điện là đây, nơi mẹ Sorbonne tâm tình rộng mở, nơi đồn trú ngàn năm của Tinh thần và Sáng tạo"*. Tôi đã không ngồi lại lâu trong vườn Luxembourg để, như ông Trần, nhớ lại

thời thanh niên *"thầm thì tâm sự như trong mơ qua mái tóc hoàng hôn của một tâm hồn đồng điệu"*. Tôi đã không tha thiết cho lắm, như ông Trần, khi bước chân đến **Boul'Mich**, vì có lẽ tôi không phải là một trong *"những người sinh viên già, từng tắm mình trong vầng sáng Paris thường mang theo hội chứng St Michel. Như một dấu ấn ăn sâu vào thịt da"*.

Đọc Trần Hồng Châu thấy mình cũng *thiếu tiểu ly... Paris*, cũng *lão đại hồi*, vậy mà vô tình không nhớ lại cái kẹo Pháp, *dragée "mầu vệ nữ. Mầu pastel. Mầu valisère của những nửa khuya hiện hữu nhất"*. Tôi cũng không vì thấy lại, nghe lại, ngửi lại một vài món ngon miền Địa trung hải mà nhận được *"một amviance rất levantine, rất alexandrine mà chắc Durrell phải thấy ngay là gần gũi, quen thuộc"*.

Ông Trần Hồng Châu từng là một nhà giáo, đi nhiều, đọc nhiều, nhớ nhiều. Cảm nghĩ của ông tràn trề kiến thức triết học, sử học, văn học nghệ thuật, dàn trải cổ kim Đông Tây. Chỉ cần một xúc động nhỏ, tức thì ông nhớ lại từ Hạ Tri Chương đến Xuân Diệu, Đoàn Phú Tứ. Ông nhớ từ Socrate đến Montaigne, từ Kant đến Merleau-Ponty, từ Spengler đến Grousset. Ông mơ màng từ Poussin đến Watteau đến Renoir, từ Baudelaire đến Apollinaire, từ Proust đến Tsara, đến Prévert, đến Robbe-Grillet, đến Sagan. Paris, Versaille, Nancy, Madrid, Venise, Delphes, Hàng Châu. Lourdes, Westminster Abbey, St Jacques de Compostelle. Sông Hương. Chùa Một Cột. Ông nhớ vanh vách.

Ông Trần Hồng Châu còn là một nhà thơ. Xúc cảm của ông mênh mông, bồng bềnh. Một tiếng chim hót, một cái kẹo ngọt, một mùi thịt nướng, sau bốn mươi năm xa cách, để nhớ lại Xuân Diệu lần nữa, đã hoá ra *tơ*, đã biến thành *thơ*! Hay thay!

Tôi không được như nhà giáo, nhà thơ này. Mỗi lần trở về "kinh thành ánh sáng" tôi chỉ thẩm thía một nỗi buồn mênh mang. Chẳng phải vì Paris bây giờ không còn là Paris thuở trước. Biển dâu là chuyện thường. Chẳng phải vì xưa mái tóc tôi đen, dày, mà nay đã bạc, thưa. Kiếp nhân sinh, hợp ly, sinh tử, là lẽ tự nhiên. Buồn rầu vì mãi đến khi râu tóc đã đổi mầu, *"ta về cúi mái đầu sương điểm"*, mới biết cảm thương cho những "linh hồn nhỏ", những con người Việt Nam, đồng bào của mình, đã từ lâu, rất lâu, lạc loài trong cái "kinh thành ánh sáng" mịt mùng có tên là Paris ấy. Lạc loài từ trước 50, trước cả 40. Đợi đâu tới ngày nay, trước 75 với lại sau 75!

Nói gì xa xôi, con đường Montagne Ste Geneviève, với trường Polytechnique (Bách Khoa), mà ông Trần Hồng Châu mô tả như một trong *"hai cánh tay, giữ hai ngọn đuốc ngời sáng, ở một thành phố mà*

trọng lượng trí thức có thể nói là thuộc vào bậc nhất thế giới". Chính ở con đường dưới chân điện Panthéon đó, con đường rất cổ, lót đá vuông, có những ngôi nhà nhiều tầng siêu vẹo, tàn tạ đó, là nơi một tháng hai lần, bận bịu gì tôi cũng ghé lại. Từng trệt, cửa đóng kín mít. Gõ cửa, chờ thật lâu, nghe tiếng dép lẹt xẹt. Ki ét? (*Qui est-ce?* = ai đó?). Cháu đây cụ, cháu đây. Hoặc cụ ông, hoặc cụ bà mở cửa. Ông cụ mắt hấp háy, miệng hô, răng sún, râu tua tủa. Tứ thời mặc áo ấm. Bà vợ rõ ràng là một cụ bà Bắc kỳ. *Răng đen, tóc bạc vấn khăn nhung nâu*. Áo *chandail* xốc xếch, gài nút trước, *jupe* len lùi xùi mà lại, dưới mắt anh sinh viên trẻ, có dáng dấp tứ thân váy sồi! Khách đi theo chủ qua căn phòng trước chật hẹp, tối tăm, đồ đạc lỉnh kỉnh. Trên tường, hình chúa Giê-su, Đức Mẹ Đồng Trinh. Vài cái ảnh đen trắng vàng ố. Phải chi Nguyễn Khắc Ngữ có được, trước khi mất, những tấm ảnh này để cho vào cuốn "Việt Nam, Những Hình Ảnh Xưa". Vào cái bếp nhỏ, la liệt soong nồi, nồng nặc mùi quen thuộc.

"Cậu cần bao nhiêu?"

"Dạ, xin cụ một kí-lô. Thôi, dạ, xin cụ hai kí-lô đi."

"Ăn gì nhiều thế? Nặng bụng lắm đấy!"

"Dạ vâng. Chúng cháu cả mấy đứa kia..."

Thật vậy, lần nào họp mặt ăn uống tại cái phòng con của tôi trong khách sạn tồi Hotel de la Sorbonne cũng có ít nhất năm, sáu đứa. (Một "đứa" hiện nay ở Cali: nhà thơ Trúc Chi. Một "đứa" khác còn ở Paris: họa sĩ Vĩnh Ấn). Lòng, cụ Bắc kỳ nói xin ở lò sát sanh về, làm sạch, luộc. Dồi huyết, có cả mỡ gáy thái hột lựu, lấm tấm *menthe* (húng) xanh. "Mắm tôm" để chấm lòng thì có *pâte d'anchois* của Pháp. Còn "dưa chua" thì dùng *choucrôute* của Pháp hay *sauerkraut* Đức. Uống thì *gros rouge*, vang đỏ, một trăm quan cũ một lít (hai mươi cents Mỹ), đi mua phải lè kè đem chai theo cho người ta rót vào từ cái tonneau tổ bố. Thật ra, hồi ấy, chúng tôi đâu phải là những tay nhậu nhẹt be bét. Nhưng trẻ, tuổi hai mươi, uống khỏe lắm. Quan trọng là uống thì uống nhưng không được nói năng bừa bãi. Nhà chức trách biết được cái vụ lòng liếc này thì hai cụ Bắc kỳ có mà đi tù. Hai cụ dặn kỹ là các cậu phải kín miệng: nhà nước Tây nó nghiêm lắm, các thứ này là vứt là bỏ, chúng tôi năn nỉ xin mãi mới được đấy. Mấy đứa nghe sao biết vậy, chỉ nghi rằng phải có "chi đó" với mấy tay ở lò sát sanh (bây giờ, người ta gọi là "thủ tục đầu tiên") Pháp-Việt mới đề huề như vậy.

Tuổi trẻ vô tâm. Đớp đòi, nhai lòng, nốc vang thả cửa, không mảy may thắc mắc về hai vợ chồng già. Về lại Paris với "mái tóc điểm sương", tôi đi lên đi xuống Rue de la Montagne Ste Geneviève mấy lần, nhớ lại hai cụ Bắc kỳ bán lòng lợn lậu cho sinh viên đồng bào. Đôi vợ chồng già

đến ở Paris từ hồi nào? Nếu ông cụ qua Pháp trong những đợt lính thợ được mộ đi Tây thì xoay trở làm sao mà lại có được cụ bà răng đen, tóc vấn khăn nhung? Hai cụ có con cái cháu chắt gì không? Hồi đó cậu sinh viên tuổi hai mươi thấy ông bà già thì gọi là cụ xưng cháu. Bây giờ, mình dám lớn tuổi hơn hai cụ hồi đó lắm. Lại tự hỏi: Sinh sống ra sao? Ngoài tiền bán lòng lậu ra, còn có nguồn lợi tức nào khác? Bây giờ chắc hai cụ đã qua đời. Lúc hai cụ qua đời, có ai bên cạnh? Ai là người lo hậu sự cho hai cụ? Những câu hỏi vớ vẩn, vô bổ. Nhưng làm mình mênh mang buồn. Con đường mang tên Núi Thánh có hai vợ chồng quê Bắc bán lòng lợn lậu. Ôi! Paris. Ôi! lịch sử...

Tuy nhiên, nói rằng Rue de la Montagne Sainte Geneviève là một con đường lịch sử có nghĩa là chưa nói gì cả. Cả khu vực đó là một ngọn đồi cao, cho nên mới gọi là "núi", kiểu như "núi" Thiên Thai, "núi" Trà Am ở ngoại vi thành phố Huế. Tương truyền nữ thánh Geneviève, "thánh hộ mạng" của thành phố Paris, có lần xuất hiện ở đó, nên núi mới mang danh hiệu Ngài. Nếu đường Saint Jacques đã có từ trước Giê-su (César đã bắc tiến trên đường này khi đem quân từ La-Mã sang chiếm Paris, lúc ấy còn có tên là Lutèce) thì đường Núi Thánh Geneviève cũng đã nằm trong lòng Paris trước trận Bạch Đằng, "Ông Ngô Quyền đánh quân Nam Hán"!.

Tuổi trẻ vô tâm: Một con đường cổ kính, đậm nét thiêng liêng như vậy, cậu sinh viên ngày xưa chỉ lưu tâm đến nó vì, ngoài vụ lòng lợn, ở gần đó, trong một con hẻm của Rue de la Montagne Sainte Geneviève, còn có một cái quán Việt. Gọi là quán cho tiện, chứ người lạ không tài nào biết được đó là một quán ăn. Cũng tầng trệt, cũng cửa chính ngay mặt đường, cũng luôn luôn đóng kín, không bảng hiệu, không thực đơn chào đón khách qua đường. Tuy nhiên, gõ cửa là có người vén màn bên trong nhìn ra. Thấy khách rồi người ta mới tiếp. Cửa mở, chạm phải mấy cái chuông đồng nhỏ treo toòng teng phía trên, tiếng leng keng reo vui như lạc ngựa. Cả quán chỉ là một căn phòng nhỏ, chia cách với bên trong và phía sau bằng một cái bình phong *-paravent-* cũ kỹ. Đến mấy lần mới biết quán chỉ có bà mẹ (?) và hai cô con gái. Bà mẹ lúi húi dưới bếp. Cô lớn bưng thức ăn, tính tiền. Cô bé lăng xăng, phụ việc. Một món duy nhất, ngày này qua ngày khác, gọi là "bò bún". Thịt bò xào hành tỏi, bún *vermicelle* Pháp sợi nhỏ, đậu phụng rang giã vụn. Trên cái bàn lớn duy nhất, có lọ "nước mắm" Ma-Gi và hũ ớt (Á Rập) dầm dấm. *C'est tout!* Hết!

Món ăn tầm thường, nhan sắc cô chủ quán cũng vậy, nhưng "mấy đứa" chúng tôi siêng đến quán cô Jacqueline lắm. Hồi đó, cả Paris chỉ có mỗi một quán Việt Nam, Lạc Hồng, ở đường Monsieur le Prince, nhưng

"sinh viên nghệ sĩ trẻ" tiền bạc đâu mà dám bén mảng. Quán cô J. vừa rẻ, vừa ấm cúng -vì nhỏ xíu- lại có mấy cái lục lạc treo ở cửa ra vào, cho chúng tôi cái cảm giác giang hồ lữ thứ, thú vị lắm. Những tối mưa lạnh, hay có chút tuyết lất phất, quấn phu-la quanh cổ, mò đến quán cô J. ăn tô "bò bún", uống ly vang, rồi ngất ngưởng ra về với điếu *gauloise* trên môi, không "rũ áo phong sương trên gác trọ" thì cũng "lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa" ra phết.

.....

Mấy lần tôi về lại Paris với "mái tóc đã điểm sương". Đường Montagne Ste Geneviève vẫn như xưa, nhưng không tài nào tìm ra "quán" mẹ con cô Jacqueline. Mà thật ra, cũng không muốn tìm cho được. Năm 1950, 51, bà mẹ người Bắc (biết vậy vì nghe giọng nói vọng lên từ bếp) đến Paris hồi nào? Hai cô con có vẻ lai lai, lại tên đầm. Con hay là cháu? Tôi không nhớ cô em, hồi ấy còn bé quá, nhưng còn nhớ cô chị. Khoảng mười tám, hai mươi, thon gầy, mặt trái xoan, cằm nhỏ, nghiêm nghị và buồn bã. Cô chỉ nói tiếng Pháp với chúng tôi, nhưng giọng cô không phải giọng "đầm chính thống", mà nghe như "người mình" nói thạo tiếng Pháp. Làm gì mà ở tuổi đó cô đã già nua như vậy? Vì cô đã được dặn dò phải đề phòng mấy cậu sinh viên ngổ ngáo chăng? Vì sao trông buồn hiu thế? Cô đơn chiếc, cô lạc lõng với bà mẹ (?) và đứa em nhỏ giữa "kinh thành ánh sáng" chăng? Từ dưới bếp, thỉnh thoảng tiếng bà mẹ (?) vọng lên, giọng Bắc: Hà Nội hay Hải Phòng? Thái Bình hay Hà Đông? Cô Jacqueline nghe, nhưng không hé môi, chỉ chạy vô bếp bưng bún ra, và chỉ nói với chúng tôi bằng tiếp Pháp, khi tính tiền, thu tiền. Chỉ *Merci, Messieurs* và *Aurevoir, Messieurs* mà thôi. Tại sao?

Tuổi trẻ vô tâm: Chỉ bây giờ, về lại thăm Paris, tôi mới lẩn thẩn đặt cho mình những câu hỏi đó.

.....

Đường Montagne Sainte Geneviève đi lên, đến chóp "núi" là điện Panthéon. Rẽ phải là đường Souflot chạy qua Boul'Mich, tên tắt của đại lộ Saint Michel. Từ vườn Luxembourg bên trái đại lộ đi lên hướng Bắc là gặp đại lộ Saint Germain. Rẽ trái, đi bộ năm đến mười phút thì tới Place de l'Odéon. Khu vực này có nhiều duyên với Việt Nam vì gần đó có đường Guénégaud, địa chỉ nhà xuất bản cô con Minh Tân đã từng ấn hành cuốn *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* của cụ Hoàng Xuân Hãn. Đường đó lại có một cái quán, với những chàng trai tuổi hai mươi còn quan trọng hơn cả quán bà Đoàn Thị Điểm dựng lên để có dịp diễu sứ Tàu: Quán anh Nghệ.

Đứng ngoài hè phố, chỉ thấy cửa đóng kín mít, nhưng gõ, nói tên, là cửa mở. Bước ngay vào một căn buồng nhỏ. Cái bàn tròn thật lớn và đầm

ghế vây quanh choáng hết cả buồng. Ai đến trước phải xích tuốt vào trong mà ngồi. Ăn xong, ra về mới là vất vả. Thiếu điều dẫm lên nhau! Xéo căn buồng, là giang sơn anh Nghệ: có bếp ga, bồn nước, vừa đủ cho một người xoay trở. Nghệ không phải là tên chủ quán. Gọi anh Nghệ vì anh nói giọng Nghệ đặc sệt, khó nghe. Chỉ có một món, thay đổi hằng ngày, luôn luôn giới hạn ở ba thứ căn bản: cơm ăn thả giàn ("*all you can eat*"!), canh *légumes*, rau hoặc đậu, và một món ăn mặn, thịt, gà, hay cá. Anh Nghệ bao nhiêu tuổi? Đến Pháp hồi nào? Gia cảnh làm sao? Vì đâu lại xoay ra nấu cơm lậu cho sinh viên đồng bào ở Paris, thủ đô trí thức văn nghệ thế giới?

Ở tuổi hai mươi, chúng tôi không lưu tâm. Chúng tôi biết đến quán anh Nghệ ở đường Guénégaud, là được ăn cơm no cành hông mà chỉ trả có một trăm quan (cũ), giá một bữa cơm Tây ở quán sinh viên được bao cấp bởi nhà nước Pháp quốc. Phải nói thêm: Một trăm quan là tiền cơm thôi. Thường xuyên có một *carafe* rượu vang giữa bàn và mấy cái ly. Ai uống mấy ly thì cứ nhớ lấy, khi trả tiền cơm thì trả thêm. Anh Nghệ cho mấy thằng nhóc sinh viên ăn uống giá cả phải chăng. Nhưng anh kín đáo, riêng tư. Nhà anh ở đâu, tên thật anh là gì, anh có vợ con gì không, chẳng ai biết. Một con người Việt Nam của thế kỷ hai mươi đấy ư? Ba mươi, băm lăm năm trước những vụ vượt biên đẫm máu, có con người Việt từ Nghi Lộc, hay Nam Đàn, hay Quỳnh Lưu, đã đến được quê hương của Victor Hugo....

Lần cuối sang Paris, cách đây mấy năm, một chiều tắt nắng, tôi thơ thẩn đi một vòng trên bờ sông Seine rồi lên đứng trên một cái cầu, nhìn xuống nước. Thời gian có khả năng gạn lọc tàn nhẫn và thần tình. Paris của những năm 50, Paris của tôi, cố nhiên là Quartier Latin, là La Grande Chaumière (cạnh nhà cũ, *atelier*, của Modigliani), là Sartre ngồi ở quán Dôme, cạnh nhà thờ St Germain des Prés, là La Gréco hát ở *La Rose Noire*, là ông già De Fontenaille ngồi viết *La Loi des Nations* ở *La Coupole*. Đúng vậy. Nhưng Paris những năm 50 cũng là thời Pierre Mendès-France vô điện Matignon làm thủ tướng, và Hiệp định Genève chia đôi "Nam quốc sơn hà"... Đó cũng là thời những chuyến tàu di cư xuôi ngược biển Nam, những chiếc tầu tập kết ngược về đất Bắc. Cho nên, bây giờ, bốn mươi năm sau, đứng trên cầu nhìn nước sông Seine, tôi đã quên hết những năm tháng xa vời một thời trai trẻ tung tăng trong cõi thiên đường trí thức văn nghệ. Tôi chỉ nhớ đến đôi vợ chồng già gốc Bắc bán lòng đỏi lậu. Nhớ mẹ con cô Jacqueline, cánh cửa gắn lục lạc, và món "bò bún" kinh niên. Nhớ cơm anh Nghệ, một trăm quan cũ một bữa. Nhớ đến họ, và mênh

mang buồn.

.....

Cái cầu mà tôi đã đến chiều nắng tắt ấy, đứng nhìn nước chảy -vô tình thôi, vì nó ở gần nhà vợ chồng người bạn cũ tôi ghé lại vài hôm- chính là chiếc cầu trứ danh đã đi vào văn học sử: *le pont Mirabeau*. Trên đường về lại Hoa Kỳ, tôi mới sực nhớ là đứng trên cầu ấy, tôi cũng chẳng hề đọc nhẩm, cho phải đạo, mấy câu thơ của Apollinaire mà ai cũng biết. Mấy câu thơ, chẳng phải là trác tuyệt. Đọc lên, chỉ vì mình yêu mến thuở thiếu thời mà thôi. Một anh bạn, cũng thuộc loại "cố tri" của Paris, đã dịch ra "thơ thẩn" lục bát như sau:

Sông Seine nước chẩy lững lờ,
Cầu Mi-ra ấy bây giờ là đâu.
Tình xưa, ôi chuyện biển dâu,
Khơi chi tro lạnh cho rầu dạ ai?... (*)❐

(*)
Sous le pont Mirabeau,
Coule la Seine
Et nos amours,
Faut-il qu'il m'en souvienne?...
(...)
(*Le Pont Mirabeau* - Guillaume Apollinaire)

gió đông

giai phẩm văn học

Sau số ra mắt vào đầu năm 1997, Gió Đông 2 phát hành vào tháng Sáu, gồm nhiều bài vở phong phú của nhiều cây bút Tây Âu và Đông Âu.
Xin xem ý kiến của nhà phê bình Nguyễn Quốc Trụ về Gió Đông trong phần tạp ghi số Văn Học này.

Liên lạc: *Posttach 190127, 53037 Bonn. Germany*
Tel: 0228-214 536

Hải nữ

Miêng

Khi tôi trở về thì em đã chết rồi, giản dị như một cơn mơ.

Tôi thấy em mỗi chiều, nằm trên các tảng đá chất chồng, nhìn ra xa, trong tư thế cô độc, kiêu sa và tự tin của loài hải nữ.

Căn nhà bạn tôi cao hơn mặt biển ít nhất vài mươi thước, từ cửa sổ phòng khách nhìn xuống, chưa bao giờ tôi trông rõ mặt em. Tôi chỉ thấy lờ mờ một vùng mắt mày sâu thẳm, đen tuyền và trong đầu óc tôi, em như một bức tranh tố nữ. Trông em mảnh khảnh như con chim chìa vôi nhỏ, và vẻ xa vắng lặng lẽ cô đơn của em như một quyển truyện tình hãy còn khép kín.

Hầu như chiều nào cũng vậy, nằm một lát rồi em lại bỏ đi dọc theo bờ đá. Em thường đi như thế với vẻ cô đơn lạ lùng, và chúng tôi như có cái gì gần nhau, cùng một mẫu số chung trong nỗi cô đơn cao khiết đó. Em đi, hờ hững khua nước ngấp nghé hai chân chim nhỏ nhắn, mắt dõi mông lung ra xa vẻ chờ đợi, tìm kiếm một cái gì và như biết nó sẽ không bao giờ đến. Tới một lúc nào đó thì em khuất khỏi tầm nhìn của tôi từ cửa sổ phòng mình.

Chiều nay cũng vậy, em nằm đó, trên các tảng đá màu chì, thân thể nổi bật căng phồng trong chiếc áo tắm màu hổ phách. Nhưng khi tôi xuống tới nơi thì không còn thấy em đâu nữa. Tôi nhìn lên cửa sổ phòng khách ra dấu hỏi mẹ em đi đằng nào, nhưng mẹ lắc đầu, khoát tay ra cái điều không thấy.

Nhiều lần như vậy liên tiếp, tôi đâm nghi ngờ bực bội mẹ. Cái cảnh một mẹ một con không bao giờ rời nhau và tôi có cảm tưởng là mẹ không muốn tôi có liên hệ với ai, gây cho tôi cảm giác mình là anh chàng Bates trong phim Psychose của Hitchcock. Người vợ mà cụ đã chọn cho tôi với tiêu chuẩn là nền nếp Việt Nam một chút, - chớ "cái thứ dở đầm" thì sẽ ăn

ở không ra gì - đã đưa đến kết quả là một cuộc ly hôn sau ngày cưới chưa đầy năm. Tôi luôn luôn khoác tấm áo cô đơn vào người, kể cả khi mẹ cưới cho cô vợ. Đối với tôi, niềm rung cảm của con tim tựa hồ như một cánh cửa kho tàng mà tôi đã đánh mất chìa khoá từ khi mẹ không chấp nhận người tôi lựa chọn. Và tình yêu là cái gì còn xa lạ mơ hồ hơn nữa. Làm sao gây đổ máu cho một thân thể đã chết rồi ? Nên bây giờ thì tôi là một loại trai già gàn dở, bẵn tính, vụng về, ngoài mẹ ra là không ai chịu đựng được.

Cho đến một chiều trời rắc từng hạt nước nhỏ mịn xuống trần, tôi nhìn xuống các tảng đá và thấy em vẫn nằm đó, lơ đãng như không biết dù mưa bụi cũng có thể làm em thấm lạnh. Tiếng mưa mỏng và nhẹ như hơi thở, như tiếng em thì thâm bên gối, như nũng nịu gọi tôi hãy đến bên em. Một nỗi thôi thúc kỳ lạ như dồn tất cả sinh lực hối hả lên tim và chạy dài xuống chân bảo tôi phải bước đi. Một nỗi ham muốn được đối diện nhìn ngắm em mãnh liệt như dồn hết máu lên mặt làm tôi cảm thấy cả người bừng bừng thiêu đốt. Tôi lao ra cửa như bị thôi miên, như có một động lực vô hình khích lệ.

Bầu trời xám xịt hạ thấp xuống. Thỉnh thoảng một vài tia sấm chớp xẹt ngang dọc chằng chịt như những lằn gân máu bao trên óc. Mặt biển lầm lì bao la và bí hiểm dâng lên, nối liền với chân trời cùng một màu và cùng một vẻ đe dọa như nhau. Thiên nhiên như đồng tình trêu ngươi chế diễu cái bé nhỏ bất lực nhân sinh. Mưa vẫn lất phất rơi, ẻo lả đẩy đưa theo từng cơn gió.

Tôi chạy như lao xuống mấy dãy đá để đến chỗ em nằm. Khi gần tới thì em nhổm dậy, và với bản năng e ấp của phái yếu, bỏ chạy đi. Tôi đuổi theo. Tôi muốn bảo là mình không làm gì để em phải sợ, rằng có thể trời sẽ mưa lớn hơn và thay vì về nhà, em có thể lên trú mưa nhà tôi và nhìn biển. Nhưng tôi chỉ chạy theo, âm thầm như một cái bóng. Gió thổi thốc từ sau tới, nâng thân hình mỏng manh của em như bay bổng, gió xoắn nhẹ làm em chạy với vẻ uyển chuyển khoan thai như không chấm đất.

Chúng tôi tới bãi biển cách nhà không biết bao xa. Ban nhạc địa phương hồi sáng diễu hành qua các phố nhân kỷ niệm ngày đổ bộ của quân đội đồng minh, bây giờ đang hoà tấu trên biển. Tôi không để ý là trời đã ngưng mưa tự bao giờ. Bây giờ là cái choạng vạng của ngày vừa hết chớ không phải vì thời tiết xấu. Tôi vẫn ghét nhất khoảng thời gian này, lúc mà ngày chưa đi hẳn và đêm thì chưa tới. Một thời điểm giao hợp buồn bã nản lòng. Nhưng sao lúc này tôi lại thấy vui vô tả. Các nhạc công đứng trong nước, sóng vỗ nhè nhẹ vấp váp hai chân. Một ánh đèn xanh dịu yếu ớt toát ra từ dưới nước không soi rõ mặt ai cũng cho phép tôi thấy

những cặp mắt khép hờ, say sưa trong điệu nhạc. Họ chơi đàn điêu luyện với cả lòng đam mê quên mình. Thế nên không ai trông thấy tôi, dù tôi là người duy nhất giờ này còn làm khán giả.

Ban nhạc đàn hay một cách mê hồn. Tiếng nước reo khe khẽ tấp vỗ vào bờ hoà nhịp một cách kỳ diệu. Cái kỳ diệu làm tôi nửa như xúc động muốn khóc, nửa như rạo rực muốn gào lên để diễn tả lòng ái mộ tận cùng. Chưa bao giờ tôi được nghe những bản đàn huyền nhiệm đến thế. Tâm hồn tôi như thoát tục, như phiêu lãng giang hồ tới nơi nào không biết chuyện trầm luân, bần hàn vụn vặt. Thân thể tôi muốn tan loãng ra hoà vào nước, quyện vào những bàn chân đang đẩy đưa theo điệu nhạc.

Tôi dõi mắt tìm. Em đứng ngoài xa, trầm mình trong nước, nháy mắt cười và ngoắc đầu, rủ tôi cùng ra bơi. Em cứ bơi cách trước tôi một quãng, chốc chốc lại quay đầu như khuyến khích tôi theo em ra xa chút nữa...

Và bây giờ thì em nằm đó. Trên chiếc giường đàn bà, em kiều diễm đến lịm người. Tôi đứng ở cửa, không dám gây tiếng động, rõ ràng là *Không gian như có dây tơ, bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tiêu!*. Hai mắt tôi dán vào giường, phần dưới thân thể em mờ mờ sau tấm màn tuyn màu hồng gợi cảm. Trông em bình yên như mơ. Một tay luồn vào mái tóc mượt mà trải dài trên gối, cánh tay kia tròn lẵn làm dấu gọi tôi, uể oải gợi tình. Như bản năng loài rùa vừa chui ra khỏi vỏ là trườn người bò ra phía biển, tôi bước vội về phía em, nôn nao hạo hực lẫn ngần ngại vu vơ.

Bên giường, tôi vụng về lột bỏ lớp quần áo ướt át dính chặt vào người rồi cuống quýt trân trọng ngồi xuống mép giường.Khoảng mắt mày vẫn đen tuyền kín đáo, mũi miệng nhạt nhoà trong ánh đèn cùng một màu hồng thật nhạt như màn. Không biết đôi mắt thăm thẳm kia có nhìn tôi trìu mến thương yêu không mà tôi cảm thấy chơi vơi trong mắt em. Tim tôi run rẩy. Tôi muốn nói những lời gan ruột, những lời chưa một lần nào thốt với ai trong đời. Thời gian như ướp lại. Mùi hương của gối chăn và da thịt đàn bà làm tôi ngây ngất. Tôi lướt đôi môi hoảng loạn của mình lên cổ em, cái cổ của chiếc bình sứ. Trên thân thể ngọc ngà quyến rũ, mắt tôi ràn rụa hạnh phúc. *Loài cỏ cây khóc trên da người!* Tôi cảm thấy một nỗi đắm đuối bí ẩn, say mê rờn rợn.Da thịt em mát lạnh, nồng nàn như giải đất phì nhiêu nhuận đạt hương đêm. Một luồng hơi mơ hồ quyện lấy tôi kéo xuống người em đang lặng lẽ chờ đợi, ung dung tự tại. Tôi như một ông thầy tu trẻ say men rượu lễ. Và trước em, tôi cảm thấy mình nhỏ nhoi hèn mọn - có phải vì vụng khờ nên tôi trở thành bé nhỏ ?

Tôi có cảm giác sống gấp rút mê man như lên đồng. Đầu óc tôi điên đảo trong niềm tin và tự mãn có em trong tay. Tôi không còn cô đơn buồn phiền và khép kín như con sò nữa. Vì vậy mà tôi phải giữ em, giữ em bằng

tất cả tấm lòng cô đơn bao nhiêu năm tháng, giữ em với tất cả cái ngông cuồng của một đời trai cô độc, giữ em bằng tất cả các sợi gân máu sôi nổi làm thừng, giữ em thật chặt trong đôi tay hãy còn rắn chắc của mình... Tới lúc tôi cảm thấy rằng trên đời không còn gì hiện hữu nữa cả, không còn sỉ diện hay danh thơm tiếng xấu gì, chỉ còn có em, không còn bằng cấp địa vị công ăn việc làm gì, chỉ còn có em, không còn chùa chiền, cửa nhà, xe cộ gì, chỉ còn có em, không còn cả con người, không còn chim muông thú vật gì, chỉ còn có em, không còn sông biển hoa cỏ gì, chỉ còn có em, không còn sách vở nghiên bút báo chí gì, chỉ còn có em, không còn đèn đóm mùng màn chăn chiếu gì, chỉ còn có em, và tôi không còn cả sức lực, không còn gì chung quanh để bám víu vào, tôi chơi vơi hụt hẫng như bị rơi vào khoảng không mênh mông trống vắng, chỉ còn có em ... một cái gì như vừa thoát khỏi người làm tôi tê điếng sững sờ, thì tôi càng ghì chặt em hơn nữa, và thốt ra một tiếng kêu thất thanh, mê đuối, hoang dại của loài thú trong cơn say mồi... Em - lần đầu tiên từ lúc gặp nhau tới giờ - thì thầm:

- C'est bien!

Tôi hé mắt nhìn. Đôi mắt em mở to nhìn tôi chăm chú qua cặp kiếng. Tôi khép hờ mắt lại vì mệt rồi chợt nhớ, lại mở hết sức ra để nhìn. Bây giờ thì tôi thấy cả mẹ đứng bên cạnh. Mẹ mừng rỡ:

- Con, con thấy trong người ra sao ?

Tôi dáo dác tìm em vì chợt nhận ra người mang kiếng bận áo choàng trắng là người xa lạ. Màu trắng lạnh lẽo của căn phòng làm tôi dại cả người, em có sao không ? Tôi hấp tấp hỏi mẹ:

- Cô ấy đâu rồi mẹ ?

Mẹ tôi ngạc nhiên:

- Cô nào ?

- Cái cô vẫn thường nằm trên bãi đá đó.

Mẹ tôi lắc đầu:

- Rõ khổ. Con cứ nói về cô ấy mà có bao giờ mẹ trông thấy cô ấy đâu!

Tôi chán đời, chán mẹ, xoay mặt vào tường không nói gì nữa. Mẹ tôi sụt sùi:

- Có cô nào đâu kia chứ. Trời thì mưa như trút nước, gió như bão vậy mà mày một mình băng mưa băng gió chạy ra biển. Rồi còn bơi nữa, sóng đập trồi lên trồi xuống. May mà tao gọi cấp cứu tới kịp lúc mày bị tấp vào đá, cái chỏm đá vẫn lòi lên mỗi lần nước rút ấy, chớ không thì giờ này chắc chết mất rồi! (thở dài) Ba cái thứ nhà văn nhà báo rõ là khéo!

Tới đó thì tôi bực bội quay người lại, gắt:

- Thế còn ban nhạc ? Con có xem ban nhạc chơi đàn ngoài bãi với cô

Ở đó
ĐẶNG HIỀN

Có những điều giấu kín
Cơ hồ chiếc lá xanh
Khi mùa xuân chập chờn cánh bướm
Bướm bay và em cũng bay

Ơi em, nụ cười còn nhớ
Mảnh trời xanh mái ngói
Ngủ vùi giấc tuổi thơ
Tùng ngón tay
Buồn như biển thở

Trăng theo chân về gần sáng
Soi nghiêng bóng mình
Làm sao chụp bắt
Tiếng cười em dẫn ánh trăng đêm

Ở khoảng cách nào đó
Xa hơn một bàn tay
Những vì sao lạc nhịp
Mỗi ngày một thêm xa

ấy mà!

Mẹ tôi tròn mắt lên:

- Ban nhạc ? Nhạc gì ? Nước dâng lên gần bờ tường không còn bãi bung gì nữa. Phố xá vắng teo ai cũng lo núp mưa núp bão chưa xong mà còn ban nhạc! Cả nhà thương này nói mày có điên thì mới ra biển với thời tiết như vầy.

Tôi im lặng. Mẹ vẫn thường lo nếu tôi có vợ thì cụ sẽ bị bỏ rơi.

Tôi khăn gói trở lại Paris. Cứ mỗi lần mất một người bạn thì con đường mình sẽ bị cắt ngắn đi một khúc. Tôi biết là từ nay sẽ không bao giờ trở lại vùng biển này nữa, và vẫn sẽ tiếp tục kiếp trai già dở hơi, cô quạnh.

Bởi vì bây giờ thì em đã chết rồi, giản dị như một cơn mơ. ❐

Lá thư tình không gửi

Hoàng Bích Đào

Khánh Trâm thân yêu,

Sắp đến Noel rồi, thế là đã hơn 5 năm Trâm xa Đàlạt. Trời Cao nguyên sáng nay cũng vẫn sương mù giăng mắc trên rặng thông xanh mướt. Những búp non đâm chồi trắng nuột óng ánh với giọt sương trinh nguyên long lanh rung động. Mimosa rực rỡ vàng thắm cả núi đồi. Chú hái một cành hoa Mimosa trước cổng trường Couvent cho Trâm đây. Phấn vàng còn đượm hương nồng tinh khiết, màu vàng tươi như màu áo Trâm vẫn thường mặc, màu vàng của quê hương, những ngày trẻ thơ ngọc ngà ở Huế và Đàlạt.

Trâm còn nhớ không, thác Cam Ly nước reo chim hót. Nhìn chiếc cầu gỗ mục, nhớ lại hình ảnh Trâm run rẩy nắm chặt tay chú mỗi lần đi qua. Những ngày đẹp trời, nắng tung tăng trên những ngọn cây, gió từ núi xa lướt về, xào xạc, từng chiếc lá ngẩn ngơ lìa cành, bềnh bồng cuốn xoáy tròn, bốc lên cao trước khi nằm im trên thảm cỏ. Tiếng Trâm reo cười chạy đuổi theo lá, những lá úa màu nữa vàng nữa đỏ sậm trong bàn tay mũm mĩm bé bỏng :

- Trâm nhặt lá vàng cho chú đó.

Tiếng nói cười trong trẻo, giọng Huế ngọt ngào của bé Trâm vẫn còn dư âm trong chú. Hình như cả núi rừng mênh mông hôm đó, ngoài đám mây bềnh bồng phiêu lãng bay, chỉ còn có hai chú cháu mình đang đùa nghịch trên đồi.

Năm năm qua rồi, bây giờ Trâm thấy không ? Hồ Than Thở quạnh hiu vắng vẻ. Thung Lũng Tình Yêu xác xơ tàn tạ, hàng kẽm gai chằng chịt rào quanh. Lô cốt được dựng lên đìu hiu buồn trong gió. Cỏ không còn xanh mướt, những loài hoa dại mọc ngổn ngang chắn lối. Còn đâu rừng Ái Ân đầy hoa trâm vũ, màu tím dại kết thắm như huyết lam. Những

hoa bâng khuâng, hoa tỷ muội, nép cạnh hàng lau dại bạc thếch phất phơ bên bờ suối. Chú nhớ mãi những tia nắng ấm làm hồng đôi má Trâm, những đợt gió thổi ngược làm tung mái tóc lúc Trâm chạy lên đồi, bỏ mặc chú đi sau thơ thẩn nhìn trời mây. Bây giờ thì Trâm đã đi xa rồi, thật xa! Trâm, còn đâu bướm vàng về đây mở hội, để bé Trâm lom khom bắt, tiếng chú gọi khuấy động bướm bay đi mất, bé Trâm dậm chân:

- Bắt đền chú đó. Chú làm bướm bay đi mất! .... Chú còn nhớ mãi gương mặt phụng phịu, nũng nịu dễ thương ấy .....

Chú xúc động đọc thư Trâm. Trâm nói những kỷ niệm trẻ thơ khó quên được Đàlạt và Huế. Có những ngày tháng tung tăng trên đồi Vọng Cảnh, nhớ những ngày hè nhàn rỗi trong vườn Tịnh Tâm, bên con hói nhỏ ở chợủ Hôm, nhớ những lần về thăm quê Nội bên Vỹ Dạ. Rồi con bé được Mẹ cho lên Đàlạt học, ngày ngày trong chiếc lồng Couvent des Oiseaux. Bầy chim nhỏ lại vui nhộn khi cuối tuần được thả ra, biến thành những con nai vàng thơ thẩn giữa rừng núi hoa vàng, giữa rừng thông sậm khi hoàng hôn xuống dần lưng đồi xa xa ....

Chú nghĩ, nếu không có những kỷ niệm an ủi và những trách nhiệm thi hành, thì biết đâu chú cũng quỵ ngã từ lâu rồi. Chú sẽ làm theo lời Trâm: là món quà Tết cho Trâm, hái một cành Đào từ Đàlạt mang về Huế. Trong đêm giao thừa, mỗi người sẽ cầu nguyện cho đất nước chóng thanh bình.

Chú không bao giờ quên, buổi sáng muà đông đó, trường Couvent dưới lớp sương mù bao phủ, trông xa như toà nhà bằng pha lê. Chú vào gặp Mẹ bề trên đưa thơ và vé máy bay, rồi chú ra xe ngồi đợi. Chú muốn dành cho Trâm một bất ngờ, sau tám năm không gặp, có lẽ bây giờ Trâm thay đổi nhiều? Thế rồi từ trong cổng trường, một cô gái, tay xách valise nhỏ, khoác áo manteau màu nước biển, tóc xõa ngang vai, có phải Trâm đó không? Nếu không có đôi mắt to đen với cái miệng nho nhỏ thì chú không nhận ra Trâm rồi. Mãi nói cười với cô bạn gái ríu rít rồi Trâm lên xe, thoáng nhìn chú với ánh mắt xa la. Thì ra Trâm quên chú rồi! Chú bâng khuâng vô vàn....Trên phi cơ Trâm ngồi nói chuyện như một người xa lạ. Bây giờ Trâm đã trở thành cô gái đẹp duyên dáng, e lệ thẹn thùng....

Về đến nhà, Mẹ âu yếm vuốt tóc Trâm và cho hay là có nhờ chú Hữu lên Đàlạt đón Trâm sáng nay.

- Chú Hữu đâu có đón con? Một tý nữa là không biết sao ra phi trường Liên Khàng, may là nhờ có bác cô bạn học cùng trường đưa ra phi trường, Trâm nói giọng muốn khóc....

- ồ rứa thì lạ thật, chú ấy đi mô hè?

Mẹ quay lại hỏi con gái:

- Chú không đi đón con thật sao?

Có tiếng từ phòng khách.

- Dạ, có đi đón cháu đó chị ạ!

Trâm chạy ra bỡ ngỡ:

- Kìa là chú đó hả?

Trâm phụng phịu bỏ vào phòng hờn dỗi.

Chú xin lỗi Trâm, thật tình hôm đó chú không muốn trêu Trâm đâu, từ trong xe ngồi đợi, nhìn thấy Trâm đi ra với cô bạn gái vui vẻ cười nói. Trâm không nhận ra chú thật sao? Lỡ rồi đành đóng nốt vỡ kịch. Nghĩ lại chú cũng lẫn thẩn, cô nữ sinh mười sáu tuổi, đã đâu phải cô bé mũm mĩm dễ thương hay làm nũng với kẹo, bánh của chú Hữu gần nhà ở Huế nữa!

Trâm còn nhớ không? Dịp Tết năm nào, Trâm súng sính trong chiếc áo dài gấm đỏ có hoa, đeo kiềng vàng, mang đôi hài nhung kết cườm thật là xinh, cả nhà đang lì xì cho bé, Mẹ ôm bé vào lòng:

- Con gái tôi xinh quá, lớn lên có chồng cho Mẹ nhờ nhé!

- Con không lấy chồng đâu!

- Sao thế? Mẹ đùa hỏi.

- Con lấy chú Hữu, con không lấy chồng đâu! Chú cho con nhiều bánh, kẹo, chú cõng con hái ổi, hái mận sau vườn nhà chú!

Cả nhà cười ầm lên, chú ngượng đỏ mặt, Trâm ơi, chú nghèo làm sao có tiền mua áo đẹp cho bé. Chú đâu có ngờ câu nói ngây thơ cuả bé ám ảnh mãi chú. Năm ấy, tình hình chiến sự trở nên nghiêm trọng chú phải đi xa, cho đến khi gặp lại Trâm trong dịp Noel năm ấy. Chú bàng hoàng cảm động, Trâm còn nhớ mình không? Rồi đùng một cái, được tin Trâm đi du học, tiễn đưa Trâm ra phi trường Tân Sơn Nhứt : chú bảo rán cày đi, cày chóng xong về giúp xứ sở quê hương đất nước đang chờ cô đấy. Nhìn bạn bè, bà con vây quanh, Trâm với ánh mắt rưng rưng, nước mắt nầy cho ai? Trâm không nói gì với chú cả, mà nói làm gì phải không Trâm? Chú thấy lòng mình như se lại. Trâm đi rồi chú thấy trống trải lạ lùng, như mất một vật gì quý báu nhất. Nhìn lại đôi tay gầy gò với mái tóc phong sương đen trắng, trên 30 tuổi rồi, sự nghiệp công danh còn dang dở, tương lai nào chờ đợi ta đây? Đất nước loạn ly, nửa phần quê hương còn lại phải bám giữ để tồn tại, cùng với mọi người chung sức chia sẻ hiểm nguy còn nói chi đến công danh sự nghiệp cho riêng mình!

Trong thư Trâm viết: chị Hảo cho Trâm hay tình hình trở nên nghiêm trọng kinh khủng, Sàigòn, Huế có những cuộc biểu tình bộc phát dữ dội, muốn biết rõ về chú cứ đọc Newsweek tháng 11 thì biết làm Trâm đâm lo sợ cho chú, hình dung thân hình cao cao, mái tóc bồng bềnh đôi mắt nhìn suy tư như lạnh lùng như tha thiết ấy, với những cuộc họp liên miên đêm

ngày không dứt, bên cạnh những gạt tàn thuốc ấp đầy. Tội nghiệp cho những ai yêu những người làm chính trị, vì mấy ai được hạnh phúục. Ngày mai và những ngày sắp đến, không biết chú còn viết được thư cho Trâm nữa không! Như cuộc sống quân đội, đời lính phiêu lưu, lấy rừng núi làm nhà, bóng đêm làm quán trọ, chú đã giữ kín mối tình câm nầy. Hơn mười năm rồi, chú tưởng không bao giờ nói cho Trâm biết, mà biết làm gì phải không Trâm? Trâm còn nhớ không? Những lần Trâm vòi vĩnh đòi quà, là những lần đó chú cảm thấy niềm vui dâng đầy.... Có đôi khi chú nghĩ, giá Trâm đòi hái sao trên trời để kết thành vương miện, chắc chú sẽ làm cho Công Chuá của chú vui, nếu được!

Có những lần chú chứng kiến những bạn bè gục ngã ngoài chiến trường, bỏ lại vợ con cô đơn, khổ sở. Người cô phụ chỉ còn lại nước mắt, chiếc khăn tang với đàn con dại..... Chú đâm ra liên tưởng đến Trâm, đến cô cháu yêu thương cuả chú, nếu bị hoàn cảnh ấy, cái cảnh người vợ đợi chồng về... trên chiếc xe lăn, trên đôi nạng gỗ hay hòm gỗ cài hoa... thì Trâm ơi, không biết chú sẽ ra sao! Định mệnh nào đưa chú vào ngõ cụt!

Bây giờ Trâm đi xa rồi! Âu đó cũng là dịp cho chú thổ lộ tâm tư, dù sao chỉ một lần thôi rồi muôn đời lặng nín. Nếu mai kia thân xác có biến thành tro bụi thì linh hồn nầy xin mang theo mối tình trong trắng với kỷ niệm. Lòng chú đã lâu khép kín, từ lúc gặp lại Trâm, Noel năm ấy như chợt thức mà từ lâu đã rong rêu như phiến đá.... của đêm không ngủ... Dù những kỷ niệm có nhạt nhòa với Trâm, riêng với chú, khung trời Đàlạt - Huế là đồi thu ngàn năm toả ngát hương thơm và hình ảnh của Trâm mãi sáng rực với mối tình câm lặng muôn đời không phai lạt nhớ thương....

Chú Hữu
Huế, 1977

Trâm bàng hoàng đọc lại lá thư chú một lần nữa, vì ban sáng bận thu xếp đồ đạc để lên đường, đi Lac Tahoe với chồng con. Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, ngày tháng năm để từ năm 1977, sao mãi hôm nay ai gửi đến cho nàng? Với lấy phong thư, Trâm nhận thấy bì thư để nơi xuất xứ từ Canada, tên và địa chỉ người gửi đều không quen biết với nàng. Trâm lẩm nhẩm cũng trên mười lăm năm rồi, lá thư đã ngã màu vàng uá, những hàng chữ đã nhạt nhoà màu mực.

Một thoáng bâng khuâng, Trâm thầm nghĩ bấy giờ có lẽ chú đã đi xa rồi, xa biền biệt.... đến miền tỉnh yên , nơi đó không có tiếng súng đạn, tiếng bom và cả ánh hoả châu ma quái đêm đêm, biến quê hương tháng ngày vời vợi....

Tiếng con bé giật mình dậy. Trâm âu yếm kéo chăn đắp cho con, tay

Tiếng đêm

VẠN GIẢ

Ngọn tóc điểm sương, hồn lữ khách
Trăng khuya hiu hắt những con đường
Ta đứng sau lưng bờ khuất cách
Mà lòng khua dậy một niềm thương

Chảy suốt quê người cơn giá buốt
Đã lâu chua tận chút ngậm ngùi
Cơm áo nhọc nhằn đôi vai trĩu
Làm gì có được một ngày vui

Qua sông mưa nắng nhàu năm tháng
Sóng thời gian vỗ mộng trời xa
Đôi tay gầy níu dòng kỷ niệm
Về đêm, khắc khoải bóng quê nhà

vỗ nhè nhẹ.... cạnh đấy 3 cha con ôm nhau ngủ say sưa, hai đứa con trai gục đầu vào nhau ngủ mê mệt, đến nỗi còn để nguyên bộ áo quần trượt tuyết. Nhìn chồng nàng, trong trạng thái ngủ thật bình yên và mãn nguyện. Trâm rón rén ra phòng ngoài đứng tựa vào cửa sổ nhìn ra ngoài trời, một màu tuyết trắng xoá bao la ngút ngàn.

Chiều nơi đây thật thấp trùng điệp hoang vu đã trở thành chiều Đàlạt, tuổi thơ bỏ lại....

" Phố núi cây xanh, trời thấp thật buồn "....

Chú ơi! Một thoáng nhớ rưng rưng.... khuôn mặt chú võ vàng.... Lac Tahoe tuyết phủ đầy lạnh lẽo trong bóng đêm mờ mờ đục.... ánh trăng hạ tuần trong huyền hoặc đến liêu trai.

Ngoài hiên tuyết vẫn âm thầm rơi như tiếng thở dài, nghe buồn dâng lên đôi môi.... xa xa bên kia chân trời một vì sao lặng như ảo ảnh cuộc đời, chợt đến chợt tan! Đó đây nơi quê hương thần thoại muôn đời, những chòm sao vô lượng khác sáng tỏ lung linh....

Tuyết đã ngừng rơi, chỉ còn tiếng gió vi vu từ đồi núi cao vọng về qua rặng bách diệp rạt rào trong bóng đêm như tiếng nức nở trên miền quạnh hiu. ❐

Mùa tang tóc

Nguyễn Qúi Đức

Có một ông già nằm chết trên vỉa hè. Ánh trăng chưa phải ngày rằm chiếu lờ mờ lên cái xác nằm sấp, hai tay cong thành hình chữ U hai bên cái đầu máu me. Thằng du đãng giết người đã bỏ trốn vào hẻm tối.

Hồi đó không ai biết chị Béo là người ở đâu tới. Cũng không ai biết chị bán bún ở đó từ bao giờ. Chắc đã lâu, bởi vì năm tôi học lớp đệ thất thì cái sạp bún của chị đã ọp ẹp cũ kỹ lắm. Nhưng nhìn chị thấy vẫn còn trẻ. Chị có hai cái má lúm đồng tiền hai bên đôi môi dày. Trông chị rất có duyên.

Đám chúng tôi lâu lâu tụ họp trước cổng trường, ăn một tô bún của chị Béo. Chúng tôi lúc ấy là con nhà giàu. Ở nhà lúc nào cũng dọn cơm sáng đầy đủ cho chúng tôi rồi mới cho tài xế chở chúng tôi đến trường. Năm thì mười họa chúng tôi mới thoát được cái thông lệ đó. Đến trường sớm hơn mọi khi, ngồi ăn với nhau một tô bún.

Trường này là trường Tây. Một trăm năm đô hộ, đến thời đó thì ông Tây bà Đầm đã xách đít đi về Pháp hết rồi, chỉ để lại một vài ngôi trường rải rác. Chúng tôi là đám nô lệ cuối cùng, hằng ngày ê a học sử Pháp, địa lý Pháp, văn chương Pháp.

Nói cho ngay, bố tôi xưa cũng có thời bỏ nhà đi theo Việt Minh đánh Pháp. Sau này vào miền Trung, hùn hạp mở tiệm giặt áo quần cho lính Mỹ đóng trại phía bên kia sông. Cuối tuần họ đổ đồn vào thành phố đông như kiến; các nẻo đường biến thành những mảng lố nhố màu xanh của lính. Xe cam nhông chạy ào ào, bụi bặm khắp nơi. Vụ giặt ủi ngày càng bành trướng. Tôi thi đệ thất, đậu vào trường công, nhưng lão hiệu trưởng mặt rỗ kiếm cách làm khó dễ, đòi tiền hối lộ. Bố tôi bất bình, đóng tiền

cho tôi vào trường Pháp mà học.

Tôi bắt chước đám bạn, mặt mày vênh vênh, váo váo, ngày hai bữa cắp sách đến trường, tối lang thang vào trung tâm văn hóa Pháp, đọc sách, coi xi-nê Tây. Chiến tranh ai đánh nhau ở đâu, đám bạn học tôi không cần biết. Chúng nó là con bác sĩ, dược sư. Có đứa bố là thị trưởng thành phố. Đứa khác là con trung tá an ninh quân đội, hoặc là chuẩn tướng không đoàn trưởng. Bố mẹ có tiền, lo cho ăn học đầy đủ. Đám anh chị tụi nó chưa đỗ tú tài đã có giấy tờ xuất ngoại du học.

Lâu lâu, chị Béo vừa múc bún lại vừa dày xéo chúng tôi. Chúng bây ăn sung mặc sướng, xe cộ đưa đón suốt ngày suốt buổi. Con người ta phải đi lính, đi tráng. Có đâu mà hư đốn như tụi bây. Bún đầy mấy cậu.

Chúng tôi đẹch mặt ra cười. Chị Béo vừa rủa cũng vừa cười, hai cái má lúm đồng tiền xúng xính, thấy phúc hậu, dễ thương. Nhưng hai con mắt thì lại có vẻ nhà quê nhà mùa, lại vướng chút lẳng lơ rẻ tiền. Bởi vậy chị có cái vẻ quyến rũ lạ kỳ. Hồi đó chúng tôi ăn xong, trả tiền, rồi vào lớp viết chính tả, học văn phạm, vẽ hình núi sông, nghe chuyện cách mạng, toàn của Tây. Vào lớp rồi thì quên béng lời chê bai của chị. Năm này qua năm nọ, chị Béo vẫn vừa bán vún vừa mắng tụi tôi. Nhưng đôi khi có đứa không có tiền túi, chị lại cho ăn chịu. Chúng tôi ngày càng ngổ ngáo hơn.

Trên bao lơn tầng lầu ba phía bên kia đường, ông già cụt chân đặt bát mì vừa ăn xong vào chậu cây héo. Ông gọi vợ. Bà nó. Đem rửa cái tô. Ông lững thững đốt điếu thuốc, vừa nhìn cái xác chết. Một lát, ông lại gọi vợ. Bà nó. Con Sang, thằng Phú về chưa?

Bà vợ lò dầu, lúi húi bưng tô mì. Con nó đang sửa chiếc Honda ở dưới. Đâu như con Sang đi ngủ rồi. Ông già nói, biểu thằng Phú lên đây.

Đứa con tóc tai bù rối kéo đôi dép nhựa lẹt xẹt từ trong nhà đi ra bao lơn. Cái quần xà loỏng của nó rách nát, dính đầy dầu mỡ. Chân cẳng nó là hai cành cây héo, cong queo lèo khèo. Mười hai giờ rồi. Ông làm gì chưa đi ngủ hả?

Tổ cha mày. Tao nói mày nghe. Mày đi đường tối khuya, nó giết toi mạng. Tao không muốn dây dưa với công an. Từ rày, đi đâu về sớm. Con Sang nữa, nghe không?

Thằng con với lấy của ông già một điếu thuốc. Nó nói, ông khỏi lo. Khi không lại nói chuyện vô duyên.

Nó vừa đưa điếu thuốc vào mồm, ông già chồm người giựt mất. Mẹ mày. Hết tiền mua thuốc rồi hay sao mà lấy thuốc của tao?

Thằng con nguẩy đít đi vào nhà. Vô duyên. Già rồi đâm khùng.

Ở bên kia đường, cái xác chết vẫn nằm nguyên.

Năm 72, mùa hè đỏ lửa, nhà người bà con đâu miệt Đông Hà, Quảng Trị, chạy tản cư vào ở tạm nhà tôi, sau đó đi tuốt vô Sàigòn. Dượng tôi sợ Sàigòn nhiều cám dỗ, gởi lại một người con trai trong nhà, học cùng trường với tôi.

Anh Quang lớn hơn tôi ba tuổi. Lúc mới vào, anh còn để tóc húi cua, có cái mái chắn ngang trước trán. Khuôn mặt phệ và tròn trịa làm cho anh có vẻ u mê so với đám bạn mới, một lũ choai choai chạy đua theo thời trang, tóc để dài theo kiểu híp-pi Âu Mỹ. Anh Quang ít cười, ít nói. Nhưng tôi thích anh vì anh vẽ rất đẹp. Tôi chuyên môn nhờ anh vẽ hình trong vở, làm bạn bè và thầy cô lác mắt. Anh học ban toán, kém tiếng Tây, tiếng Anh, nhưng luôn luôn được điểm cao, có lẽ vì chăm. Tiếng Việt thì anh thật giỏi.

Mỗi sáng, anh Quang đèo xe gắn máy chở tôi đến trường. Sáng sáng anh bao tôi ăn bún. Anh ngồi lầm rầm lì rì ăn bún. Dần dà anh quen một số bạn, và anh nhập toán đá banh, nhưng vẫn giữ tính nết lầm lì. Tôi cứ nghĩ, người ở quê lên tỉnh, khó lòng gỡ bỏ được cái lớp vỏ cố hữu.

Năm tôi gần xong lớp đệ tứ, anh Quang làm chuyện động trời.

Anh ăn nằm với chị Béo.

Bốn giờ sáng trời đổ cơn mưa rào. Mươi phút lại tạnh. Bà Canh bán phở bò thức dậy sớm chuẩn bị nấu nướng. Từ trong hẻm, bà bưng nồi nước dơ, vãi tung toé ra mặt đường. Vung tay từ bên này sang bên kia, tạt một phần nước vào thân hình đã ướt nhoè dưới cơn mưa, Bà chặc lưỡi, giật mình thấy thân hình nằm sóng soải. Bà lầm rầm nguyền rủa. Đồ say sưa, ai biểu nhậu xỉn rồi lăn ra đó mà nằm.

Bà vừa định bỏ đi, lại quay đầu nhìn. Cái thân hình vẫn nằm chèo queo, không nhúc nhích. Bà hỏi, bộ chết rồi hả? Bà cúi đầu, nghiêng cái thân hình gầy còm ra phía trước, cái dáng giống con gà chực mổ sâu bọ dưới đất, hai chân chàng hảng. Bà chắp hai tay vào sau lưng, tưởng chừng như giấu được cái nồi sau cái thân hình gầy ốm của mình. Bà giương mắt nhìn chằm chặp vào cái thân hình bất động. Thời buổi này, tiền đâu mà rượu chè như nước lã đổ ống cống. Bà thở dài, xách cái nồi không quay trở vào con hẻm. Bỏ cái xác chết nằm giữa vũng nước mưa, nước lèo loang lổ dầu và tương ớt. Màu máu bây giờ thắm đỏ hơn. Tanh hôi mùi hành tỏi.

Năm tôi đỗ bằng trung cấp, Tây nó gọi là bằng brờ-vê, bố tôi giữ lời hứa, kêu người xây cho tôi một cái phòng riêng ở phía sau nhà. Bố tôi cũng cho xây một căn phòng cho anh Quang ở. Chúng tôi chia nhau một

cái phòng tắm ở giữa.

Chúng tôi sống gần như riêng biệt hẳn. Bố mẹ tôi ham lo công việc, ăn uống thất thường. Mấy người làm bếp mang cơm cho tôi với anh Quang ăn trong phòng riêng. Anh Quang với tôi bẻ rào, làm chỗ ra vào riêng đằng sau hai căn phòng. Xẹt một cái là vào hẻm, rồi đi luôn ra đường cái, không ai biết. Cũng nhờ cái ngõ rào đó mà anh Quang mang được chị Béo vào phòng anh.

Sau này tôi mới biết lúc đầu anh Quang tằng tịu với chị Béo ngay trong trường. Họ tán tỉnh, hò hẹn nhau lúc nào, không ai hay biết. Ai tán ai, ai theo ai cũng không biết. Mấy tháng sau, anh Quang mới dẫn tôi vào khu rừng đằng sau ngôi trường, chỉ cho tôi xem cái nhà xác. Thời Nguyễn Tri Phương, trường tôi vừa là đồn lính, vừa là nhà thương. Nghe nói xác lính vừa ta vừa Tây mang vào đốt trong một cái nhà gạch. Anh Quang và bạn bè chui vào rừng chơi, khám phá ra chỗ đó. Nơi có mái ngói lồi ra, và có mấy mảng tường nghiêng ngửa, họ lấy cành cây, tàu lá, che che, chắn chắn, thành một căn phòng. Họ trải chiếu, tụ tập vào đấy. Họ lén lút hút xì-ke.

Lần đầu tiên anh Quang ăn nằm với chị Béo là tại căn phòng ma quái ác ôn đó. Sau này anh dắt chị luồn ngõ hẻm vào phòng. Một buổi tối đang học thi, tôi mở cửa vào phòng tắm, đúng lúc chị Béo đang rửa ráy. Chị đứng chàng hảng nhoẻn miệng cười. Cái thân lồ lộ không thèm che giấu, nước da ngăm đen màu rượu mận. Tôi hoảng hốt đóng cửa vào phòng.

Cả tháng sau tôi không dám bén mảng tới quán bún. Bạn bè rủ, tôi cứ bảo đã ăn sáng. Tối tối, nghe bên phòng anh Quang có tiếng động, tôi lại mường tượng ra cái thân hình trần trường beo béo ấy. Cái vạt lông đen tam giác, hai cái ngực đầy ắp, đầu vú tím sẫm, to, tròn. Hai bàn tay nối liền vào cánh tay mập mạp, dính vào thân thể không che đậy, không còn ăn nhập gì đến chuyện múc bún, thối tiền. Hai bàn chân tôi vẫn thấy khi chị Béo ngồi co người trên sạp, bây giờ thuộc vào thân thể lộ trần, dính liền với cổ chân, đầu gối, bắp đùi. Nhìn thoáng một giây vào cái thân hình lõa lồ đó mà gan dạ tôi thoi thóp. Ký ức dục vọng đó ám ảnh tôi gần một năm trời. Tới bây giờ, tôi vẫn không quên cái khoảnh khắc khiếp sợ, kích thích rúng người lúc mở cửa buồng tắm.

Anh Quang tỉnh bơ, biết chắc tôi không dám méc lại với bố mẹ. Tôi kiếm cớ không đi cùng với anh đến trường hàng ngày. Bún bò tuyệt đối là không. Buổi tối, nghe tiếng động, tôi lại thấy bắt đầu ghen ghét anh Quang. Ghét cả chị Béo bán bún.

Sáu giờ sáng. Đám đông bu quanh xác chết, bàn tán ra vào. Chắc

nhậu xỉn, té đập đầu xuống đất mà chết. Ăn bún ăn cháo gì oẹ mửa gớm ghiếc. Mấy người hiếu kỳ vừa coi vừa dọn, muốn bỏ đi nhưng không cưỡng được tính tò mò, cứ lân la miết. Nhìn một cái, lại quay đi chỗ khác. Một chốc lại nhìn. Không ai dám đụng vào cái xác chết.

Bên kia đường, ông Giàu cụt chân lại đã ngồi vào bao lơn. Bà vợ bưng cho ông cốc cà-phê chưng trong bát nước sôi. Bà báo cáo với ông. Có ông già nào say rượu, té đập đầu chết bên kia đường.

Ông già nào. Thằng cha Út chứ ai.

Ông Út nào? Ông già thằng gì...

Còn ai nữa!

Lạy trời!

Lại pháo kích. Hai, ba giờ sáng. Ầm. Ầm. Ầm. Còi báo động hú từng hồi kinh khiếp. Tuần nào cũng bị pháo kích. Vậy mà tiếng còi báo động lúc nào cũng xoáy điếc tai, xoáy vào tận tâm can, lần nào cũng làm tôi hoảng sợ, còn hơn là tiếng đại pháo xé ngang bầu trời đêm. Tôi chạy băng ngang sân sau, chun vào hầm.

Mẹ tôi bảo, thằng Quang đâu? Tôi nói, con không biết. Một lúc sau, anh Quang chạy vào. Có người hỏi, ngủ say không nghe à? Anh cài áo, không trả lời. Ầm. Ầm. Ầm. Ánh sáng loé lên ở miệng hầm. Tôi nhìn ánh mắt anh, thấy anh cũng lướt nhìn tôi. Tôi biết ngay. Anh bỏ chị Béo nằm lại trong phòng.

Ầm. Ầm. Tôi tưởng tượng thấy con người loã thể đang ngồi thụt xuống bên cạnh cái giường hay xó bàn. Còn anh Quang thì ngồi đây với gia đình tôi. Đến lúc đó tôi mới nghĩ đến gia đình chị Béo. Chị ở với ai, đêm khuya thế này, đến ăn nằm với anh Quang, không có họ hàng, bà con nào hết sao?

Ngoài đám học sinh ra, không hề thấy chị Béo nói chuyện với ai. Không bao giờ thấy bà con hay người quen đến thăm chị ở sạp bún. Sáng đến trường thì thấy chị đã ngồi ở sạp bún. Trưa đi về, chị vẫn một mình ngồi ở đấy. Buổi chiều cũng vậy.

Sau này, khi đã lấy lại được can đảm cùng với bạn bè trở lại quán bún của chị, tôi vẫn giữ bí mật trong lòng. Tôi biết đám bạn mà biết được chuyện này chúng nó sẽ bàn tán, chọc ghẹo. Mà tôi lại thấy tội nghiệp chị Béo. Không hiểu bạn của anh Quang có ai biết không, nhưng tôi thì nhất thiết không dám hỏi. Không bao giờ hó hé một lời.

Xác chết nằm phanh thây, đến hơn tám giờ mới có xe ba gác chở đi. Lật xác lên thấy vết dao -phải là dao phay, hay riù- chặt vào trán, vào

má. Thủng một con mắt, dập lỗ mũi. Nhưng người ta vẫn nhận ra ông Út. Tội nghiệp ông già tóc bạc. Sống lẳng lặng không hề đụng chạm đến ai. Sáng làm công, quét lá công viên. Chiều bơm bong bóng bán cho trẻ con. Đêm khuya đôi khi còn đi lượm nhặt trong các đống rác rưới.

Mọi người xầm xì. Khi không lại bị chém chết tức tưởi. Nhưng mà rõ rành rành. Ông có một cái tội đối với đám dân lam lũ trong xóm. Ông là cha để một thằng công an chuyên môn hà hiếp dân chúng.

Thời đại này, thù oán là chuyện hàng ngày. Thanh toán nhau bất kể phải trái. Con làm cha chịu.

Vào thời đó có một ông già xuất hiện trước cửa trường. Đối với chúng tôi hồi đó, đây là một ông già. Nhưng ông chừng bốn mươi là cùng. Chúng tôi gọi ông là lão điên.

Lão bận áo lính Mỹ dính đầy dầu, quần đen rách rưới xắn lên tới đầu gối. Lão đi chân đất, móng chân dài đen thui. Tóc chải xuôi từ trán ra sau gáy giống như ông Trần Văn Trạch trên ti-vi, nhưng dài hơn, lại bệt kín nhựa đường và nhớt xe hơi. Lúc nào ngồi ở vệ đường lão điên hay quẹt tay xuống mặt đất, xong rồi xoa vào đầu, bôi đủ thứ chứng vào những sợi tóc gớm ghiếc. Hai bàn tay đen đủi cứ vuốt vuốt đầu tóc. Trên cái trán vồ của lão có những đường nhăn, những sợi gân, mạch máu, chằn chịt lung tung, giống như da thằn lằn. Lão điên lép nhép cái miệng suốt ngày, nhưng không nói gì lớn tiếng. Lão bước những bước mạnh bạo như lính diễn binh, chân đá cao, hai tay đánh đu từ trước ra sau, toàn bộ thân hình di động quả quyết, như một người tập trung vào chủ đích, không màng tới ai ở xung quanh. Nhưng lão chỉ đi lòng vòng quanh trường chúng tôi, miệng thì cứ lắp bắp cái gì, không ai hiểu.

Có một điều làm lão có vẻ dễ sợ nhất. Đó là đôi mắt của lão. Trợn trừng sáng quắc như mắt thánh. Luôn luôn như thế. Chúng tôi không hề dám chọc ghẹo gì lão. Không ai dám lại gần. Không ai nói chuyện gì với lão bao giờ. Trừ chị Béo. Nhiều lúc đến giờ ra chơi, lúc bãi trường, chúng tôi ở trong lớp đi ra, thấy lão ngồi bệt dưới đất bên sạp bún. Chị Béo cho lão ăn bún. Rõ ràng là họ có nói chuyện với nhau.

Có lẽ chị Béo là người quen duy nhất của lão. Đôi khi tôi cũng muốn hỏi anh Quang về cái liên hệ đó, nhưng tôi không hề nhắc đến chị Béo. Ở nhà, tôi cẩn thận, mỗi khi muốn vào phòng tắm thì dóng tai nghe ngóng một hồi mới mở cửa. Nhưng đôi khi tôi cũng phải vật lộn với cái nỗi thèm thuồng trong lòng, muốn được một lần nữa nhìn lại cái thân hình trần truồng đó.

Công an điều tra qua loa. Còn phải giải quyết biết bao nhiêu vụ trộm cướp giết người. Mà ít khi nào tìm được thủ phạm. Chính thằng Cơ Lé con ông Út thì lại có biết bao nhiêu kẻ thù. Nó không bao giờ nương tay. Du dãng, trộm cướp nó bắt hớ, hành hạ đã đành. Kể ăn xin, con nít mồ côi nó cũng hạch sách. Bà già bán rau bên vỉa hè nó cũng nạt nộ, hất thúng. Ai làm gì cũng phải đút lót cho nó. Ba nó thì là một ông già hiền hậu. Bây giờ chết thay mạng cho thằng con ác ôn.

Đám tang tổ chức vào một buổi sáng chủ nhật mưa râm. Người ta thấy tội nghiệp ông, cũng đến đưa đám đông đảo. Gia đình chỉ có nó với ông Út. Má thằng Cơ Lé bỏ chồng đã lâu. Đi lang bạt từ thời nào, không ai biết tông tích. Họ hàng cũng không có mấy. Đám tang phần lớn chỉ là người quen lối xóm.

Có một dạo, tôi thấy bên phòng anh Quang ít có tiếng động. Tôi để ý ít lâu thì đoán ra là chị Béo không còn đến ngủ lại với anh Quang nữa. Nhưng tôi đến trường vẫn thấy anh ngồi ăn bún hằng ngày. Có hôm lại thấy anh nói chuyện với cả lão điên. Ở nhà anh ít nói gì với tôi. Tôi hỏi anh nói gì với lão điên, anh chỉ ậm ừ. Tôi nhất quyết không hỏi han anh về chuyện chị Béo.

Có mấy hôm tôi biết anh Quang đi suốt đêm không về. Tôi ra vào, lắng tai. Đến khuya không nghe thấy tiếng anh, tôi lên giường, đoán rằng anh đang hò hẹn với chị Béo ở nơi nào đó. Tôi lăn lộn với những giấc mơ, thấy anh Quang ôm ấp cái thân hình loã lồ của chị Béo.

Hôm đó là tháng cuối trước khi nghỉ hè. Chúng tôi vừa thi cử xong được ít lâu. Anh Quang sang phòng tôi, ngồi nói chuyện bâng quơ. Một lát, anh hỏi, đố mi năm ni có mấy đứa bị ợ lại lớp?

Sao em biết được?

Anh Quang rầm rì, giọng Huế pha Quảng Trị. Trường mình một trăm bạy mươi đứa. Tây bắt ợ lại lớp sáu đứa con gái, mười ba đứa cơn trai. Vị chi là mười chín đứa. Mà dư rứa thì ít dất cụng phải có cạ thạy là mười thằng sẹ phải đi lính. Đi lính hết cạ.

Tôi thắc mắc, sổ sách nhà trường chưa loan báo, sao anh biết?

Tau có cách ơ tề. Đợi đó, sẹ còn trò ngoạn mục nữa tê.

Tôi giương hai con mắt nhìn anh Quang. Anh rút trong sổ tay ra một tờ giấy, đưa cho tôi. Tôi hoảng hồn. Trang giấy có chừng mười lăm câu. Câu nào câu nấy đều là chửi Tây. Thực dân, ác độc. Thầy, cô, giám thị, anh Quang nêu tên, lôi ra chửi tuốt luốt. Lại có mấy câu dày xéo lính Mỹ. Có câu viết tiếng Pháp, có câu bằng tiếng Việt.

Chờ đi, anh Quang dặn.

Mấy ngày sau khi anh Quang cho tôi xem mấy câu chửi Tây, chửi Mỹ, tôi vẫn không dám nói chuyện với anh. Đến trường thấy anh vẫn tỉnh bơ, vẫn ăn bún, vào ra phòng học cách tôi mấy căn.

Hai tuần trước khi nghỉ hè, tôi đang cùng mấy đứa bạn đi từ cổng lớn vào trường thì trông thấy đám đông tụ tập ở căn lớp phía bên ngoài. Mấy đám học trò bàn tán, chỉ trỏ huyên thuyên. Tôi nhìn lên phía thánh đường, Tây xây trên một thành đất cao, trước kia có lô cốt và súng đại bác, bây giờ dùng làm thư viện. Trên nền tường xây bằng gạch đã đen đủi với thời gian, ai đó sơn lên hai chữ bằng sơn trắng, to thật to. Giải phóng!

Tôi theo mấy đứa bạn rảo quanh sân trường. Khắp nơi, trên tường, trên thân cây, trên bảng đen, chúng tôi đọc thấy những câu chỉ trích mắng xéo ông Tây, bà Đầm. Thôi rồi. Anh Quang chứ không còn ai vào đây nữa.

Nhà trường loan báo đóng cửa ba ngày và cho chúng tôi về. Khi đến trường trở lại, chỉ học thêm một ngày, sau đó được nghỉ hè luôn. Khắp nơi trong trường, tôi thấy dấu sơn mới, từng mảng vá víu. Nhà trường sơn bít những nơi anh Quang viết mấy câu chửi bới và chống đối.

Khi đi coi bảng ghi tên cuối năm, tôi thấy học sinh trong trường ai cũng được lên lớp. Anh Quang hí hửng, còn bọn chúng tôi bàn tán um sùm. Tôi sợ quá, không đả động gì tới chuyện anh Quang cho tôi xem mấy câu chửi bới thầy cô. Chuyện giải phóng thì còn làm tôi khiếp sợ hơn nữa. Loạng quạng là bị cảnh sát cho đi tù, đi làm lao công chiến trường mà chết.

Chôn cất bố xong, thằng Cơ Lé hục hặc với mọi người như xưa. Nó ngồi quán nhậu, la lối. Luôn luôn vung miệng nói chuyện báo thù. Nó hăm hở treo giải một triệu đồng để tìm tông tích thằng nào giết cha nó.

Mấy người trong xóm thở dài. Đau lòng cho ông già. Thằng Cơ Lé sẽ chẳng làm chuyện gì nên sự. Nó sẽ chẳng giữ được thanh danh cho người khuất mặt. Mà nó làm gì có một triệu đồng mà làm giải. Tiền nó có được trong tay cũng là từ xương máu, mồ hôi mồ kê dân trong xóm làm ra, nó bóc lột, nó lấy, nó đòi. Bây giờ lại đòi đem ra làm giải, thưởng lại cho người dân lối xóm chắc.

Một đêm sau khi nghỉ học được mấy hôm, anh Quang rủ tôi đi ăn trứng vịt lộn lúc đã quá giờ giới nghiêm. Chúng tôi vẫn thường lẻn ra con hẻm ăn hột vịt lộn vào lúc tối khuya. Nhưng anh Quang nói, tau nhờ mi việc ni chút. Anh đọc chữ nhờ thành ra chữ dờ.

Tôi theo anh ra sau nhà. Anh giao cho tôi một chiếc xe đạp của mấy

người thợ giặt. Anh đạp một chiếc khác đi trước. Tôi biết là đi xe đạp cho khỏi ồn, nhưng không biết đi đâu. Anh Quang dẫn tôi quẹo hết ngõ đường này sang ngõ đường khác, tôi đoán là để tránh mấy bót gác của Nhân Dân Tự Vệ. Có khi thấy bóng xe cảnh sát tuần tiễu, anh Quang ra hiệu cho tôi núp vào thân cây, vào bờ rào, bóng tối. Một hồi, tôi hiểu ra anh Quang dẫn tôi về phía trường.

Anh Quang dẫn tôi đi dọc hông trường, cách cái nhà xác cũ một quãng sân cỏ mọc um tùm. Chúng tôi bỏ xe đạp, len lỏi theo hàng rào. Tôi khom người. Mỗi bước xào xạc dẫm lên những ngọn lá khô là một cơn khiếp sợ bấn lòng. Một lát, anh Quang kéo tôi xuống một con đường mương bỏ hoang từ lâu. Bây giờ nó khô ráo. Lại những đám lá, cỏ khô xào xạc dưới chân. Tôi sợ cồn cào trong bụng, nhưng phải bặm miệng đi theo anh Quang. Phía bên kia đường là toà thị chính, cách trường mỗi một đoạn đường là toà lãnh sự Mỹõ. Bên hông sau là tư dinh một ông tướng. Đâu đâu cũng có bót gác, đâu đâu cũng có lính tráng, quân cảnh và cảnh sát dã chiến ngồi bên những khẩu súng lù lù trong bóng đêm. Tôi theo anh Quang mà khiếp sợ muốn té đái, sợ còn hơn những đêm pháo kích rầm trời. Anh Quang lục lọi lạo xạo một hồi, moi từ dưới đất lên mấy cái bao bị gì toàn là đồ nặng nề, chuyền bớt cho tôi, rồi cả hai lặn lội trở lại lấy xe đạp, chạy vòng vo về nhà. Tôi sợ khiếp vía. Tôi nghĩ, thế nào rồi anh Quang cũng sẽ còn nhờ vả, rủ rê tôi dính vào nhiều chuyện phiền phức, kinh khiếp hơn nữa.

Tôi méc với bố mẹ chuyện anh Quang. Được vài ngày, anh xếp đồ vào Sàigòn. Anh không nói năng gì với tôi. Anh đi rồi, tôi vào phòng của anh, thấy anh để lại trên giường một gói quà ghi tên tôi bên ngoài. Tôi mở ra thì thấy một trong những con dao găm mà tôi giúp anh thâu lại dưới mương đêm nào. Mảnh giấy anh để lại vỏn vẹn có hai câu. *Cho em, để đừng quên những chuyện cần làm vì đất nước. Nhớ đến chị Béo ăn bún thường, và nhớ nghe lời "lão điên"*. Tôi gấp tấm giấy, giấu trong thùng dưới gầm giường và mang con dao chôn sau bức tường.

Một tháng sau, tôi nghe tin dượng tôi gởi anh Quang du học tại Âu Châu.

Thằng Cơ Lé không làm gì được. Trước giờ nó chỉ biết bắt nạt người ta. La lối một hồi, bây giờ không dưng nó thôi không doạ nạt hay huênh hoang chuyện trả thù nữa. Một thời gian sau khi chôn cất ba nó xong, thằng Cơ Lé đâm ra lầm lì. Chiều chiều, nó ngồi quán nhậu. Ngồi một mình, uống bia một mình, mặt đỏ gấc. Lâu lâu nó phủi phủi tay lên đùi. Như là bực tức chuyện gì mà không nói ra. Rồi nó sinh tật thở dài.

Người lối xóm bớt ghét bỏ nó. Nó không làm gì được cho thanh danh người chết. Nhưng không làm gì xấu mặt cha. Mà nó cũng bớt hành hạ ai. Lâu lâu chỉ bắt chẹt một hai người chủ các hàng quán. Đòi tiền hối lộ, đủ để uống bia. Mấy lần bà chủ quán nhậu nhắc tới bố nó, nó không nói gì. Chỉ một lần nổi hứng, nó kể lể dông dài. Bố nó có công với cách mạng. Công lớn lắm. Huân chương, bằng khen thưởng chẳng ít. Nhưng đó là lúc mới giải phóng. Sau này người ta quên bẵng ông già nó. Thằng Cơ Lé kể lể, giọng không có vẻ oán giận, cũng không than vãn. Nó cứ nói bằng một cái giọng buồn bã chấp nhận mà từ trước tới bây giờ chưa ai nghe lọt ra khỏi miệng nó.

Nó cứ uống, cứ kể. Bà chủ quán nhậu ậm ừ. Nó nhắc tới mọi người. Cán bộ lo về cựu chiến sĩ cứu nước. Nhà nước. Đảng. Mặt trận. Nha bộ chính phủ. Có ai đoái hoài gì đến ông già nó nữa đâu.

Có một điều làm thằng Cơ Lé thắc mắc. Lâu lâu nó ra nghĩa địa thăm mộ ông Út. Lần nào, nó cũng ngạc nhiên. Nó suy nghĩ nát óc. Nó tin chắc không phải là mẹ nó. Nhưng nó vẫn không hiểu ai mang hương hoa cúng bố nó.

Tôi vào học lớp đệ nhị, lo gạo bài vì sợ đi lính. Căn phòng của anh Quang biến thành nơi bạn bè tụ họp để cùng nhau ôn bài, chuẩn bị cho những kỳ thi. Bạn bè nghe tôi kể lại chuyện anh Quang vào trường, sơn khẩu hiệu chửi Tây, chửi Mỹ. Chúng không tin, tôi chìa cho chúng coi những mảnh giấy anh Quang viết khẩu hiệu, kẹp trong cuốn giấy vẽ mà tôi tìm được trong phòng anh sau này. Bạn bè tôi thắc mắc có ai chỉ cho anh làm chuyện ấy hay tự anh nghĩ ra. Chúng tôi không biết có ai làm đồng lõa hay không. Mà làm sao anh có dao găm, cũng không đoán ra được. Hồi đó, lúc theo anh đi xuống con đường mương bên cạnh trường, anh còn đào bới, mang về mấy bịch đồ. Tôi đoán biết trong đó có súng có ống, nhưng không biết ở đâu ra, cũng không biết anh lấy súng lấy ống làm gì, mang cho ai.

Tôi kể bạn bè nghe tuốt luốt chuyện anh ăn nằm với chị Béo. Tôi kể cả chuyện bắt gặp chị Béo trần truồng; đám bạn bè chọc tôi mê thân hình của chị. Chọc chán chúng lại ngồi thắc mắc về cái quan hệ của anh Quang với chị Béo. Không lẽ cả hai người yêu nhau ngang trái thật sự.

Hôm nào rảnh, tôi đến ăn bún của chị Béo. Tôi thừa hưởng cái xe của anh Quang, sáng sáng đi học một mình, không bận bịu với tài xế xe nhà. Tôi ngồi hụp đầu trong bát bún. Vừa sợ bạn bè dèm pha, vừa tò mò. Lúc đầu chị Béo hỏi thăm anh Quang, nhưng sau chỉ hỏi han tôi về chuyện học của tôi, rồi chuyện làm ăn của gia đình. Đến khi chị kéo lão điên vào

những câu chuyện với tôi thì tôi rợn người.

Lão điên không điên dại gì hết.

Lúc lão điên khơi mào nói chuyện tranh đấu cho quê hương thì tôi hiểu hết mọi chuyện. Lão là người lèo lái anh Quang. Chị Béo là đồng loã, ôm ấp anh Quang vào mình, ôm anh vào cả cuộc đấu tranh giải phóng.

Tôi hiểu mọi chuyện, nhưng không méc lại cho bố mẹ tôi. Bởi vì tôi được dạy bài học mới, bắt đầu căm tức chính bố mẹ tôi về chuyện làm ăn với đám lính Mỹ. Và tôi hết ghen tức anh Quang. Tôi nghĩ tới chị Béo, vừa phục vừa khiếp. Con người đó hy sinh một cách cao cả, mà cũng thẳng thừng quá. Chiến tranh đòi hỏi ở người đàn bà đó nhiều quá. Người khác mất chồng mất con, chị Béo dâng hiến tiết hạnh đàn bà. Ai mất mát, ai hy sinh nhiều hơn?

Còn lão già gánh chịu bẩn thỉu trên thân thể. Giả điên sống bên vệ đường có là một sự hy sinh bằng người lính ở trận tuyến không? Tôi suy nghĩ lung tung, không quyết định được gì, nhưng từ đó về sau, tôi trở thành người được lão điên lèo lái, như lão đã từng lèo lái anh Quang.

Chị Béo không hề ôm tôi vào lòng, nhưng cũng dụ dỗ được tôi vào cuộc. Lão điên làm tai mắt mặt trận giải phóng, giả điên đi loang quanh trường, dòm ngó đầy đủ sinh hoạt cuả toà thị chính, toà lãnh sự, tư dinh ông tướng, cũng để ý luôn các đám xe cộ sĩ quan chở con đến trường tôi. Lâu lâu ông giao cho tôi một hai công tác lặt vặt. Lúc đó tôi thấy chí lý, quên nỗi sợ bị bắt bớ, bị đưa đi làm lao công chiến trường.

Ông Út dọn tới xóm này đã lâu. Khoảng chừng ba bốn năm sau giải phóng gì đó. Trước đó ông ở đâu miền xa. Ông dọn tới đây chỉ có hai cha con. Cha thì hiền lành. Con thì láu cá.

Người ta đoán chừng ông có công với cách mạng. Chứ hồi đó muốn dời nhà từ đầu đường tới cuối đường đã là chuyện trầy vi tróc vảy. Vậy mà ông dời được vô đây từ tận ngoài Trung. Người nào giới thiệu ông, vô xóm phường có hộ khẩu đàng hoàng. Dọn vô chưa nóng đít thằng con lại đã được chọn vào ngành công an.

Lúc đầu người ta tò mò về hai cha con. Thấy có thớ quá. Đụng chạm là mệt. Sau này hoá ra ông Út lại quá hiền lành. Thằng con thì ỷ vào quyền lực. Hà hiếp người ta, gây thù gây oán lung tung. Đến độ thằng nào đem dao chém chết ông già.

Tôi lăm le gia nhập "hàng ngũ ủng hộ cách mạng". Chưa được mấy tháng thì người anh em phía bên kia tràn về thống nhất đất nước. Khúc quanh lịch sử xảy ra, miền nam sụp đổ, tàn rụi như những ngọn cỏ rơm,

không mấy chốc mà thành tro than.

Giải phóng. Những đổi thay một sớm một chiều làm tôi bàng hoàng. Ở cái tuổi mười tám, hai mươi của tôi lúc đó, giữa những reo hò, sợ sệt và thở than, tôi không biết phải chọn cái chỗ đứng như thế nào.

Sau khi thành phố đổi chủ, tôi đâm ngỡ ngàng. Ngôi trường tôi trở thành chỗ tập trung cho hàng ngàn người chuẩn bị đi học tập cải tạo.

Rồi đến lúc tôi ngỡ ngàng hơn nữa với chuyện xảy ra chính trong nhà mình.

Bố tôi không được may mắn như những người đi học tập cải tạo. Bố tôi bị bắn chết ngay chính trong nhà.

Lúc đó tôi đi vắng. Hai mươi ngày sau khi lính bộ đội tràn vào thành phố, người ta tới hạch xách bố mẹ tôi về chuyện làm ăn với Mỹ. Có lệnh tịch thu cơ sở giặt ủi, và cho bố tôi đi học tập. Tôi chạy chọt xin xỏ cho bố tôi. Người mà tôi gặp xin ân huệ là lão điên. Bây giờ ông đã ra mặt. Ông làm chức cao trong Ủy ban Nhân dân Thành phố. Vẫn cái trán vồ, cùng những sợi gân máu nổi bật. Vẫn hai con mắt sáng quắc, nhưng ông đã rũ sạch bộ lốt dầu mỡ dơ dáy của lão điên, tóc tai nay cắt tỉa gọn gàng. Tôi vào chờ trước cửa văn phòng. Gặp được ông, tôi vừa bày tỏ hoàn cảnh, van nài, vừa chăm chăm nhìn mấy đầu ngón tay bây giờ đã sạch sẽ.

Ông giảng cho tôi thêm về bài học độc lập tự do, về tội ác đối với nhân dân. Cuối cùng ông xét đến sự "đóng góp" của tôi và bảo sẽ kiếm cách làm nhẹ tội cho bố tôi. Ông dặn vài ngày đến gặp ông, ông sẽ cấp giấy giúp đỡ cho bố tôi. Chiến thắng đã về tay nhân dân. Mặt trận đã giải phóng đất nước, mang lại nền thống nhất độc lập. Bây giờ nhà nước có chính sách khoan hồng cho những kẻ lầm đường lạc lối.

Tôi đạp xe phơi phới. Về đến nhà nghe tin bố tôi đã bị bắn, xác ông đã được mang ngay vào nhà thương. Bộ đội vào nhà, bố tôi gây gỗ, bị bắn chết tại chỗ. Người ta lập biên bản, bảo là tai nạn rủi ro.

Chôn cất bố tôi xong, tôi đến gặp lão điên, xin giấy đưa mẹ tôi vào nam, của cải bỏ lại cho nhân dân thành phố đổi chủ.

Ở Sàigòn, tôi đi bán than, làm tổ hợp sản xuất phấn. Bị tai nạn, chột một con mắt, tôi bỏ đi buôn chợ đen. Buôn bao nhiêu, lỗ bao nhiêu. Bị bắt bị bớ, chạy chọt nợ nần đủ chỗ. Mẹ tôi qua đời. Tôi xin được giấy phép làm phu đạp xích lô.

Buổi chiều, người phu xích lô đạp chiếc xe loanh quanh xóm, chờ mối đã lâu. Ngang qua bao lơn, ông vẫy tay chào ông già. Người phu xích lô nói lớn. Đi đâu không ông? Đi một cuốc con nhờ.

Tổ cha mày. Đi đâu mà đi?

Ông già lúc nào cũng có vẻ khó chịu. Mỗi tháng, ông đi nhà thương năm ba bận. Người phu xích lô chở ông đi, có khi thấy ông vừa khó chịu vừa tội nghiệp. Tiền cuốc xe, bữa lấy bữa không.

Lúc đầu quen ông là vì người phu xích lô hay chở ông đi nhà thương. Không ai biết hồi trước ông làm gì. Chắc là sĩ quan ngụy, bởi vì sau giải phóng, ông bị bắt đi cải tạo vùng rừng sâu nước độc. Ở trong rừng bốn năm, bị thương làm độc một thời gian phải cưa chân. Đầu tiên cưa ngang mắt cá, vết thương không lành, cưa dần hồi lên tới bắp đùi. Học tập về, bà con chạy chọt cho ông có tiền đi nhà thương chữa cho lành hẳn cái chân. Không biết tính nết ông cộc cằn từ trước, hay chỉ sau khi bị đi học tập. Nhưng từ khi biết nhau, người phu xích lô chỉ thấy ông gàn dở, khắc nghiệt.

Loanh quanh mãi, người phu xích lô ghé xe bên lề. Vắng khách thì chỉ dành ngồi chờ. Ông leo vào ghế xe, thân người gầy guộc co quắp như chim mới nở, lim dim chưa được mấy chút thì có người vỗ vai. Thằng lỏi bán bánh tiêu dạo hô to, rồi, rồi, trúng mối, khách xộp Đài Loan. Khách kìa cha nội. Người phu xích lô vùng dậy. Người khách không nói, chỉ đưa tay chìa cho ông một mảnh giấy. Tai kia gãi bộ râu rậm rạp, nửa trắng nửa đen.

Người phu xích lô nhìn cái địa chỉ một lát, rồi nhìn quanh mấy căn nhà, dò chừng mấy con số. Hoá ra là địa chỉ nhà ông già cụt chân. Người phu xích lô chỉ cho người khách vào căn nhà. Và la lớn. Ông già ơi. Có ai kiếm kìa. Có khách ngoại. Người Đài Loan, Đại Hàn nào kiếm ông đó.

Đài Loan, Đại Hàn nào kiếm tao. Tổ cha mày, quỡn hả.

Người khách quay lưng, đi vào nhà. Một lát, người phu xích lô nghe tiếng bà vợ ông già.

Ôi trời ơi. Anh...Chú Quang. Chao ơi. Bà già bật khóc, mồm miệng nghẹn ngào.

Người phu cũng lao vào nhà. Ông Quang đứng sững bên cạnh bà vợ ông Giàu. Người phu xích lô không nhận ra người thân từ đầu. Nhìn thấy ông Quang già đi, ông chưng hửng.

Khi người phu xích lô kêu tên khách, người khách quay nhìn người phu xích lô sửng sốt. Ông quên rằng bây giờ mình còn già hơn người thân vừa gặp lại.

Lên đây, lên đây, em chở cho mà đi. Anh Quang nằng nặc đòi kêu thêm một chiếc xích lô. Tôi nói, anh có nặng gì bao nhiêu đâu. Còn chị Béo thì bây giờ như con mắm.

Cả hai người lên xe, ngồi lẳng lặng không nói gì với nhau. Tôi ngồi ở

sau, đạp xe mà lòng thì cuống cuồng, nhưng chỉ lâu lâu tôi mới thò tay đập đập vào vai người anh họ năm xưa. Đôi môi cũng như môi người câm.

Bây giờ kể cho nhau nghe những gì? Câu hỏi nào đặt trước, câu nào đặt sau?

Và tha thứ, oán trách nhau như thế nào?

Ngang chợ Gia Định, xe cộ tấp nập, chị Béo đưa tay ra hiệu cho tôi dừng xe lại. Anh Quang với chị xuống xe, mua mấy đoá hoa, và một bó hương.

Khi anh leo lên xe trở lại, tôi hỏi, ở bên đó, người Việt có cúng tế gì không?

Anh cười. Cũng có khi. Tết nhất thì có. Anh vẫn nói tiếng Huế pha tiếng Quảng Trị. Tết nhất, anh nói là Tết dất.

Chị Béo nói, người Việt mình đi đâu cũng nhớ ông bà. Quê cha đất tổ. Phải cúng chớ.

Quê cha đất tổ. Tôi biết anh Quang nhớ quê cha đất tổ. Bởi vì từ lúc nhỏ, anh đã được dạy dỗ, đã có người chỉ cho anh phải biết thương dân, thương nước như thế nào. Giữa lúc học sử Tây, vẽ bản đồ một nước xa xôi, đã có người chỉ dạy cho anh về cái chuyện đất nước bị ngoại bang dày xéo.

Cái người đó ngày xưa gọi là chị Béo Bán Bún. Giờ đây chị gầy khòm, già nua. Chị ôm bó hoa ngồi bên cạnh anh Quang. Anh cũng đã già.

Không biết từ hai hôm nay, sau khi anh xuất hiện đột ngột, chị Béo và anh Quang có nhắc nhở nhau về chuyện thời xưa hay không. Chắc là có.

Có lúc tôi hỏi anh còn vẽ vời gì hay không. Anh cười mà lắc đầu. Đường học vấn của anh ở nước ngoài không đi đến đâu. Anh ghét Pháp, lại bị gởi sang đấy đi học. Vào lớp người ta bắt anh đứng dậy mỗi sáng chào cờ ba màu. Anh không công nhận cờ xanh, trắng, đỏ. Anh không đứng dậy. Bị đuổi học. Anh nhờ người quen gia đình xin giấy xin tờ, được ở lại Pháp. Nhưng anh không hề bước chân vào một ngôi trường nào của Pháp nữa. Anh nói, anh thất học. Anh nói, cuộc đời đẩy đưa. Anh hỏi thăm chuyện nhà. Tôi kể chuyện bố tôi bị bắn. Tôi nói mẹ tôi chết vì đau, vì buồn. Anh nói dượng tôi đi vượt biên, đem theo cả nhà chôn vùi dưới biển. Sóng gió đẩy đưa cuộc đời.

Đường ra nghĩa địa bụi mờ. Chị Béo bảo kéo mái chắn lên, che cho đỡ nắng. Chị cười mà nói, Việt Kiều không biết gian nắng đâu. Anh Quang cười, Lần đầu tiên tôi thấy hai người cười với nhau. Hai nụ cười tươi, so

với nụ cười trao cho nhau lúc gặp gỡ trở lại vào hai hôm trước.

Nụ cười che giấu và bày tỏ tất cả những khổ đau, thay đổi, thất vọng. Nụ cười thay thế cho những giải thích của mấy mươi năm. Nụ cười giải nghĩa hoàn cảnh, giải nghĩa chuyện cưu mang một người chồng già, một người lính nguỵ cụt chân, tính tình khó chịu. Nụ cười giải nghĩa cái nghèo đói đè nặng lên vai người chồng tên Giàu, đứa con gái tên Sang, thằng con trai tên Phú, và giấc mơ không thành đáng ra mang tên là Quý, sanh đẻ trong thời hoà bình, thịnh vượng.

Giữa bộ râu hai màu của anh Quang là đôi môi méo mó, cũng là nụ cười chia sẻ, một lần nữa nhìn thấy sự hy sinh của người đàn bà ngày xưa có thân hình đẫy đà mà anh đã từng ôm vào người.

Tôi cũng có nụ cười. Nụ cười đui chột, bao lâu nay không nhận ra chị Béo, không thấy cái tương quan nào giữa bà già gầy guộc và con người trần truồng trong trí nhớ tuổi nhỏ.

Tôi đậu xe ngoài cổng nghĩa địa, đi theo anh Quang và chị Béo.

Người đàn bà gầy guộc cầm bó hoa tươi tắn trong tay, đi bên cạnh người đàn ông bóng dáng cũng đã tiều tụy. Đến bên ngôi mộ, người đàn bà khom người, đặt mấy bó hoa dựa vào tấm bia. Người đàn ông châm lửa, đốt hương.

Họ quay người, vẫy tay. Người phu xích lô tiến lại gần, đón lấy mấy thanh hương. Cả ba cùng cúi lạy. Họ cắm hương chung quanh ngôi mộ.

Rồi họ ngồi thừ. Họ không nói gì với nhau. Giữa ba người là một đất nước, và những năm tháng yêu đương, lý tưởng và lầm lẫn.

Trong ngôi mộ, có thi hài của một người bị chết chém. Ngày xưa ông là một lão điên, mắt sáng, chân đi như lính diễn binh, bước chân hùng hổ như niềm tin sắt đá trong lòng. Có một thời ông làm lãnh tụ giải phóng ở một tỉnh nhỏ miền trung. Về già, ông đổi tên, bước chân xiêu vẹo, sáng quét lá công viên, chiều phồng ngực bơm bong bóng, mắt cười với đám trẻ con.

Đâu đó, trong thành phố, có một thằng du đãng chém người, lòng có lẽ đã bớt thù hằn.

Phía xa, ở gần cổng nghĩa trang, có một thằng công an đứng nép người. Thằng Cơ Lé nhìn về phía ngôi mộ của ông Út, cha nó. Nó thấy trên đầu ba người, phía bên trên tấm bia, có những làn khói. Những làn khói mỏng đang tan lẫn vào trời xanh.❑

Nguyễn Quí Đức
San Francisco, tháng 4, 1997

kinh nghiệm sau khi sém chết

NGU YÊN

các bạn có bao giờ sắp bị đứng tim
ngực bên trái đau nhói
mồ hôi đầm đề
nghẹt thở
bạn quị xuống
đưa tay cầu cứu
mắt trợn trừng vô vọng
thấy cái chết chụp lên bịt mắt từ từ
người ta bu xung quanh
họ thương xót, xô lấn, tò mò, la hét
có kẻ làm rớt tiền, đồng hồ, nhẫn hột xoàn
bạn có muốn lượm không ?
có cô gái mỹ miều mặc váy ngắn hấp dẫn
chồm lên cấp cứu
hôn hít thở, hôn hít thở
bạn còn lòng chăng mơ hồ hấp ái tình ?

nằm ngửa sát mặt đất
trợn trắng nhìn trời cao
bạn có nhớ vợ con anh em cha mẹ ?
bạn có tiếc xe hơi mới, nhà lầu mới, tình nhân mới ?
bạn có buồn phiền vì chưa được sống vui ?
bạn có hối hận vì đã làm nhiều điều bậy bạ ?

nếu bạn đã có lần xém chết
thử tính đời này đáng được bao nhiêu?
những thứ xung quanh như danh vọng
mặt mũi tiền tài tình ái
cộng thêm luân lý đạo đức lương tâm
cộng thêm nhan sắc anh hùng tiểu nhân lịch sử
tất cả thứ này không đáng nửa xu

tôi nói cho bạn nghe
tôi đã có lần xém chết
nên cuộc đời này bán rẻ để mua vui

văn liệu văn học hải ngoại

điệp mỹ linh

Văn Học: Xin chị cho bạn đọc "Văn-học" biết qua về cuộc đời của chị.

Điệp Mỹ Linh: Thưa anh, tên thật của tôi là Nguyễn Thị Thanh-Điệp. Sinh tại Dalat, học trường bà Sơ - tôi quên mất tên rồi, nhưng trường ấy nằm cạnh đường Hai-bà-Trưng và cách chùa Tuệ-quang không xa lắm. Năm tôi hơn mười tuổi, gia đình dời về quê Nội, Nhatrang, và tôi theo học trường trung học Võ-Tánh; đệ nhị cấp, tôi theo ban B (ban toán). Thời gian này tôi chơi phong cầm và hát cho đài phát thanh Nhatrang - trong ban ca nhạc "Bình-Minh" do Ba tôi, cụ Điệp-Linh, làm trưởng ban. Sau đó tôi theo học đại học Luật-khoa Saigon. Hiện tại tôi làm về computer, chuyên lo bồi thường về hai loại xe Oldsmobile và KIA (Oldsmobile and KIA warranty administrator).

VH: Chị bắt đầu viết từ lúc nào và được bao nhiêu tác phẩm xuất bản?

ĐML: Thú thật tôi không nhớ tôi bắt đầu biết từ năm nào. Nhưng gần đây, tình cờ được gặp và quen nhà văn Nguyễn-Hữu-Trí - đài V.O.A. - tôi được nhà văn Nguyễn-Hữu-Trí tặng bản "copy" một truyện ngắn ký bút hiệu Điệp-Mỹ-Linh, đăng trên "Đuốc-Thiêng", cuối bài có đánh máy "16-5-61".

Những tác phẩm của tôi đã xuất bản là: "Một đoạn đường", "Bước chân non", "Sau cuộc chiến", "Hải-quân VNCH. ra khơi, 1975", "Cuồng lưu" và "Đưa tiễn".

VH: Chị có thể kể qua những kỷ niệm vui buồn về những sáng tác đăng

báo hay sách xuất bản trong đời viết văn của chị không?

ĐML: Thưa anh, kỷ niệm buồn trong đời viết văn của tôi là năm 1972, chú em của nhà tôi tử trận tại Bình-Long, được quàng tại chùa Vĩnh-nghiêm, gần cầu Công-Lý. Chú ấy rất hiền, nhưng lại là một sĩ quan trẻ đầy quả cảm, đã từ Quân-báo chuyển sang Biệt-động-quân. Trước cái chết mang tính chất hào hùng của chú, tôi xúc động mãnh liệt nên viết một bài ngắn, ký tên Thanh-Điệp, đăng trên "Tia sáng" hoặc "Tin sáng" tôi không nhớ rõ. Vô tình bài báo ấy đến tay vợ chú mà tôi không biết. (Tôi quên thưa với anh là tôi chỉ viết lén, không dám cho gia đình hay, do đó mới lấy nhiều bút hiệu) Vợ chú đọc xong, buồn quá, cầm bài báo, lén mọi người, chạy ra cầu Công-lý với ý định trầm mình chết theo chú. Gia đình hay được, vội chạy đến khuyên ngăn. Thiếm không nói một lời, chỉ khư khư cầm bài báo và lặng lẽ khóc. Sau khi gỡ được bài báo từ tay thiếm, đọc xong - vì thấy tên thật của tôi - gia đình "dũa" tôi nặng nề! Gia đình bảo tại bài báo của tôi mà suýt nữa gia đình mất thêm một người thân!

Kỷ niệm vui là năm 1976, tôi viết cho tờ "Âu-cơ" của nhóm sinh viên bên Tây-đức, ký tên con gái tôi - Xuân-Nguyệt. Sau đó nhiều anh vinh viên gửi thư làm quen với Xuân-Nguyệt mà lúc đó Xuân-Nguyệt còn bé xíu!

VH: Trong các tác phẩm đã in, chị yêu quý tác phẩm nào nhất? Tại sao?

ĐML: Thưa anh, đối với tôi, điều kiện viết rất khó khăn, cho nên, viết xong một tác phẩm như là sinh được một đứa con. Mà đã là con thì xinh đẹp, tật nguyền hay thông minh, dốt nát gì tôi cũng thương cả. Thật ra, các bà mẹ thường cưng đứa con út nhiều hơn một tý, nhưng tôi vẫn còn muốn viết mãi nên xem như chưa có tác phẩm cuối.

VH: Dù muốn hay không, mỗi người cầm bút có một cách chọn đề tài và bút pháp riêng. Chị đã chọn đề tài viết như thế nào và từ lúc có "cái gì để viết" tới lúc "viết thành tác phẩm", diễn tiến ra sao?

ĐML: Dạ, vì chỉ là một ngòi bút "tài tử" chơi cho vui thôi nên tôi không phải viết nhiều, không phải viết vội; do đó tôi không phải chọn đề tài mà đề tài chọn tôi. Nghĩa là tôi chỉ viết theo cảm hứng và viết về những gì làm ray rứt hồn tôi. Về bút pháp, lúc đầu tôi chọn cách dựng chuyện và chấm câu ngắn, gọn, và chưa tách rời được tôi ra khỏi nhân vật. Nhưng

sau tôi đã thay đổi hoàn toàn.

Từ lúc có "cái gì để viết" tôi ghi vội vào giấy, để riêng, rồi bắt đầu thu nhặt tình tiết bằng cách nghe, thấy và đọc. Chẳng hạn như bài "Đưa tiễn" là do những bức thư của một độc giả trẻ của tôi - lúc ấy là trung úy Hải-quân Hoa-kỳ, tòng sự trên hàng không mẫu hạm "Independence", có tham gia trận chiến vùng Vịnh. (Gufl war). Bài "Bên dòng Skagit" là do tôi đọc một bài trong báo "Reader's Digest" nói lên tâm trạng của một người có người thân mang chứng bệnh "Huntington's desease". Bài "Câu chuyện đứt ngang" là do lúc trước - khi các con tôi còn theo học tại đại học "Rice" và "University of Houston" - tôi thường viết bài về những sinh hoạt liên trường của sinh viên Việt-nam tại hai trường đó và các đại học khác thuộc Texas, tôi hiểu tâm trạng của giới trẻ. Chuyện dài "Cuồng lưu" là do tôi thu nhặt những tiếng thở dài não nuột của không biết bao nhiêu phụ nữ Việt-nam tại hải ngoại thuộc vào thế hệ "bánh kẹp" (sandwich).

Bài "Tưởng như trở về" khởi thủy từ một buổi tham dự ra mắt sách, nghe họ nói về Hà-nội, tôi đâm ra nhớ nhà! Gần đây nhất là bài "Dưới bóng cổ thụ". Cách nay không lâu, nhân đọc bài thuyết trình của anh (nhà văn Nguyễn-Mộng-Giác) đăng trên "Văn học", tôi mới chợt nhận ra rằng quả thật tôi đã bất công khi cố tình quên bẵng "giọt nước mắt thứ ba" (Cụm từ của nhà văn Nguyễn-Mộng-Giác). Thế là ý niệm đó phát sinh và tôi đưa ý niệm đó vào đoạn kết bài "Dưới bóng cổ thụ"

VH: Trong các tác phẩm của chị, độc giả thấy nổi bật lên hình ảnh người mẹ, người vợ. Chị viết từ hai vị trí ấy. Trong vị trí người mẹ, chị có nghĩ là thế hệ con cháu mình đọc và hiểu tác phẩm và tâm tình của chị không?

ĐML: Thưa anh, ngay từ những ngày tập tễnh cầm bút tôi đã không hề ước mơ được trở thành nhà văn và tôi cũng không có cao vọng viết để lưu lại một cái gì cho mai sau. Tôi nghĩ, lý do tôi thích cầm bút hơn chơi nhạc là vì tính tôi ít thích đám đông và cũng vì hồi đó Ba Má tôi theo quan niệm xưa, không cho tôi trở thành nghệ sĩ trình diễn - dù nhạc sĩ Minh-Kỳ và Canh-Thân đã nhiều lần đề nghị với Ba tôi. Ngoài ra, tôi tự biết tôi nói chuyện dở và ngoại giao không được khéo nên ít bạn. Vì ít bạn, không biết san sẻ những suy tư, những trăn trở của mình cho ai, đành viết ra vậy.

VH: Trong vị trí người vợ, chị là một tác giả yêu mến quân chủng Hải-quân. Làm thế nào chị đã viết được những cuốn sách về Hải-quân?

ĐML: Dạ thưa, từ vị trí người vợ, nhờ được ngày trước được gần gũi với

gia đình binh sĩ, tôi hiểu tâm trạng của người vợ lính. Từ đó tôi mang vọng sẽ nói lên những cay đắng, những bất công mà người phụ nữ Việt-nam phải gánh chịu qua không biết bao nhiêu thời đại. Cũng từ vị trí người vợ, tôi được tháp tùng theo ông nhà tôi trong hầu hết những cuộc hành quân hỗn hợp. Nhờ vậy tôi thấy được tận mắt sự tàn bạo và phi lý của chiến tranh. Tôi càng ghét chiến tranh bao nhiêu tôi càng thương những người lính bấy nhiêu. Lý do tôi viết nhiều về Hải-quân là vì tôi sinh hoạt với các đơn vị Hải-quân chiến đấu nhiều hơn các binh chủng khác nên tôi có nhiều chất liệu.

Riêng cuốn tài liệu "Hải-quân VNCH. ra khơi, 1975" là do công lao của Đại-gia-đình Hải-quân Việt-nam Cộng-hòa. Tôi chỉ là người thu thập rồi viết ra thôi.

VH: Những tác phẩm mới đây, theo nhận xét của chúng tôi, dường như chị đang thiên về xã hội. Xin chị cho biết điều nhận xét của tôi có đúng không? Nếu đúng, động lực nào đã thúc đẩy ngòi bút của chị chuyển hướng?

ĐML: Thưa anh, tôi nghĩ, nỗi suy tư, niềm khát vọng của mỗi người thay đổi theo tuổi tác và môi trường sống của người đó. Nhân sinh quan của một người cũng biến chuyển theo đời sống tâm linh của người đó . Tôi chay lạc được mấy năm nay rồi. Tâm tôi đã tịnh nhiều. Thêm nữa, từ đầu thập niên 90, từng loạt tù nhân chính trị sang Mỹ định cư, tôi đã được tiếp xúc với rất nhiều vị, vị nào cũng không tỏ ra một cử chỉ hay một lời oán hận nào đối với những người đã cầm tù họ. Những vị này chỉ cười nụ, bảo: "Trách họ (Việt-cộng) làm chi. Những gì họ làm cũng chỉ do sự thiếu hiểu biết mà ra." Từ giáo lý nhà Phật và từ lòng khâm phục của tôi đối với thái độ khoang dung của nhiều vị tù nhân chính trị, tôi nghiệm ra rằng: Chỉ có lòng vị tha mới giúp mình sống một cuộc đời thanh thản. Lòng sân hận và chí căm thù chỉ hành hạ tâm tư mình chứ có chuyển tâm được ai đâu!

VH: Chị có nhận định gì về các nhà văn nữ ở hải ngoại?

ĐML: Tôi nhận thấy những cây bút nữ, viết bằng Việt-ngữ, càng ngày càng nhiều, nhất là các chị trẻ. Đây là dấu hiệu tốt. Bởi vì, không sớm thì muộn, những ghi nhận của nữ giới - về nhiều khía cạnh khác nhau - sẽ được đồng bào trong nước tiếp nhận. Lúc đó đồng bào trong nước sẽ cảm thông được tâm tư và tình huống của người phụ nữ Việt-nam lưu vong.

VH: Theo chị, phân biệt "nhà văn nam", "nhà văn nữ" là điều bình thường hay là một điều không nên có?

ĐML: Nếu tôi nhớ không lầm, dường như trước năm 1975 chỉ có danh từ kép "nữ văn sỹ" hoặc "nữ sỹ" thôi chứ không có "nhà văn nữ". Theo tôi, không nên có sự phân biệt, dù bất cứ trong lĩnh vực nào.

VH: Dự tính của chị trong sáng tác.

ĐML: Hiện tại tôi có đủ chuyện ngắn để in hai tập. Một tập gồm các chuyện ngắn viết về nhiều đề tài, mang tựa đề "Tưởng như trở về"; một tập viết về tâm trạng của một phụ nữ trở lại quê hương để "Tìm vết chân xưa". Ngoài ra tôi cũng đang cố gắng thực hiện một cuốn sách thiên về xã hội. Nhưng trong tôi đang có những dằn vặt tâm linh rất phức tạp nên tôi cứ do dự, chưa cho in.

VH: Chị có thể nói rõ hơn một tý không?

ĐML:Thưa anh, tôi tiêm nhiễm triết lý Phật giáo. Nhưng sự hiểu biết của tôi về triết lý ấy còn quá hạn hẹp và lòng can đảm của tôi chưa đủ nồng độ để giúp tôi vượt lên khỏi cuộc sống bình thường của một người phàm. Nhưng nếu bảo tôi nhập thế với tất cả nhiệt tình như trước, tôi không làm được vì tôi đã xem thường nhiều thứ trên đời. Đã xem thường thì đâu còn đam mê nữa! Một người cầm bút mà thiếu đam mê thì đâu còn động cơ nào để thôi thúc mình! Thưa thật với anh, nhiều khi trái tim tôi gào lên, đòi tôi phải viết với tất cả sự rung động của nó; nhưng liền khi ấy, khối óc ù lỳ của tôi nhằn nhằn:

Viết lách làm chi, cái gì trong đời cũng là huyễn cả thì vài ba cuốn sách có là gì đâu!

VH: Xin cảm ơn chị đã chia sẻ phần nào những suy tư thầm kín của chị với độc giả "Văn học".

ĐML: Thưa anh, phần bài viết để "Văn học" đăng kèm, tôi xin gửi anh bài "Dưới bóng cổ thụ".

Dưới bóng cổ thụ

Điệp-Mỹ-Linh

Từ khách sạn bước ra, Thuật, hướng dẫn viên du lịch, phát ngôn bằng Anh-ngữ rất nặng giọng:

- Xin quý vị vui lòng đợi thêm giây lát.

Không ai đáp lời Thuật. Thuật quay trở lại khách sạn. Nhìn theo Thuật, Bảo-Trân mới để ý một hàng bán bánh cuốn bày bán ngay trên lề đường, cách khách sạn một căn nhà ngói mái đã chùng xuống thật thấp. Phía bên kia, cùng lề đường với khách sạn, là một tiệm ăn lụp xụp, bên trong chỉ vài cái bàn gỗ cũ kỷ và mấy cái ghế đẩu thấp lè tè. Vì trước tiệm không có bản hiệu, Bảo-Trân không biết tiệm ấy bán những gì. Bất ngờ, từ trong tiệm, một người đàn bà đứng tuổi, mình khoát chiếc áo len màu nâu sậm, đầu chít khăn mỏ quạ, bưng một xô nước đổ tạt ra lề đường rồi quày quả đi vào. Bảo-Trân thấy mấy cọng phở vụn nằm chơ hơ trên vỉa hè sau khi nước chảy xuống lề đường. Lúc này Bảo-Trân mới thấy dọc lề đường, lẫn với rác rến, là một giòng nước đen ngòm, trông có vẻ sền sệt.

Người đàn bà lúc nãy trở ra, tay cầm cái chổi nhỏ, hơi khom người, quét nhè nhẹ trong dòng nước sền sệt. Từ nãy giờ dòng nước đọng nên không bốc mùi. Bây giờ, trong khi người đàn bà quét, lùa rác đến ranh giới giữa tiệm phở và "mini" khách sạn thì những người ngồi trong xe đều kín đáo bịt mũi và miệng để tránh bớt mùi hôi do dòng nước bẩn bị khuấy động, bốc lên. Vài người ngoại quốc đề nghị anh tài xế đóng cửa kính xe lại, mở máy lạnh; nhưng vì anh không hiểu nên chỉ cười. Bảo-Trân tính dịch giùm, nhưng vì bổn tính nhút nhát, khiêm nhường nên thôi.

Thuật trở ra với một nhóm nhỏ người ngoại quốc. Chủ khách sạn bước theo, nói với Thuật những câu khôi hài có tính cách nịnh bợ. Bất ngờ chủ khách sạn nhìn về hướng tiệm phở, giọng hách dịch:

- Này! Đã bảo mãi tại sao sáng nào cũng quét rác tấp sang đây, hử?

Người đàn bà đứng tuổi cũng không vừa:

Bảo ai mà bảo mãi? Rác trước nhà tôi, tôi quét, anh "nàm" được gì tôi nào?

Dựa vào chức vụ của ông bố, chủ khách sạn nói hơi lớn, với mục đích cho Thuật và mấy người trong quán cùng nghe:

- "Nàm" gì hay không rồi sẽ biết. Chua ngoa thế đấy mà hễ thấy ông cụ đến "nà" miệng "nưỡi" dẻo đeo bẩm thượng tá này bẩm thượng tá nọ.

Nói xong người chủ khách sạn quay sang Thuật, cười hềnh hệch.

Giọng lanh lảnh của người đàn bà đáp lời chủ khách sạn vang lên, Bảo-Trân chưa nghe kịp thì đã thấy một người đàn bà khác nơi hàng bánh cuốn, sát vách với tiệm phở, cũng đang lum khum quét trong dòng nước tanh hôi. Bảo-Trân nhìn sang bên kia đường, cũng thấy cảnh quét lề đường diễn ra trước mỗi hàng ăn. Lúc này Bảo-Trân mới hiểu xuất xứ của những khóm rác nho nhỏ bên tất cả mọi lề đường ở Hà-nội.

Xe chạy trên những con đường bẩn và hẹp của một Hà-nội đang hồi sinh. Xe qua phố Hàng-Da đến phố Hàng-Đào qua Bác-Sứ, v. v...Lúc này Bảo-Trân mới nghiệm ra rằng "phố" không có nghĩa là một khu vực nhỏ - như Saigon có Thủ-thiêm, Chợ-lớn, Chợ-cũ, Bà-quẹo...- mà "phố" chỉ là một con đường. Dọc theo hè phố, số lượng quán cốc và hàng ăn tương đương với những khóm rác nhỏ trong dòng nước sậm màu dọc theo hai bên lề đường.

Nhìn vẻ nhộn nhịp nhưng không xô bồ của Hà-nội vào một sáng trời trong và mát, Bảo-Trân cảm thấy dễ chịu hơn là không khí ngột ngạc và tiếng động cơ cùng mùi dần cặn thoát ra từ "rừng" xe gắn máy ở Saigon. Tại Hà-nội, thỉnh thoảng, trong từng đoàn xe đạp tiếp nối nhau, Bảo-Trân mới thấy vài chiếc xe gắn máy. Đàn bà ở đây cũng đi xe gắn máy và xe đạp; nhưng rất ít bà mang bao tay quá khuỷu tay như đàn bà Saigon. Ngoài sự khác biệt đó Bảo-Trân còn thấy như thiếu vắng một cái gì! A, phải rồi, thiếu bóng dáng của những người ăn xin và cũng không có thương phế binh đi khất thực trước mỗi hàng ăn hoặc quanh khu vực thương mại. Thay vào hình ảnh khốn khổ ấy là từng nhóm trẻ em tung tăng đến trường. Nhiều em còn mặc quần "jeans", áo loại "baggy" rộng thùng thình, hai tay áo dài lòng thòng. Sau lưng mỗi em là một cái "ba-lô" nhỏ, bằng ny-lông - loại bán ở "K Mart", "Target" hoặc "Walmart". Nếu không có vô số xe đạp, xe xích-lô, xe gắn máy và những khóm rác dọc theo dòng nước đọng, có lẽ Bảo-Trân tưởng nàng đang nhìn mấy em học sinh Á-đông tại Hoa-kỳ.

Sau khi lòn lách qua không biết bao nhiêu xe đạp và xe gắn máy, cuối cùng chiếc xe buýt cũng ra đến được ngoại ô Hà-nội. Theo đà dằn xóc của chiếc xe, bụi đất bắt đầu bốc lên cuồn cuộn, nhưng vẫn không làm mờ được những tấm bảng hiệu sặc sỡ của mấy quán thịt chó. Vài quán còn viết rành rẽ "Quán cầy tơ" chứ không cần phải nói lái như người trong Nam.

Xe chạy dọc bờ đê mà. Ở những đoạn bờ đê thấp hoặc bị vỡ, Bảo-Trân nhìn vào, không thấy nước trong lòng sông, chỉ thấy cây bắp và vài loại rau cải. Bảo-Trân khoèo vai Thuật, hỏi nhỏ, bằng Việt-ngữ:

- Đây là sông gì, em?

Thuật hoàn toàn ngạc nhiên, trố mắt nhìn Bảo-Trân:

- Ủa, cô người Việt à?

- Em có danh sách du khách, em phải biết chứ.

- Dạ, vì đông quá, em chỉ đếm người chứ không đọc tên.

- Em không thấy tôi giống người Việt sao?

- Dạ không. Cô giống như lai.

- Thôi, em trả lời giùm tôi câu hỏi lúc nãy đi.

- Dạ, đây là sông Hồng.

Thốt nhiên Bảo-Trân cảm thấy xúc động một cách nhẹ nhàng. Thì ra dòng sông đã gây cảm hứng cho không biết bao nhiêu nghệ sĩ di cư là dòng sông này! Bảo-Trân chỉ ra bờ đê:

- Tại sao người ta lại trồng hoa màu nơi dòng sông, nhỡ nước lên thì sao?

- Dạ, ở đây đất hiếm và dân nghèo "nắm", cô. Họ trồng theo mùa. Họ phải tính "nàm" sao khi vừa thu hoạch hoa màu xong thì đúng vào mùa nước "nhớn".

- Nếu vậy, sang năm, đến khi nước ròng, làm sao họ biết được khu vực nào thuộc về họ?

- Dạ, họ cắm sào, đánh dấu cả đấy.

Bảo-Trân im lặng, cảm thương cho cảnh nghèo của những người đã một thời được tuyên truyền để tin tưởng rằng sau khi "giải phóng" được miền Nam, cuộc sống sẽ khá hơn, vì xã hội sẽ không còn giai cấp nữa!

Xe qua một "ổ gà" lớn bằng cái nia. Hầu như mọi người trong xe đều bị hất mạnh lên rồi bị rơi lại ngay lòng ghế. Thuật vịn thành ghế cho thân người bớt chao đảo rồi nhìn Bảo-Trân, cười. Bảo-Trân hỏi:

- Nếu cô muốn đi xem năm cửa ô thì phải đi "tours" này, Thuật?

- Dạ, đâu còn gì nữa mà xem.

- Tại sao? Cô nghĩ đó là di tích lịch sử mà.

- Dạ, chỉ còn ô Quang-chưởng thôi; còn mấy ô khác đều bị đập phá để xây cao ốc.

Bảo-Trân lặng im, cảm thấy bất bình, nhưng không biết vì cái gì và vì ai.

Đến một đoạn đường rất hẹp, chỉ vừa cho hai chiếc xe nhỏ tránh nhau, xe phải dừng lại, vì phía trước có vài chiếc đang đậu. Thuật xuống xe, bước về phía trước. Một lúc sau Thuật trở lại, cho biết xe phải vòng vào làng, đi đường tắt, đường chính hư hại nặng, không sử dụng được.

Xe chạy rất chậm trên con đường làng bằng đất. Bụi tung mịt mù. Dọc theo hai bên đường, dưới những mái tranh thấp lè tè, trẻ em đứng trên thềm nhà bằng đất, vừa chỉ trỏ ra xe vừa cười. Trước sân và bên hè của

mỗi căn nhà Bảo-Trân thấy những luống rau èo uột. Cải tần ô và cải bẹ xanh có cây đang trổ ngồng, có cây khoe những cánh hoa nhỏ tý, màu vàng nhạt. Vài bé gái bồng em, đứng bên mấy luống rau, cũng vừa chỉ trỏ theo chiếc xe vừa trầm trồ.

Hình ảnh mấy em bé gái rụt rè bên những luống rau cải bất chợt gợi nơi lòng Bảo-Trân những ngày xa xăm nơi làng Sơn-tịnh; chỉ khác một điều, mấy em bé này trầm trồ khi thấy chiếc xe hơi, còn ngày xưa bé Bảo-Trân lại lấy làm lạ khi thấy con bò và chiếc xe bò!

Xe qua khỏi ngôi làng, sắp vào đường chính, Bảo-Trân thấy vài người đàn bà - trong khi lui cui bên ao rau muống hoặc bên vườn khoai môn, khoai mì, khoai lan - đều đeo con trước ngực hoặc sau lưng bằng một tấm vải cũ. Bảo-Trân thở dài. Cuối thế kỷ hai mươi rồi mà thân phận người phụ nữ Việt-nam vẫn cứ mãi như vậy sao!

Dọc con đường chỉ còn trơ đá và đất bủn, thỉnh thoảng Bảo-Trân thấy từng đụn đá - loại dùng để làm đường - nằm chơ vơ bên vệ đường. Bảo-Trân chồm lên ghế trước, khẽ hỏi:

- Thuật ơi! Đá đổ ven đường mà tại sao đường không được sửa?

- Cô nhìn vào nhà dân mà xem. Nhà nào cũng "nấy" đá vào "nàm" sân, "nàm" nền nên đá không đủ để "nàm" đường.

- Ăn cắp của công không bị rắc rối à?

- Rắc rối gì, cô. Người ăn cắp "nà" dân địa phương, công an cũng dân địa phương, chỉ một bữa nhậu "nà" xong tuốt.

Bảo-Trân cười thầm. Người mình ở đâu cũng vậy cả..

Xe vào một ngôi làng cạnh con sông nhỏ rồi dừng lại bên bờ sông. Hai bên sông là hai bờ đê cao, che khuất cả những thuở ruộng dọc hai bên dòng sông. Bờ bên phải là một khách sạn nhiều tầng, do công đoàn quản lý. Bờ bên trái là "mini" khách sạn của tư nhân.

Sau khi mọi người rời xe, Thuật dõng dạc, bằng Anh-ngữ:

- Thưa quý bà, quý ông, đây là Bến-đục, cũng được gọi là Bến Xuồng-sắt. Xin mời quý vị xuống bờ sông, cứ ba người ngồi một xuồng.

Thấy mỗi chiếc xuồng nhỏ xíu được hàn lại bằng ba mảnh sắt và do một em bé gái trạc mười bảy, mười tám tuổi ngồi cạnh mái chèo, nhiều du khách ngoại quốc nhìn nhau, dáng e ngại. Nhưng khi nhìn dòng sông cạn dày đặc cỏ tóc tiên, mọi người lẳng lặng bước xuống. Vài chiếc xuồng đủ khách, bắt đầu rời bến. Bất ngờ Bảo-Trân nghe tiếng Thuật từ bờ sông:

- Cô ơi, cô! Cô "nàm" ơn nói cho người này biết cô "nà" người Việt đi.

Trước khi xuống xuồng Bảo-Trân thấy tấm bảng ghi giá dành cho mỗi du khách ngoại quốc là bảy mươi lăm ngàn và giá cho mỗi người Việt

trong nước là mười lăm ngàn đồng Việt-nam. Bảo-Trân hiểu Thuật muốn khai man để ăn chận tiền vé, nhưng mặc, Bảo-Trân vẫy tay:

- Tôi là người Việt đây.

Bảo-Trân không nghe được gì nữa, vì chiếc xuồng chở nàng đã rời bến được một đoạn khá xa. Hai thanh niên ngoại quốc ngồi cùng xuồng với Bảo-Trân nhìn nàng, mỉm cười. Bảo-Trân cũng mỉm cười, nói "Hi". Lúc này Bảo-Trân mới để ý, phía sau xuồng, ngoài cô lái đò còn có một bé trai khoảng hơn mười tuổi, gương mặt rất kháu khỉnh.

Bảo-Trân gợi chuyện:

- Này em, em tên chi?

- Dạ, cháu tên Nuận.

- Nuận cũng đi Chùa Hương à?

- Dạ cháu tên Nuận ạ. -

- Vâng, thì cô gọi cháu là Nuận mà.

Cậu bé cười:

- Dạ không phải Nuận. Tên cháu "nà" Nuận như "ný nuận" đấy.

- Ô, cô xin lỗi. Tên em là Luận, đúng không?

- Dạ, đúng ạ - Luận chỉ vào bình ny-lông nhỏ, tiếp: Thưa cô, cháu đi Chùa Hương. nhưng không phải đi để ngoạn cảnh mà "nà" đi để bán mấy thứ này này. Cô mua hộ cháu một "non" nhá.

- Để tý nữa cô mua. Bây giờ cô chưa khát.

- Vâng. Cô nhớ mua của cháu chứ đừng mua của mấy đứa kia, nhá.

Vừa nói Luận vừa khoát tay về mấy chiếc xuồng chung quanh. Nhìn theo tay Luận Bảo-Trân mới thấy hầu như trên mỗi chiếc xuồng đều có một cậu bé bán nước giải khát.

Tiếng mấy cậu bé dưới xuồng gọi vọng lên và mấy cô cậu bé đang chạy dọc bờ đê đáp lại nghe như mơ hồ, lạc lỏng trong không gian đặm đặc hơi nước. Theo từng gợn sóng nhẹ - do hai mái chèo khấy nước tạo nên - hình ảnh mấy cô cậu bé đang chạy trên bờ đê phản chiếu trên mặt nước, trở nên lung linh, chờn vờn trong màu xanh biếc của cỏ tóc tiên.

Xa xa, vài chiếc xuồng nan trôi chầm chậm. Trên mỗi xuồng, Bảo-Trân thấy hai bé gái; một cô giữ mái chèo, cô kia dùng cặp cây dài khuấy vào lòng nước, lâu lâu vớt lên một mớ thực vật màu xanh. Bảo-Trân chỉ mấy chiếc xuồng ấy, hỏi Luận:

- Luận à! Mấy cô ấy đang làm gì vậy, em?

- Dạ, họ vớt tóc tiên về cho heo ăn.

Thấy Luận ăn nói lễ phép, Bảo-Trân làm thân:

- Luận có đi học không?

- Dạ, hồi "nâu" rồi cháu có đi học. Bây giờ thì không?

- Tạo sao vậy? Luận ở nhà buôn bán, phụ giúp bố mẹ, phải không?

Cô lái đò cười thành tiếng, chen vào câu chuyện:

- Thằng ý mà phụ ai, cô. Nó phá như quỷ đấy.

Biết cô gái đùa, Bảo-Trân cười, nhìn cô:

- Còn em? Cỡ tuổi em có lẽ em đang học trung học, phải không?

Cô gái hơi ngượng:

- Ở đây "nàm" gì có trường trung học mà học, cô.

- Nếu có, em có được học tiếp không?

- Dạ chắc không đâu, cô. Hồi đó bố mẹ em "nàm" nghề nông; rồi bố em tham gia "đánh Mỹ kíu nước". Sau đó bố em phục viên, trở lại nghề nông; mà nghề nông "nàm" sao gia đình đông anh em sống nổi, nên cháu phải đi "nàm" giúp bố mẹ.

Bảo-Trân nhìn sang Luận:

- Còn Luận thì sao?

- Dạ, dạo trước em đang học "nớp" năm. Nhưng trường ốc mục nát, không ai sửa chữa. Cách nay mấy tháng trường sập, đè chết mấy đứa học sinh nên bố mẹ em và bố mẹ mấy đứa nó - Luận chỉ nhóm trẻ em trên vờ đê và mấy cậu bé trên mấy chiếc xuồng chung quanh - sợ, bắt chúng cháu ở nhà.

- Nếu vậy, khi nào trường sửa xong Luận đi học lại chứ?

- Dạ thôi. Bố mẹ cháu bảo học cho "nắm" như mấy anh chị ở Hà-"lội" rồi cũng chả "nàm" nên trò trống gì; học thêm vài năm nữa có ích "nợi" gì đâu.

Trong khi Bảo-Trân thầm xót xa cho những em bé dễ thương này thì Luận và cô lái đò lại không tỏ ra một chút tiếc nuối nào cho sự đứt đoạn học vấn cả. Bảo-Trân nhìn Luận:

- Em bán như thế này mỗi ngày em lời được bao nhiêu, Luận?

- Dạ, khoảng mười, mười mấy nghìn, tuỳ theo thời tiết.

Bảo-Trân quay sang cô lái đò:

- Còn em, mỗi ngày em làm được bao nhiêu?

- Dạ, sáng, em chèo vào trong ấy, ở đấy chờ; chiều em chèo ra. Mỗi ngày em được trả mười nghìn.

Một tích tắc tính nhẩm Bảo-Trân biết mười nghìn tiền Việt chỉ tương đương khoảng mười xu (cents) tiền Mỹ. Bảo-Trân đâm ra hoài nghi, không nghĩ rằng nàng đã nghe đúng nên nhìn cô lái đò:

- Mười ngàn tiền Việt-nam, phải không, em?

- ối giời! Chúng em chỉ biết tiền mình thôi chứ "nàm" sao biết được tiền nước khác, cô.

Bất ngờ xuống chuyển hướng, tấp vào bờ. Bảo-Trân ngạc nhiên khi

thấy các xuồng khác cũng tấp vào và nhiều du khách đang rời xuồng. Bảo-Trân chưa kịp hỏi Luận đã cầm tay nàng:

- Để chờ hai "thằng Tây" này xuống rồi mình đi, cô.

Nhìn nơi xuồng cập bến, chỉ thấy vài cây cổ thụ và một ngôi chùa nhỏ, Bảo-Trân thất vọng, kêu lên:

- Trời ơi! Chùa Hương đây sao!

Luận và cô lái đò đều cười. Luận nhảy lên bờ, đưa tay cho Bảo-Trân nắm rồi đáp:

- Dạ không. Đây "nà" đền Chình.

Bảo-Trân tỏ vẻ không hiểu, Luận tiếp:

- Trước khi vào Chùa Hương mình phải ghé đây...chình.

Lúc này Bảo-Trân mới chợt hiểu, đây là đền Trình. Đi vòng quanh đền, thấy hai thanh niên lúc nãy ngồi cùng xuồng, Bảo-Trân mỉm cười. Một anh hỏi bằng Anh-ngữ

- Bà nói được tiếng Anh không?

Bảo-Trân gật đầu. Thanh niên ấy tiếp:

- Tôi cần một tý nước để uống thuốc. Bà làm ơn hỏi hộ xem quanh đây có ai bán nước giải khát không? Bảo-Trân chỉ ngay vào thùng nhựa của Luận. Hai thanh niên cảm ơn nàng rồi chọn mỗi người một lon "coke". Bảo-Trân hỏi Luận:

- Hai anh này đâu phải người Pháp, sao em gọi họ là Tây, Luận?

- Ở đây ai cũng gọi bọn da trắng tóc màu là Tây cả, cô ạ.

Dưới những tàn cổ thụ, nhìn quanh cánh đồng ngập nước, Bảo-Trân không thấy một cánh chim, một mái nhà hoặc một loài cây ăn trái nào cả. Ngay như loài thú thân cận nhất của nhà nông là trâu, bò mà Bảo-Trân cũng không thấy. Quanh đây, tất cả đều mang một vẻ u-tịch như một cơ thể, sau thời gian dài hôn mê, đang chậm chạp có những phản ứng vô thức. Bảo-Trân cảm thấy lòng nàng mềm đi cho chút tình cảm vấn vương chỗi dậy. Chút tình cảm này so ra cũng đâu khác gì tấm lòng nàng đã dành cho làng Sơn-tịnh và cho vùng kinh-tế-mới xa xôi - nơi đàn em của nàng nương náu hơn hai mươi năm qua!

Rời đền Trình, dòng sông - được mang tên là Suối-yến - không còn bị gò bó giữa hai bờ đê nữa mà lại lan ra mãi đến tận hai sườn núi. Dọc theo chân núi đá, hướng tay phải, thỉnh thoảng Bảo-Trân mới thấy vài căn nhà tranh lẻ loi trên những vuông đất hẹp. Nơi những thuở đất hiếm hoi ấy, đôi khi Bảo-Trân cũng thấy vài ngôi mộ được xây bằng xi-măng, nằm sát mí nước, cạnh vườn khoai môn và cách căn chòi tranh chỉ vài thước. Cô lái đò giới thiệu về quê hương của cô:

- Cô ạ, bên phải của dòng sông "nà" đền Ngũ-nhạc và hang Sơn-thủy

Hữu-tình; bên trái là Thanh-sơn Hương-đài với tượng Tôn-ngộ-không và hai chim đại bàng bằng đá. Tiếc rằng từ đây cô không thể thấy được.

Bảo-Trân không thể thấy được những cảnh sắc ấy; nhưng, về hướng trái, khoảng cách khá xa, Bảo-Trân lại thấy lác đác từng thân người nhỏ nhắn, đầu đội nón lá, đang lom khom trong dòng nước cạn, cạnh những bờ đất hay vườn khoai môn. Vùng sông này khoảng tháng Ba nước mới rút; lúc ấy nhà nông mới có thể trồng lúa được. Bây giờ họ chỉ chăm sóc vườn khoai môn. Thỉnh thoảng Bảo-Trân lại thấy vài chiếc thuyền nan di động chậm chạp. Trên thuyền, một người đứng, hai tay vịn một cây sào nhỏ, dí dí vào dòng nước. Luận giải thích rằng người ta dùng dòng điện nhẹ để bắt cá. Mỗi ngày, nếu may mắn, người ấy có thể bắt được khoảng trên vài mươi con cá; con lớn nhất bằng ba ngón tay ghép lại.

Cô lái đò vẫn đều tay chèo. Chiếc xuồng lướt nhẹ trên mặt nước phẳng phiu, giữa sự vây bọc của hai triền núi mang hình tượng những chú voi già. Giữa khung cảnh yên bình, tươi mát này, Bảo-Trân cảm thấy lòng nàng lắng xuống cùng với sự trầm mặc của vạn vật chung quanh.

Đang đắm hồn cùng với thiên nhiên, Bảo-Trân bỗng cảm thấy chiếc xuồng trôi nhanh hơn và tiếng mái chèo khuấy nước nghe mạnh và rõ hơn. Nhìn ra sau xuồng, Bảo-Trân bắt gặp Luận đang ra sức chèo bằng cả hai tay - hai mái chèo hai bên. Nhận ra ánh mắt ngạc nhiên của Bảo-Trân, cô lái đò cười:

- Chúng nó đua đấy, cô.

Nhìn quanh các xuồng khác Bảo-Trân cũng thấy mấy cậu bé đã dành lấy tay chèo và đang cố sức chèo. Không biết vào những ngày Hội khoảng sông này vui như thế nào; nhưng bây giờ, nhìn gần hai mươi chiếc xuồng đua nhau trên dòng sông vắng lặng, lòng Bảo-Trân cũng thấy vui lây. Chỉ một lúc sau, Bảo-Trân thấy xa thật xa, màu ngói đỏ của mái chùa Sư-nữ nổi bật giữa màu xanh thẫm của một hốc núi im lìm.

Tất cả xuồng đều ủi bãi ngay trước hai quán cóc. Mọi người bắt đầu cuộc leo núi để đến Chùa Hương. Bảo-Trân lặng lẽ theo Luận, bước trên đoạn đường khúc khuỷu, được lác bằng những phiến đá không cùng màu, không đồng dạng. Thời gian và bước chân người vô tình đẽo gọt những góc cạnh của đá, chỉ để lại những diện tích nhẵn thín.

Con đường lát đá cứ theo triền núi lên cao dần, cao dần. Từ triền núi nhìn xuống Bảo-Trân chỉ thấy màu đá thẫm chen chúc trong màu xanh biếc của lá rừng. Nhìn sang triền núi đối diện, Bảo-Trân thấy một ngôi chùa nhỏ nằm cheo leo. Tiếng người gọi nhau từ bên ấy vọng sang hòa với tiếng chim lạc đàn nghe xa vắng, nao nao, buồn buồn.

Theo từng bước chân độ cao tăng dần, tăng dần cùng với hơi thở nặng

nhọc thoát ra từ lòng ngực của Bảo-Trân. Hơi mát thoát ra từ lòng núi không đủ làm khô những giọt mồ hôi dưới lần áo "T shirt" của Bảo-Trân. Đến một lúc, độ cao làm cho Bảo-Trân cảm thấy khó chịu, buồn nôn. Đang cố cưỡng lại cảm giác ngầy ngật, tự dưng Bảo-Trân nôn nao nhớ đến những chuyến vượt đèo thăm nuôi Hoan - chồng nàng - khi Hoan bị chuyển lên Lạng-sơn.

Những lần đó, từ trên cao nhìn xuống thung lũng, thấy đoàn người đang chặt nứa hoặc cưa cây, Bảo-Trân chưa kịp nghĩ đến những người tù đang bị đày ải kia thì độ cao đã làm cho nàng chóng mặt, buồn nôn. Cảm giác này cứ kéo dài mãi cho đến khi Bảo-Trân thấy dáng tàn tạ của Hoan từ từ bước về hướng nhà thăm nuôi. Bây giờ, giữa khung cảnh này và phản ứng bất lợi của cơ thể, Bảo-Trân bỗng nhớ thương Hoan đoài đoạn!

Đang bị tình cảm chi phối, Bảo-Trân bỗng giật mình vì tiếng Thuật từ một mõm đó cao:

- Ráng "nên", cô. Sắp đến rồi.

Bảo-Trân ngẩng lên nhìn Thuật, cười. Thuật nhảy qua mấy phiến đá thấp, đến cạnh Bảo-Trân, cũng vừa lúc hai thanh niên ngoại quốc ngồi cùng xuống với Bảo-Trân trờ tới. Một anh vỗ vai Thuật, chỉ xuống thung lũng dưới xa:

- Nhìn kìa. Họ đang làm gì vậy?

Nhìn theo ngón tay trỏ của thanh niên ngoại quốc, Bảo-Trân điều tiết mắt thật kỹ mới thấy được vài người đội nón lá đang lui cui trên một khoảng đất hẹp. Thuật chưa kịp đáp lời thanh niên ngoại quốc Bảo-Trân đã hỏi, bằng Anh-ngữ, để tỏ ra không thiếu phép xã giao đối với thanh niên ngoại quốc:

- Có phải đó là những người tù cải tạo không, Thuật?

Thuật cười, lắc đầu, đáp bằng Anh-ngữ:

- Không. Đó là những người từ ngoài làng vào đào khoai mì.

Bảo-Trân kinh ngạc:

- Từ ngoài làng vào đây trồng khoai mì à? Nhưng đây là núi đá, đâu có đất.

- Tuy là núi đá nhưng dưới xa có vài chỗ có cát. Ngoài làng làm gì còn đất mà trồng, cô.

Nhờ cả hai đối đáp bằng Anh-ngữ, thanh niên ngoại quốc hiểu được nên nhìn Bảo-Trân, lắc đầu. Thuật bước đi, đưa tay ra sau ngoắc:

- Đi. Sắp đến rồi. Chỉ qua một cái dốc núi nữa thôi.

Nghe bảo sắp đến, Bảo-Trân hăng hái nắm tay Luận, bước nhanh. Vượt qua nhiều dãy bậc cấp liên tiếp, Bảo-Trân thở ra một hơi dài khi dừng trước cổng Chùa Hương. Nhìn lại đoạn đường đã qua, Bảo-Trân chỉ

thấy từng dãy núi chập chùng trong vùng không gian bát ngát, lặng lẽ và yên bình. Nơi thung lũng dưới xa, màu xanh thẫm của cây rừng đã trở nên nhạt dần nhờ ánh sáng mong manh của một sáng chớm Đông. Nhìn vào cổng Chùa, Bảo-Trân hơi khựng lại vì chiều sâu, bóng tối và độ ẩm. Bảo-Trân vịn vào Luận, bước từng bước theo những bậc cấp tối om để xuống vực sâu, tìm đến sự kỳ bí của thiên nhiên. Nhìn ngược lên cổng Chùa Bảo-Trân mới nhận biết được rằng cổng Chùa được xây trên đỉnh núi cao. Càng xuống sâu bóng tối càng đậm và độ ẩm càng tăng. Độ ẩm tạo nên một màn sương mỏng phủ lên đôi kính cận khiến mọi vật đều trở nên lờ mờ trước mắt Bảo-Trân. Bảo-Trân lấy kính ra lau kỹ, nhưng khi vừa mang vào thì màn sương mỏng lại xuất hiện. Tuy chỉ thấy lờ mờ, nhưng khi được Luận đưa đến bên hòn "Sữa Mẹ", Bảo-Trân cũng nhận ra được dòng lước long lanh đang tươm ra từ khối thạch nhũ có hình dáng như phần cuối cùng nơi nhũ hoa của người đàn bà. Từ đây Bảo-Trân nghe tiếng Thuật dẫn giải cho du khách hòa với lời niệm kinh trầm trầm. Bảo-Trân lại theo Luận bước xuống mấy bậc cấp thoai thoải để vào sâu trong động. Nơi đây cảnh sắc thâm u. Ngoại trừ những đóm nhan lập lòe trước mỗi bàn thờ, Bảo-Trân không thấy một ánh đèn nào cả, chỉ có màu xám của khói hương chờn vờn. Mùi trầm hương thơm ngát. Nhưng vì bị ứ đọng trong một diện tích nhỏ nhắn và độ ẩm cao, mùi thơm ấy đã tạo nên phản ứng bất lợi cho căn bệnh dị ứng của Bảo-Trân. Tuy bị bệnh dị ứng hành hạ, nhưng khi ngồi nghỉ mệt nơi bậc cấp ngoài cửa động, lòng Bảo-Trân cũng lắng xuống giữa một không gian yên ắng đến độ có thể nghe được tiếng chim chuyền cành. Ngày xưa, khi đến đây, không hiểu Nguyễn-Nhược-Pháp nghĩ gì mà để lại cho đời những dòng thơ bất tuyệt. Nhưng ngày nay, trước sự u tịch đến huyền hoặc của thiên nhiên, ý nghĩ từ giã cõi phàm để tìm về Đạo-pháp lại chỗi dậy trong lòng Bảo-Trân. Giữa lúc tình cảm giằn vặt trong lòng, Bảo-Trân chợt thấy một cụ bà mặc bộ bà ba trắng, từ trong động chậm chạp bước ra. Màu tóc của cụ giống như màu khói hương. Vừa đi cụ vừa đưa tay áo chậm vào mắt. Bảo-Trân tưởng cụ bị bệnh dị ứng như nàng. Nhưng khi cụ đến gần Bảo-Trân mới biết rằng cụ khóc. Cụ không than vãn bằng lời nhưng nước mắt cứ lặng lẽ tuôn rơi, cụ chậm hoài không hết. Luận kín đáo nói với Bảo-Trân:

- Cô ạ! Cô thấy bà cụ kia không?

Bảo-Trân gật đầu, Luận tiếp:

Tội nghiệp cụ ấy "nắm", cô ơi. Cụ già thế mà cứ rầm, mồng một hoặc các ngày vía "nhớn" "nà" cụ đi Chùa Hương viếng bài vị của người con trai.

- Tội vậy à. Cô mới đi một lần mà cô muốn...chết rồi, làm sao cụ đi

hoài hay vậy?

- Tình thương mà, cô. Khi "nòng" cô thương ai thì cô "nàm" hết mọi thứ trên đời cho người ấy.

Bảo-Trân thoáng giật mình, không ngờ ý nghĩ của Luận sắc bén đến như vậy. Bảo-Trân hỏi, không phải vì tò mò mà chỉ với mục đích kéo dài câu chuyện cho qua khoảng thời gian nghỉ mệt:

- Tại sao người con của cụ chết, Luận biết không?

- Thảm "nắm" cô ơi! Ở đây ai cũng biết cả, vì bác ấy cùng đơn vị với bố của cô "nái" đò đấy.

- Vậy chắc ông ấy chết ở trong Nam, đúng không?

Vâng. Nhưng cái chết của bác ấy thảm thiết quá, "nàm" cho cả đơn vị mất tinh thần.

Bảo-Trân đâm ra tò mò, nhìn Luận như chờ đợi. Như ngại ai nghe được, Luận nghiêng người gần Bảo-Trân:

- Người ta xích tổ của bác ấy ở trên cây để bắn hạ máy bay. Hai người kia đều bị máy bay bắn, chết nhanh chóng. Bác ấy bị thương, tuột khỏi thân cây nhưng một chân vẫn bị xích vào cành cây. Cô thử tưởng tượng, ba thân người bị treo ngược mà một người còn sống, cứ gào thét, van xin, nhưng cả đơn vị quanh đấy không "nàm" gì được thì thử hỏi "nòng" dạ nào chịu nổi!

Nghe đến đây, Bảo-Trân gục mặt vào lòng bàn tay, lắc đầu:

- Thôi, đừng nói nữa, Luận.

Phản ứng của Bảo-Trân bây giờ chẳng khác chi lúc nàng nghe tin Kính, bạn học của nàng, chết ở Lai-khê. Kính bị đối phương bắt sống. Họ không bắn cho Kính chết nhanh chóng, vì Kính là sĩ quan Dù - một binh chủng thường gây rất nhiều khó khăn cho họ trong các cuộc tiến quân. Họ trói gô Kính vào thân cây, dùng cây vót nhọn, thong thả đâm từng nhát một vào bụng của Kính. Anh "tà lọt" của Kính bị thương, nằm gần đó nhưng không thể làm gì và cũng không dám làm gì, chỉ biết trân mình giả chết để khỏi bị đối phương bắn bồi và cũng để tiếng kêu la thảm thiết của Kính không làm tê liệt khối óc và trái tim của anh ta. Qua cơn xúa động, Bảo-Trân ngẫng lên và thấy Luận đang ngồi cạnh cụ bà, cách Bảo-Trân vài viên gạch rong rêu. Cụ bà vẫn lặng lẽ chặm nước mắt bằng ống tay áo. Cử chỉ của cụ tại sao Bảo-Trân lại cảm thấy quen quen. Ô, phải rồi, dạo Phiêu - em kế của Bảo-Trân - mất tích ở Đức-lập, mỗi chiều, sau khi thắp nhang bàn Phật và phóng sanh vài chú chim non, bà Dư - mẹ của Bảo-Trân và Phiêu - thường ngồi trước hiên nhà, nhìn những chuyến xe đò vùn vụt chạy ngang. Vừa vén tay áo chặm nước mắt bà Dư vừa thầm mong một chiếc xe đò dừng lại và đứa con trai thân yêu của bà sẽ bước xuống.

Hình ảnh rũ rượi của bà Dư lúc nào cũng đậm nét trong tâm cảm Bảo-Trân. Bây giờ, trước một hình ảnh tương tự, Bảo-Trân có thiện cảm ngay với hình ảnh đó. Bảo-Trân vừa tính lên tiếng làm quen thì cụ và Luận đều đứng lên. Luận xoay sang Bảo-Trân:

- Cô trông hộ cháu cái bình nhựa nhá. Cháu dìu cụ "nên" đến cổng chùa rồi cháu "chở nại".

Bảo-Trân muốn đi theo, nhưng không hiểu tại sao nàng lại không đứng lên, chỉ ngồi yên, gật đầu. Nhìn dáng cụ bà thất thểu đi bên Luận không dưng Bảo-Trân muốn khóc. Trời ơi! Hình ảnh ấy đâu khác chi hình ảnh mẹ của Kính, vào những dịp đứa em út của Kính đưa bà đi thăm mộ Kính. Những lần đó, theo hai hàng nước mắt đầm đìa, bà thường ư hử theo âm điệu nhạc phẩm "Tiếng xưa" của Dương-Thiệu-Tước - vì đó là bản "ruột" của Kính khi Kính trình tấu Hạ-uy-cầm. Bảo-Trân không hiểu, lúc sinh thời, người con trai của cụ bà có tài giỏi như Kính hay không; nhưng điều Bảo-Trân vừa nhận biết là Bảo-Trâm đã sai lầm trong suốt bao nhiêu năm qua khi nghĩ rằng tất cả người dân miền Bắc đều hiếu chiến, đều có trái tim thiếu hẳn tình người. Giờ đây, nghe câu chuyện của người đàn ông "sinh Bắc tử Nam" và thấy những giọt nước mắt trên gương mặt già nua của cụ bà, lòng Bảo-Trân chùng xuống ở độ thấp nhất; vì đây là lần đầu tiên Bảo-Trân cảm nhận được nỗi đau của những bà mẹ miền Bắc. Những giọt nước mắt này có khác chi những giọt nước mắt của những bà mẹ miền Nam Việt-nam và của những bà mẹ khác chủng tộc - thường đến Hoa-thịnh-đốn để thẫn thờ trước Đài-tưởng-niệm chiến binh Hoa-kỳ tử trận tại Việt-nam! Bảo-Trân thở dài, thầm nghĩ, tủi nhục nào rồi cũng phôi phai; hận thù nào rồi cũng lắng dịu; lầm lỗi nào cũng sẽ được thứ tha; chiến thắng nào rồi cũng tàn lụn; chỉ có nỗi đau thương của những người mẹ mất con trong cuộc chiến thì lúc nào cũng âm ỷ gậm nhấm những trái tim héo mòn!

đã đọc văn xuôi của Võ Phiến
không thể không tìm đọc thơ Võ Phiến

thơ thẩn

thi tập duy nhất của Võ Phiến

An Tiêm xuất bản, Văn Nghệ phát hành
Sách in trang nhã, giá 10 Mỹ kim

Đào thoát

(tiếp theo kỳ trước)

Ngụ Thuyết

Thường lệ vào sáng chủ nhật tôi có cái tật ngủ nán, nhưng sáng hôm đó, sau cái đêm gặp B trưởng, tôi dậy thật sớm. Gần như suốt đêm hôm trước tôi nằm trằn trọc mãi, lo toan đủ chuyện, thế mà buổi sáng vẫn không dỗ được một giấc ngủ ngon. Hôm nay chủ nhật, lại nhằm 30 Tết. Ngày mai? Lại thêm một Tết trong tù. Tôi đứng ngồi không yên.

B của chúng tôi có hai người được sung vào ban khuân vác "lương thực, thực phẩm "từ xe vào nhà kho trên đỉnh đồi. Một trong hai người đó quá sức ốm yếu, xanh xao. Thế nhưng có một lần y sĩ của "trạm xá "sau một hồi ngắm nghía dung nhan rồi đưa mấy đầu ngón tay gõ gõ vào trán, vào ngực của đương sự , quả quyết đương sự hoàn toàn bình thường và khỏe mạnh. Anh chàng kia coi bộ khá hơn một chút, nhưng cũng thuộc vào loại trói gà không chặc. Có lẽ vì thế cả hai người đều được tạm miễn lao động ở ngoài rừng trong dịp lễ Tết chăng? Anh chàng ốm yếu tên là Vượng chơi với tôi khá thân, chia sẻ ăn uống với tôi đều đặn hơn so với những người khác cùng B, để dành nước cho nhau tắm rửa phụ trội khi tên nào có dịp đi ngang qua cái giếng luôn luôn đông nghẹt người tranh thủ chơm thêm được một xô nước, và đặc biệt là đêm đêm nằm kề bên nhau phụ nhau giết rệp, nghe hơi thở của nhau chờ giấc ngủ đến, hoặc những hôm cả hai không ngủ được, tôi tha hồ nghe đủ thứ chuyện do hắn kể, chuyện thực lẫn chuyện bịa. Ông bạn láng giềng đó của tôi lao động thì lóng cóng quờ quạng nhưng nói năng rất lém lỉnh, hóm hỉnh, và lý sự. Một hôm, sau buổi bình bầu bị kiểm thảo nặng nề, hắn ta kéo tôi tới một gốc cây ngồi xuống đấu láo.

- Tớ nói cho cậu nghe này, sống để dạ chết mang đi, cấm không được mách lẻo với ai nhé. Đấng nào tuyên bố rằng "lao động là vinh quang "

quả muốn pha trò với những người như cậu cho vui câu chuyện. Cậu quần quật làm việc suốt ngày để làm gì vậy? Có phải để mong được vinh danh trong những kỳ bình bầu, để mở mặt mở mày với thiên hạ! Nghĩa là lao động mang cái gọi là vinh quang đến cho cậu, chứ thật ra bản chất của cái gọi là lao động cũng chỉ là vậy vậy thôi, không vinh quang mà cũng chẳng xấu xa. Tớ nói như thế là cũng đã cố nói cho xuôi chiều với cậu. Riêng tớ, tớ còn nghĩ khác nữa. Tớ nói ra chỉ xin cậu một điều kiện là cho nó lọt vào tai này, cho nó ra khỏi tai kia.

- Ê, ê, đừng giở cái trò rào đón với tôi. Cứ nói đi, tôi sẵn sàng chổng tai nghe đây.

- Này nhé, tớ sẽ cảm thấy vinh quang hơn nhiều nếu ngày ngày được đi lang bang trong rừng ngó cây ngó cối ngó chim ngó chóc, hoặc đi lề rề xuống biển hít vô đầy phổi những cơn gió mặn, bác sĩ ngụy bảo tớ cần gió biển lắm, ngó người ta nằm phơi nắng, rồi trưa về, chiều về, vẫn có củ khoai củ sắn lũm vào miệng. Tổ quốc ta rừng vàng biển bạc mà! Lao động chẳng qua vì miếng ăn, vinh quang cái nỗi gì.

- Nhưng mọi người làm việc, còn mình cứ ì ra thì...

Vượng nóng nảy cướp lời:

- Coi chừng lạc đề rồi đó bồ. Mình đang bàn đến cái bản chất của lao động mà. Khoan nói đến cái hậu quả của nó, khoan nói đến cái bổn phận, cái trách nhiệm. Tớ cho rằng cái thảm kịch lớn lao nhất của con người là làm lụng quá nhiều, hưởng thụ quá ít. Chắc cậu sẽ cãi lại rằng con người dù sao cũng hơn con bò chẳng hạn. Đúng vậy, con bò làm việc suốt ngày, ăn thì chỉ có cỏ mọc hoang, thì giờ để ăn không đủ phải tranh thủ ăn vội để tối về chuồng nằm nghỉ nhai lại, uống thì nước ao nước rảnh, nói thì chỉ được vài ba tiếng bò bò rồi tịt. Con người khác hẳn. Tên nào càng ít trang bị những thứ vinh quang lỉnh kỉnh vừa nêu đó là càng có nhiều căn người. Như tớ đây, làm việc lai rai, ăn uống lựa miếng ngon, nói năng linh tinh, chẳng giống con bò chút nào. Còn cậu thì sao? Chắc là cậu và đồng bọn có căn bò hơn tớ.

- Thật vậy sao? Nếu đúng vậy thì có lẽ cũng nhờ thiếu lao động cho nên trông cậu rất thanh cảnh, mình hạc xác ve, trong xương ngoài da. Chỉ cần một ngọn gió nhẹ là cậu bay mất đất. Thoát !

- Khổ quá cái ông bạn hay lạc đề của tôi ơi! Cậu lại muốn nhảy qua lãnh vực khác hay sao đây? Muốn bàn về thể dục thể thao hả? Tớ gầy yếu vì thiếu ăn, thiếu thuốc, vì không có thì giờ để đi đánh "quần ", đi cử tạ, đi bơi lội, đi câu cá, chứ không phải vì thiếu những buổi đi bốc đất, móc phân.

Đại khái bạn tôi có cái lối ăn nói như thế.

Khuân đô từ sáng đến trưa, bạn tôi trở về lán mặt mày nhăn nhó. Bảo rằng từ sáng đến trưa nhưng thật ra chiếc xe chở hàng mới đi được hai chuyến. Như thế có nghĩa rằng quãng đường từ nơi lấy hàng đến trại giam cũng khá xa, tôi ngẫm nghĩ. Buổi chiều có lẽ sẽ còn hai chuyến chót cho ngày hôm nay. Ngày mai Tết, mọi người đều được nghỉ.

Trưa hôm đó tôi được ăn hai phần. Vượng bỏ ăn. Tôi kéo bạn tôi đến một góc sân gợi chuyện:

- Này, làm cái trò trống gì ngoài đó mà trông cái bản mặt của cậu giống như cái bánh tráng nướng nhúng nước vậy?

- Hôm nay bức quá! Cái nhà kho ngập đầy bụi. Tớ chịu hết nổi. Tớ bệnh rồi cậu ạ. Thời tiết thay đổi như thế này chắc thế nào tối nay cũng có mưa.

Vượng ngồi trệt xuống bãi cỏ, thở dốc, mặt mày tái mét, mồ hôi trán vả ra như tắm, đôi mắt to trắng bệch như muốn lồi thêm ra. Hắn thều thào:

- Bây giờ mà tớ tới trạm xá thì... thì... thằng y sĩ sẽ cứng họng.

-...?

- Không hiểu à, khổ quá! Nó sẽ hết nói rằng tớ chả có bệnh gì cả!

- Nhưng hôm nay chủ nhật trạm xá đóng cửa.

- Trời ơi là trời! Biết rồi! Khỏi phải nhắc. Tớ nói nếu đi trạm xá... Bây giờ mà... nghĩa là nếu. Đã rõ ý tớ chưa?

Nói xong, bạn tôi nằm dài xuống đất, mắt nhắm nghiền. Tôi sờ vào cái trán bạn tôi ướt đẫm, lạnh ngắt. Tôi cúi xuống nói nhỏ vào tai của Vượng:

- Này này, ngồi dậy. Vào trong kia nghỉ một chốc đi. Nghỉ luôn chiều nay cũng được. - đây coi chừng trúng gió chết ngắc.

Dìu Vượng đi vào, tôi thì thầm:

- Không sao đâu, cậu cứ nằm nghỉ ngơi cho khỏe. Chốc nữa tôi ra ngoài đó thế cậu. Chả cần phải xin phép ai. Tụi nó thấy đủ số người là yên chứ gì. Sáng ngày mai cậu đi trạm xá khai bệnh xin nghỉ là xong. Cậu bệnh thiệt, sợ gì.

Bạn tôi đã mệt nhoài vẫn lý sự:

- Tớ có bảo sợ bao giờ đâu mà cậu phải căn dặn đừng sợ gì.

- Ừ, được rồi. Cậu không hề sợ ai cả...

Bạn tôi sốt ruột ngắt lời:

- Lại lái câu chuyện đi lung tung. Sợ gì khác sợ ai. Tớ hiện đang sợ nhiều người lắm chứ. Sao cậu dám bảo là tớ không hề sợ ai! Hai cái sợ đó khác nhau.

- Hả? Khác hả? ừ, thì khác. Nhưng ngày mai nhớ nói thằng Hải

đưa đi trạm xá. Hay là để tôi nói với B trưởng cho cũng được.

- Nhảm! Mai không cần khai bệnh tớ vẫn nghỉ.

- Nên đi khai bệnh đi. Đừng liều lĩnh!

- Liều cái con khỉ.

Tôi đâm bực, đốp chát lại:

- Đã mang bệnh mà không chịu tu bớt cái lỗ mỏ! Cà khịa hoài. Mai muốn đi lao động hay sao đấy ?

- Cậu muốn lao động vinh quang thì cậu cứ đi đi! Mai tớ nghỉ Tết.

Công việc ngoài nhà kho không có gì nặng nhọc. Vào khoảng 3 giờ chiều chúng tôi đã khuân hết các món ăn như gạo, bắp, khoai, sắn, đường, muối, nước mắm, khô cá v.v...từ xe vào nhà kho. Ngày mai là ngày Tết cho nên thấy có cả trà gói và thuốc lá. Chiếc xe lại nổ máy để đi chuyến chót.

Tôi suy nghĩ liên miên. Tôi đã tính đi tính lại cả tuần nay, từ ngày thấy chiếc xe nhà thầu chở thực phẩm cho dịp Tết. Liều, phải liều. Bị biệt giam hoặc chết là cùng chứ gì. Không thể nào có được dịp tốt như thế này lần thứ hai. Chưa chuẩn bị gì cả nhưng mình phải liều. Sau đó tùy cơ ứng biến, tôi thầm nhủ. Chúng tôi đang dọn dẹp đồ đạc và sắp xếp lại nhà kho cho gọn gàng, bỗng anh cán bộ từ ngoài cửa đi vào ra lệnh "khẩn trương "ra xe làm chuyến chót cho kịp trước khi trời tối.

Ba người đứng trên sàn xe chuyền các thứ thức ăn xuống, trong đó có tôi, sáu người còn lại thay nhau khuân những thứ đó từ xe vào kho. Chúng tôi phải làm nhanh vì trời sắp tối, ngoài ra còn phải tranh thủ dành một chút thì giờ họp với anh em trong B để có thể thông suốt chương trình mừng xuân mới vào ngày mai đại khái gồm những mục như sau: Những người nào không bận tập văn nghệ, tất cả đều phải tham gia "thi đấu "cờ tướng, hoặc nếu không biết chơi cờ tướng, phải đứng xem tất cả mọi trận đấu sẽ diễn ra suốt buổi sáng và buổi chiều mồng một Tết. 4 giờ chiều đấu giải chung kết. 6 giờ chiều, mục quan trọng nhất, "ăn tiệc ". Buổi tối từ 8 giờ đến 11 giờ tất cả mọi người đều họp tại hội trường xem văn nghệ "tự biên tự diễn ". Không một ai có thể nại bất cứ lý do gì để vắng mặt trong ngày liên hoan Tết. Lẽ ra còn mục Bóng đá. Có một quả bóng bằng da đàng hoàng, có cái sân cỏ khá rộng, nhưng cuộc thi đấu bóng đá phải hủy bỏ, lý do là vì cầu thủ không có giày để mang. Sau chưa đầy nửa tiếng tập đá chân không trên cái sân cỏ đầy gai gốc, sỏi đá, chân người nào cũng bị tróc móng cái.

Năm bảy cái bao lát rách, ba bốn cái bị giấy xi măng lũng nằm bừa bãi giữa sàn xe, tôi kín đáo lấy chân lùa những thứ đó vào một góc.

Trời nhá nhem dần. Vài tiếng pháo thật xa theo cơn gió bay tới. Sàn xe đã được dọn sạch. Hai người cùng làm với tôi đã từ trên xe nhảy xuống đất đứng cài cái bửng sau xe lại trong khi tôi loay hoay cúi mình xuống một góc sàn xe lượm mấy quả bắp khô còn sót. Cài then xong, hai tên đó rảo bước về phía trại giam cho kịp bọn người khuân vác hồi nãy đã đi đến cổng hàng rào dây kẽm gai. Một trong hai tên vừa đi vừa quay đầu hỏi với lại: " Ê, làm gì trên đó bồ? Lẹ lên chớ. " Tôi đáp: "Xong ngay " rồi nằm sát mình xuống sàn xe. Anh cán bộ phụ trách từ trong nhà kho cũng nói với ra: " Xong cả chưa? " Vài tiếng đáp đằng xa: "Xong rồi, xong rồi ". Người tài xế đang ngồi bên gốc cây hút thuốc lá vội đến bước lên xe, rồi đóng sầm cửa lại. Tôi giật mình lăn sát vào tấm bửng vừa được đóng, thuận tay vớ lấy mấy cái bao lát đắp vào người. Khổ quá những chiếc bao lát nhỏ xíu đắp đầu, lòi chân! Có tiếng chân tiến đến sau xe, rồi một bàn tay đập đập vào tấm bửng, xong xuôi sờ vào cái then cài. Đúng là anh chàng cán bộ hậu cần đang muốn kiểm soát gì đó. Tôi than thầm. Anh chàng này giở trò gì đây? Xin đừng, đừng kéo cái then đó! Tim tôi nhói mạnh... May quá, cái bàn tay ấy không kéo cái then cài ra, chỉ sờ soạn xem then cài kỹ chưa. Lớp bụi nơi cái bị rách theo hơi thở vào mũi của tôi. Cả người tôi cồn cào. Tôi muốn hắt hơi. Tôi liền đưa ngón tay út cắn mạnh máu tươm ra mặn cả miệng. Đúng ngay lúc ấy người cán bộ hậu cần hô to: "Mọi việc hoàn tất tốt. Chúc đồng chí ăn tết ngon! "

Xe nổ máy, từ từ chạy xuống chân đồi lắc mạnh trên con đường lát đá củ kỷ đầy ổ gà. Tôi nằm ngửa nhìn bầu trời xám đen không trăng không sao, hai tay níu chặt vào cái then cài của tấm bửng, cố giữ thăng bằng. Chiếc xe xuống đến chân đồi chạy êm dần. Tôi quay người nằm sấp lại để dễ giữ thăng bằng dễ hơn, tai nghe tiếng gió thổi vù vù bên trên, tiếng động cơ gào thét từng hồi mỗi khi chiếc xe ì ạch bò lên những con dốc mới, và đặc biệt là những tiếng pháo lẻ thỉnh thoảng nghe được ở dọc hai bên đường. Nằm sấp trên xe ở cái tư thế cấn cái khó chịu như thế nhưng lòng lâng lâng như mọc cánh bay cao, tâm trí mở rộng như muốn đón lấy tất cả trời đất bao la chung quanh, và trong một khoảnh khắc ngắn, tôi không nghĩ gì đến quá khứ hoặc tương lai, chỉ thấy cái hiện tại vô cùng quý báu này.

Tôi không biết thời gian là bao lâu khi xe đến chỗ ngừng, một tiếng chăng, hai tiếng chăng. Bây giờ vào khoảng 8 giờ rồi chắc? Những chuyện xảy ra dồn dập làm cho tôi mất hết ý niệm về thời gian. Trời đất tối đen. Lạnh. Và mưa. Mưa bắt đầu rơi. Xe đến nơi, người tài xế cho xe đậu vào trong túp lều không có vách bao quanh, mái lợp lá, xong khóa cửa xe lại, rồi vội vàng chạy vào nhà.

Ánh đèn tù mù từ trong nhà không đủ sức chiếu sáng cái sân con. Có tiếng chó sủa ăng ẳng, dai dẳng. Tiếng chó con. Rồi những âm thanh khác rộn ràng khua vang. Đã lâu lắm , bây giờ tôi mới nghe được những âm thanh quen thuộc ấy: Tiếng cười của trẻ con, tiếng guốc gõ lên trên nền xi măng, tiếng chén bát soong nồi chạm vào nhau, tiếng chày giả vào cối, có lẽ người vợ anh tài xế đang giả tiêu , hành, ớt, tỏi. Rồi tiếng xào nấu... Tôi nghĩ thầm rằng gia đình bác tài hẳn đang sửa soạn mâm cơm ba mươi rước ông bà. Tôi thấy vui lây. Nhưng cái vui vui ấy vừa mới thoáng đến, nỗi lo lắng xâm chiếm vào tôi ngay. Tôi có thể nằm trên chiếc xe này được bao lâu đây? Tôi sẽ làm gì chốc nữa đây? Nơi này là đâu? Gia đình bác tài này hẳn là thuộc phe Cách Mạng nên mới được phép lãnh thầu chuyên chở cho trại giam? Bỗng tôi chột dạ.

Giờ này hẳn nơi giam giữ tôi đã phát giác việc tôi trốn trại? Và đang mở cuộc truy tầm? Hẳn người ta đã lấy khẩu cung của những người khuân vác và đặc biệt là hai anh chàng đứng trên sàn xe với tôi? Và không chừng thằng bạn hay cà khịa của tôi cũng sẽ bị kêu lên kêu xuống tra hỏi? Rồi bị nhốt ? Biệt giam? Quả thật trước kia tôi không bao giờ nghĩ rằng bạn tôi có thể bị liên lụy. Ôi! Vượng ơi! Nếu có bề nào... Tôi sẽ làm được gì cho anh đây? Nhưng bây giờ tôi phải chạy thật gấp, thật xa nơi này. Không chừng bọn lính truy tầm đang đổ về đây để lùng bắt tôi, để hỏi cung người tài xế. Tôi co hai chân lên, mang lại đôi dép râu cẩn thận, sờ soạn khắp thân hình, đầu cổ. Không có một tờ giấy gì trong tay, không có một đồng xu, không có túi, quần xà lỏn, áo cánh bao cát, đầu trần hớt nham nhở. Tôi nhún mình nhảy thật nhẹ nhàng ra khỏi xe. Con chó trong nhà chạy tuôn ra phía tôi sủa ầm ĩ nhưng không dám tiến đến gần. Trời bắt đầu mưa nặng hạt. Tôi cắm đầu cắm cổ lấy hết sức chạy nhanh ra khỏi khu nhà, không biết đang chạy theo hướng nào. Hình như không một ai đuổi theo tôi.

Càng lúc mưa càng lớn. Đêm tối dày đặt. Chốc chốc vạch ngang vạch dọc những tia chớp sáng lóe, tiếp theo là tiếng sấm vang dậy. Bầu trời đen như bị nứt ra nhiều mảnh, nước từ trên cao trút xuống càng nhiều sau mỗi lần chớp. Tôi vẫn cắm đầu chạy, vấp ngã, lồm cồm đứng dậy, chạy, chạy. Đã xa ngôi nhà ấy bao xa, ngôi nhà có chiếc xe hàng mang tôi ra khỏi nơi giam cầm, có con chó con đứng xa sủa ăng ẳng, và tôi phải chạy về hướng nào đây, lạy trời đừng trở lại cái hướng trở về trại giam. Nghĩ đến đấy, tôi đâm hoảng, tôi bỏ con đường lớn, tìm những lối đi nhỏ, chạy, chạy mãi. Trời mưa lạnh nhưng cơn sợ mang thêm cho tôi sức lực, tôi chạy đã xa vẫn còn sức chạy tiếp. Những con đường nhỏ này dẫn đến

những con đường nhỏ khác. Cuối cùng tôi chạy lên một ngọn đồi.

Cái mệt bỗng dưng đến, tôi thở muốn hụt hơi. Cố thêm một chút nữa đi, tôi nhủ thầm, cố chạy lên dốc, qua được bên kia ngọn đồi, là thoát. Không hiểu sao tôi lại nghĩ như thế. Ngọn đồi này đâu có cao bằng núi Bà Đen, núi Chứa Chan. Trước kia tôi nuôi cái ý nghĩ rằng hễ qua được bên kia núi là thoát hiểm, còn bây giờ, hễ vượt khỏi ngọn đồi này sẽ đến nơi an toàn. Chắc chắn là vậy... có lẽ là vậy. Cũng nhờ thế, dù đã mệt nhoài, tôi vẫn còn ý chí vượt lên. Con đường đồi đất, đá, gai, cỏ và bùn. Tôi ngả té nhiều lần, đôi dép râu trật quai nhiều lần, người ướt nhèm, sây sát, lạnh run. Sau một lúc, tôi đuối sức hết chạy nổi, phải đi từng bước một, có khi phải khom mình hai tay quơ quơ về phía trước bám vào gốc cỏ, gốc cây, hốc đá, níu lấy kéo người lên. Rốt cuộc tôi cũng đến được đỉnh đồi, ngồi bệt xuống đất nghỉ. Bỗng thấy chán nản đến cùng cực.

Đây là cái đỉnh cao của ước mơ mà tôi đã ấp ủ trong suốt mấy năm trời nằm trong tù? Đây là khởi điểm của cuộc đời mới của tôi chăng? Bên ngoài trại giam là sông dài trời rộng, tôi sẽ như con cá gặp nước tha hồ vùng vẫy, sẽ như con chim sổ lồng tha hồ soãi cánh? Kể từ giây phút này tôi là con người của tự do chăng? Hay tôi đang lọt vào một vòng vây khác bao la hơn, khủng khiếp hơn? Tôi đứng lên ngó về phía trước. Không thấy gì. Trên đỉnh đồi này mưa đã tạnh nhưng ở đằng xa mưa vẫn bay nhòe. Chân trời ở đâu, tôi không thấy nổi trong cái đêm tối đen này. Mọi chân trời đều chìm khuất!

Tôi nhìn quanh. Không gian bưng bít. Chỉ còn thời gian. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi quá khứ hiện về. Đây là lúc chúng tôi đang đứng trên ngọn đồi 18 vùng Thủ Đức học môn Địa Hình. Rồi hôm khác tới những bãi xa hơn tập bắn súng lục, súng tiểu liên. Xa hơn một chút, sân bắn súng trường, súng đại liên. Gần bãi đất hoang trên đó nằm rải rác mấy chiếc xe tăng phế thải, chúng tôi thường đến tập sử dụng súng phóng lựu và súng cối... Rồi cái Chợ Nhỏ gần trường Bộ Binh vào những tuần lễ bị cấm trại , chúng tôi chui hàng rào trốn ra đó để mua chè đậu đen, hột vịt lộn, la-de mang vào chén thù chén tạc. Và lâu hơn nữa, xa thật xa trong dĩ vãng, những ngôi trường cũ, trường Luật Khoa, trường Khoa Học chen chúc những khuôn mặt bắt đầu hằn lên những nét ưu tư, và ngôi trường thời trung học hoa phượng đỏ rực mùa hè kéo tầm mắt qua phía ngôi trường nữ, nghe tiếng guốc reo vui rộn ràng mỗi buổi sáng tới lớp, mỗi buổi chiều tan học ra về. Và tuổi nhỏ bên dòng sông nữa chứ! Nhưng thật là lạ, quá khứ xa hiện lên rất rõ, quá khứ gần thì lơ mơ, lẫn lộn. Những tháng ngày của mùa hè 1972, của cuối mùa xuân 1975 chỉ thấp thoáng chơi vơi ở một nơi nào trong trí nhớ. Và những năm ở tù gần đây, trong

khoảnh khắc này, không thấy để lại một dấu tích gì.

Một cơn gió lạnh tạt qua mang theo một loạt mưa và mang lại từ xa lác đác tiếng pháo. Tôi sửng sờ. Tất cả những gì đã hiện về với tôi trong giây phút ngắn ngủi vừa rồi đều biến nhanh, đều tan vỡ như những bong bóng xà phòng long lanh nhiều màu thoát đi từ cái ống thổi nhỏ quấn bằng mảnh giấy cũ xé ra từ tập vở học trò của những ngày thơ dại. Vâng, tiếng pháo nghe được có nghĩa là có những làng mạc ở gần đâu đây. Ăn mặc như thế này, người ngợm như thế này chắc chắn tôi sẽ sớm lọt ngay vào tay bọn công an. Phải đi nữa, phải đi xa những nơi nào có dân cư, làng xóm, nhà cửa. Ngày mai trời sáng tỏ mình sẽ tính những chuyện khác. Một hình ảnh mới hiện lên, lần này không tan biến, đó là hình ảnh vợ và con tôi! Em, em bây giờ ở đâu? Có bao giờ em hỏi anh hiện đang làm gì, đang ở nơi nào hay không? Anh trả lời nhé, anh không biết anh đang ở đâu cả, anh đang đứng trên một ngọn đồi không tên mà anh chưa bao giờ đặt chân tới. Nhưng anh không thể đứng nơi đây lâu hơn được nữa.

Đã đến giao thừa chưa? Có lẽ chưa, nhưng chắc chắn là khuya lắm rồi. Đêm ba mươi không trăng không sao, trời tối đen. Hôi nảy, trong cơn mưa, nhờ những tia chớp lóe lên từng chặp, tôi dễ nhận ra quãng không gian ngắn trước mặt để nương theo đó đi tiếp. Bây giờ tôi chưa biết xoay xở làm sao để qua được bên kia ngọn đồi. Lạnh và đói. Chạy quẩn lên một chốc cơn lạnh sẽ qua, nhưng cơn đói càng tăng. Nhớ lại lúc còn nằm trên xe tôi đã định bụng sẽ mang theo mấy trái bắp khô gỡ ra từng hột nhai. Sung sướng biết bao! Đến khi nhảy xuống xe chạy trốn lại quên khuấy đi mất. Tôi vừa lần mò đi từng bước vừa than thầm, rồi vấp vào cây, vào đá, sỉa chân xuống hang, xuống rảnh. Tuy nhiên tôi vẫn còn một chút may mắn, sườn đồi cây cỏ thưa thớt, dốc chỉ đổ nhẹ nhàng thoai thoải, không lấy gì làm nguy hiểm cho lắm. Mò mẫm đi một hồi lâu, tôi tới được một nơi mà tôi nghĩ là một vùng đất hoang. Tôi ngồi xuống cạnh một lùm cây nghỉ một chốc để lấy sức đi tiếp.

Bỗng tiếng pháo nổi lên, ánh lửa chấp chới cho tôi thấy mấy cụm nhà tranh ẩn đằng sau lũy tre hoặc những hàng cây thưa dùng làm hàng rào. Tôi hoảng hốt đứng dậy khom người lẫn tránh lần lần tìm hướng đi khác. Cả hai ngón chân cái của tôi đau buốt. Tôi không buồn ngồi xuống sờ thử xem nhưng tôi biết chắc rằng hai móng chân cái đã bị tróc ra sau nhiều lần vấp phải những tảng đá lớn trên đường xuống đồi. Sức tôi kiệt dần. Tiếng pháo cũng xa dần rồi tắt hẳn và tôi cũng biết tiếng pháo tắt không phải vì đã xa khỏi tầm nghe của tôi, mà vì đó chỉ là đợt pháo lẻ tẻ nổ lên một loạt ngắn rồi im. Cho nên tôi tự căn dặn rằng mình phải ráng hết sức đi xa hơn nữa, bằng không, nếu bị phát giác, nếu bị tóm cổ, hình

phạt sẽ là xử tử không chừng. Manh chiếu rách cuốn lấy xác, cánh tay lòi ra ngoài quơ quơ, máu rỏ trên con đường bụi. Tôi cố nhớ lại cảnh tượng đó như một nhắc nhở giúp cho tôi thêm quyết tâm. Tôi cắn chặt răng mải miết đi, lê lết đi.

Bỗng lại có tiếng pháo dóng dả nghe thật gần. Tôi lặng người. Những tràng khác nghe xa hơn một chút như muốn đáp lời. Trước mặt tôi pháo cũng hưởng ứng bắt đầu nổ vang. Rồi sau lưng tôi, rồi bên phải, bên trái. Gần rồixa, rồi lại gần, râm ran như tiếng mưa rơi trên tàu lá chuối, róc rách như tiếng nước chảy trong lòng suối, chát chúa như tiếng gào thét của tạc đạn, những âm thanh đó trộn lẫn nhau làm náo động đêm khuya. Pháo bổ quanh tứ bề, lửa lóe lên lòa mắt, khói tuôn ra mù mịt, mùi thuốc súng tràn ngập khét rẹt. Giao thừa! Tôi ở nơi nào đây? Pháo bao vây! Tôi kiệt lực, mất đờ đẫn, tai ù. Tôi cảm thấy tay chân của tôi mềm nhủn, cái cổ không giữ vững cái đầu, và tôi dúi người xuống một cái gì âm ấm, êm êm. Tôi ngất đi không biết được bao lâu.

Chú! Chú! Cái chú này! Tiếng gọi bên tai khiến tôi mở choàng mắt . Tôi hoảng kinh. Tôi vùng dậy muốn chạy nhưng không đứng dậy nổi, cái đầu tê buốt, hai bàn chân nhức nhối, hai bàn tay lạnh cóng, thân thể rả rời. Một bàn tay vỗ nhẹ lên vai tôi, một giọng nói run run, khàn khàn:

- Đừng sợ. Tui giúp cho.

Tôi đang nằm cạnh một đụn rơm, một bà già ngồi bên tôi. Tôi chống hai tay cố ngồi dậy, cụ già đưa tay đỡ vào lưng của tôi, và dìu tôi dựa vào đống rơm. Tôi không biết nói gì, quên cả nói lời cám ơn, quay đầu nhìn quanh quan sát. Ngày đã đến, mây trắng bàng bạc khắp nơi, không có ánh nắng, không có mặt trời, tôi không thể biết được bây giờ là buổi sáng , buổi trưa hay buổi chiều. Có lẽ là buổi sáng sớm, tôi thầm nghĩ, và cụ già này có lẽ là người đầu tiên đi ra vườn bắt gặp mình ở đây. Nếu một người nào khác, nếu chẳng may công an thấy mình nằm nơi này? Cái chết và cái sống hình như luôn luôn đứng kề bên nhau! Tôi nhìn lại cụ già. Bà cụ ốm yếu tóc bạc phơ búi tó ở đằng sau, mặt mày nhăn nheo, miệng móm mém chìa ra một vài chiếc răng đen lung lay, mặc chiếc quần vải thô đen bạc màu, chiếc aó cụt trắng lem luốt đặc biệt có hai cái túi áo rất lớn choáng hết cả thân trước. Cặp mắt đục mờ mờ có mấy đường vân chăm chú nhìn tôi lặng lẽ, hiền từ. Đằng xa sau lưng cụ là ngôi nhà lá nằm cạnh mấy cây sua đũa, mấy cây điều lộn hột. Hai cây bông bút cổ thụ lá xanh tươi cao bằng nhau đứng ngay trước mặt nhà ở tư thế của cái cổng ra vào nhưng không có cánh cửa để mở đóng cũng không có hàng rào nối tiếp. Xa hơn chút nữa, một mảnh vườn nhỏ trồng cải cay,

khoai lang, khoai mì, và bắp. Dăm ba bụi chuối nằm rải rác. Mấy cây bông giấy mọc ở một góc vườn. Tôi không thể nào nhận ra ranh giới của những ngôi nhà, những ngôi vườn đứng cạnh nhau. Một lối đi chung làm ranh giới chăng? Hay một cái rạch dẫn nước tưới cây chăng? Bỗng bà cụ chồm người tới nói nhỏ với tôi sau một cơn ho dài:

- Chú ngồi yên đó, đừng đi đâu cả. Nhớ là không được đi đâu một bước. Tui đi kiếm cái này cho chú.

Nói xong, không chờ tôi trả lời, bà cụ quày quả đi vào nhà. Tôi nhớm mình muốn đứng dậy, đau ê ẩm toàn thân, lại ngồi yên, lòng lo lắng. Lỡ bà già đi báo với khóm phường? Tôi muốn bật cười vì cái ý nghĩ đó. Nếu muốn đi báo, bà cụ cần gì phải đến ngồi bên cạnh tôi đánh thức tôi dậy để có thể gây lắm chuyện phiền hà. Nghĩ đến đó tôi cảm thấy yên tâm hơn một chút. Một cơn gió thật mát thổi đến , những cây khoai mì thân nhiều mắc, cọng tím, lá xanh phơi phới rung rinh. Và nhất là những cây bắp non. Bụng tôi cồn cào vì đói. Phải chi có mấy hột bắp khô cho vào miệng nhai thật kỹ! Trời sinh cây bắp sao mà hay quá. Khi già thì thân thể vàng úa, xác xơ, đeo những quả to nặng trĩu với những hàng hột ngon lành, đều đặn, và trong trắng như hàm răng của người đẹp. Khi còn non thì như đang đứng trước mặt mình kia kìa, thân nõn nà mặc mấy lần lụa trắng muốt, lá vươn lên xanh biếc uốn éo những điệu múa uyển chuyển, mấy hạt sương mai long lanh đọng trên những chiếc lá to bảng trông nào khác những hạt kim cương đính trên những tà áo màu thiên thanh trong những chuyện thần tiên. Vài ba con bướm trắng nhỏ xíu bay chập chờn quanh luống cải như muốn nhắc nhở những chiếc ngồng cải hãy trổ nhanh lên cho có hoa vàng. Lòng tôi cũng đang nở hoa cùng với khu vườn này chào đón mùa xuân. May quá, mình gặp được bà cụ nhân từ này thế nào mình cũng thoát nạn. Tôi nghiệm ra rằng độ rày tôi dễ vui dễ buồn, lại có lúc an nhiên tự tại, có lúc quay quắt bồn chồn.

Bà cụ bước ra khỏi nhà hai tay bưng một cái dĩa. Cụ thở hào hển:

- Tui, tui... dì cho cháu ăn Tết đây nè.

Bà cụ vừa nói vừa bày ra trước mặt tôi một dĩa xôi trắng, một chén chè đậu ván, một đòn bánh tét chuối còn nguyên trong lá. Cụ lại lấy từ trong túi áo một chai thuốc đỏ đã xài hơn một nửa và mấy miếng rẻo vải đặt lên trên miếng lá chuối khô, đoạn quay sang tôi hối thúc:

- Cháu ăn xôi chè ngay đi. Có cái muỗng đây. Đòn bánh tét cháu đem theo.

Giọng nói của bà cụ mệt nhọc và buồn buồn khiến tôi đâm áy náy. Tôi nói lắp bắp mấy lời cám ơn, trong lòng vẫn cảm thấy một chút ngại ngùng. Cụ nói tiếp:

- Cháu ăn đi. Cứ tự nhiên. Dì biết cháu đang đói. Đừng có ngại gì cả nghe cháu.

Tôi cố ăn chậm rải nhưng không cưỡng lại được. Chỉ một nhoáng, hết nhẵn đĩa xôi và chén chè. Vì đói là một phần, nhưng đúng ra vì đồ ăn ngon quá. Suốt mấy năm trời kham khổ, bây giờ tôi mới được ăn những món này. Từ ngày được vợ thăm nuôi vài tháng một lần, tôi vẫn nhận được những thức ăn liền như xôi gà, hột vịt lộn, bánh bò... những thức ăn để được lâu như mì gói, cơm sấy, nếp rang... Đối với những thức ăn liền để trên bàn trong nhà thăm nuôi có vợ tôi ngồi trước mặt kín đáo nhìn tôi, tôi không thể nào ăn uống một cách ngon lành được. Nuốt một cách miễn cưỡng để chiều lòng vợ. Tại sao vậy? Tôi không hiểu vì sao. Có lẽ tại vì từ trước đến giờ mỗi khi có món gì ngon hai vợ chồng cùng chia sẻ, nay ngồi ăn một mình đâm ngượng chăng? Không những thế nhiều lúc tôi thấy tôi không khác gì một con gà trống đa tình, mỗi lần kiếm được con trùn, con dế, hột kê, hột đậu, là réo gọi con gà mái tới ăn, mình đứng nhìn thèm thuồng, bao dung. Nay tình thế đảo ngược, nên tôi bị khựng lại? Hay là vì nghĩ đến bao nỗi khổ cực mà vợ tôi đã phải trải qua mới có thể dành giụm những miếng ăn này cho tôi, nên tôi nuốt không trôi? Còn đối với những thức ăn để được lâu, tôi không bao giờ dám ăn uống một cách thoải mái, hoang phí, trái lại tằn tiện như người biển lận. Nay ngồi trước cụ già nhân từ này, tôi ăn một cách ngon lành đành đoạn, như ngày xưa còn bé lục ăn món quà trong chiếc rổ mẹ vừa đi chợ mang về.

-Tội nghiệp cháu quá. Chắc là cháu đói lắm. Còn cái chưn, cháu đau lắm hả? Cả hai ngón cái đều tróc móng, chịu gì nổi. Để dì lấy miếng vải sạch, chút thuốc đỏ xức vô, rồi băng đỡ. Để dì...

Cơn ho nổi lên, cụ không nói được hết câu. Tôi bàng hoàng một phút, rồi ngập ngừng hỏi:

- Dì cũng biết băng bó?

Bà cụ lắc đầu đáp :

- Không, dì không biết. Thì cứ cột lại cho đỡ đau. Khỏi dính bùn đất.

Tôi phụ bà cụ cột kín hai ngón chân cái của tôi. Những vết sây sát trên vai, trên cườm tay, trên đầu gối... bà cụ giúp tôi bôi thuốc đỏ vào khỏi cần rửa sạch tẩy trùng. Tôi cần phải đi càng sớm càng tốt.

- Tội nghiệp cháu quá! Nhà đi vắng, nhưng cháu không ở lại được lâu. Thấy mặt cháu nơi đây dì lại nhớ thằng Ba quá chừng. Nè, cháu ăn thêm nghe, dì đi vô lấy. Ăn xong cháu phải đi liền đó.

- Cám ơn dì, dì biết đó. Cháu không thể ngồi lại lâu. Cháu mang theo đòn bánh tét này đi là tốt quá rồi. Dì tử tế qúa. Cháu không biết nói

sao...

- Cháu khỏi cần phải nói.

Bỗng sực nhớ ra, cụ hối hả:

- Chết rồi! Cháu ăn mặc cái kiểu này coi sao được. Người ta hốt cháu đi ngay.

Tôi cũng đã biết điều ấy. Tôi đã tính trước một đêm nào đó lẻn vào nhà người ta đánh cắp một bộ áo quần cũ . Đâu có thể ăn mặc như thế này. Bây giờ tôi mới biết trộm cắp không phải là việc dễ làm. Cụ lên cơn ho, giọng nói khó nghe:

- Dì đi à à kiếm... kiếm áo... áo quần cho.

Nói xong, cơn ho khác kéo tới, bà cụ tất tả đi vào nhà, lảo đảo không vững. Trông cụ như ngọn đèn trước gió. Tôi bỗng nhớ mẹ tôi mất cách đây hơn ba năm sau khi tôi đi học tập cải tạo được ba tháng. Chín tháng sau khi mẹ tôi mất tôi mới được biết tin. Tôi không thuộc kinh Phật, tôi không nhớ kinh cầu siêu. Là người theo đạo Phật nhưng tôi chỉ nhớ vỏn vẹn có hai câu để đem ra tụng niệm cho vong hồn mẹ tôi kể từ hôm tôi biết tin mẹ tôi mất mỗi khi nước mắt tôi chực trào ra trên đường tôi đi lao động, hay lúc khuya khoắc tôi chợt thức giấc. Tôi tụng niệm hai câu đó không nhớ là mấy lần, không biết là phải tụng câu nào trước, nhưng trong khi tôi tụng niệm, quả tim trong lồng ngực của tôi thấy nhẹ bớt đôi phần. Bây giờ ruột tôi đang thắt lại, nước mắt tôi đang trào ra, tôi lâm râm tụng niệm cầu siêu cho vong hồn mẹ tôi đã chết, cầu an cho bà cụ lạ lùng này đang làm công việc của mẹ tôi ngày xưa: Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật - Nam Mô A Di Đà Phật.

Tôi mặc chồng vào người áo quần của "thằng Ba của dì "mà cụ vừa đem ra.

- Đi khỏi nơi này, cháu ráng tìm cách vượt biên liền nghe cháu. Người ta đi hà rầm ngoài Phan Thiết, ngoài Phan Rí Cửa. Cháu có quen ai ngoải không?

- Dạ không.

- Vậy thì đừng đi ra ngoải làm chi. Đi lớ ngớ một mình bị bắt ngay. Chắc cháu trước kia ở, ở đâu đó... Sài Gòn hả?

- Dạ, cháu ở Sài Gòn.

- Thì cháu cứ đi Sài Gòn cái đã. Có gì tính sau.

- Nhưng cháu không biết đường.

- Vậy hả? Cháu ráng tới ngả ba Ông Đồn đón xe đò về Gòn. Hay tới ga Xuân Lộc đi xe lửa cũng được.

- Dì ơi, đường vùng này cháu cũng không biết. Nơi đây lạ hoắc, cháu tới lần đầu. Hôi hôm tối thui cháu chạy lạc.

Loay hoay cột vết thương cho tôi rồi lại phải nói nhiều, cụ mệt phờ, ngồi dựa lưng vào đụn rơm cạnh tôi, thở nặng nề. Bầu trời sáng thêm một chút, mây trắng mỏng dần để lộ những khoảng không xanh biếc. Tiếng pháo gần xa vang lên từng hồi.

- Mới Tết đó rồi lại Tết . Nè, ở đâu đâu cháu cũng không biết đường hả? Không sao, dì chỉ cho. Nhưng , nhưng mồng một Tết đâu có xe chạy. Làm sao đây?

Tôi nhìn bà cụ chờ đợi. Bà cụ tuy già yếu nhưng còn sáng suốt và rất chu đáo. Tôi biết thế nào cụ cũng tìm ra được giải pháp. Quả thế, sau một phút suy nghĩ, cụ nói tiếp:

- Lại đây lâu thì không nên một chút nào cả. Cứ tới ga Xuân Lộc nằm chờ ngoài hè một đêm rồi mai đi. Từ đây lội bộ tới ga Xuân Lộc cũng mất cả buổi. Lại đau chưn. Để dì chỉ cháu đi xe ôm.

Tôi ngẩn người nhìn bà cụ. Đoán được ý tôi, cụ cười khe khẽ giữa cơn ho, lần đầu tiên tôi thấy cụ cười:

- Lại không có tiền chớ gì. Để dì cho cháu một ít tiền đi đường.

Nói xong, như đã chuẩn bị trước, bà cụ móc từ trong cái túi áo to quá cỡ một gói giấy nhỏ trao cho tôi. Tôi cầm lấy và nói lí nhí một câu mà chính tôi không hiểu tại sao tôi lại nói thế. Cám ơn dì? Không phải. Quý hóa quá? Lại càng không phải. Tôi nói ngớ ngẩn:

- Đi khỏi nơi này, cháu sẽ nhớ mãi mấy cây bắp mới lớn của dì.

Bà cụ không tỏ vẻ ngạc nhiên, nói đùa:

- Nhớ mấy cây bắp thôi, không nhớ dì sao. Tiền dì có ít, không đủ mua vé xe cho cháu về Gòn đâu. Đủ đi xe ôm ra ga xe lửa thôi. Có bao nhiêu giao cho con vợ thằng Ba hết trọi. Nó bồng con đi thăm ngoại sáng nay rồi. Cho nên... cháu đừng đi xe đò. Đi xe lửa, có gì nhảy xuống xe chạy, không ai nhảy xuống đuổi theo đâu mà sợ. Đường rầy hồi đó bị mìn hư hoài, đã sửa sang gì đâu, xe chạy chậm rì, nhảy xuống dễ ợt chớ gì. Rồi đón chuyến khác dọc đường mà về. Thằng Ba hồi đó cũng làm vậy.

Tôi nhìn bà cụ vừa biết ơn, vừa thán phục. Tôi ra đi lòng áy náy, bịn rịn, buồn khổ. Tôi lê từng bước chậm rải đi lẫn sau đụn rơm để theo con đường đã được bà cụ chỉ dẫn cẩn thận hồi nảy. Bỗng tôi nghe tiếng nói khàn khàn của bà cụ đuổi theo sau lưng:

- Cháu ơi! Cháu ơi! Còn chuyện này nữa.

Tôi đứng lại. Bà cụ đến gần nói thật nhỏ vào tai tôi giữa những cơn ho ngắn:

- Cháu chưa cho dì biết tên. Cháu thứ mấy trong nhà?... Thằng Hai, thằng Ba,... hay thằngTư? May không thôi dì quên chuyện quan trọng này, vô tới nhà dì mới nhớ ra... Chắc là cháu chẳng có giấy tờ gì trong

người. Đây... giấy chứng minh nhân dân cuả thằng Ba dì cất để dành từ ngày nó... Cháu cầm lấy mà đi đường. Khi nào xuống ghe vượt biên nhớ cho vô miệng nhai nuốt ực... đừng để lọt vô tay ai nghe con... thằng Ba, thằngTư,... hay thằng thứ mấy đó... sao chưa cho dì biết để dì dễ kêu.

- Thưa bác. Bác định bán con chó này sao? Sao lại bán đi, uổng quá. Đúng giống berger đó. Con chó đẹp quá, bác bán bao nhiêu, một lỗ tai bị cụp, cho nó ăn năm bảy cái trứng gà là nó chửng lên liền, khó gì... hay đem đến sở thú y khám rồi cho nó uống thuốc cũng được, thuốc bổ chó chớ thuốc gì nữa, sở thú y ở đâu hả...

Tôi vừa nói huyên thuyên vừa kín đáo để ý xem có quả thực tên công an đang theo dỏi tôi. Tôi không bắt gặp cặp mắt của hắn nhưng tôi biết ngay rằng hắn đang làm bộ ra thế, làm bộ nhìn theo gánh hàng đậu đỏ bánh lọt bánh tét. Ông già bán chó đang nổi cáu muốn sừng sộ với tôi. Tôi đã lấy lại bình tĩnh nói tiếp với ông già bán chó:

- Thưa bác, lẽ dĩ nhiên cháu không có khả năng mua chó, nhưng...

Ông già sốt ruột ngắt ngang lời tôi, hầm hừ:

- Anh muốn giở trò gì?

-... nhưng, nhưng cháu thương chó lắm, nhất là con này. Kìa, xem cái lưỡi nó thè ra, vết bớt đen. ồ, nó, con chó này khôn lắm. Chắc nó đã đến tuổi tập... tập...

Bằng một giọng bớt gắt gỏng, ông già ngắt lời:

- Tập cái món gì vậy? Nó to xác nhưng còn nhỏ tuổi lắm.

Tôi tập trung nói lếu láo với ông già cốt để đánh lừa anh chàng công an đang đứng đằng xa dòm chừng:

- Cháu không đủ tiền để mua con chó này. Chắc chắn là vậy. Nhưng nếu... Cháu thích nó quá. Tuy nhiên...

- Anh có bao nhiêu tiền?

- Dạ... dạ...

- Thôi được rồi, khỏi nói tiếp. Này, Anh thương nó hả? Cũng có biết chút chút về chó đó. Mà anh có chắc chắn đem nó về nuôi không? Hay đem về thịt? Tôi, tôi đi... tôi về quê, không mang nó theo được . Chớ có tính bán chác gì đâu.

Bỗng có tiếng kèn đám ma văng vẳng từ ngoài đường cái đưa vào, rồi tiếng rao hàng kỳ cục lảnh lót vang lên. Tôi không nhìn nhưng biết chắc rằng tên công an đang bận đứng cười với chị bán áo quần trẻ em sau khi nghe rao hàng. Tôi len lét nhìn ông già, cười ngớ ngẩn, nói đại mấy tiếng "cám ơn bác "rồi co giò chạy nhanh ra ngoài đường cái đi lẫn vào đoàn người đưa tang. Lần này tôi nhất định không nhìn ai cả. Tới đâu thì

tới. Tôi có kinh nghiệm rằng mỗi khi tôi để ý đến ai là người ta biết ngay. Tôi luôn luôn là một tên đóng kịch hạng tồi, hồi chưa ở tù cũng như bây giờ. Hồi đó, khi còn "hào hoa phong nhã ", mỗi lần tôi nhìn trộm cô nào là bị lộ tẩy ngay, dù cô đó là người quen biết cũ hay là người mới gặp lần đầu cũng thế. Chẳng hạn một hôm từ rạp chiếu bóng cùng với một người bạn trai chen chúc ra về, tôi bỗng để ý một cô gái trông thật duyên dáng, mái tóc đen dài mượt xỏa ra hai vai, má lúm đồng tiền, đôi mắt long lanh như đang có điều gì sung sướng trong lòng. Tôi nhìn cô gái từ xa, chỉ thấy được nửa khuôn mặt, và giữa cô ấy và tôi có đến sáu bảy người chen chúc. Gặp chỗ trống tôi đi bương tới cho kịp người đẹp để nhìn rõ hơn xem thử ra sao. Khi tôi vừa đến kịp, cô gái vô tình hay cố ý nhích ngang người, điều này quả nhiên tôi không thể nào biết được, tôi lỡ trớn chạm ngay vào bên mông của người đẹp, và người đẹp quay mặt nhìn nơi khác tỉnh bơ. Chuyện ngày xưa! Bây giờ tôi không nhìn ai cả, và tôi mong rằng mọi người cho rằng tôi là thân nhân của người quá cố.

Như hầu hết những người đưa tang, tôi đi lặng lẽ, chầm chậm từng bước một, đầu cúi, cố mang vẻ mặt buồn rầu. Tôi nghe tiếng tụng kinh phía trước mặt, ô, thế là đám tang của một người theo đạo Phật. Lẫn trong tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh cầu siêu là tiếng khóc của một phụ nữ, nghèn nghẹn, tức tưởi, bi thiết. Em đó hả? Có cả tiếng nói trẻ thơ. Tôi cố nghe và cố đoán vai vế người quá cố trong tang quyến. Đó là bà mẹ, bà nội, bà ngoại. Có lẽ cũng trạc tuổi của mẹ tôi. Bỗng nhiên tôi cảm thấy buồn thiệt và không cầm được nước mắt. Tôi gọi thầm mẹ, mẹ. Rồi tôi nhớ bà cụ đã băng bó cho tôi, không biết nay cụ còn sống hay đã ra đi. Rồi tôi nghĩ đến vợ tôi con tôi bây giờ không biết ở phương trời nào. Đã có người tụng kinh thay, mình cứ để cho nước mắt tràn ra đi. Không ai để ý người đưa tang đâu . Lần này mình có đóng kịch hay không? Nếu có, mình đóng kịch giỏi rồi!

Đi bộ một quãng vài ba cây số, đám tang dừng lại. Một số người lên chiếc xe chở linh cữu, hẳn là những thân nhân gần gũi nhất, một số khác bước lên chiếc xe hơi thứ hai để trống đưa tiếp đám tang, có lẽ sẽ đi xa. Số người còn lại đứng giạt ra hai bên đường hai tay chắp lại vái theo linh cữu lần chót. Tôi, đôi mắt còn cay, bước lên chiếc xe sau.

Cửa sổ xe không đóng kín, nhưng tôi không dám nhìn ngang nhìn ngửa. Tôi cảm thấy có vài người ngồi cùng xe đang kín đáo quan sát tôi. Đầu cúi gầm, tôi không biết được chiếc xe này đi hướng nào. Xe chạy chầm chậm khoảng 15 phút rồi chuyển bánh chạy nhanh, chắc là đã ra khỏi thành phố chạy về hướng Biên Hòa hoặc Bình Dương. Sau hơn nửa tiếng, xe đến nơi hạ huyệt trên đỉnh một ngọn đồi.

Thơ gửi người tù t.đ.u.

KHOA HỮU

Ta trên cao nguyên mùa cỏ chín
nhớ tháng tư loạn gió đồng bằng
núi chờ sông, sông đi lấp biển
em chờ ta mỏi bóng trăm năm

Giấc mơ ấy khai sơn định cõi
người đâu, xương rải đất nơi này
ta như lá, lá xanh bất hối
bước lưu ngàn buồn lạc hai vai

Ném hư vô xuống đòng năm tháng
lấy mây bay bịt mắt ngông cuồng
rừng võng ru ta lời đã thảm
mười năm treo vách đá chua buông

Mười năm ví dụ em còn khóc
kẻ gác gươm làm đá chống trời
mười năm - ai thấy trăng thổ huyết
núi rừng ta đá đã tàn hơi...

Tôi bước xuống xe cùng với những người đưa tang. Chiếc xe chở linh cữu đã đến trước đó mấy phút, linh cữu đã được khiêng xuống đặt bên cạnh cái huyệt mới đào, tiếng tụng kinh và tiếng khóc bi ai đang vang dậy. Rồi giờ hạ huyệt tới. Những cánh hoa, những hòn đất được ném theo dần dần phủ hết nắp quan tài, đất hai bên bờ huyệt dần dần được cào xuống lấp đầy. Tiếng tụng kinh càng dồn dập, tiếng than khóc càng áo nảo. Bỗng một người con gái đội mũ mấn vùng thoát khỏi những cánh tay thân yêu cố giữ cô lại. Cô lao người xuống huyệt. Tôi nhìn theo buồn bã. Hỏng rồi cô bé! Cô muốn đào thoát xuống đáy mộ sâu đó hẳn? Làm thế nào được. Còn tôi? Tôi sẽ đào thoát cách khác. Đám tang này rồi cũng phải đến hồi kết thúc. Mọi người rồi sẽ lên xe ra về, kể cả cô gái đội mũ mấn. Liệu tôi có sẽ kiếm được một chỗ ngồi trên xe để ra về cùng với mọi người rồi đi lẫn vào một đám đông nào đó hay là tôi phải ở lại đây trên ngọn đồi này một mình với người quá cố cho qua khỏi đêm nay.❐

Đêm tưởng là ngày

Đọc hồi ký Vũ Thư Hiên (*)

Triệu Châu

Trong một truyện trinh thám của Frederick Forsyth, cuốn *The Odessa Files*, thảm kịch của ông già Salomon Tauber đã bật chốt cho các tình tiết dồn dập bung lên như những lò xo của một truyện ly kỳ. Ông già Tauber này là người tù Do Thái trong trại tập trung Đức quốc xã. Thảm kịch của ông là trong tù ông từng bị bọn cai tù bắt làm lao công với nhiệm vụ ghê tởm là đẩy đồng loại lên xe bít bùng hơi ngạt để đi vào chỗ chết. Trong một lần, khi cố đẩy bọn tù hốc hác đầu tóc cạo trọc đến chẳng ai nhìn ra ai nữa, ông bắt gặp ánh mắt của một người tử tù trước khi rập cửa xe. Cánh cửa vừa xập lại thì ông mới nhận ra ánh mắt: ông vừa đẩy vợ vào chỗ chết. Cái nhìn vừa kinh ngạc vừa bi phẫn xen với nỗi thương hại đó đã ám ảnh ông tới suốt đời. Từ đó, Tauber tự nguyện với mình và với hương hồn của người vợ xấu số, rằng bằng mọi giá ông phải sống sót, để sau này còn cơ hội viết ra những gì ông được thấy trong trại...

Vũ Thư Hiên chẳng đẩy ai vào chỗ chết thảm khốc như vậy, nhưng người đọc có thể tin rằng lời tâm nguyện của ông cũng thiêng liêng không kém.

Vì đó cũng là ước nguyện của phụ thân ông, cựu giám đốc nha Nghi lễ, cựu bí thư của ông Hồ. Cụ Vũ Đình Huỳnh cha ông là người có lý tưởng đã kêu gọi bao người bước lên con tầu cộng sản cùng với mình, vào buổi bình minh của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi mà ánh dương hồng của chủ nghĩa chưa chụp bóng đêm đỏ ngầu lên cả nước. Như tác giả viết trong tự bạch, hồi ký Đêm giữa ban ngày là lời sám hối của phụ thân ông với đồng bào và được ông thực hiện theo lời trăn trối của người. Vũ Thư Hiên chuẩn bị từ lâu để viết cuốn hồi ký và hoàn thành từ 1993 đến 1997, sau khi qua Nga năm 93, và rời Nga tỵ nạn tại Pháp cuối 96 vì

bị công an Hà Nội theo khủng bố tại Nga. Là người yêu nước, đi bộ đội, cầm bút viết văn và chứng kiến hoặc can dự vào nhiều biến động ở miền Bắc, nay ông đã thành người lưu vong, một người mà chế độ Hà Nội không ưa, và người chống cộng chưa chắc đã dung. Tôi chưa biết là ông sẽ đi về đâu...

***

Những người từng tham gia kháng chiến chống Pháp hoặc rời bỏ Việt Minh để về với phe quốc gia thì có thể cảm được sâu đậm cái nỗi niềm không biết về đâu đó... Đọc Vũ Thư Hiên, có người sẽ gật gù: "đã bảo, mình dinh tê là phải, và những gì cuốn sách đã viết cũng chẳng có gì mới lạ". Tôi tin rằng từ bên kia, nhiều người ở Hà Nội sẽ thù ghét ông lắm, nhưng mong rằng ở "bến bờ tự do" bên này, ông sẽ ít gặp lối phản ứng gật gù khôn ngoan như vậy, nhất là khi ông vẫn không chối bỏ lý tưởng xã hội của Marx.

Vũ Thư Hiên không là đảng viên bị thất sủng, đổ ra chống đảng vì đỉnh chung bất tề. Ông không là đảng viên. Nhưng như nhiều nạn nhân khác trong một vụ án chính trị mà ông là người bị cầm tù lâu nhất, ông thành thật tin vào lý tưởng cộng sản, nên cầu mong đảng làm những việc đúng đắn với lý tưởng ban đầu. Cho tới khi ước mơ đó không thành và mọi hy vọng đều là tuyệt vọng, ông mới thấy ra sự hiểu lầm quá lớn của mình, và viết hồi ký như lời ăn năn, hơn là một sự buộc tội. Nếu chỉ đọc cuốn hồi ký như lời kết án của một kẻ bất mãn, có lẽ người ta đã nhục mạ ông. Hơn thế nữa, người ta sẽ không hiểu gì về số phận của rất nhiều người trong thế hệ của ông.

***

Khởi đầu là tiếng gọi lên đường, cho một ngày mai tươi sáng hơn của dân tộc. Tiếng gọi đó không do người cộng sản đưa ra mà đã vọng về từ những tranh đấu liên tục từ thế kỷ trước, hoặc từ điều mà ta mơ hồ gọi là hồn thiêng sông núi hay lòng ái quốc. Từ đó không biết bao người đã đứng lên đáp lời. Phải nói rằng trong lịch sử cận đại nước ta, chưa khi nào một cuộc vận động lại được lắm người hưởng ứng đến vậy, trong đó có nhiều người thật đáng kính, thật tốt bụng. Họ xuất hiện từ mọi thành phần xã hội và mọi miền đất nước, trong đó có đa số trí thức của Nam bộ. Vào cuộc với hành trang, lý lịch và tâm tư khác biệt, họ chỉ biết nhìn về một hướng là giải phóng tổ quốc. Và rồi họ kinh ngạc khổ đau hay căm phẫn khi thấy lý lịch thành phần hay tâm tư kiến thức của họ đã được một số đông chí đem ra kiểm điểm và phê bình. Rồi bản thân họ bị đấu tố và thủ tiêu, trừng phạt hay cầm tù, vì những tiêu chuẩn họ chưa hề biết khi cuộc vận động lịch sử mở màn. Kháng chiến bị cưỡng đoạt và cách mạng bị triệt tiêu là

như vậy. Khi vỡ lẽ về sự ngộ nhận, mỗi người lại là một cách phản ứng, anh hùng lẫm liệt có, chân thật dại khờ có, khôn lanh đớn hèn cũng có, rất nhiều nữa. Qua nét bút Vũ Thư Hiên mỗi hoàn cảnh phản ứng lại là một tác phẩm tả người thật thần tình.

Vì sao mà nỗ lực đáng kính của cả một tập thể, là tranh đấu cho độc lập dân tộc và một xã hội công bằng tiến bộ hơn, lại tuột xích thành sự thoái hoá nhân phẩm là điều khó hiểu cho nhiều người trong cuộc. "Trong sự tha hoá của họ, người cộng sản đã thành tội tệ với cả các đồng chí lẫn đồng bào vì bản chất xấu xa của họ, hay vì cái chủ thuyết cộng sản nó xấu xa từ bản chất?" Cuốn hồi ký nêu câu hỏi y như Solzhenitsyn và Sakharov đã từng tranh luận với nhau, và độc giả có thể hiểu rằng ông đã có câu trả lời.

Hồi ký chính trị của Vũ Thư Hiên, "một người không làm chính trị", như ông viết, chỉ là mảnh gương con phản ảnh một số mặt ít ai biết về sự tha hoá đó của con người. Cuốn sách chủ yếu viết về những biến cố xoay quanh vụ "xét lại chống đảng", khởi đi từ thập niên 60. Cùng với những năm tháng tù đầy và các trại tù ông đã qua, những nhân vật ông đã gặp trong và ngoài nhà tù, vấn đề không thu hẹp trong vụ án chính trị giữa phe có lý và phe có quyền, khi mà đảng Cộng sản Việt Nam phải chọn một trong hai đường lối của Liên xô thời Kruschev và Trung quốc thời Mao Trạch Đông. Vấn đề đã có từ trước vụ án, ví dụ như chiến dịch giảm tô giảm tức, vụ cải cách ruộng đất hay vụ Nhân văn Giai phẩm. Và vấn đề còn bao trùm lên các lãnh vực hành xử khác của một chế độ cực kỳ đa nghi mà lại cẩu thả với nhân phẩm con người, như cái lối họ bắt giữ kẻ bị tình nghi, và bắt rồi lại... quên xử quên thả. Hoặc cái lối họ bao che cho những tội ác tày trời của những người ngồi trên đỉnh cao của quyền lực tuyệt đối thời 50-60.

Tựu chung, dường như thảm kịch đã xảy ra vì một sự dốt nát... có tính toán.

Vì dốt nát người ta đã chọn những giải pháp tai hại nhất cho dân tộc, mà chủ nghĩa mao-ít là một điển hình và sự vận hành của nó trong nông nghiệp, văn nghệ hay quản lý hộ khẩu và cả chiến tranh... là những tổn thất oan uổng cho cả nước. Nhưng, đây lại là sự dốt nát có tính toán: sau khi chọn sai phương thuốc trị liệu, người ta tính toán tinh vi để thi triển độc kế làm con bệnh không thể cựa quậy chống trả.

Việc một số lãnh đạo thời đó đã ngả theo chủ nghĩa Mao và e sợ chủ trương ôn hoà hơn của Krushchev có thể chỉ là sự dốt nát, khi họ ngả theo các lý luận gần gũi với trình độ nhận thức thô thiển của họ, những lý luận theo tư tưởng Mao Trạch Đông. Những người trí thức như tác giả và bạn

hữu quanh ông lại không đồng ý với sự chọn lựa đó, và tin tưởng vào chủ trương của Krushchev sau đại hội XX của Cộng đảng Liên xô. Cho nên, đơn giản thì ta có thể nói tới tranh chấp giữa phe thân Tầu và thân Nga. Khi phe thân Tầu nắm quyền thì phe thân Nga vào tù, như trước đó tại Liên xô khi Bôn-xơ-vích cầm quyền thì Men-xơ-vích vào tù. Nhưng, điều đáng chú ý là việc lãnh đạo xử lý tình trạng không đồng ý này một cách gian hùng. Giữa cái gian và cái dốt, người trí thức có hiểu biết thì chỉ than về cái dốt, đến khi bị cái gian đó trói chặt cánh tiên thì đã trễ.

Giữa cái dốt và cái gian đó, còn ló hiện cả cái hèn, muôn hình vạn trạng. Hồi ký Vũ Thư Hiên không thiếu gì tình tiết lạ kỳ của cái hèn như chân lý sống, của từ ông Hồ trở xuống. Khi một số lãnh đạo nghi ngờ cả những kẻ đồng ý với hợi, và cho tra hỏi tác giả về những nhân vật cao cấp khác trong đảng, trong quân đội, trong tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ... độc giả có thể thấy rõ tật đa nghi của họ mà cảm ra không khí ngột ngạt của sự rình mò theo dõi, của phản ứng phong kiến hiếu sát làm ai cũng sợ. Tuy nhiên, người đọc có thể muộn phiền vì sự im lặng thiếu đớm lược của ông Hồ và một vài người khác, như Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, hoặc thương cảm nỗi dằn vặt hay lẩn tránh của Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Quang Dũng và nhiều văn nghệ sĩ mà mình đã ái mộ, chứ cũng không thể không nhìn thấy nhiều điển hình của sự can trường, ngay cả trong đám công an đã có nhiệm vụ bắt ông.

Thực ra, hạt nhân của thảm kịch là một chủ nghĩa chuyên chính toàn diện đã kết trái dân chủ tập trung, trong đó dân chủ chỉ là cái vỏ. Cái nhân nó không ở trong xã hội ta.

Sở dĩ như vậy là vì về cả mặt định chế lẫn đạo đức, công cuộc kháng chiến vì độc lập đã dẫn đến sự cai trị của một đảng toàn quyền dựa trên một ý thức hệ toàn kiểm. Từ đó, những kẻ xấu xa nhất mới có thể ngoi lên ngôi vị lãnh đạo và nhân danh những lý tưởng này nọ để hành hạ và còn giáo dục người khác trong việc hành hạ. Cũng từ đó, sự can đảm bị xoi mòn, làm cho nhiều đảng viên đáng kính thời kháng chiến trở thành đồng lõa đáng khinh của bạo lực. Như một cục đất được ném lên rồi rơi xuống bùn sau khi tiếp cận đỉnh cao, Nguyễn Lương Bằng là một hyperbole trong cả hai ý nghĩa. Ông là điển hình của sự tha hoá khi khởi đầu là đảng viên tốt, rồi dù biết rõ nguyên ủy bẩn thỉu của vụ thanh toán chính trị, vẫn ngồi vào Ủy ban chuyên án vụ "nhóm xét lại chống Đảng", thành cai ngục của các bạn chí thiết. Những trường hợp như vậy và tệ hơn vậy không phải hiếm. Ngược lại, sự phấn đấu của nhiều người để ra khỏi chốn bùn nhơ cũng không phải là ít. Từ thành phần cao cấp, như Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Trung Thành hay

Lê Giảng, tới cả những cán bộ chấp pháp trong công an, biết bao người đã dám nói ra sự thật hoặc kín đáo bênh vực các nạn nhân vô tội. Người lạc quan có thể tin rằng xã hội này chưa bị tha hoá hoàn toàn, và hy vọng vẫn còn. Việc Vũ Thư Hiên viết ra những điều đã bị và đã thấy với sự bình tĩnh xen lẫn xót xa dành cho những người đã gây tai hoạ cho ông, cho gia đình và các đồng chí của ông, cho thấy rằng người mình vẫn còn cơ hội nói chuyện đúng sai với nhau.

***

Như tại nhiều xứ khác, lịch sử nước ta cũng đã có nhiều vụ thanh toán chính trị tệ bạc, mà vụ án Lệ chi viên khiến Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc là một điển hình hắc ám. Gần với chúng ta hơn, lịch sử còn có vụ án Canh Tý thời Trịnh Sâm, hoặc vụ Nguyễn Văn Thành Đỗ Thành Nhân thời Gia Long, vụ Lê Văn Duyệt Lê Chất thời Minh Mệnh... Trong những vụ thanh toán chính trị ngụy danh công lý đó, không thiếu gì người bị giết hại tù đầy oan uổng, nhiều người dù chỉ liên hệ xa xôi với nội vụ cũng mất sản nghiệp, con cháu mất tương lai. Nói chung, nếu dân ta có văn minh tiến bộ hơn thì chính là ở khả năng tổ chức về cơ chế và hành xử về đạo lý sao cho công bằng và thanh bình hơn. Tôi không có ý so sánh các nạn nhân thời nay với Ức Trai thời xưa, nhưng trộm nghĩ rằng 22 năm sau khi ông bị giết, chế độ mà ngày nay ta gọi là phong kiến thời Lê còn biết khôi phục danh dự cho Nguyễn Trãi, thì những oan khiên chồng chất đời nay thể nào cũng được giải. Việc giải oan người vô tội có thể đòi hỏi thời gian. Khi kẻ chủ mưu đã nằm xuống chẳng hạn. Nhưng, đối với những thảm kịch quá lớn, quá rộng và trải dài trong thời gian quá lâu nên bao trùm lên cả vụ án mà Vũ Thư Hiên từng là nạn nhân, việc giải oan không đơn giản hoàn tất sau khi những kẻ từng hành hạ ông qua đời, để cho người kế nhiệm dễ dàng thi hành công lý hơn. Vấn đề nó phức tạp hơn vậy.

Việc giải oan đòi hỏi sự giải ảo. Người lạc quan thì cho rằng việc giải oan sẽ rửa sạch những tì vết quá khứ. Người bi quan có thể nghĩ rằng chế độ lo sợ là nếu giải oan cho các nạn nhân nó sẽ không thể tồn tại, nên cố dìm tắt sự thật. Vì vậy mà việc giải oan có thể đòi hỏi sự giải thể của chế độ cộng sản như tiền đề. Tôi sợ rằng nếu không khéo, việc giải thể đó sẽ lại kéo theo một loạt oan khiên mới: khi bị dồn nén quá lâu, sự uất ức thường dẫn đến phản ứng khó lường. Tôi nghĩ rằng chính những người lãnh đạo thời nay phải thấy ra mối nguy đó mà tự giải ảo và đừng cố che giấu những sai lầm đã rõ rệt. Đồng thời, dân mình cũng phải tự giải ảo để đừng nghĩ rằng im lặng trước tội ác là một biểu hiện của khôn ngoan. Cả hai bên đều nên bình thản nhìn vào quá khứ như thảm kịch chung và cố

tự tháo gỡ khỏi những kình kéo vô vọng, để can đảm làm một cuộc giải phẫu, hầu không bao giờ nữa người với người lại có thể cư xử như vậy nữa.

Với lời trần tình thật chân thành của tác giả ở phần tự bạch, cuốn hồi ký của Vũ Thư Hiên là một bước cần thiết để ta tìm được sự bình thản đó. Những năm tháng mới đây của ông tại Nga cũng có thể giúp ông thấy lối giải quyết đó của người Nga với nhau.

Khởi đầu, tôi muốn viết ra vài cảm nghĩ về cuốn sách như một tác phẩm văn học có giá trị, một cuốn sách riêng tôi cho là nên đọc nhất trong năm. Cuối cùng tôi lại viết về mấy điều ngoài văn học. Xin được tạ lỗi với tác giả và cầu mong rằng ngoài việc ghi lại những điều đã thấy như vòng hoa muộn đặt trên nấm mồ của các nạn nhân xấu số, nhà văn Vũ Thư Hiên cũng ươm trồng cho ngôi vườn văn học của chúng ta nhiều đoá hoa thơm khác. Ông đầy đủ chất liệu sinh động và thừa văn tài cho việc đó, để sau này, nói tới Vũ Thư Hiên, ta sẽ nói tới văn chương, tới những tác phẩm cho thấy dân ta sống khổ và sống đẹp thế nào vào một giai đoạn bi thương của lịch sử. Tôi tin rằng cuốn hồi ký của ông đã báo trước sự xuất hiện của những tác phẩm đó...❐

(*) *Đêm giữa ban ngày*, Hồi ký chính trị của một người không làm chính trị của Vũ Thư Hiên, 770 trang, 28.00 Mỹ kim, Văn Nghệ xuất bản tại California, Hoa Kỳ, 1997.

Tìm mua và đọc hai tác phẩm mới xuất bản
trong tháng Sáu của nhà xuất bản
Văn Mới:

kéo neo mà chạy

tập truyện của nhà văn
Nguyễn Thị Hoàng Bắc

câu nam ai thất lạc

tập truyện của nhà văn
Hồ Minh Dũng

Liên lạc Nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683, USA
Phone: 714-527-5761

Uống rượu một mình, và...
HỒ MINH DŨNG

Nửa khuya thối chí làm nài
Voi ngờ hành hiệp co vòi chạy rông
Rủ hai nàng Thúy ra đồng
Giao du rồi đến đầu quân Hoàng Sào
Nào ngờ con chốt tiêu dao
Chia đôi vạt áo hai Kiều, bằng nhau
Vạn ngày trước, một đêm sau
Ngô đồng rụng với vườn ngâu nở rồi
Người từ chiếc bóng nổi trôi
Vuông tròn cũng chẳng đền bồi chi nhau
Hỏi người quân tử vì đâu
Khóc hay cười lại giống nhau, thế nào?
Núi níu sông, thấp níu cao
Còn con tằm chết thuở nào, nhớ không
Nương dâu nhờ mảnh trăng lu
Rủ nhau ra bộc tạc thù, rồi quên
Quên quên, tình nhớ, không quên
Bên Kiều đứng đợi, bên Vân ngồi chờ
Ở giữa, ta, cắn vần thơ
Bão Vu Sơn thổi với tờ giấy rơi
Từ Hải ơi, Thúc Sinh ơi
Khi không bỏ cả một trời mà đi
Mới hay lòng nặng như chì
Tin sương Hồ Sách nằm lì, ngói tan
Treo cờ Ô Thước quy hàng
Tơ vò ruột nối Giao Loan mới buồn.

Atlanta 6.1997

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

Nobel văn chương và án tử hình

Wole Soyinka (1934 -), người Nigeria, nhà văn Phi Châu đầu tiên được trao giải thưởng Nobel Văn chương 1986, bị nhà cầm quyền nước này lên án tử hình. Năm 1995, chính quyền Nigeria đã xử tử một nhà văn khác của họ, Ken Saro-Wiwa. May cho Soyinka, ông đang sống lưu vong ở Mỹ. Ông đã từng ở tù, từ 1967-1969. Tác phẩm của ông gồm có: The Lion and the Jewel, kịch, (1963), hồi ký tù The Man Died (1972), và Aké, The years of Childhood (1982), tự thuật.

Tờ The New York Review of Books, số April 24. 1997, có đăng thư của PEN, trung tâm Hoa-kỳ, do những nhà văn từng đoạt giải Nobel như Saul Bellow, Nadine Gordimer, Toni Morrison, Wislawa Szymborska, Seamus Heaney, Czeslaw Milosz, Kenzaburo Oe, Derek Walcott ký tên. Họ tỏ tình liên kết với người bạn văn, đồng thời cũng là liên kết với người dân Nigeria, khi yêu cầu nhà cầm quyền các quốc gia trên thế giới có biện pháp nhằm bảo vệ Soyinka, bởi vì họ không tin ông được an toàn cho dù ở hải ngoại.

Như để chứng minh cho nỗi lo sợ của họ, hai viên chức của chính quyền Nigeria là E. Agbegir, và A. Abubakar, thuộc Sở Thông tin Tòa Lãnh sự Nigeria, New York City, đã lên tiếng trả lời thư của PEN, trên số báo May 29, 97. Họ coi việc làm của mấy ông Nobel là "tình cảm có dự tính". Rằng cơ quan Điều tra Hình sự của nhà nước Nigeria (tương đương với FBI của Mỹ, hai vị này nhấn mạnh) đã có chứng cớ là Soyinka đã từng tuyên bố ông không hề ân hận vì những vụ đặt bom ở Nigeria, cho dù có

những người vô tội bị chết; họ kết án Soyinka liên can đến những hành động khủng bố, và phạm tội phản quốc.

Trong cùng số báo, PEN Hoa-kỳ đã mời Soyinka trả lời. Ông yêu cầu nhà cầm quyền Nigeria công bố chứng cớ, về lời "đã từng tuyên bố" của ông. Trong khi chờ đợi, ông trả lời đài BBC: "Tôi không thể kết án những bạo động nhắm vào chế độ Abacha. Tôi thừa nhận những bạo động được coi là cần thiết để chấm dứt chế độ đó". Dẫn lời đức Dalai Lama, vị lãnh đạo tinh thần của thế giới Phật giáo, trên tờ The New York Times Magazine, số Nov 28. 93, theo đó, Ngài chủ trương có thể chấp nhận mức độ nào đó của bạo động, cũng như tình trạng chiến tranh có kiểm soát . Soyinka tự hỏi không lẽ Ngài nói như vậy là đồng nghĩa với chấp nhận giết những người vô tội? "Riêng về phần tôi, tôi không dám tin rằng mình thánh thiện hơn Ngài".

Mùa Thu, những di dân...

Di dân là "số" phận, (a matter of arithmetic), theo Kundera. Joseph Conrad, sống 17 năm tại Balan, và tại Russia, lưu vong cùng với gia đình. 50 năm còn lại, ở Anh, hay trên những con tầu Anh. Đương nhiên, ông viết văn bằng tiếng Anh, về đề tài Anh. Ông bị dị ứng, khi đụng phải những gì có "mùi Nga": dấu vết Balan độc nhất ở nơi ông. Tội nghiệp Gide, không thể hiểu tại sao Conrad "không thiện cảm" với Dostoevsky.

Bohuslav Martinu sống ở Bohemia đến năm 32 tuổi, sau đó, 36 năm ở Pháp, Thụy sĩ, Hoa kỳ, rồi lại Thuỵ sĩ. Ông luôn coi ông là một nhà soạn nhạc Czech, và hoài cố hương cũng là chất nhạc của ông. Nhưng sau chiến tranh, ông từ chối mọi lời mời trở về. Vào năm 1979, hai mươi năm sau khi ông chết, những "biệt kích" "làm hỏng" ước muốn được mồ yên mả đẹp ở Thuỵ sĩ, và đã quật mồ, "bắt cóc", long trọng làm một cuộc "hôn nhân cưỡng ép" với đất mẹ cho cái xác chết của ông.

Gombrowics sống 35 năm tại Ba lan, 23 năm tại Argentina, 6 năm tại Pháp. Tuy chỉ viết văn bằng tiếng Balan; nhân vật, người Ba lan, nhưng khi được "mời về", ông ngần ngại, cuối cùng từ chối, rồi an nghỉ đời đời ở miền Nam nước Pháp.

Ba phần đời sấp xỉ bằng nhau của Stravinsky: Nga, 27 năm, Pháp và Thuỵ sĩ- Pháp, 29 năm và Hoa kỳ, 32 năm. Chất Nga đậm đặc trong sáng tác của ông, những năm đầu xa xứ tại Pháp. Rồi chiến tranh cắt đứt dần những mối nối, tuy nhiên ông vẫn là một nhà soạn nhạc Nga với những sáng tác mang chất thơ dân giã của quê hương. Sau Cách mạng Nga, ông hiểu rằng, ông đã mất hẳn, nơi chốn ra đời, và cuộc đời di dân thực sự bắt

đầu. Khi ông chết, vào năm 1971, bà vợ đã bác bỏ đề nghị của chính quyền Xô-viết, và thực hiện đúng ước nguyện của ông, được chôn tại một nghĩa địa ở Venice.

Trong "Gió đông", số 1, 1997, có bài phỏng vấn nhạc sĩ Phạm Duy, người "hát rong" vượt bực. Người viết xin phép anh em tòa soạn, trích một hai câu hỏi, và trả lời của ông:

GĐ: Nhạc sĩ Phạm Duy đã là một trong những linh hồn của giới văn nghệ sỹ trong sáu năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi văn nghệ còn ít nhiều tự do, chưa bị siết trong sự quản chế của Đảng Cộng sản. Đã sống và sáng tạo trong sự biến thiên sâu sắc của lịch sử hiện đại Việt Nam, bác nghĩ như thế nào về thời kỳ ấy? Liệu có thể coi đây là một trong những giai đoạn thành công, đáng ghi nhớ nhất trên hành trình sống và sáng tạo của nhạc sĩ Phạm Duy?

Phạm Duy: Tôi hãnh diện vì được tham gia vào kháng chiến chống Pháp và vì đã đóng góp được vào nền âm nhạc nước nhà bằng ba mươi bài ca kháng chiến. Không lúc nào tôi phủ nhận điều này. Giờ đây, tôi vẫn cho rằng trong vòng năm trăm năm nay, nước mình chỉ có mười năm đoàn kết, thực sự yêu nhau, cùng gánh vác giang sơn và đó chính là khoảng thời gian từ bốn nhăm đến năm nhăm (1945-1955). Còn nhà cầm quyền và nhân dân đánh giá như thế nào về phần đóng góp của tôi thời kháng chiến, là ba mươi ca khúc ấy, thì nói thật: tôi xin chịu. Tôi chỉ biết cống hiến xong rồi, là xong (cười).

GĐ: Nhắc đến Phạm Duy, không thể không nhắc đến Văn Cao. Có thể coi Văn Cao như là điển hình cho thế hệ văn nghệ sỹ của bác, tài hoa nhưng gặp bao nhiêu là tai họa bởi chế độ độc tài cộng sản. Nhiều người đã nghĩ rằng gia tài âm nhạc của Văn Cao không chỉ có thế, ngót nghét hai chục bài, nếu ông được sống cho âm nhạc trong những điều kiện khác. Thế còn bác, bác nghĩ thế nào về vấn đề hết sức tế nhị này?

Phạm Duy: (cười) Tôi phải công nhận là anh Văn Cao tài hoa hơn tôi nhiều lắm. Về nhạc, về vẽ. Về thơ. Đủ thứ. Đủ mọi phương diện. Nói anh ấy không may thì cũng không đúng. Anh ấy đã chọn con đường của anh ấy. Tôi cũng chọn con đường của tôi: làm một người tự do tuyệt đối. Vào thời điểm 1951, tôi cũng được chính quyền và nhân dân yêu lắm. Nhưng tôi muốn được tự do, để sáng tác, vâng thế là tôi đi. Đi cho tới lúc này, ngồi cạnh các anh ở Hannover, vẫn chưa ngừng nhé, (cười). Ông Văn Cao thì ở lại. Việc đánh giá ông ấy, cũng như kết quả đến với ông ấy ra sao thì tôi không dám nói. Văn Cao có cái vinh cái nhục của Văn Cao. Tôi cũng thế. Văn Cao được chết ở đất quê. Chứ còn tôi, nay mai chết sẽ được

chôn ở Bắc cực chăng? (cười).

Trước hết, những con số, và "đi", vì đây là "đề tài" của bài viết: Mùa Thu, tháng Tám, 1945, ba mươi bài kháng chiến, năm trăm năm, sáu năm đầu, mười năm đoàn kết thực sự yêu nhau, ngót nghét hai chục bài...

Về Văn Cao, bài viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường, trong Hợp Lưu (trích đoạn): Đêm ấy, trong cuộc tâm tình nghệ sĩ của Văn Cao với những ngư phủ trên Phá Tam Giang, tôi muốn biết một điều mà với tôi là một bí ẩn thuộc về đời ông:

- Tại sao kháng chiến chống Pháp, anh vẫn vẽ, vẫn làm thơ, nhưng người ta không nghe anh hát nữa?

- Hôi nhận viết Tiến Quân Ca, tôi không hề chuẩn bị trước để làm một bài hát, mà một đặc nhiệm nguy hiểm của đội biệt động. Tôi là đội viên biệt động vũ trang. Nhiệm vụ của tôi là trong một đêm, cầm một khẩu súng, vào một thành phố, để giết một người. Tôi đã làm xong việc ấy. Đó là chiến tranh, và căm thù, đơn giản thôi. Những ngày đầu sau chiến tranh, tôi đã trở lại căn nhà ấy, thấy còn lại một gia đình mẹ góa con côi. Làm sao tôi có thể nói điều cần thiết nhất đối với tôi trong những bài hát sau đó? Nói về chiến công, hay phải nói một điều gì khác? Nên tôi im lặng, và chỉ viết nhạc không lời. (Khi Văn Cao mất, báo Time có loan tin, và trích dẫn một câu trong bài Tiến Quân Ca, người viết bài này ghi chú thêm). Và Hoàng Phủ Ngọc Tường kết luận: "nhưng tôi nghĩ, chỉ có những nghệ sĩ lớn mới nuôi cho mình những bi kịch như vậy."

Những con số: một đêm, một người, một khẩu súng, một thành phố, một việc ấy, một gia đình mẹ goá con côi, những ngày đầu sau chiến tranh.

Không ai biết được, những người chết, "ở bên trong" con số 10 yêu thương đoàn kết. Khái Hưng và những đồng chí của ông, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu...Không phải chuyện chính trị đảng phái không thôi. Sống, chết. Đi, ở. Văn chương, nghệ thuật, âm nhạc, ý thức hệ (quốc cộng), đất nước phân đôi, từ đó. Tâm trạng "thiên di" (migration) bắt đầu từ Mùa Thu.

Với tôi, hay nhất ở Phạm Duy, vẫn là những bản nhạc tình. Ông không thể, và chẳng bao giờ muốn đến cõi tiên, không đẩy nhạc của ông tới tột đỉnh như Văn Cao, để rồi đòi hỏi "thực hiện" nó, bằng cách giết người.

Một cách nào đó, "tinh thần" Văn Cao là không thể thiếu, bắt buộc phải có, đối với "Mùa Thu", khi mà nhà thơ ngự trị cùng với đao phủ. Kundera đã nhìn thấy điều đó ở thiên tài Mayakovsky, cũng cần thiết cho Cách mạng Nga như trùm cảnh sát, mật vụ Dzherzhinsky. (Những Di chúc bị Phản bội). Nhạc không lời, ai cũng đều biết, mấy tướng lãnh Hitler vừa giết người, vừa ngắm danh họa, vừa nghe nhạc cổ điển. Cái đẹp bắt buộc phải "sắt máu", phải "tyranique", (Valéry). Phạm Duy không nuôi những bi kịch lớn. Ông tự nhận, chỉ là "thằng mất dậy" (trong bài phỏng vấn kể trên). Với kháng chiến, Phạm Duy cảm nhận ngay "nỗi đau, cảnh điêu tàn, phía tối, phía khuất", của nó và đành phải từ chối vinh quang, niềm hãnh diện "cũng được chính quyền và nhân dân yêu lắm". Những bài kháng chiến hay nhất của Phạm Duy: khi người thương binh trở về. Ở đây, ngoài nỗi đau còn có sự tủi hổ. Bản chất của văn chương "lưu vong, hải ngoại", và cũng là bản chất của văn chương hiện đại, khởi từ Kafka, là niềm tủi hổ, là sự cảm nhận về thất bại khi muốn đồng nhất với đám đông, với lịch sử, với Mùa Thu đầu tiên của định mệnh lưu vong.

Phạm Duy muốn làm một người tự do tuyệt đối nên đã bỏ vào thành. Nhưng Văn Cao, chỉ vì muốn đồng nhất với tự do tuyệt đối, nên đã cầm súng giết người. Thiên tài Mayakovski cần thiết cho Cách Mạng Nga cũng như trùm công an mật vụ, là vậy. "Mặt trời chân lý chiếu qua tim". Tính chất trữ tình không thể thiếu, trong thế giới toàn trị (totalitarian world): Tự thân, thế giới đó không là ngục tù, gulag. Nó là ngục tù, khi trên tường nhà giam dán đầy thơ và mọi người nhẩy múa trước những bài thơ đó, (Kundera, sđd).

Bằng cung cách của một người hát rong vượt bực, Phạm Duy có thể cảm nhận "niềm nủi hổ" của Kafka, khi ông không làm hiện thực chủ nghĩa. Có thể ông cảm nhận, và "yêu" sự tự do tuyệt đối của ông, vì nó là tinh thần nghệ thuật hiện đại. Và chủ nghĩa hiện đại là nạn nhân đầu tiên của chủ nghĩa CS. Cenek, trong "Chuyện Diễu" của Kundera, bị đưa đi tù vì say mê hội họa lập thể, "K" Thù Số Một" của "nhân dân", của Cách Mạng. Kundera không thể nào quên nổi nhà thơ Konstantin Biebl, và thuộc lòng những vần thơ của ông. Khốn khổ cho thi sĩ, ông là người say mê chủ nghĩa CS. Được Đảng giao trách nhiệm, làm những vần thơ tuyên truyền, cuối cùng, để trốn tránh thơ ca, và cách mạng, ông gieo mình từ cửa sổ căn phòng ông xuống hè đường Prague, và chết.

Tạp chí Gió Đông

Bài phỏng vấn trên "Gió đông", giai phẩm văn học, số ra mắt, 1/97,

"của và do những người yêu tiếng Việt đang sống tại nhiều nước ở châu Âu", khi nhắc đến Văn Cao, những người chủ trương tờ báo "có thể" chỉ muốn "khoanh vùng", "hạn hẹp" con người hát rong Phạm Duy vào một mùa, Mùa Thu. Tôi không hiểu, Văn Cao, khi đề tặng "Buồn Tàn Thu" cho Phạm Duy, liệu ông có "thấu thị" Phạm Duy sẽ thoát ra" được và giúp ông gieo nhạc buồn đi khắp chốn?

Với tôi, Phạm Duy hay nhất vẫn là những bản nhạc tình. Giống những cửa sổ, đối với K. trong Vụ Án.

Lần đó, ở trong trại cải tạo, nằm kề một anh bạn. Chẳng bao giờ anh hát. Một buổi tối, cả hai không ngủ được. Nói chuyện lăng nhăng một hồi, và đột nhiên anh thủ thỉ một mình. Những gì ..."đưa nhau tới bên cầu", "giờ đây cơn mộng tan rồi"...

Sau này, mỗi lần nghe nhạc Trịnh Công Sơn, tôi có cảm tưởng cuộc chiến còn nguyên đó, đối với riêng tôi, những ngày ở Trung tâm Ba Quang Trung, lần đầu tiên xa Sàigòn, xa cô bạn. Nhưng, nếu không có nhạc Phạm Duy, không hiểu những ngày ở trong trại cải tạo còn thê thảm tới bực nào, đối với hai bạn tù...

Cũng trong "Gió Đông", có bài "Chuyện ăn uống". Tác giả V.X.L, viết: Nếu Thạch Lam, và Vũ Bằng thường nhắc đến cái ăn theo khẩu vị thường nhật của dân thị thành, thì Nam Cao, Ngô Tất Tố lại có nhiều trang sách bất hủ về cái ăn-cái đói-cái nhục của những người dân quê lam lũ... Rồi có dịp đọc lại tập phóng sự Việc Làng viết cách đây tròn 55 năm, tôi chợt nhận ra: 13 trên tổng số 16 tiểu phẩm trong đó, là nói về ăn, cái ăn khốn khổ kiểu "một miếng giữa làng..." mà dường như dân mình vẫn còn suy tụng cho đến tận bây giờ."

Tác giả bài viết kết luận, những điều trên đây không có gì mới. Ra ý, chữ "dường như" chỉ dùng theo nghĩa "khiêm tốn, dè dặt". Trong bài viết về Marie Sến của Phạm Thị Hoài, cùng số báo, tác giả Nguyễn Hữu Lê nhắc tới những chiếc phong bì, cũng vẫn những "miếng giữa làng": "Thì ra thế, đằng sau những tên tuổi, những công trình nghiên cứu với những típ đề khoa trương đại ngôn ồn ào, là những chiếc phong bì. Những chi tiết hậu trường này chưa hề được tiết lộ trong văn chương chính thống."

"Gió Đông", gồm những tác giả tôi mới đọc lần đầu, nhưng công lực của họ thật thâm hậu. "Họ" có cả một gia tài Đông Âu hậu-CS, nước Đức hậu-Auschwitz... chưa kể những kinh nghiệm đắng cay của một chủ nghĩa CS "trong họ", ở một số những người chủ trương tờ báo (tôi có cảm tưởng như vậy, khi đọc, qua cách sử dụng số vốn liếng ngữ vựng, như thuộc về một gia tài "khác", của "người mẹ Việt Nam"). Bài của Lê Trọng Phương,

Từ Phía Khuất cũng thật lạ. Những đêm không trăng = những đêm trăng chỉ có một phía: phía khuất. Bức địa đồ tỷ lệ xích 1:1 "mượn" từ Borges, đã rách tả tơi, và cố gắng của một số người, tập họp lại làm một lần nữa, một bản đồ giống như trước. "Nếu có ai đó quan sát họ, người ấy ắt nghĩ rằng, trong thâm tâm, họ chỉ mong đem được cả lãnh thổ ra ngoài để làm cho cái bản đồ (mới) đẹp hơn, thật hơn."

Cái đói, cái nhục, miếng giữa làng, phần thịt được chia khi thằng cháu được 15 tuổi, những chiếc phong bì, tất cả như muốn chứng tỏ một điều: người dân miền Bắc đã có một thời, tin tưởng chủ nghĩa CS sẽ giúp họ chiến thắng những "phận người" như thế đó. Khi Nguyễn Tuân viết về những "anh hùng" chém treo ngành, ném bút chì..., ông nghĩ rằng có một ngày, chỉ là chuyện vang bóng một thời. Nhưng Vũ Hoàng Dương, trong "gió đông", nhân đọc một bài viết của Nguyễn Khải, "Hà-nội trong mắt tôi: Văn, Tiền và Quyền", cho thấy, "hậu duệ" những nhân vật trong Vang Bóng Một Thời, "đám trẻ bây giờ còn quyết liệt hơn, lạnh lùng tàn nhẫn hơn". Hiền, một nhân vật của Nguyễn Khải, là người Hà-nội, nhưng "không quan tâm tới bất cứ vẻ đẹp nào của Hà-nội", cô "chỉ thuộc các đường ngang ngõ tắt, cái mặt sau, cái phía nhầy nhụa, nhớp nháp của Hà-nội." Giữa Hiền và đám trẻ, sự khác biệt lại nằm ở một khía cạnh khác. Nếu Hiền tìm mọi cách kiếm tiền với "một ao ước được hy sinh để vun quén hàn gắn" thì đám trẻ bây giờ "không vì ai cả, không thương ai cả". Dù có gan dùng dao xử cả với anh em, nhưng Hiền vẫn là người "chỉ ăn rất ít, cô xới cơm cho chồng, gắp thức ăn cho chồng, cho bố và cho cô chồng, thưởng thức cái ngon của bữa cơm qua cái mãn nguyện, cái hả hê của người khác với đôi chút hãnh diện". (Theo tôi, có một sợi chỉ xuyên suốt giữa cô Hiền với bà vợ của ông Tú Xương, cô hàng xén của Thạch Lam, Mai trong Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng, Thanh trong Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền, "anh yêu em bởi vì anh yêu quê hương vô cùng", Hà trong Sau Cơn Mưa của Lý Hoàng Phong, Phương trong Nỗi Buồn Chiến Tranh, Marie Sến của Phạm Thị Hoài...). Nhưng với đám trẻ, chúng không thích danh, chúng chẳng màng tôn ti trật tự, tam cương ngũ thường, chẳng cần một chan hòa nhân tính. Đối với chúng, "càng vô danh càng tốt", "chúng thích kiếm tiền một cách thật táo tợn, nguy hiểm, thắng làm vua, thua đi tù, ăn cơm muối, hoặc chết cũng chẳng sao." (Nhân vật trong "Vang Bóng..." chẳng đã từng luận về "ở đời muôn sự của chung...")

Giữa người viết và người đọc

Làm báo mà có được một độc giả như Ngô Nhựt Tân thật cũng "mát cả ruột". Ông theo dõi bài vở rất kỹ, và "chẳng ngạc nhiên gì lắm, khi trong mục tòa soạn, người chủ biên đã hãnh diện nói với độc giả, chúng tôi đã vững tâm hơn về vấn đề tài chính". Với tư cách độc giả, tôi cũng muốn được chia xẻ với ông niềm vui về tương lai sáng sủa của tờ báo "của mình", và cũng muốn được "bàn thêm" về một số bài viết gần đây.

Về bài "Ngôn ngữ - ký ức và thi ca truyền khẩu Việt Nam", của Võ Thu Tịnh, Văn Học Xuân Đỉnh Sửu. Tác giả viết: "Đặc điểm của thể hứng là nội dung của những "câu hứng" mào đầu không liên hệ với nội dung của bài ca dao hay dân ca". Ngay từ khi còn mài đũng quần trên ghế nhà trường, chúng ta đã được dậy, nào là tỉ, là hứng trong ca dao, dân ca. Hãy cứ coi đây như là một chân lý. Nhưng chân lý thường "đẻ" ra chân lý. Trong huyền thoại Hy Lạp, khi bà vợ vua chỉ muốn ngủ với bò, ông chồng, chắc là người đầu tiên hiểu ý nghĩa của từ "cắm sừng", điên đầu, phải cho vời vị "quân sư", một trong những ông tổ của ngành kiến trúc, để vấn kế. Ông này nói, chuyện dễ ợt, cứ "kiến trúc" một con bò, rồi cho hoàng hậu chui vào bụng nó "ngủ", là xong. Nhưng ngủ thì phải đẻ. Quái vật Minotaur xuất hiện. Lại phải "kiến trúc" mê cung để nhốt nó. Vì có mê cung mới có sợi dây Ariadne lòng thòng cho đến ngày nay, như một "chân lý cuối cùng" để thông tỏ "mê lộ". (Chữ này, tôi mượn của Phạm Thị Hoài).

Trở lại với ca dao, chúng ta cứ tạm coi tỉ và hứng là những chân lý ở giai đoạn đầu, mang tính "giáo khoa, dễ hiểu". Nhưng "nhất quyết" chúng ta không thể ngừng ở đó. Vạn sự khởi đầu nan. Theo tôi, chính câu mào đầu là câu "quyết định" của ca dao, bởi vì câu sau là một "cái gì" đã "biết rồi". Biết rồi theo nghĩa nó đã được "hàm ý" ở trong câu lục; theo nghĩa, những gì được bầy tỏ sau đó là những chân lý phổ cập, hoặc những tình cảm "muôn thuở" của con người, của lứa đôi, nhưng vì ngại ngùng, e lệ, hoặc vì chưa "hiểu" được chính lòng mình, nên đã mượn thiên nhiên nói giùm, hoặc nhờ thiên nhiên chỉ dẫn. Ngay cả trong những câu ca dao nói về thời tiết, câu bát tiếp theo, cũng để hoàn tất một "điềm triệu", một dấu báo của thiên nhiên, cùng với nó là điềm họa phúc...

Ca dao "liên quan" đến một thời đại con người còn ngạc nhiên về vẻ "tự nhiên" của sự vật, và "nhờ cậy" thiên nhiên nói, (bói), chỉ dẫn... hoặc tiếc thương, trách móc giùm con người, về một cơ may, một hạnh phúc đã bỏ lỡ:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc...

"Thiên nhiên đang độ" như thế mà lại xảy ra chuyện:

Em đã có chồng anh tiếc lắm thay

Xảy ra chuyện, chỉ vì:

Ba đồng một mớ trầu cay

Sao anh không hỏi những ngày còn không?

"Những ngày còn không" của em cũng giống như thiên nhiên đang độ, như nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, như nụ hoa bưởi anh vừa hái đó.

Tôi tự hỏi chính tôi về một điều tương tự như người Hy Lạp xưa, như là Hegel đã diễn tả người đó: Anh ta tra hỏi, Hegel nói, một cách say mê, không ngừng nghỉ, tiếng xì xào của cành lá, của những con suối, những cơn gió, nói gọn lại, sự "rùng mình" của Thiên Nhiên, để nhận ra trong đó, một "thông hiệu". Và với tôi - đó là sự rùng mình của cái nghĩa (meaning) mà tôi tra hỏi, khi lắng nghe tiếng xì xào của ngôn ngữ; đối với tôi, một con người hiện đại, đó là Thiên Nhiên của tôi. (R. Barthes, Vers une esthétique sans entraves).

Võ Phiến cũng cố nhận ra sự rùng mình của ý nghĩa, của cái chết, khi ông tra hỏi ngôn ngữ, thiên nhiên của ông, trong bài Văn Chương. Ông say mê ngôn ngữ, của ông, của người khác, của mọi người. Ông không bao giờ muốn chiếm đoạt nó, hoặc tệ hại hơn, biến nó thành tổ vật.

S. Rusdhie kể lại, một lần ông đi nghe Koestler diễn thuyết. Đề tài buổi nói chuyện: ngôn ngữ, chứ không phải biên cương, lãnh thổ, là nguyên nhân đầu tiên của tranh chấp, xâm lăng, một khi nó đạt tới mức độ đa đoan, phức tạp, tức là khi nó có thể diễn tả những ý niệm trừu tượng. Khi đó, nó "có được" quyền năng "tổ vật hóa". Và một khi những dân tộc đã dựng lên tổ vật, họ gây chiến tranh để bảo vệ chúng. Để làm mạnh thêm cho lý thuyết của ông, Koestler kể chuyện hai bộ lạc khỉ tại một đảo kia, hình như, theo S. Rusdhie, ở phía Bắc nước Nhật. Hai bộ lạc sống cận kề nhau, cận kề một con sông, và cùng tự nuôi sống, nhờ những trái chuối. Tuy nhiên, có một điều khác biệt, những con khỉ của bộ lạc này có thói quen, trước khi ăn, đem chuối xuống sông để rửa, còn bên kia thì cứ thế xơi luôn. Vậy mà chẳng bên nào dòm ngó, "tranh luận" về thói quen của nhau, và cứ thế sống chung hòa bình. Tại sao vậy? Koestler giải thích, bởi vì ngôn ngữ của chúng còn sơ khai quá, không thể nào cho phép chúng "tổ vật hóa" hành động, trước khi ăn, hoặc rửa, hoặc không rửa, những trái chuối. Thật may mắn cho chúng, bởi vì nếu có được một ngôn từ phức tạp hơn, những trái chuối khô, ướt kia sẽ biến thành những đồ vật thiêng liêng, đụng tới chúng là có thánh chiến liền! Thú vị hơn, là trong buổi nói chuyện, có một thính giả còn nhỏ tuổi, đứng lên đặt câu hỏi, phải chăng hai bộ lạc không gây chiến, chỉ vì ở đó dư thừa chuối, Koestler đã nổi đóa,

và từ chối trả lời! Và Rusdhie nghĩ là ông có lý: Người nói chuyện và người đặt câu hỏi nói hai ngôn ngữ khác biệt. Tốt nhất là ngưng tại đó. Như Võ Phiến đã ngưng lại, cùng với niềm hạnh phúc của ông: Có ngôn từ sướng thay, có văn chương sướng thay.

Chuyện không đơn giản.

Trên 50 năm đã qua, kể từ cuộc Chiến Tranh Lớn 1939-45, vậy mà những hồ nước Auschwitz vẫn còn mang mầu xám, vì tro than từ những lò thiêu người đổ xuống. Thiên nhiên còn chưa quên được huống chi là con người. Ngô Nhật Tân viết: "Như những năm qua, chúng ta đã kêu gọi, một cách thành công, những người viết văn, thôi đừng lập lại chuyện vượt biên, chuyện tị nạn, chuyện mất nước nữa". Tôi sợ rằng vấn đề không đơn giản như vậy.

Và nếu đúng như vậy, thì là do lỗi ở người viết, chứ không phải ở người đọc. Ngay chính Ngô Nhật Tân, khi nhận xét về "Trí Huệ, Mỹ Huệ" (Văn Học số Xuân Đinh Sửu) của Trần Diệu Hằng: "Hằng viết rất đạo, mà đạo thì đi rất sát với thậc tế và cuộc sống"; ông đã vô tình chấp nhận, chúng ta chưa quên, có thể ông cố muốn giấu nỗi đau của ông; và ông đã nhận ra, đây không chỉ là chuyện vượt biên không thôi. "Thời gian hơn hai mươi năm qua cũng đã tạo ra những hy vọng mới" (Thư Tòa soạn); "Diệu Hằng vẫn viết chuyện vượt biên, chuyện mất nước, nhưng bà đã đem đến cho nó một hy vọng. Trên cả hy vọng, còn là một giải đáp cho những vấn đề muôn đời của con người: "Đất liền kia rồi... Kể từ phút ấy, chị đã là em, sống đã là chết; Trí Huệ, Mỹ Huệ trở thành hai kẻ lưu vong trong thân xác và linh hồn của nhau... Chỉ có Tâm Huệ mới hóa giải được cuộc tranh chấp ròng rã bao năm". Hình ảnh một bé gái mặt sáng như trăng rằm, (người mẹ mang thai 12 tháng, tục gọi là chửa trâu) như muốn nói lên sự hồi sinh của cả một dân tộc, như một giải đáp "ổn thỏa" cho vấn nạn lưu đầy và quê nhà, như sự trở về hoài hoài của một huyền thoại (Quy Hồi Vĩnh Cửu)...

Lưu đầy và Quê nhà là một đề tài lớn của dòng văn chương hiện sinh, thoát thai từ Kafka. Ông tin rằng có Quê nhà, có Đất Hứa nhưng con người không thể trở về, không thể tới được. Và nếu tới được thì cũng trong một dạng khác, như Gregor Samsa trong Hóa Thân, chẳng hạn. Weinberg, khi nhấn mạnh tới tính chất tôn giáo trong truyện trên, đã coi "mặc khải" buổi sáng ngủ dậy thấy biến thành con "bọ", của Samsa, là một thay hình đổi dạng "tiêu cực" (négative transfiguration), một nghịch đảo của Chúa Giáng Sinh. Tôi nghi rằng Diệu Hằng cũng đã từng mơ ước một sự trở lại

của Đức Phật (khi đặt tên cho cô bé là Tâm Huệ, khi tả bé gái "mặt sáng như trăng rằm"), nhưng bà đã kết luận: "Thật ra cũng chẳng ai cần biết về chuyện này cả, một sự việc bình thường xẩy ra đến lần thứ hàng tỉ tỉ trến trái đất này.

Ngay cả Thượng Đế cũng không thể thay đổi được quá khứ, Aristotle nói vậy. Nhưng với đầy đủ tài năng, sự khéo léo, và can đảm, như Diệu Hằng chẳng hạn, chúng ta có thể nhìn lại, tưởng niệm, thông cảm, và "hiểu" nó. Trong văn minh Tây Phương, đài tưởng niệm đầu tiên là để tưởng niệm trận đánh "bất tử" Marathon, được sử gia Herodotus kể lại. Với lịch sử hiện đại, đài tưởng niệm cuộc nội chiến Hoa Kỳ, trận đánh Gettysburg. Từ Hy Lạp cổ tới thế kỷ 19, nhân loại hình như hài lòng trong ý nghĩ, hãy để cho chiến trường trở thành cánh đồng nuôi sống họ. Nhưng, "đừng ngưng làm tôi đau", sau Lò Thiêu Người, sau Trại Tập Trung, con người hiện đại cố nhặt nhạnh, bồi đắp những đau thương, bằng hồi nhớ, bằng tưởng niệm, bởi vì họ mong muốn, một cách nào đó, những người đã chết vẫn hiện diện trong họ, và nỗi mất mát đừng tàn lụi dần...

Milan Kundera: Cuộc chiến đấu của con người chống lại quyền lực, là cuộc chiến đấu của ký ức chống lại sự lãng quên.

Kundera sinh tại Brno, Tiệp Khắc. Pháp là quê hương thứ nhì. Hai tác phẩm mới nhất, "Nghệ thuật Tiểu thuyết", và "Những Di chúc bị Phản bội" được viết bằng tiếng Pháp. Những tác phẩm trước, "Đời nhẹ khôn kham", "Cuốn Sách của Tiếng Cười và Sự Lãng Quên"... được viết bằng tiếng Tiệp. "Những Di chúc bị Phản bội", tuy là một essay, nhưng viết dưới dạng tiểu thuyết, trong đó, ông tỏ ra quyết liệt, và gay gắt, khi "say mê bảo vệ" đạo đức quyền (moral rights) của người nghệ sĩ, và sự tôn trọng đối với tác phẩm nghệ thuật cũng như những ước muốn của tác giả. Từ năm 1985 đến 1987, ông đã dịch lại, qua tiếng Pháp, tất cả những tác phẩm được dịch trước đó. Trong "Nghệ thuật Tiểu thuyết", ông có kể về chuyện này: Thời gian 1968 và 1969, cuốn "Chuyện diễu" của tôi được dịch ra tất cả các ngôn ngữ Tây Phương. Ngạc nhiên, thích thú thay! Ở Pháp, người ta dịch bằng cách "kết hoa" cho văn phong của tôi. Ở Anh, nhà xuất bản cắt xén, đảo lộn thứ tự các chương, "tái tạo" cuốn tiểu thuyết. Một xứ khác. Tôi gặp "nhà dịch thuật": Ông ta không biết một tiếng Tiệp nào. "Làm sao ông dịch?" "Với trái tim của tôi", và ông ta chìa trong bóp ra tấm hình của tôi. Ông ta dễ mến đến nỗi làm tôi tin tưởng được một điều, người ta có thể dịch, bằng nhân điện phát ra từ trái tim!

"Tôi được dậy dỗ như một kẻ vô thần, và nó hợp với tôi cho đến một

ngày, trong những năm đen tối nhất của chủ nghĩa Cộng sản, tôi nhìn thấy những tín đồ Thiên chúa giáo bị bách hại, làm nhục. Trong một thoáng, chủ nghĩa vô thần ngang ngạnh của những năm tháng đầu tiên của tuổi thanh xuân vụt tan biến..." (Di chúc bị phản bội). Cuộc chiến đấu chống lại quyền lực hình như được bắt đầu bằng một mặc khải "đơn sơ" như thế đó. Tác phẩm của ông đầy rẫy những kinh nghiệm, của ký ức chống lại lãng quên. Cũng vẫn những chuyện tù đầy, vượt biên, tị nạn, mất nước, nhưng ông hiểu rất rõ, "hợp đồng" giữa người viết và người đọc phải được thực hiện "từ phía bên ngoài": Những câu chuyện được kể bắt buộc phải coi như chuyện dỡn chơi. Không được nghiêm trọng, cho dù đây là những chuyện chết người! Thí dụ ông kể chuyện này, trong "Cuốn Sách của Tiếng Cười Và Sự Lãng Quên": Trong một ngày lễ lớn, ông số một đứng trên bao lơn phủ dụ nhân dân, ông số hai đứng kế bên. Trời lạnh, ông số một quên không mang khăn. Ông số hai bèn lấy chiếc khăn của mình choàng lên người vị chủ tịch nước. ít lâu sau, ông số hai bị xử bắn vì tội phản quốc. Người ta bèn bôi bỏ hình của ông. Nhưng cái khăn thì vẫn còn đó!

Kundera, trích dẫn Octavio Paz, theo đó, diễu cợt (humor) là một phát minh lớn lao nhất của tinh thần hiện đại, khởi từ Rabelais. Bà mẹ của Gargantua vì ăn nhiều dạ dầy, người ta phải cho bà uống thuốc xổ. Thuốc mạnh quá, cái thai bị kéo theo, loay hoay một hồi, ra từ tai bà mẹ. Nhưng với hình dáng khổng lồ, Gargantua vẫn còn thuộc quá khứ của những chuyện kỳ quái, trong khi Panurge đến từ một tương lai chưa biết của tiểu thuyết. Phút sơ sinh khác thường của một nghệ thuật mới mẻ đã đem đến cho cuốn tiểu thuyết của Rabelais sự giầu sang; trong đó có đủ hết: cái đáng tin cũng như điều không thể tin cậy, ngụ ngôn, châm biếm, người khổng lồ, người thường, giai thoại, suy tư, du lịch thực, dởm... Tiểu thuyết gia "hôm nay" thừa hưởng gia tài thế kỷ 19, kèm theo niềm u hoài về một vũ trụ "hỗn mang, phức tạp", về sự tự do vẫy vùng trong đó, và tiểu thuyết là một hôn nhân giữa chuyện dỡn chơi, không nghiêm trọng và những điều chết người.

Trong lễ kỷ niệm 50 năm Cuộc Chiến Tranh Lớn 1939-45 kết thúc, nạn nhân sống sót tại những Lò Thiêu Người trở lại nơi chốn cũ, thắp lên những hàng nến tưởng niệm những người vĩnh viễn nằm tại đó. Elie Wiesel, một nạn nhân của trại tập trung Buchenwald, Nobel Hòa Bình 1986, đã cầu nguyện: Thượng Đế đầy yêu thương và đầy tha thứ, xin Ngài đừng tha thứ cho những kẻ phạm tội ác ở nơi đây.

Có thể vì Lò Thiêu Người khủng khiếp quá, không thể nói được, có thể 50 năm là một khoảng cách còn quá ngắn, và người ta vẫn chưa học

được một kinh nghiệm gì. Những người Việt Nam đã tha thứ từ lâu, nhưng cuộc chiến đấu chống lại sự lãng quên vẫn còn nguyên đó. Người viết tự hỏi Thế Giang đã quên được thằng người có đuôi, Milosz, người mang "gai", vướng "dằm", và chúng ta, như Kundera, đã quên được kinh nghiệm "nối vòng tay lớn" chưa...

"Tôi cũng đã từng nhẩy múa ở trong cái vòng tay lớn đó", Kundera thú nhận. Đó là năm 1948, những người CS vừa chiến thắng tại xứ sở của ông. Ông cũng nhập vào vòng tay lớn, hoa tay múa chân. "Chúng tôi tháng nào cũng nhẩy múa, bởi vì tháng nào cũng có một điều gì đó để mà ngợi ca, lễ lạc... Cho đến một ngày, tôi nói một điều không được nói, và lập tức tôi bị tách ra khỏi vòng tay lớn." Đến lúc đó, ông hiểu ra ý nghĩa của cái vòng tròn kỳ diệu. Khi tách khỏi hàng, ta còn có cơ may trở lại. Nhưng vòng tay lớn khép lại, và chẳng thể nào chui vô nữa. Không phải ngẫu nhiên, quỹ đạo của những hành tinh là những đường cong khép kín. Như một mảnh sao băng, ông cứ thế rơi mãi. Có người chết, vỡ ra từng mảnh, còn ông ở trong số những người luôn luôn giữ mãi, niềm u hoài về một vòng tay lớn đã mất. "Những Di chúc bị Bội phản" kết thúc bằng một kỷ niệm của tác giả, khi đọc "The Wild Palms" của Faulkner: Người đàn bà chết vì phá thai, người đàn ông ở trong tù, ông ta tính tự tử nhưng cuối cùng dẹp bỏ ý nghĩ đó: chỉ còn mỗi một cách là kéo dài cuộc đời này, cũng là cách gìn giữ người thân yêu, ở trong ông, qua hồi nhớ.

"Thượng Đế làm anh ta chết đi một trăm năm, rồi cho sống lại và nói: "Mi ở đây bao lâu rồi?" "Một ngày hay một phần của một ngày". (Koran, II, 261).

Và tôi (Kundera) hiểu được một điều, hồi ức không đem trả lại cho chúng ta những người thân yêu đã chết, nhưng nó là một chứng thực về sự trống vắng của họ, trong cái thực tại "lưu vong, mất nước" này.

"Mỗi năm, anh ta tự hỏi về cái điều anh ta đã được toàn mạng, và vậy là đủ để thấy mình hạnh phúc..."(Milosz)

Một vài kỷ niệm về Mai Thảo

Tính chất "gia trưởng", "quyền huynh thế phụ"... nhìn từ một khía cạnh nào đó, rất "đẹp"; và thật rõ nét, ở một số người Việt, nhất là khi họ phải tha hương, lưu đầy xứ người. Ngày giỗ, ngày Tết, dù có ở nơi đâu, chân trời góc bể nào, cũng cố tụ về một mối, nếu vắng bóng bậc sinh thành, thì hẳn là nhà của ông anh; anh cả, trong Nam gọi là anh hai. Khi nghĩ về Mai Thảo, tôi bỗng nhớ tới truyền thống kể trên, bởi vì, một cách nào đó, ông là "ông anh" của tôi.

"Chả là", Mai Thảo chơi với anh T., còn đám chúng tôi là bạn của Chất, em anh T. Nhà bà cụ là nơi cả đám thường tụ họp, nhất là ba tháng hè. Trong đám bạn của Chất, "có lẽ" tôi được cụ thương yêu nhất. Mới đây thôi đài truyền hình chiếu lại một phim hay thập niên 60, tôi lại nhớ tới cụ, và những lần Chất và tôi được cụ dẫn đi, khi về ghé bánh mì Ba Lẹ, Đa Kao. Hai đứa tôi còn một nguồn kinh tế "cao" hơn, "viễn trợ Mỹ", như Chất thường nói đùa, từ bà cô của anh, phu nhân đại tá Út, tỉnh trưởng một tỉnh miền Tây. Mỗi lần bà về Sài-gòn là một ngày hội lớn đối với tụi tôi.

Tôi đọc Zhivago sau cụ. Bản dịch của Hội Bảo Vệ Văn Hoá gì đó. Một trong những cuốn sách vỡ lòng của tôi. Sau này, thời gian báo Dân Chủ của Vũ Ngọc Các thì phải, anh T. có kêu tôi phụ trách trang văn nghệ. Bài viết "phê bình" đầu tiên của tôi, là về cuốn Sau Cơn Mưa của Lý Hoàng Phong. Tôi coi đây là bản "phác họa" một Zhivago, và cô Hà ở trong đó là một Lara thật khiêm tốn của Việt Nam.

Có những chuyện cụ chỉ kể cho tôi nghe. Bao nhiêu năm, đi cũng "kể như xong", cuộc đời, tôi mới hiểu được, những chuyện "lặt vặt", kỷ niệm những ngày nghèo khổ, khi Chất và anh T. còn nhỏ... tất cả đều chứa chan một lời khuyên, đối với một thằng bé có quá nhiều mặc cảm đối với người thân, xứ Bắc kỳ, thời thơ ấu khổ cực... Cụ nhìn ngay ra "thằng bé" bị "dị ứng" đối với những người giàu có.

Một cách hết sức chủ quan, và vẫn theo truyền thống "gia trưởng", tôi nghĩ bà cụ anh T. là "tinh thần" của nhóm Sáng Tạo. Bạn bè của anh T. coi bà cụ như "chỗ dựa tinh thần", ít nhất thì cũng ở các anh Ngọc Dũng, Trần Lê Nguyễn... Không chỉ là chỗ dựa tinh thần, mà còn cả về vật chất. Những ngày báo chí chưa "nở rộ", Ngọc Dũng còn độc thân, và chưa "nổi danh" là "Tuýt", khi làm cho Chính Luận, anh vẫn thường phải chạy tới cụ để xin tiếp tế gạo.

Trong nhóm Sáng Tạo, đám chúng tôi "thân" nhất với anh. "Anh T., "nghiêm" quá. Mai Thảo, "xa" quá, Doãn Quốc Sĩ, thầy Việt văn của tôi, khi học Đệ Tứ trường Thành Công của thầy Chu Tử, ở khu Hòa Hưng. Chu Tử khi đó là giáo sư Pháp văn.

Tôi biết nhóm Sáng Tạo, trong có Mai Thảo từ những ngày đó. Và tất nhiên, như Chất, Sủng... cả đám chúng tôi cùng mê "Dòng sông định mệnh", của Doãn Quốc Sĩ. (Đâu có thể ngờ, bao nhiêu năm sau, người Việt lưu vong mới thấy thấm, sông chẩy ra biển hết rồi, còn sông nào nữa đâu...). Cùng mê "bản chúc thư" của Mai Thảo, bởi vì mỗi đứa trong bọn đều ôm ấp riêng một "ngọn đỉnh trời". Với Chất, là một cuộc sống ấm êm, hạnh phúc, gần bên bà cụ, bởi vì "việc lớn" thôi để cho anh T. lo. Đối với tôi, một cách mơ hồ, là một ngọn đỉnh trời "sáng tạo" khác. Ôi chao, khi

"người ta" hai mươi tuổi, thật là "nghiêm trọng". (Baudelaire).

Tôi chỉ "trực tiếp quen" Mai Thảo, khi xuống tòa soạn báo Nghệ Thuật, lãnh tiền nhuận bút truyện ngắn đầu tay. Và Thanh Nam, Viên Linh cũng từ ngày đó. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên với nét chữ Mai Thảo, "tặng Sơ Dạ Hương", là "Viên Đạn Đồng Chữ Nổi", trước đó đăng từng kỳ trên Nghệ Thuật. Khung cảnh truyện, nếu tôi nhớ không lầm, là vùng Sơn Tây, quê tôi. Ông hỏi tôi, đại khái, lấy đâu ra cái tên "bà sơ". Tuy "mê" văn chương, nhưng "thâm tâm" hình như vẫn cầu mong, đây chỉ là chuyện qua đường, tựa hồ anh chàng bị cú sét đánh, vẫn cố gượng, chưa chết đâu, chưa chết đâu. Vả chăng, trong bút hiệu, chỉ có một chữ là có nghĩa "bị sét đánh". Rồi tình cờ, đọc "Lâu Đài Họ Hạ", truyện của Hoffman, Vũ Ngọc Phan dịch, trong có tên bà hầu tước Sơ Dạ Hương, tôi bèn mượn luôn.

Nghệ Thuật chết, tôi quay qua viết cho Văn. Rồi Văn Đề ra đời; một bữa ngồi quán Cái Chùa, Mai Thảo ghé, đề nghị tôi giữ mục Tạp Ghi. Tôi sau đó "hay" gặp Mai Thảo là vậy. Và thường là ở quán Cái Chùa, vào những buổi sáng. Anh thường tới sớm, và bỏ đi cũng rất sớm. Có bữa, gọi cà phê xong, anh cắm cúi ngồi viết, cười cười giải thích, bài feuilleton chưa đưa. Một lát sau, thấy một anh thợ sắp chữ chạy vào quán. Tuy là một người gần như suốt đời "hệ luỵ" với văn chương, nhưng mỗi lần gặp anh, tôi như nghe anh "giao hẹn trước": Đừng nói chuyện đó, chán lắm! Câu chuyện có khi về một "chi tiết" trong một phim vừa chiếu trên màn ảnh Sài-gòn, thí dụ như hiệp sĩ mù "ngắm" mặt trời mọc, hoặc hiệp sĩ mù thích thú kêu lên: "À con trai", khi bế một đứa nhỏ, và "được" nó "tè" vào mặt!

Tuy báo là của Vũ Khắc Khoan, nhưng gần như chẳng bao giờ tôi gặp thầy cũ, bài vở đều qua Mai Thảo. Có lần, anh bảo, Vũ Khắc Khoan nói, mục Tạp Ghi nên thêm những "tin văn trong nước", nhưng cuối cùng anh lại đưa ý kiến, thôi cứ viết gì thì viết.

Sau này, với Sổ Tay trên Văn, Mai Thảo thường viết về những tác giả Việt Nam, có thể là vì ông nghĩ, đó là cách thúc đẩy văn chương "tiến lên". Ông là người rất trân trọng những người mới. Có lần, vẫn ở quán Cái Chùa, sau khi thấy một người khách ra về, đi phải chống nạng, ông chạy ra. Sau này tôi được biết, đó là Huy Tưởng. Đây cũng là "tinh thần" của nhóm Sáng Tạo. Huỳnh Phan Anh kể chuyện, lần làm tập san văn nghệ cho Đại Học Sư Phạm Đà Lạt, trong có bài viết về cuốn Yêu của Chu Tử; tác giả sau đó nhận được thư của Thanh Tâm Tuyền. Ngoài chuyện "đánh giá cao", hình như ông còn đề nghị, sau này nếu có dịp sẽ mời viết, cho một tờ báo Sáng Tạo, nào đó, trong tương lai, nếu tục bản. Với Văn Đề, tôi

cũng còn có một kỷ niệm nho nhỏ, ngồ ngộ. Đó là khi báo thêm mục "bài viết trang bìa". Mục này, là do Thanh Tâm Tuyền "nghĩ ra", để kết thúc một số báo và đồng thời mở ra số mới. Một bữa anh T. hỏi tôi, báo xong chưa, tôi trả lời, xong rồi, chỉ còn thiếu bài viết trang bìa, anh bật cười.

Virginia Woolf, trong 5 bài essays nho nhỏ về thành phố của bà, (The London Scene), có đưa ra một nhận xét: London, may mắn thay, đầy những nhà của Great Men, với đầy đủ những "trò lẩm cẩm", nào là cái ghế họ ngồi, cái ly họ uống cà phê... Chúng ta tới căn nhà của Dickens, không phải hoàn toàn vì tò mò, mà để nhận ra một điều: có thể họ cũng chẳng có một khiếu thẩm mỹ gì ghê gớm lắm, nhưng những "dấu ấn" của họ lên những đồ vật thật rõ nét. Cách họ sắp xếp bàn ghế, nhà cửa... làm sao cho chúng là một phần của họ. Chỉ cần một giờ là chúng ta có thể biết nhiều về họ, hơn những gì chúng ta được biết từ những cuốn tiểu sử dầy cộm. Không hiểu, những miếu đền, những ngàn chương sử, mà tác giả "mơ ước" đó, là về ông, hay về Đại Sài-gòn, trong có quán Cái Chùa, hay về Tiểu Sài-gòn, có căn phòng, có một ông già bịnh, chẳng bao lâu, ta sẽ là cả thế giới...("Bientôt, je serai tout le monde. Je serai mort", Borges). Mai Thảo với tôi là một Nguyễn Tuân "khác". Không có sự trầm trọng đến trở thành khắc nghiệt, tàn nhẫn. Trong một phim đánh kiếm mà tôi được coi từ hồi còn ở Hà-nội, Scaramouche, ông thầy dậy nói với học trò, tài tử Stewart Granger: Kiếm như chim trời. Cầm chặt quá, nó nghẹt thở. Nhẹ quá, nó bay mất. Chặt quá, là trường hợp Nguyễn Tuân. Cuối cùng cả người viết lẫn thể văn tùy bút đều bị nghẹt thở trong chiếc chuồng giam xã hội chủ nghĩa. Mai Thảo, thơ văn của ông, theo tiếng còi trên sông Hồng, tựa như "dáng chiều và cánh cò đơn chiếc cùng bay..."❐

** Bạn đã đọc những bài biên khảo và nhận định sử học độc đáo của Tạp Chí Đại Trường trên Văn Học suốt mười năm qua?*

** Bạn đã yêu thích lối viết đầy sáng tạo của Tạp Chí Đại Trường qua "Lịch Sử Nội Chiến..." và "Thần, Người Trên Đất Việt"?*

** Bạn không thể không tìm đọc tác phẩm mới nhất của*
Tạp Chí Đại Trường:

Những bài dã sử Việt

Sách dày 430 trang. Giá 20 Mỹ kim.
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành

Ý kiến bạn đọc

● **Về cuộc tranh luận về thơ trên Văn Học 134.**

Đọc Văn Học số 134, tôi thấy Đỗ Minh Tuấn đã phê bình rất đúng khi cho rằng Nguyễn Hưng Quốc đã sai lầm lúc cho bài thơ Con Cóc là một bài thơ hay.

Lúc đọc cuốn "Thơ, v.v và v.v..", tôi đã cảm thấy hơi khó chịu về điều mà ông Đỗ Minh Tuấn phát hiện. Tôi không hiểu tại sao một nhà phê bình tài hoa như ông Nguyễn Hưng Quốc lại "quá đà phóng bút" tìm đủ mọi cách để chứng minh bài thơ Con Cóc là một bài thơ hay. Điều này làm ông Tuấn đã mỉa mai là ông Quốc đang tìm mọi lý lẽ thuyết phục mọi người là Thị Nở xứng đáng được phong làm...hoa hậu. Có lẽ nếu Nguyễn Hưng Quốc dùng lối phê bình trào phúng để nói lên điều trên thì không có ai phản đối cả. Tiếc rằng ông đã dùng những lời lẽ rất trang trọng, nghiêm chỉnh, nhằm chứng minh bài thơ Con Cóc là một bài thơ hay. Ông bị phê phán là đúng rồi! Bài thơ Con Cóc "bất tử" vì nó dở quá, tìm cách chứng minh nó là bài thơ "bất hủ" chỉ đem lại trò cười cho tao nhân mặc khách mà thôi.

Trước đây trên Văn Học cũng có hai bài trao đổi của Trần văn Tích (Đức) và Nguyễn Quảng Tuân (Việt Nam) về thời điểm Nguyễn Du viết Truyện Kiều. Chuyện người trong nước và người hải ngoại trao đổi ý kiến về một vấn đề văn học là một chuyện đáng hoan nghênh. Chỉ thấy có một vấn đề lấn cấn là: Bao nhiêu người đọc trong nước có cơ hội để đọc được bài của Bác sĩ Trần văn Tích, cũng như cuốn "Thơ, v.v. và v.v..." của Nguyễn Hưng Quốc. Nói mà không sợ sai lầm là hiện hay cuốn "Thơ, v.v. và v.v..." cũng như tạp chí Văn Học (hải ngoại) vẫn còn là thứ thơ văn "quốc cấm" tại Việt Nam. Có đọc được chăng, chỉ có những cán bộ văn hóa có thẩm quyền như Đỗ Minh Tuấn, hoặc nhà nghiên cứu văn học

Nguyễn Quảng Tuân, còn dân chúng thì còn lâu mới đọc được thứ sách báo "cấm kỵ" này.

Hy vọng sẽ có ngày hai ông Đỗ Minh Tuấn và Nguyễn Quảng Tuân có bài bàn luận về nghệ tuật trong tập thơ "Hoa Địa Ngục" của Nguyễn Chí Thiện. Có thế mới chứng minh nổi chính sách Đổi Mới và Cởi Trói của nhà nước Việt Nam hiện nay.

Thái Chính Châu, Hawthorne, California.

● Đề nghị thêm mục Hương Xa

Về nội dung Văn Học, xin cho phép tôi được trình bày với Anh Chị như thế này:

1- Chỉ muốn xin thêm khoảng, ít nhất từ 10 tới 15 trang mỗi số báo, giành cho mục tạm gọi là "Hương Xa", chuyên giới thiệu các bài thơ và truyện ngắn, loại mới, của từng quốc gia mà người mình định cư.

2- Tôi biết rất rõ nhiều người viết trẻ tuổi tại các nước Ba Lan, Tiệp, Hung, Đức... đã và đang dịch các tác phẩm từ ngôn ngữ "quê hương thứ hai của họ" sang tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Ngay tại Na Uy này, cũng còn có vài ba người làm việc đó, tôi tính giới thiệu họ với báo nhà. Thí dụ hiện nay người Na Uy có một tác giả trẻ, viết cuốn Sofies Verden (Thế Giới của Sofie), riêng tại Na Uy đã tái bản cuốn đó, tính tới năm ngoái, 17 (mười bảy) lần. Sách được dịch sang nhiều thứ tiếng, khoảng vài chục ngôn ngữ, mới đây sách vừa được dịch sang tiếng Đại Hàn, 200 ngàn ấn bản bán hết veo trong tháng đầu.

3- Tới đây, hẳn Anh Chị rõ, người mình ở khắp mọi nơi trên thế giới, nhưng văn học, thông qua thơ truyện, rất nhiều quốc gia, chúng ta chưa biết tới, hoặc biết chưa rõ.

Tại sao đề nghị như vậy? Xin thưa, vì các lẽ xa, gần sau:

1/ Tạp chí văn học nghệ thuật ở hải ngoại không nhiều, việc giới thiệu văn học thế giới, còn lẻ tẻ, chưa đặt thành sự cần thiết, làm giàu tinh thần cho Việt Nam.

2/ Cơ hội bằng vàng, dù chúng ta bất hạnh phải sống xa quê hương, trong nước không làm nổi việc giới thiệu cả "vườn hoa văn nghệ quốc tế", vì nhiều lý do. Thơ Tầu, Pháp, Nhật được người mình biết nhiều. Nhưng thơ Hy Lạp, Do Thái ngày nay ra sao? Trong sự "biết nhiều", thơ Tầu chẳng hạn, thơ mới của Lục Địa, Đài Loan thế nào, hay chỉ rành thơ Đường?

3/ Báo nhà sẽ đặc sắc hơn, không chỉ như thông lệ một tờ văn học nghệ nghệ thuật, kiểu "Sài Gòn nối dài". Được đọc thơ tình, thí dụ vậy,

các nước, thích lắm anh chị ơi. Thơ tình Trung Đông, cổ như bài Diệu Ca trong kinh Thánh, tuyệt vời, rất ít người để ý, kể cả một số bà con Công giáo! Báo nhà sẽ "bắc bậc" cho nhiều các cây bút trẻ tuổi từ "dịch thuật" các tác phẩm văn học để đi tới "sáng tác văn học".

Nguyễn Hữu Nhật, Na Uy

Yêu THƠ, xin hãy trở về với THƠ,
tiếng nói văn chương tình tự nhất của Dân Tộc.

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Băng Thơ Vi Khuê 1

với sự góp mặt của những TÊN TUỔI THƠ rất được ái mộ trong và ngoài nước (Tao Đàn miền Nam trước 1975)

THƠ: Vi Khuê

DIỄN NGÂM: Hồng Vân, Mai Hiên, Huyền Trân, Thúy Vinh, Tô Kiều Ngân, Đoàn Yên Linh, Bảo Cường.

ĐÀN SÁO: Thạch Cầm, Thúy Hạnh
(đàn tranh - đàn bầu)

Tô Kiều Ngân, Bảo Cường
(sáo trúc)

LỜI GIỚI THIỆU: Đoàn Yên Linh

TRÌNH BÀY BÌA: MATEO Studio & Bùi Linh

Băng thơ 90 phút, với Lời Đề Tặng và Chữ Ký của tác giả. Xin liên lạc

gia:6mk+1mk

Vi Khuê
5649 Mt. Burnside Way
Burke, VA 22015 USA
ĐT: 703 425-1751

hộp thư

● Thư từ liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Bibliotheque Nationale de France, Lê Tấn Phước (Kaneohe, HI), Trương thị Mỹ Nam (Chipping Norton NSW Australia, đổi địa chỉ), Hiệp Phạm (Houston, TX), Chung Phước Khánh (Malden MA), Trần Đức Hoan (Westminster CA), Library of Congress D.C., Lê Bửu Tấn (F.V. CA), PBCC Co. (Norwalk CT), Thêm Hồng (La Habra CA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Lâm Minh Tài (San Jose CA), NP Vietnamese Book (NSW Australia), Vi Khuê (Burke VA), Nguyễn văn Tâm (Vienna VA), Điệp Mỹ Linh (Alief, TX), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Xuyên Lại (Seattle WA), Đỗ Cẩm Vy (Anaheim CA), Tôn Thất Khoát (Santa Ana CA), Trần Đài Trang (Sacramento CA), Thao Nguyen (Huntsville AL), Nguyễn Nguyên Thanh (Berlin, Germany)

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Thư của Ô. Võ Thu Tịnh, Paris France, "Thảo Nguyên", "Bài oán thi- Đêm phương Nam" gửi từ Dallas TX, "Thi sĩ và người làm vườn" gửi từ Issaquah WA, "Hoa cau" gửi từ Denver CO, Tape về NHT gửi từ San Jose CA, "Huế mưa" gửi từ Emporia KS, "Buổi tối trong làng Om-Xà-No", "Từ thơ tuồng Trương Ngáo đến niềm tin tín cúng" gửi từ Port Arthur TX, "Thư của TCC" gửi tử Hawthorne CA, Thư của Department of Thnic Studies Berkeley CA, "Tâm thức trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương" gửi từ Worcester MA, "Một khoảnh khắc kéo dài trong đời tôi", "Hồi tưởng", "Một ngàn đóa hoa không đủ tặng người con gái Bắc Ninh" gửi từ Los Angeles, CA, "Một đời" gửi từ El Monte CA, "Uống rượu một mình, và..." gửi từ Atlanta GA), "Giải quyết cấp thời" gửi từ Dorchester MA, "Soi gương" gửi từ Orlando FL, "Gói tròn nỗi nhớ", "Nửa tuần trăng mật", "Vầng trăng giữa sách" gửi từ Ontario Canada, "Kiếp sinh viên" gửi từ Westminster CA, "Gửi lại những thân yêu", "Huyền thoại Hoa và Em" gửi từ Huntsville AL

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để

tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

● Nhắn tin:

Lê Hoài, Seattle WA: Nhận được thư ông, chúng tôi vội viết thư trả lời về địa chỉ nhà thơ ông hỏi, cùng chỉ dẫn về cách và nơi mua tập thơ. Nhưng khi đề tên người nhận thư, thì hỡi ơi, chúng tôi khám phá ra rằng ông không đề địa chỉ của ông, trong cũng như ngoài phong bì. Đành chịu, và xin nhắn vài hàng ở mục Hộp thư vậy.

● Đính chính:

Ông Nguyễn Vy Khanh, tác giả bài nghiên cứu về "Bốn mươi năm văn học chiến tranh" đăng trên hai số Văn Học 133, 134 xin đính chính:

"Trên Văn Học số 134, ở hai trang 56 và 57, tác giả có vô ý xếp lộn thơ trích của hai nhà thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn và Lâm Hảo Dũng. Xin bạn đọc sửa lại như sau:

"Nguyễn Đức Bạt Ngàn với Bình Minh Câm, Giữa Triền Hạn Reo, Từ Giã Ngày (1989):

"...hãy bình tâm đi em dù còn lắm nỗi thương đau
....hòa bình hạnh phúc muôn năm"
(Nhật ký biển)

Lâm Hảo Hũng với Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà, Đi Giữa Thời Tan Nát, là những kỷ niệm của người lính Cộng hòa, những hành trình trong chiến tranh nhưng chủ yếu là những hoài niệm về thời gian và nơi đã mất. Cảnh Sài Gòn năm năm đi cải tạo trở về:

"...Năm năm trở lại Sài Gòn
nghẹn ngào nhìn bao đổ nát...
(Năm năm trở lại Sài Gòn)

Tác giả và Tạp chí Văn Học trân trọng cáo lỗi cùng quí bạn đọc.

sách mới

🕮 *Mười ba năm tranh luận văn học (1932-1945)*

Tài liệu sưu tập của Linh mục Thanh Lãng, Văn Học (VN) xuất bản, bản in lại ở hải ngoại dày 3 tập, tổng cộng 1650 trang, do nhà Văn Nghệ tổng phát hành. Giai đoạn văn học 1932-1945 có nhiều biến chuyển quan trọng, đặc biệt là sự phát triển của văn chương quốc ngữ với Thơ Mới và Tiểu thuyết, cũng như sự nở rộ của Báo chí và ngành Xuất bản. Vai trò của Tự Lực Văn đoàn cũng là một chủ đề lớn trong giai đoạn này. Nhưng sự thực về sinh hoạt chữ nghĩa của thời ấy ra sao, ít ai có điều kiện để biết. Sưu tập công phu và đồ sộ của LM Thanh Lãng về những cuộc tranh luận diễn ra trên báo chí thời đó sẽ

giúp cho bạn đọc có một cái nhìn chính xác và sinh động hơn về giai đoạn văn học quan trọng này. Giá toàn bộ 3 tập là 50 MK. Liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 *Câu Nam ai thất lạc*

Tập truyện ngắn và ký của Hồ Minh Dũng, Văn Mới xuất bản, bìa Khánh Trường, phụ bản Đinh Cường, Khánh Trường, Hồ Đắc Ngọc, sách dày 200 trang, giá 10 MK.

Bạn đọc đã đọc nhiều truyện ngắn của Hồ Minh Dũng trên Văn Học, có lẽ đã nhận ra nét riêng biệt trong bút pháp và thể tài ông chọn. Không giống với các nhà văn đã thành danh ở Miền Nam trước 1975 sang sau qua các đợt HO, Hồ Minh Dũng không viết chuyện lao tù, cải tạo, chuyện thời thế...Ông khai thác trở lại những chuyện thâm cung triều Nguyễn, dùng trí tưởng tượng tái tạo lịch sử theo quan điểm của mình, kéo lịch sử xuống gần với đời thường. Ông đã thành công với một số truyện viết theo khuynh hướng này.

Sách do nhà Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 *Rong biển*

Tác phẩm thứ nhì được xuất bản của một nhà văn nữ ở Pháp: Trần thị Diệu Tâm, do An Hiên xuất bản, Tựa của Tiến sĩ Lê Đình Thông, tranh bìa của Họa sĩ Phạm Tăng, sách dày 260 trang, giá 80 Francs, hoặc 16 MK. Sách gồm hai phần: Phần Một gần 130 trang là bảy chương của truyện dài Rong Biển, Phần Hai là 7 truyện ngắn.

Trả lời phỏng vấn của ký giả Từ Nguyên ở Paris trong buổi ra mắt sách do Trung tâm Văn bút VN Hải ngoại tại Âu châu bảo trợ, tác giả cho biết: "Chiến tranh và tình yêu không phải là hai chủ đề của tập truyện. Tập truyện có chủ đề chính là tình yêu. Tình yêu qua chiến tranh, tình yêu qua thù hận, qua lưu lạc, qua nghịch cảnh, qua tuyệt vọng và hy vọng"

Địa chỉ liên lạc mua sách:
Mme Tran thi Dieu Tam
158 Boulevard Masséna
75013 Paris, France.

🕮 *Ông Kỳ lân*

Tập truyện ngắn của Trần Long Hồ, bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản Đinh Cường, Minh Văn xuất bản, sách dày 200 trang, giá 11 MK. Tác phẩm gồm 5 truyện ngắn mới của tác giả bộ trường thiên Dung Thân, và khác với những tập truyện ngắn trước của Trần Long Hồ như Ngày Quanh Quẩn (1991), Niềm vui ung thư (1992), Kẻ đào mồ (1993), Người chị (1995), hình như trong tập này tác giả muốn thử một lối viết khác: dùng chuyện xưa để nói về chuyện nay, pha trộn hư thực để thành một thứ hiện thực khác với lối mô tả hiện thực sống động lâu nay là sở trường của Trần Long Hồ.

Địa chỉ liên lạc: Minh Văn

2808 Graham Rd.
Falls Church VA 22042
Phone: 703-698-8490
Fax: 703-204-9239
email: qttran@mindsprings.com

📖 ***Chung cuộc***

Tập truyện của Khánh Trường, Tân Thư xuất bản, tác giả trình bày bìa, tranh Đinh Cường, phụ lục bài phỏng vấn Khánh Trường của Nguyễn Mạnh Trinh, sách dày 230 trang, giá 14 MK. Tác phẩm gồm 8 truyện ngắn Khánh Trường mới viết trong vài năm gần đây: Vẫn còn khoảng trống trong bộ sưu tập, Những mảnh đạn, Mất phượng, Chung cuộc, Thằng nhược tiểu, Những vòng tròn không đồng tâm, Tòa lâu đài cổ, Cỏ. Như tác giả trả lời Nguyễn Mạnh Trinh trong bài phỏng vấn in cuối sách, những truyện ngắn Khánh Trường là những cách phản kháng, bằng dục tính và chính trị.

Địa chỉ liên lạc: Tân Thư
P O Box 277 Garden Grove
CA 92842, USA
Phone: 714-537-5229.

📖 ***Băng thơ Vi Khuê***

do tác giả thực hiện với một số bạn thơ ở Việt Nam, Đoàn Yên Linh giới thiệu; Thạch Cầm, Thúy Hạnh đàn tranh đàn bầu; Tô Kiều Ngân, Bảo Cường thổi sáo; Bùi Linh trình bày bìa. Giọng ngâm thơ của Bảo Cường, Hồng Vân, Thúy Vinh, Tô Kiều Ngân, Đoàn Yên Linh, Huyền Trân, Mai Hiên, đa phần là những giọng ngâm nổi tiếng từ chương trình Tiếng thơ Tao Đàn trên Đài phát thanh Sài gòn trước 1975. Mười sáu bài thơ tiêu biểu của thi nghiệp Vi Khuê trong băng thơ này là: Bài thơ xanh, Thiên đường nhỏ, Tôi ra thành phố biển, Vườn, hoa vào thu, Thạch bình thôn, Mai mốt tôi về, Trưa ở Virginia, Mà thương đến cả vệ đường hoa, Giọt lệ, Hoang vu, Chao ôi, Bà hàng xóm Mỹ, Buồn sa, Ôi tiếng gà trưa và bóng mẹ, Võng mẹ, Dâng áo lụa ngà. Một băng thơ thực hiện công phu.

Địa chỉ liên lạc: Vi Khuê
5649 Mt. Burnside
Burke VA 22015
Phone: 703-425-1751
Giá 6 MK + 1 MK cước phí.

gửi các bạn đọc mua báo dài hạn

Xin quí bạn tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tmã số của độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: 7/**1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 7 năm 1997**.

đón đọc tập truyện ngắn

tự truyện

phá thể tiểu thuyết của nhà văn

đặng phùng quân

Nhân Văn xuất bản
sẽ phát hành vào tháng Sáu 1997

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Nếu không tìm thấy ở các hiệu sách địa phương, xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Truyện ngắn khánh trường

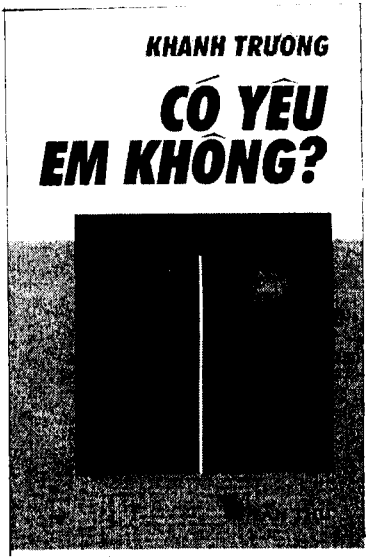

CÓ YÊU EM KHÔNG?

Bìa tác giả
Bản tiếng Việt tái bản lần thứ nhất
Giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK

Liên lạc:
Nhà xuất bản TÂN THƯ
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714)537-5229

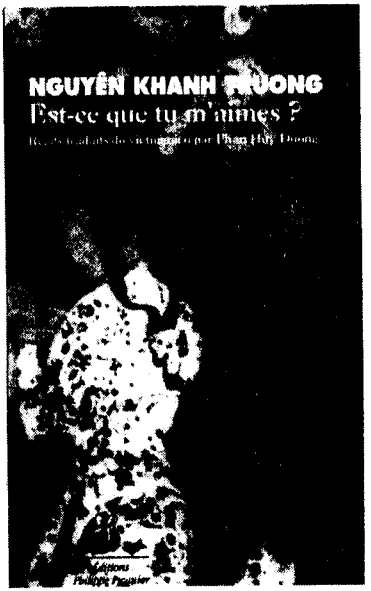

EST-CE QUE TU M'AIMES?

Chuyển sang Pháp ngữ:
PHAN HUY ĐƯỜNG

Bìa Trần Văn Cẩn
Giá 125F.

Liên lạc:
Éditions Philippe Picquier
Mas de Vert, 13200, Arles,
France

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Lời Của Quá Khứ
Tập truyện của Khế Iêm.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 120 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

Sống Và Viết
Tùy bút của Võ Phiến,
Sách dày 170 trang, giá 10.00 Mỹ Kim.

NGƯỜI ĐÀN BÀ SAU TẤM QUẢNG CÁO
Tập truyện của Hoàng Thị Bích Ti
Gồm 10 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim

Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện của Hồ Minh Dũng
Sách dày 200 trang, giá 10.00 Mỹ Kim

Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Sách dày 140 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

Hồi Ký Chính Trị của
VŨ THƯ HIÊN

- *Sự thật về "Nhóm Xét Lại Chống Đảng"*
- *Bí mật hậu trường về những cuộc tranh chấp cung đình*
- *Hấp dẫn, trong sáng và giản dị*

Muốn biết rõ xã hội Việt Nam từ những năm 30 trở lại đây không thể không đọc

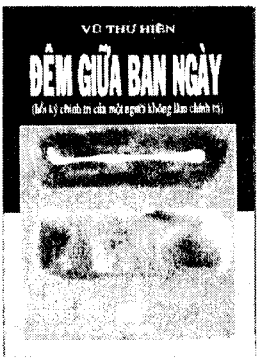

Giá 28 MK/ Ngoài Hoa Kỳ thêm 5 MK cước phí
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
PO BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683. ĐT [714] 527-5761

VĂN MỚI

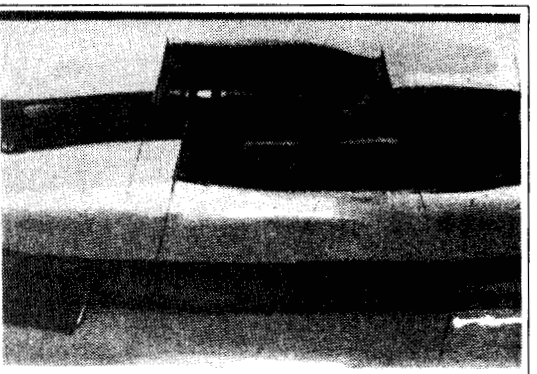

Kéo Neo Mà Chạy

Tập truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Sách dày 140 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc

nhà phát hành VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 527-5761

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn

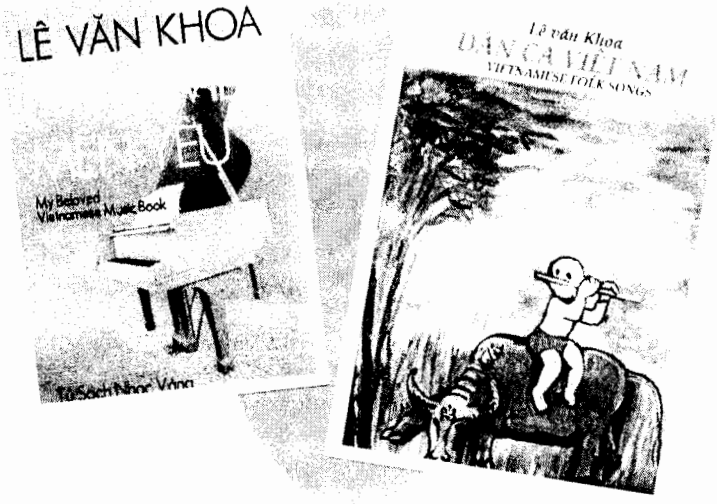

Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com • Web : http://kicon.com/vaala
Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com • Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.

* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00